

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

VIỆN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÙNG NAM BỘ

NGUYỄN THỊ MỘNG TUYỀN

PHONG TRÀO ĐẤU TRANH

**CỦA CÔNG NHÂN CAO SU THỦ DẦU MỘT
TRONG 30 NĂM CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG
(1945 - 1975)**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC LỊCH SỬ

Chuyên Ngành:

Lịch sử Việt Nam cận đại và hiện đại

Mã Số: 62 22 54 05

Tập thể hướng dẫn khoa học:

PGS.TS. Võ Văn Sen

PGS. TS. Hồ Sơn Đài

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2009

MỞ ĐẦU

0.1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI – MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

Công nhân cao su Thủ Dầu Một là một bộ phận của giai cấp công nhân Việt Nam. Trong lịch sử ba mươi năm chiến tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp từ năm 1945 đến năm 1975, công nhân cao su ở Thủ Dầu Một là lực lượng chính trị, là một trong những “đội quân chủ lực” của phong trào cách mạng ở địa phương. Phong trào đấu tranh của công nhân cao su tại đây đã diễn ra sớm, quyết liệt, lâu dài và được thế giới biết đến nhiều nhất. Những cuộc đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc của họ mãi mãi đi vào lịch sử vẻ vang của dân tộc ta.

Trong ba mươi năm chiến tranh từ năm 1945 đến năm 1975, mọi diễn biến của phong trào công nhân cao su Thủ Dầu Một đều có ảnh hưởng đến phong trào công nhân cao su toàn xứ. Tìm hiểu phong trào đấu tranh của công nhân cao su Thủ Dầu Một thời kỳ từ năm 1945 đến năm 1975 là tìm hiểu một bộ phận của phong trào công nhân cao su Nam Bộ, qua đó làm sáng tỏ những đặc điểm, vị trí, thành tích đấu tranh và vai trò của họ trong hai thời kỳ kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ.

Trong quá trình đấu tranh cách mạng, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, đội ngũ công nhân cao su Thủ Dầu Một ngày một trưởng thành, nhất là sự vững vàng về nhận thức xã hội, về ý thức giai cấp, ý thức cách mạng.

Ngày nay, trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, đội ngũ công nhân cao su trên địa bàn tỉnh Thủ Dầu Một xưa, nay thuộc hai tỉnh Bình Dương và Bình Phước là một trong những lực lượng vẫn luôn đi đầu trong việc xây dựng kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội ở địa phương.

Lê nin – Lãnh tụ vĩ đại của giai cấp công nhân thế giới đã chỉ rõ: “Đối với người công nhân giác ngộ không có nhiệm vụ nào quan trọng hơn nhiệm vụ hiểu biết phong trào của chính giai cấp mình, hiểu biết bản chất, mục đích, nhiệm vụ, điều kiện và những hình thức hoạt động thực tiễn của phong trào đó”[75;12].

Chúng tôi chọn đề tài “*Phong trào đấu tranh của công nhân cao su Thủ Dầu Một trong 30 năm chiến tranh giải phóng từ năm 1945 đến năm 1975*” để nghiên cứu, nhằm minh chứng vai trò và ảnh hưởng của đội ngũ công nhân cao su trong cuộc kháng chiến 30 năm. Lịch sử hình thành và phát triển các đồn điền cao su ở Thủ Dầu Một

xưa chính là lịch sử đấu tranh, lao động sản xuất của đội ngũ công nhân cao su sinh sống trên mảnh đất này. Trong từng thời kỳ, bằng sức lực, lòng quả cảm và sự hy sinh, họ đã chinh phục thiên nhiên, chống ngoại xâm, đấu tranh chống áp bức bóc lột... để bảo vệ, xây dựng xứ sở. Họ là những bậc tiền hiền, hậu hiền đáng tôn trọng, đã góp phần lớn công sức của mình vào việc đánh thắng Pháp, đánh thắng Mỹ. Xuyên suốt các thời kỳ lịch sử, đội ngũ công nhân cao su ở xứ sở này tiếp tục truyền thống của cha ông, đem trí tuệ, công sức của mình để tạo dựng hào khí cho một vùng đất năng động, phát triển bền vững.

Việc nghiên cứu này còn nhằm tổng hợp lại những thành quả của đội ngũ công nhân cao su tại Thủ Dầu Một xưa; ghi nhận những đóng góp của họ cho cuộc kháng chiến của Nam Bộ, của cả nước trong giai đoạn lịch sử này. Đồng thời đúc kết, rút ra một số đặc điểm, kinh nghiệm và bài học lịch sử cho sự nghiệp thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở địa phương ngày nay; cung cấp tư liệu cho việc giáo dục lịch sử truyền thống đối với thế hệ trẻ; góp phần gợi nhớ và ghi ơn thế hệ trước, để công nhân ngày nay làm tốt nhiệm vụ kế tục vẻ vang là nỗ lực làm giàu cho đất nước, bảo vệ thành quả cách mạng.

0.2. LỊCH SỬ NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ

Đề tài “phong trào đấu tranh của công nhân cao su Thủ Dầu Một trong 30 năm chiến tranh giải phóng từ năm 1945 đến năm 1975” là một vấn đề lớn, đã từng là mối quan tâm nghiên cứu của không ít cá nhân, cơ quan trong và ngoài nước.

Trước đây đã có nhiều công trình nghiên cứu và bài viết về công nhân cao su Thủ Dầu Một dưới nhiều góc độ khác nhau.

Trước năm 1954 có một số sách báo tiếng Pháp như cuốn: *Economie agricole de L’Indochine*, Hà Nội 1932 của Yves Henry, *Problèmes du travail en Indochine*. Bureau international du travail, Genève 1937 của Goudal..., các tờ báo: *Echo Annamite*, báo *La volonté indochinoise*, báo *Climats...* và một số báo tiếng Việt như báo *Tiếng Dân*, báo *Phụ Nữ Tân Văn...* đề cập đến chế độ mộ phu cao su, chính sách cai trị của thực dân Pháp, hoàn cảnh sống của người công nhân cao su, một số cuộc đấu tranh của công nhân cao su ở các đồn điền Nam Bộ.

Sau năm 1954, các công trình nghiên cứu về giai cấp công nhân Việt Nam ở trong nước trước hết phải kể đến bộ *“Lịch sử giai cấp công nhân Việt Nam”* (Nxb Sự Thật - Hà Nội, 1958) của Giáo Sư Trần Văn Giàu. Đây là công trình nghiên cứu chuyên sâu về quá trình hình thành và phát triển của giai cấp công nhân Việt Nam. Công trình này có giá trị rất lớn không những đối với giai cấp công nhân mà đối với lịch sử dân tộc, lịch sử Đảng và lịch sử tư tưởng Việt Nam. Trong bộ sách này, tác giả đã chỉ rõ mối liên hệ giữa lý luận và thực tiễn, chủ nghĩa Mác-Lê nin là sức mạnh tinh thần là lý luận khoa học cách mạng vô sản của giai cấp công nhân; Tập sách *“Máu trắng máu đào”* Nxb Lao Động Mới – Sài Gòn 1963 của Diệp Liên Anh, phản ánh một số nét về hoàn cảnh sống và làm việc của người công nhân cao su dưới sự áp bức bóc lột của thực dân, tư bản và phong kiến; Cuốn sách *“Phú Riêng đở”* (Nxb Lao Động, Hà Nội 1965) của Trần Tử Bình. Trần Tử Bình, một công nhân cao su cách mạng nông cốt, đã đặc tả lại tình cảnh của công nhân cao su ở đồn điền Phú Riêng, những phản kháng của công nhân trong những ngày tháng đầu tiên đến sống và làm việc ở đồn điền đến những hành động đấu tranh quyết tử với giới chủ để giành lấy quyền lợi thiết thực; Ban Sử cận hiện đại, Viện Sử học đã công bố công trình về *“Một số vấn đề về lịch sử giai cấp công nhân Việt Nam”* (Nxb Lao Động, Hà Nội 1974); *“Giai cấp công nhân Việt Nam và liên minh công nông”* (Nxb Sự Thật - Hà Nội 1976) của Lê Duẩn; *“Giai cấp công nhân Việt Nam trước khi thành lập Đảng”* (Nxb Khoa học Xã hội - Hà Nội 1978) của Ngô Văn Hoà, Dương Kinh Quốc... Các công trình nghiên cứu này góp phần phản ánh một số mặt về đời sống, hoàn cảnh của công nhân cao su dưới chính sách cai trị và sự áp bức bóc lột của tư bản, thực dân và phong kiến ở miền Đông Nam Bộ nói chung và ở Thủ Dầu Một nói riêng. Các công trình nghiên cứu này là nguồn tài liệu quý báu, đã gợi mở cho chúng tôi có cách nhìn đặc thù về phong trào đấu tranh của công nhân.

Sau năm 1975, do yêu cầu giáo dục truyền thống cho đội ngũ công nhân cao su, các lão thành cách mạng đã ghi lại hồi ký, bước đầu tập hợp sự kiện về phong trào đấu tranh cách mạng của công nhân cao su Thủ Dầu Một nói riêng và miền Đông Nam Bộ nói chung như cuốn *“Đất đở miền Đông”* của Lê Sắc Nghi - Công ty cao su Đồng Nai xuất bản năm 1980; cuốn *“Phong trào đấu tranh cách mạng của công nhân cao su miền Đông Nam Bộ”* (Nxb Lao Động, Hà Nội 1982) của Thành Nam. Các tác phẩm này đã

tạo dựng lại phong trào đấu tranh của công nhân cao su ở miền Đông Nam Bộ diễn ra sôi động trong phong trào đấu tranh chung của giai cấp công nhân và nhân dân cả nước trong suốt 2 thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ xâm lược. Các công trình này đã giúp chúng tôi định hình khá chuẩn một phần cuộc sống kinh tế-xã hội và văn hóa và hình thức đấu tranh của công nhân cao su.

Những năm gần đây được sự chỉ đạo của Ban Thường vụ tỉnh ủy Sông Bé, nhiều công trình nghiên cứu lịch sử truyền thống về công nhân cao su ở địa phương được công bố như cuốn “70 năm lịch sử công nhân cao su Dầu Tiếng” (Nxb Tổng hợp Sông Bé, năm 1990) của Lê Văn Khoa, “*Công ty cao su Đồng Phú truyền thống xây dựng và phát triển (1927-1995)*” của Đảng ủy và Ban giám đốc công ty do Sở Văn hoá thông tin Sông Bé ấn hành năm 1996. Các ấn phẩm này được công bố từ việc tập hợp thông tin, sử liệu và lời kể của các nhân chứng lịch sử tại địa phương để khắc họa hình ảnh của một đội ngũ công nhân cách mạng triệt để, trong hoàn cảnh khó khăn, kiên trì chiến đấu và chiến thắng. Từ các ấn phẩm này, chúng tôi có sử liệu thực tế về cơ cấu tổ chức công nhân và các hoạt động đấu tranh của công nhân cao su tại địa phương.

Ngoài ra còn có một số tập sách viết về lịch sử truyền thống ở địa phương - những địa bàn có liên quan đến phong trào công nhân cao su như “*Truyền thống đấu tranh cách mạng của quân và dân Huyện Bình Long*” do Giáo Sư Huỳnh Lứa chủ biên, (Sở Văn hoá thông tin Sông Bé ấn hành 4-1988); “*Sông Bé lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm (1945-1975)*” (Nxb Tổng hợp Sông Bé 1990) của Cao Hùng chủ biên... Năm 1993, Công Đoàn ngành cao su Việt Nam đã công bố một công trình nghiên cứu khá toàn diện về phong trào đấu tranh cách mạng của đội ngũ công nhân cao su Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử: “*Lịch sử phong trào công nhân cao su Việt Nam (1906-1990)*” do Giáo sư Huỳnh Lứa chủ biên. Tháng 1 năm 2000, Nxb Nông nghiệp Tp. HCM ấn hành cuốn “*100 năm cao su ở Việt Nam*” của Đặng Văn Vinh. Đây là một công trình nghiên cứu lớn có nội dung phong phú và sâu sắc. Tác giả viết về lịch sử tiềm năng và phát triển cây cao su thiên nhiên ở Việt Nam, về công nhân cao su Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Nghiên cứu nguồn tài liệu này, chúng tôi đã cơ bản nắm chắc đặc điểm môi trường địa lý, quá trình hình thành đội ngũ công nhân cao su, những biến động thành phần công nhân, các hoạt động kinh tế, các hoạt động đấu tranh vì lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc.

Tuy nhiên việc nghiên cứu về phong trào đấu tranh của công nhân cao su ở tỉnh Thủ Dầu Một vào thời kỳ từ năm 1945 đến năm 1975 còn ít, phân tán, chưa có một công trình nghiên cứu nào đi sâu tìm hiểu trên bình diện toàn cảnh về diễn biến các mặt đấu tranh, các đặc điểm và những kinh nghiệm lịch sử của phong trào công nhân cao su Thủ Dầu Một liên tục hai thời kỳ kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ từ năm 1945 đến năm 1975. Kế thừa những thành quả nghiên cứu khoa học trên, luận án có cơ sở tiếp tục nghiên cứu một cách hệ thống, tổng thể về cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ của công nhân cao su Thủ Dầu Một thời kỳ từ năm 1945 đến năm 1975.

0.3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu của luận án là tập trung nghiên cứu về phong trào đấu tranh của công nhân cao su Thủ Dầu Một trong hai thời kỳ kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ từ năm 1945 đến năm 1975. Các vấn đề nghiên cứu cơ bản là sự ra đời của đội ngũ công nhân cao su đầu tiên ở Thủ Dầu Một, những điều kiện, diễn biến, hình thức đấu tranh, các đặc điểm và những kinh nghiệm lịch sử của phong trào công nhân cao su Thủ Dầu Một giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1975.

Phạm vi nghiên cứu của luận án, về thời gian, được giới hạn từ năm 1945 đến năm 1975. Những vấn đề trình bày trong luận án được sắp xếp theo quá trình phát triển lịch sử, thể hiện tính liên tục từ năm 1945 đến năm 1975, với những đặc điểm riêng, điển hình: Công nhân cao su, ngoài việc giải quyết mâu thuẫn giai cấp bằng cuộc cách mạng do Đảng lãnh đạo để xóa bỏ chế độ áp bức bóc lột, họ còn thể hiện vai trò không thể thiếu trong lịch sử đấu tranh chống xâm lược của nhân dân Việt Nam. Tuy nhiên, do tính kế thừa của lịch sử và nhằm minh định thời gian 30 năm đấu tranh gian nan của công nhân cao su, nên luận án đã mở rộng phân tích một số vấn đề chủ yếu có liên quan về sự hình thành phát triển các đồn điền cao su, sự ra đời của đội ngũ công nhân cao su và phong trào đấu tranh của công nhân cao su trước Cách mạng Tháng 8 năm 1945.

Về không gian, luận án giới hạn phạm vi nghiên cứu tại các đồn điền cao su trên địa bàn tỉnh Thủ Dầu Một cũ. Vì nhiều lý do, địa giới hành chính tỉnh Thủ Dầu Một đã nhiều lần thay đổi qua các giai đoạn lịch sử. Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu, trong tập sách “*Tổng kết nghiên cứu địa bạ Nam Kỳ Lục Tỉnh*”, Nxb. Tp. Hồ

Chí Minh, 1994: năm 1945, tỉnh Thủ Dầu Một gồm 7 quận (từ năm 1947 gọi là huyện): Thủ Dầu Một, Lái Thiêu, Bến Cát, Dầu Tiếng, Hớn Quản, Sông Bé, Bù Đốp; từ năm 1955 đến năm 1975, địa bàn Thủ Dầu Một cũ được tách ra để thành lập các tỉnh mới như Bình Dương, Phước Thành, Bình Long, Phước Long, rồi Bình Dương và Bình Phước. Tuy nhiên, tổ chức các đồn điền cao su thuộc địa bàn mới trên như Phước Hòa, Dầu Tiếng, Thuận Lợi, Lộc Ninh, Quản Lợi... vẫn không thay đổi. Vì vậy, để thuận tiện, chúng tôi lấy tên Thủ Dầu Một (tên gọi của tỉnh năm 1945) để chỉ toàn bộ phạm vi nói trên.

Hiện nay, theo phân chia địa giới hành chính, theo sự quản lý của ngành cao su, và lãnh đạo các tỉnh quản lý, các công ty cao su thuộc địa phận tỉnh Bình Dương hiện nay có: Công ty cao su Phước Hòa, Công ty cao su Dầu Tiếng, Viện nghiên cứu cao su; tỉnh Bình Phước có: Công ty cao su Phú Riềng, Công ty cao su Đồng Phú, Công ty cao su Lộc Ninh, Công ty cao su Bình Long.

0.4. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ NGUỒN TÀI LIỆU

0.4.1. Phương pháp nghiên cứu:

Kế thừa các công trình nghiên cứu từ trước đến nay, dựa trên cơ sở hệ thống phương pháp luận của chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng tôi sử dụng phương pháp lịch sử kết hợp với phương pháp logic để nghiên cứu, đồng thời kết hợp với các phương pháp nghiên cứu liên ngành khác như phương pháp thống kê, tổng hợp, phân tích, so sánh, phỏng vấn nhân chứng và khảo sát thực địa các vùng cao su.

0.4.2. Nguồn tài liệu:

Nguồn tài liệu được khai thác và sử dụng để thực hiện luận án này gồm:

- Các tác phẩm lý luận của Chủ nghĩa Mác Lê-nin, của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các lãnh đạo Đảng, Nhà nước về giai cấp công nhân, về đường lối, tư tưởng quân sự của Đảng để làm rõ các luận điểm và các vấn đề nghiên cứu trong luận án.

- Các công trình nghiên cứu sử học có liên quan đến đề tài được công bố trên sách, báo, tạp chí... đang lưu trữ tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia II, thư viện Khoa học xã hội & Nhân văn Tp. HCM, thư viện Tổng hợp Tp. HCM, Viện nghiên cứu cao su, Liên đoàn lao động tỉnh Bình Dương, thư viện tỉnh Bình Dương...

- Các bản báo cáo tình hình, tài liệu tổng kết từng năm của Nam Bộ; của Liên hiệp Công đoàn Nam Bộ; của Khu 7 và Phân liên khu Miền Đông; Ủy ban kháng

chiến hành chánh tỉnh, tỉnh đội Thủ Dầu Một, Thủ Biên. Các tài liệu này được lưu trữ ở phòng Khoa học - Công nghệ và Môi trường Quân khu 7, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bình Dương, Bình Phước.

- Các biên bản hội thảo, hội ký, lời kể của các nhân chứng lịch sử, tài liệu tổng kết chiến tranh lưu tại Ban lịch sử của Bộ chỉ huy quân sự và phòng lịch sử Đảng Ban tuyên giáo Tỉnh uỷ tỉnh Bình Dương, Bình Phước; tài liệu khảo sát thực địa và phỏng vấn các nhân chứng còn sống ở công ty cao su Phước Hoà, Công ty cao su Dầu Tiếng, Công ty cao su Bình Long...

Ngoài ra chúng tôi còn nghiên cứu, khai thác nguồn tài liệu trong các công trình lịch sử địa phương và các tác phẩm của người Pháp viết về cuộc chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương.

0.5. BỐ CỤC CỦA LUẬN ÁN

Ngoài các phần Mở đầu, Mục lục, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, luận án có các nội dung chính như sau:

* **Chương 1**: Công nhân cao su Thủ Dầu Một trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Ở chương này, chúng tôi giới thiệu khái quát về lịch sử hình thành vùng đất và con người Thủ Dầu Một; về sự thành lập, phát triển các đồn điền cao su; sự hình thành và thành phần đội ngũ công nhân cao su Thủ Dầu Một; Phong trào đấu tranh của công nhân đồn điền cao su Thủ Dầu Một trước năm 1945.

* **Chương 2**: Phong trào đấu tranh của công nhân cao su Thủ Dầu Một trong kháng chiến chống thực dân Pháp từ năm 1945 đến năm 1954.

Nội dung chương này tập trung trình bày các hoạt động kháng chiến chống Pháp của công nhân cao su ở Thủ Dầu Một nói riêng và chiến trường miền Đông Nam Bộ nói chung. Thành tích của họ đạt được trong thời kỳ này là đã cùng nhân dân địa phương xây dựng cuộc sống tự chủ, gìn giữ chính quyền mới. Thời gian làm chủ vườn cây nhà máy không lâu nhưng đó là triển vọng của cuộc kháng chiến. Giai đoạn lịch sử này, công nhân cao su Thủ Dầu Một đã thực hiện tốt nhiệm vụ và vai trò của mình và góp phần xứng đáng trong sự nghiệp giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc.

* **Chương 3:** Phong trào đấu tranh của công nhân cao su Thủ Dầu Một trong kháng chiến chống Đế quốc Mỹ từ năm 1954 đến năm 1975.

Công nhân cao su Thủ Dầu Một đối diện với cục diện mới của chiến tranh, góp phần xứng đáng vào việc làm thất bại các chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, “chiến tranh cục bộ”, “Việt Nam hoá chiến tranh” của Mỹ-ngụy; tham gia vào các chiến dịch quan trọng để giải phóng đồn điền, giải phóng toàn miền Nam 1975.

* **Phần kết luận:** Trên cơ sở nghiên cứu “Phong trào đấu tranh của công nhân cao su Thủ Dầu Một trong 30 năm chiến tranh giải phóng từ năm 1945 đến năm 1975”, bước đầu nêu lên một số đặc điểm và rút ra những bài học lịch sử nhằm phát huy tốt vai trò lịch sử của mình trong giai đoạn cách mạng mới hiện nay.

0.6. ĐÓNG GÓP KHOA HỌC CỦA LUẬN ÁN

Chúng tôi mong muốn luận án có những đóng góp:

- Trình bày một cách hệ thống, tương đối toàn diện lịch sử hình thành, thành phần công nhân cao su và phục dựng lại gần đầy đủ phong trào đấu tranh - trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, quân sự, văn hoá xã hội - của đội ngũ công nhân cao su Thủ Dầu Một trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ từ năm 1945 đến năm 1975.

- Nghiên cứu rút ra một số đặc điểm về phong trào công nhân cao su Thủ Dầu Một, những kinh nghiệm và bài học lịch sử cho sự nghiệp phát triển ngành kinh tế cao su và phong trào công nhân cao su ở tỉnh Bình Dương và Bình Phước hiện nay.

- Giới thiệu và cung cấp thêm tư liệu cho việc nghiên cứu, giảng dạy lịch sử địa phương. Góp phần tuyên truyền, giáo dục truyền thống xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước, nâng cao lòng tự hào và ý thức trách nhiệm của thế hệ trẻ ngày nay trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

CHƯƠNG I
CÔNG NHÂN CAO SU THỦ DẦU MỘT
TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

1.1. SỰ HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN CÁC ĐỒN ĐIỀN CAO SU VÀ SỰ RA ĐỜI
CỦA ĐỘI NGŨ CÔNG NHÂN CAO SU THỦ DẦU MỘT

1.1.1. Khái quát về lịch sử hình thành vùng đất và con người Thủ Dầu Một

Thủ Dầu Một là vùng đất được người Việt khai phá vào đầu thế kỷ thứ XVII. Do nhu cầu khách quan của quá trình phát triển và ảnh hưởng của chiến tranh, vùng đất này đã nhiều lần tách ra, nhập lại với những tên gọi khác nhau. Tuy nhiên, vùng đất này và con người ở đây vẫn được tôn vinh là chủ nhân từ xưa và hiện hữu trong khu vực miền Đông Nam Bộ ngày nay.

Trước thế kỷ thứ XVII, vùng đất Thủ Dầu Một vẫn còn là hoang dã. Những chủ nhân đầu tiên ở đây là những cư dân Khơme và các dân tộc ít người Stiêng, Châu ro, Châu mạ, Mơ Nông... sống không tập trung trên các giồng đất cao, các vùng đồi núi, ven suối, ven rừng. Để sinh sống, họ phá rừng, tủa lúa, hoặc hái lượm và săn bắt thú rừng. Cuộc sống du canh du cư của các cư dân bản địa đã khiến cho vùng đất tự nhiên này hoang sơ qua nhiều thế kỷ [84;15].

Đến đầu thế kỷ XVII, Thủ Dầu Một cũng như toàn vùng đất Nam Bộ đã thay đổi do có sự xuất hiện của cư dân mới, chủ yếu là người Việt từ vùng Thuận Quảng di cư vào. Nguyên nhân của hiện tượng xã hội này chính là do những cuộc chiến tranh tương tàn của hai dòng họ phong kiến: Trịnh - Nguyễn (thời các chúa Nguyễn ở Đàng Trong và chính quyền Lê, Trịnh ở Đàng Ngoài). Dân chúng không sống nổi trong tình cảnh binh đao, nô dịch, thiên tai, đói nghèo..., họ quyết định rời bỏ làng mạc, xiêu tán vào phương Nam hội nhập cùng với cư dân bản địa khai hoang, lập ấp, mưu cầu cuộc sống an bình, no ấm. Theo dòng di cư của người Việt, các nhóm người Hoa “phản Thanh phục Minh” cũng lánh nạn vào đây, cùng cộng cư với người dân bản địa và cư dân người Việt sinh sống lâu dài.

Tiến trình nhập cư của người Việt diễn ra liên tục suốt thế kỷ thứ XVII. Để chính thức hoá một tình hình thực tế về dân cư và hành chính, mùa xuân năm Mậu Dần (1698), Chưởng Cơ Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lý vùng đất phương Nam, xác lập cương thổ, xây dựng thiết chế hành chính lập phủ Gia Định gồm hai huyện Phước Long với dinh Trấn Biên (gồm toàn bộ miền Đông Nam Bộ ngày nay) và huyện Tân Bình với dinh Phiên Trấn (gồm Tây Ninh, thành phố Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Long An... ngày nay). Đây là đơn vị hành chính được xác lập đầu tiên ở vùng đất phía Nam của Tổ quốc ta [59;12].

Hành trình Nam tiến, khẩn hoang và chuyển dân của các chúa Nguyễn đã tạo nên những thành quả đáng khâm phục. Thành quả đó không chỉ để làm đủ mạnh một miền mà ngày xưa gọi là Đàng Trong mà còn tạo dựng được một cương vực trải dài từ Thuận Hoá đến Cà Mau, chính thức ghi danh vùng đất phía Nam vào trong lãnh thổ nước Việt Nam. Thành quả đó không thể không kể đến sức lao động của cư dân tại bản địa và của lớp đông người Việt di cư mới đến. Mặc dù họ thuộc nhiều thành phần xã hội khác nhau, vào vùng đất này lập nghiệp với nhiều nguyên nhân khác nhau, nhưng họ sớm hội nhập và phát triển.

Kết quả sau một thế kỷ vào kinh lý vùng đất hoang hoá phương Nam của các chúa Nguyễn, vùng đất mới dần dần sinh sôi và phát triển sôi động. Cư dân ngày càng đông, đất đai được khai phá ngày càng nhiều, mưu cầu cuộc sống ngày càng cao. Vì vậy năm 1808, Gia Long đã đổi dinh ra trấn, nâng huyện lên phủ, nâng tổng lên huyện. Dinh Trấn Biên đổi thành trấn Biên Hoà. Huyện Phước Long được đổi thành phủ gồm bốn huyện: Bình An, Phước Chánh, Long Thành, Phước An, và huyện Tân Bình cũng đổi thành phủ gồm bốn huyện: Bình Dương, Tân Long, Thuận An, Phước Lộc. Lúc này, huyện Bình An thuộc trấn Biên Hoà có diện tích đo đạc và diện tích thực canh lớn nhất gồm hai tổng là An Thủy và Bình Chánh với 119 xã, thôn, phường, ấp, điểm [84;20].

Tên huyện Bình An đã tồn tại suốt từ đó cho đến khi Pháp lập đơn vị hành chính mới, bỏ tên cũ là Bình An, lấy tên mới là Thủ Dầu Một [59;5].

Năm 1859, Pháp đánh chiếm Gia Định. Do triều đình Tự Đức đi theo đường lối chủ hoà, nhân nhượng, không kiên quyết cùng nhân dân chống giặc nên ba năm sau,

1862, Pháp chiếm tiếp ba tỉnh Biên Hoà, Gia Định, Định Tường. Đến năm 1867, Pháp chiếm luôn ba tỉnh còn lại của Nam Kỳ là Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên.

Sau khi chiếm được sáu tỉnh Nam Kỳ, Pháp cải tổ các đơn vị hành chính cho phù hợp với chế độ thuộc địa. Qua nhiều lần thay đổi và thăm dò, Pháp chia sáu tỉnh cũ ở Nam Kỳ thành 20 tỉnh mới và trên địa bàn tỉnh Biên Hoà hình thành ba tỉnh mới là tỉnh Biên Hoà, tỉnh Bà Rịa, tỉnh Thủ Dầu Một. Tổ chức hành chính này tồn tại cho đến năm 1954, khi quân Pháp chịu thua ở Việt Nam phải ký hiệp định Giơ-ne-vơ. Đến khi Mỹ thay chân Pháp, chính quyền Sài Gòn chia tỉnh Thủ Dầu Một thành ba tỉnh: Bình Dương, Bình Long, Phước Long.

Năm 1976, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra quyết định nhập ba tỉnh Bình Dương, Bình Long, Phước Long thành tỉnh Sông Bé. Tỉnh Sông Bé được chia thành tám huyện (Bình Long, Lộc Ninh, Phước Long, Bù Đăng, Đồng Phú, Bến Cát, Tân Uyên, Thuận An) và một thị xã (Thủ Dầu Một) gồm 141 xã. Thị xã Thủ Dầu Một trở thành tỉnh lỵ và là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá của tỉnh[21;16-17]

Tỉnh Sông Bé mới này có địa bàn rộng, địa hình phức tạp, vừa có miền núi, biên giới, vừa có đồng bằng và trung du, có diện tích 9.532,72 km², dân số 1.177.874 người. Ngày 6 tháng 11 năm 1996, Quốc hội ra quyết định chia tỉnh Sông Bé ra thành hai tỉnh Bình Dương và Bình Phước[21;9].

1.1.2. Thực dân Pháp thiết lập các đồn điền cao su ở Thủ Dầu Một

Thủ Dầu Một trong thời kỳ thuộc Pháp là địa bàn hợp nhất hai tỉnh Bình Dương và tỉnh Bình Phước ngày nay. Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, Thủ Dầu Một từng được mệnh danh là “công viên của Nam Kỳ”, phía Bắc giáp tỉnh Kratié (Campuchia), phía Nam và phía Tây giáp sông Sài Gòn và các tỉnh Gia Định, Tây Ninh, phía Đông giáp Sông Bé và tỉnh Biên Hoà.

Là tỉnh có diện tích lớn nhất so với các tỉnh thành Nam Bộ, Thủ Dầu Một còn là địa bàn “bản lề” chuyển tiếp từ cao nguyên xuống đồng bằng, nối Tây Nguyên và cực Nam Trung Bộ với đồng bằng sông Cửu Long. Địa hình tự nhiên ở đây mang tính chất tổng hợp, có đặc tính vừa cao nguyên, trung du, vừa đồng bằng. Phần phía Bắc tỉnh mang dáng dấp cao nguyên nhưng độ cao thấp, phần phía Nam mang dáng dấp đồng bằng, nhưng địa hình không bằng phẳng. Trừ vài vùng có núi cao và bị chia cắt bởi

sông, suối, phần lớn ở dạng địa hình trung bình. Toàn bộ địa hình ấy được 3 con sông Đồng Nai, Sông Bé, Sài Gòn chảy qua bồi đắp phù sa và chia cắt thành 2 dạt đất tự nhiên phía Đông và phía Tây có diện tích gần như bằng nhau. Về thổ nhưỡng, có hai vùng chính:

- Vùng đất đỏ Bazan, đất đỏ trên đá phiến, đất xám và đất dốc tụ trên địa hình đồi núi lớn. Loại đất tự nhiên màu mỡ này rất thích hợp trồng cây công nghiệp dài ngày có giá trị kinh tế cao như: tiêu, điều, cà phê, cao su.

- Vùng đất xám, đất vàng nâu, đất phù sa và đất phèn trên địa hình đồi thấp lượn sóng và đồng bằng. Nhờ hệ thống các con sông lớn, suối, thác và hồ nên thuận lợi cho việc trồng các loại cây lương thực, cây công nghiệp ngắn ngày.

Đặc biệt cao su là loại cây chỉ thích hợp với vùng đất phù sa cũ, đất đỏ và đất xám, loại đất này ở Thủ Dầu Một rất phì nhiêu. Đất sét dễ làm, rất ít chất đá vôi, thường có nhiều mùn và có hàm lượng hữu cơ lớn. Đất không lấn cuội và sỏi, ở độ sâu 15 đến 40 mét đất vẫn đồng chất. Ở đây, đất không bị cứng, hút nước mưa, không để cho nước chảy thành dòng và giữ được độ ẩm tốt.

Khí hậu ở Thủ Dầu Một mang tính chất chung của khí hậu Nam Bộ. Một năm có hai mùa mưa nắng phân định. Nắng nóng, mưa nhiều. [60;120].

Nhiệt độ thay đổi theo mùa. Sự chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm khá lớn. Sương mù rơi vào ban đêm, tiết trời lạnh, nhưng ban ngày nóng khô đến 37, 39⁰C [60;121]. Tuy nhiên, khí hậu ở đây tương đối ôn hòa, ít thiên tai, bão lụt, cá biệt có một vài cơn lốc lớn xảy ra nhưng không gây thiệt hại gì đáng kể.

Xét về giao thông đường bộ, trong tỉnh ngoài những con đường nhỏ hẹp có sẵn từ trước, khi Pháp đến, Pháp mở thêm quốc lộ 13 nối liền và đi xuyên tỉnh Thủ Dầu Một từ phía Nam (Lái Thiêu) lên tới phía Bắc cây số 0 vùng Lộc Ninh, giáp biên giới Campuchia. Chính quốc lộ 13 đã mở đường cho tư bản Pháp vào khai thác vùng đất Bazan phía Bắc của Thủ Dầu Một, lúc đó còn là những cánh rừng rậm hoang dã. Sau này, quốc lộ 13 nối với quốc lộ 14 (nay gọi là đường Trường Sơn) chạy từ Tây Ninh qua Dầu Tiếng, Chơn Thành, Đồng Xoài, Bù Đăng đi Tây Nguyên và các tỉnh miền Trung, nối vào quốc lộ 1 đi thành phố Hồ Chí Minh.

Thủ Dầu Một có 3 con sông lớn đầy phù sa: Sông Sài Gòn ở phía Tây làm ranh giới với tỉnh Tây Ninh; Sông Bé ở phía Bắc chảy qua vùng cư trú của đồng bào Stiêng (vùng Bình Long), Khơme (vùng Nha Bích); Sông Đồng Nai (gọi là Biên Hòa ngày xưa) ở phía Đông, làm ranh giới với tỉnh Đồng Nai. Từ đây, giúp cho Thủ Dầu Một dễ dàng nối với cảng Sài Gòn, và thông ra biển lớn ở phía Nam tổ quốc.

Ngoài 3 sông lớn, trong tỉnh còn có nhiều suối, thác... có nước chảy quanh năm. Sông, suối, thác, hồ cùng với khung cảnh rừng núi và màu đất đỏ tạo nên phong cảnh ở đây kỳ vĩ riêng biệt.

Những điều kiện về địa hình, giao thông, khí hậu, thổ nhưỡng được thiên nhiên ưu đãi nói trên đã thu hút sự quan tâm của thực dân Pháp ngay từ những ngày đầu đến xâm lược.

Trong chính sách khai thác thuộc địa ở Nam Kỳ, Pháp chú trọng nhiều đến ngành nông nghiệp. Pháp chủ trương cướp đoạt ruộng đất trên cả ba miền đất nước ta để lập các đồn điền trồng lúa và các loại cây công nghiệp dài ngày như chè, cà phê, cao su, ... Vì thế ruộng công làng xã, ruộng của nông dân khai khẩn bị chiếm đoạt dữ dội. Năm 1912 số ruộng đất bị chiếm để lập đồn điền lên đến 470.000 hecta, trong đó Nam Kỳ bị chiếm 308.000 hecta [116;12]. Trong quá trình khai thác thuộc địa, Pháp sớm nhận ra rằng việc thu gom những sản phẩm nông nghiệp tuy có lợi nhuận ổn định nhưng không lớn. Vì vậy, Pháp tăng cường khảo sát, điều tra, và đưa nhiều nhà nghiên cứu khoa học vào sống và làm việc lâu dài ở Việt Nam, nhằm nghiên cứu tài nguyên ở thuộc địa và đưa ra chiến lược khai thác lâu dài.

Đầu tiên là Lu-i Pi-e (J.B. Louis Pierre), một nhà thực vật học người Pháp, đã khảo sát, điều tra và di nhập nhiều loại cây kinh tế vào nước ta, trong đó có cây cao su. Năm 1877, ông thử nghiệm trồng hạt cao su đầu tiên ở vườn Bách Thảo Sài Gòn, nhưng không thành công. Nguyên do là hạt giống không nhiều và ít cây sống sót lại bị loại bỏ trong các đợt tu chỉnh vườn Bách Thảo Sài Gòn vì ảnh hưởng đến cảnh quan nơi đây [132;34].

Đến năm 1897, toàn quyền Pôn Du-me (Paul Doumer) thành lập hai trung tâm nghiên cứu thí nghiệm ươm giống cây cao su từ hạt tươi. Một ở trạm thực nghiệm Ông Yêm (Bến Cát) do Ra-un (E. Raoul), một dược sĩ, chuyên nghiên cứu thực vật chí ở

vùng nhiệt đới phụ trách, và một ở Suối Dầu, thuộc viện Pasteur Nha Trang do Yersin (Dr. A Yersin) chăm sóc. Đa số hạt giống được ươm nảy mầm, tốt nhanh.

Năm 1898, ông Ben-lăng (Belland), một viên thanh tra cảnh sát Trung ương ở Sài Gòn, lập ra đồn điền Ben-lăng (Belland) (còn gọi là đồn điền Phú Nhuận). Qua nhiều lần ươm thử, đồn điền của ông đạt được 15.300 cây cao su trên diện tích 45 hecta. Năm 1908 bắt đầu cạo mủ với 5.000 cây, bình quân 8 tuổi, đạt 1.500 kg. Năm 1909 cạo 9.500 cây từ 7 đến 9 tuổi, đạt 3.000 kg. Năm 1910 ước tính đạt 6.000 kg với số cây cạo 10.500 cây. Năm 1911 có thể thu 10.000 kg. Đồn điền có xưởng chế biến riêng. Cao su khô được ép, cho vào thùng 100 kg và gửi bán tại thị trường Pa-ri, dưới ký hiệu chất lượng là Pa-ra-fin với giá khá cao, từ 13 đến 22,75 Fr. 1 kg, giá thành sản xuất khoảng 3 Fr. và tiền chuyên chở khoảng 1 Fr./1kg [132;35-36].

Thành công của ông Ben-lăng (Belland) cùng với sản lượng mủ thu được từ đồn điền Suối Dầu (Nha Trang) đã tạo nên tiếng vang. Từ đó, tư bản Pháp và chính quyền thực dân bắt đầu hiểu biết và chú tâm nhiều về cây cao su, đặc biệt là ở miền Đông Nam Bộ. Cây cao su chính thức có mặt tại Việt Nam, với tư cách một loại cây nguyên liệu công nghiệp giá trị.

Với những điều kiện đất đai màu mỡ, khí hậu ôn hoà, giao thông thuận lợi nên từ 1904 một số nhà tư sản thực dân đã tiến hành việc khảo sát, chọn đất, khoanh vùng, xây dựng cơ sở hạ tầng để lập đồn điền. Các vùng đất đỏ, đất xám ở Thủ Dầu Một là nơi được khai phá để trồng cây cao su sớm nhất ở miền Đông Nam Bộ.

Đầu tiên, Pháp thám sát vùng đất mới này bằng hình thức truyền giáo, mở trường dạy học, mang quân đến chiếm đất lập đồn binh. Đây là bước đầu chuẩn bị tổ chức bộ máy thống trị của chủ nghĩa thực dân đối với người dân địa phương, vừa tìm hiểu đời sống của người dân và nguồn lợi thiên nhiên ở đây để xúc tiến việc thực thi công cuộc khai thác thuộc địa ở vùng đất mới này.

Sau khi thâm nhập sâu vào vùng người dân tộc sinh sống, Pháp tiến hành đàn áp, bắt dân về làm lao dịch, cướp đoạt đất đai để lập đồn binh, làm đồn điền, lập ra các trại cu-li (Coolie) cho các đồn điền. Quá trình chiếm đất cũng đồng thời là quá trình hình thành các đồn điền cao su. Ngành khai thác cao su của tư bản thực dân Pháp tại Việt Nam nói chung và Thủ Dầu Một nói riêng ra đời.

Trong bốn công ty cao su lớn nhất có mặt tại Việt Nam là công ty cao su đất đỏ (Plantations des Terres rouges), công ty cao su Đông Dương (Société indochinoise des Plantations d'Hévéas), công ty cao su Viễn Đông (Société des Caoutchoues D'extrême-Orient), công ty các đồn điền cao su Mít-sơ-lanh (Société des Plantations et Pneumatiques Michelin au Vietnam), đã có ba công ty lập ra các đồn điền lớn tại Thủ Dầu Một là công ty cao su đất đỏ, công ty cao su Viễn Đông và công ty các đồn điền cao su Mít-sơ-lanh.

Năm 1908, công ty cao su đất đỏ được thành lập. Công ty này được chính quyền Pháp hỗ trợ tài chính và trực tiếp quản lý. Trung tâm đặt tại Quản Lợi. Sau khi thành lập, công ty cao su đất đỏ liên tiếp lập ra các đồn điền lớn như: Xa Trạch (1908), Xa Cam (1913), Quản Lợi (1916), Xa Cát và nhiều nơi khác ở Biên Hoà, Bà Rịa, sang cả Campuchia. Đến năm 1930, diện tích cao su của công ty này đã lên đến 32.000 ha, với số công nhân khoảng 20.000 người, hàng năm sản xuất từ 35-40% sản lượng cao su toàn Đông Dương. Tính riêng, từ năm 1916 đến năm 1937, đồn điền Quản Lợi đã phát triển được 5.372,35 ha, đồn điền Xa Cam: 3.100,63 ha, đồn điền Xa Trạch: 1.613,5 ha. Ngoài ra công ty cao su đất đỏ còn lập ra trại thí nghiệm, phòng nghiên cứu cây cao su đặt tại Trại Ông Yêm [104;11].

Công ty cao su Viễn Đông, ra đời năm 1911, là sự hợp nhất giữa công ty cao su Đông Dương và công ty cây trồng nhiệt đới Đông Dương. Trụ sở đặt tại Pa-ri (Paris). Chủ công ty là Đờ-la-lăng (De Laland), người Pháp. Công ty này lần lượt mở các đồn điền lớn như: Đồn điền cao su Lộc Ninh (gồm cả Bù Đốp) xây dựng năm 1911 với diện tích tính riêng ở đồn điền Bù Đốp là 810 ha. Năm 1925, mở ra đồn điền Xa Cát với diện tích 3.500 ha. Đến năm 1927, mở tiếp đồn điền Minh Thạnh, diện tích 3.534 ha và Đakia trên 10.000 ha. Đến năm 1929, với vốn riêng của mình, công ty cao su Viễn Đông đã xây dựng con đường xe lửa nối liền Lộc Ninh với Sài Gòn dài 142 Km, nhằm mục đích sử dụng đối với vùng cao su Bình Long và vùng biên giới Việt Nam - Campuchia.

Công ty các đồn điền cao su Mít-sơ-lanh thành lập năm 1917, đặt trụ sở tại Dầu Tiếng. Chủ Công ty này là Đờ-la-fông (De Lafon), có các đồn điền lớn: Dầu Tiếng (khoảng 7.000 ha), Phú Riêng và Thuận Lợi (khoảng 3.000 ha). Công ty cao su Mít-sơ-lanh nổi tiếng do thái độ đối xử vô nhân đạo với công nhân và là nơi xảy ra liên tục

những cuộc đấu tranh của công nhân chống giới chủ. Sau cuộc đấu tranh lớn của tập thể công nhân đồn điền Phú Riềng ngày 3 tháng 2 năm 1930, công ty Mít-sơ-lanh sáp nhập hai đồn điền Phú Riềng và Thuận lợi, lấy tên là đồn điền Thuận Lợi hồng làm cho người ta quên vụ Phú Riềng, quên vụ việc của vùng cao su đẫm máu. Đến năm 1943, Mít-sơ-lanh chiếm 7% toàn bộ diện tích cao su khai thác và đảm bảo một sản lượng bằng 11% tổng sản lượng toàn Đông Dương [98;20].

Sở cao su Phước Hoà (Société des Caoutchoues de Phuoc Hoa), còn được gọi là đồn điền Lấp-bê (Plantation de Labbé) được nhóm tư bản Pháp thành lập và quản lý, đặt trụ sở ở Phước Hoà, Huyện Châu Thành, Tỉnh Thủ Dầu Một. Công ty này bắt đầu khai thác từ năm 1927, với diện tích ngày càng mở rộng gần 2.000 ha đất cao su tính đến năm 1933 phủ trên vùng đất xám và một ít đất đỏ [98;21].

Ngoài ra còn có các sở cao su nhỏ của tư sản người Việt, người Hoa. Toàn miền Đông Nam Bộ có 12 cơ sở có diện tích từ 100-499 ha cao su (gọi là trung điền), chủ yếu là của các nhà chức trách có quyền thế. Riêng ở tỉnh Thủ Dầu Một chỉ có hai chủ sở cao su hạng trung điền là: Lương Khắc Ninh là Đốc phủ sứ và Nguyễn Văn Yên là chủ kho bạc. Hai sở cao su này không có nguồn tài chính vững chắc và đủ mạnh để có thể mở rộng diện tích lớn hơn. Ngoài ra, các hộ nông dân được gọi là tiểu điền (có từ 99 ha cao su trở xuống) cũng không nhiều [132;16]. Đa phần, các chủ tiểu điền là người được thừa hưởng những vùng đất của dòng họ để lại. Khả năng mở rộng diện tích các đồn điền thuộc sở hữu tư nhân người Việt bị hạn chế lớn nhất là về tài chính, do không được ngân hàng cho vay vốn và không được sự hỗ trợ từ phía các tập đoàn tài chính Pháp. Họ tự phát triển bằng đồng vốn của mình. Hơn nữa, trong chiến tranh, vùng cao su là vùng kháng chiến của nhân dân ta vì vậy Pháp phá huỷ rất mạnh các vùng cao su riêng lẻ không thuộc các đồn điền lớn của Pháp.

Mặt khác, vào những năm đầu của thế kỷ XX, nhà nước thuộc địa không hỗ trợ người Việt đối với việc khuyến khích trồng và khai thác cao su. Giới địa chủ địa phương quen cách làm ăn chắc chắn là mua ruộng đất, phát canh, thu tô, cho vay, mua lúa non.... Ít người nghĩ đến việc mở rộng và khai thác đồn điền cao su với quy mô lớn. Những nhà tư sản mới, người bản xứ không có nhiều vốn, mỗi bang giao làm ăn với thực dân Pháp còn quá ngặt. Mặt khác vì là con cháu của địa chủ, mưu lợi bằng tô tức, nên họ mang trong mình xu hướng của ông cha là hễ có tiền nhàn rỗi là mua ruộng đất,

phát canh và thu tô, chứ không dám dùng nhiều tiền vào việc đầu tư trồng và khai thác cây cao su. Hơn nữa, vì là một địa phương trong nước thuộc địa nửa phong kiến nên đất đai trồng cao su ở Thủ Dầu Một do người Pháp trực tiếp chiếm đoạt và quản lý.

Trước chiến tranh thế giới lần thứ I, các công ty tư bản Pháp đầu tư vốn vào ngành kinh tế cao su ngày một tăng nhưng đa số cây cao su được trồng chỉ mới ở mức độ thử nghiệm, nên diện tích đất trồng cao su chưa lớn và mức thu hoạch cao su chưa cao. Sau chiến tranh, Pháp và cả châu Âu đều lâm cảnh thiếu hụt nguyên vật liệu phục vụ sản xuất nhằm phục hồi nền kinh tế đất nước. Do đó, nhu cầu về cao su thiên nhiên rất cao và cần thiết. Để bù đắp những tổn thất trong chiến tranh, Pháp ồ ạt tăng đầu tư vào các công ty cao su ở Việt Nam, và việc phát triển diện tích trồng và khai thác cao su được nâng lên thành chủ trương có tính chất “quốc sách”. Chẳng hạn như Công ty cao su đất đỏ có tổng số vốn đầu tư ban đầu là: 2.300.000 Fr., gồm 23.000 cổ phần, mỗi cổ phần là 100 Fr.. Năm 1923 vốn tăng 36.000.000 Fr., năm 1925: 46.000.000 Fr., năm 1935: 110.000.000Fr. Công ty cao su Viễn Đông với số vốn ban đầu là 1.500.000 Fr., gồm 15.000 cổ phần, mỗi cổ phần 100 Fr., Sau đó vốn càng tăng lên: năm 1912: 4.000.000 Fr., năm 1917: 6.000.000 Fr., năm 1920: 8.000.000 Fr., năm 1934: 28.000.000 Fr. Cùng với số vốn đầu tư ngày càng khổng lồ thì mức độ tập trung diện tích trồng cây cao su cũng rất lớn [104;50].

Ở Nam Kỳ, năm 1918 có 7.000 hecta cao su, đến cuối năm 1921: 29.000 hecta (tăng gấp 4 lần), năm 1929 diện tích cao su tăng lên 84.000 hecta, và năm 1930 là 127.707 hecta (tăng gấp 18 lần diện tích năm 1918). Số mủ cao su cũng thu tăng từ 150 đến 200 tấn năm 1914 lên 10.309 tấn năm 1929. Riêng ở Thủ Dầu Một, năm 1927 có diện tích cao su: 21.414 hecta, năm 1928: 29.150 hecta, năm 1929: 33.100 hecta, năm 1930: 70.000 hecta. Số mủ thu được năm 1927: 3.268 tấn, năm 1928: 3.752 tấn, năm 1929: 4.136 tấn, và năm 1930: 14.000 tấn [104;51]

Sự xuất hiện và mở rộng diện tích cao su ở Đông Nam Bộ nói chung và Thủ Dầu Một nói riêng bước đầu tạo ra một cơ cấu kinh tế vùng khá tập trung. Vùng này trở thành vùng khai thác cao su lớn vào bậc nhất của cả nước, và là nơi có quan hệ mua bán với thế giới bên ngoài rất lớn. Và tương ứng với tốc độ phát triển diện tích đồn điền nói trên là sự gia tăng lực lượng lao động ở đây - người công nhân đồn điền - đội ngũ công nhân cao su hình thành sớm nhất và đông nhất nước. Thực trạng xã hội ở đây

cũng có sự phân hoá rõ ràng. Một bên là giới chủ đại diện cho lớp người giàu có, sống xa xỉ, nhưng lại khét tiếng tàn ác. Một bên là người lao động thật thà, sống bằng cách bán sức lao động, nhưng nghèo khổ, bần hàn. Sản phẩm và lợi nhuận do người lao động làm ra đều đổ vào túi giới chủ và những tập đoàn tư bản lớn. Công nhân cao su sống và làm việc khổ cực đến mức mà họ tự quen gọi mình là những “mãnh đời nghiệt ngã”.

1.1.3. Sự ra đời của đội ngũ công nhân cao su đầu tiên ở Thủ Dầu Một

Đồn điền cao su Thủ Dầu Một được hình thành và phát triển càng lớn thì nhu cầu lao động càng trở nên cấp thiết. Trong những ngày đầu khi các đồn điền mới thành lập số lượng công nhân chuyên nghiệp chưa nhiều. Lực lượng lao động chủ yếu ở các đồn điền là những người địa phương làm thuê, thường được gọi là “phu tự do” hoặc “công nhân tự do”. Đa phần, họ là những người thuộc các dân tộc Châu Ro, Châu Mạ, Stiêng, Kơho, M’ Nông... sống ở những nơi xa xôi, hẻo lánh, quen với rừng sâu, thích ứng với điều kiện thiên nhiên hoang dã, và giỏi khai hoang. Nông dân người Kinh và một số ít người Hoa sống quanh vùng hoặc lân cận cũng vào vùng cao su làm thuê kiếm sống trong những năm mất mùa. Thời gian đầu, giữa người chủ và người làm thuê chưa có sự trói buộc về công việc và tiền lương. Người làm thuê thường làm ngày nào thì ăn ngày nấy, muốn làm thì làm, không muốn làm thì nghỉ. Hoặc công việc đồng áng, nương rẫy ở gia đình cần thì họ bỏ về để lo việc riêng, hay công việc làm thuê ở đồn điền này không làm nổi thì họ di dời đến nơi khác. Tình trạng này làm cho các đồn điền lớn thiếu lao động. Vì vậy các nhà chức trách Pháp tìm cách giữ chân những người lao động tự do và cố định họ trong đồn điền. Những công nhân tự do dần trở thành công nhân làm thuê bị trói buộc bởi hợp đồng.

Toàn quyền Đông Dương ký nghị định, tháng 11 năm 1918, về việc tuyển mộ lao động cho các đồn điền Nam Bộ. Nguồn lao động cung cấp cho các đồn điền lớn đa số là chiêu mộ ở các tỉnh miền Bắc và miền Trung. Lực lượng lao động này là những nông dân nghèo đang gặp nạn mất mùa, không có tiền để nộp thuế cho chính phủ, không có tiền trả nợ vay, hoặc bị tội đày, tạp dịch... Họ tự rời làng hoặc đi theo lời chiêu dụ của các chủ đồn điền cao su người Pháp, người Việt có quyền thế vào làm thuê cho các đồn điền cao su ở miền Đông Nam Bộ rất đông.

Từ năm 1914 đến tháng 10 năm 1955, Công ty cao su đất đỏ đã chiêu mộ nông dân nghèo đói từ các tỉnh Thái Bình, Nam Định, Hưng Yên, Hải Dương vào các đồn điền cao su Quản Lợi, Xa Trạch, Xa Cam, Sóc Tranh, Minh Thành... tới 421.000 dân contrat (công – tra) có số [98;11].

Từ năm 1925 đến năm 1954, Công ty cao su Viễn Đông đã kết hợp vừa dụ dỗ, vừa cưỡng bức được 218.000 người. Riêng ở hai đồn điền Lộc Ninh và Đa Kia cũng có số lượng công nhân gần khoảng 20.000 người [98;11].

Từ năm 1926 đến tháng 4 năm 1954, công ty các đồn điền cao su Mít-sơ-lanh ngoài việc mua lại phu công - tra của các công ty khác, phòng mộ phu ở Hà Nội và Bắc Giang đã chiêu mộ được đến 260.000 người. Riêng ở đồn điền Phú Riềng, công nhân cao su được mộ từ các tỉnh Hà Nam, Ninh Bình, Thái Bình. Vào khoảng cuối tháng 6 năm 1927, tốp công nhân đầu tiên đến Phú Riềng gồm 150 nông dân và dân nghèo người Hà Nam. Họ được chủ sở xếp đặt cho ở làng số 2 (trụ sở công ty Phú Riềng hiện nay). Đến cuối năm 1927, tốp công nhân thứ hai gồm 120 dân nghèo người Hà Đông được đưa đến và xếp vào làng số 3. Tháng 2 năm 1930, ở Phú Riềng đã có gần 5.000 công nhân. Sau đó giới chủ người Pháp đã đưa công nhân vào Phú Riềng ngày càng nhiều, số công nhân có lúc lên đến 8.000 người. Ở Dầu Tiếng, tính đến tháng 7 năm 1930 đã có tới 9.973 công nhân. Sau 27 năm kể từ ngày khai thác, sở cao su Dầu Tiếng đã mộ được 45.315 dân phu làm việc cho đồn điền[98;12].

Mặc dù là công ty nhỏ, Lắp-bê không mộ phu ở Bắc ở Trung vào cũng mua lại phu công - tra từ các công ty khác được 5.500 người[98;12].

Nhìn chung, số lượng công nhân người Nam Bộ vào đồn điền lúc đầu ít, nhưng càng về sau, nhất là từ 1945 trở đi, số lượng công nhân người Nam Kỳ có tăng lên do có sự khó khăn trong việc mộ phu từ miền Bắc vào. Số lượng công nhân gốc người Java, người Nhật, người Hoa... tuy có, nhưng ít, lúc mới thành lập đồn điền cao su Lộc Ninh, chủ tư bản đã sử dụng khoảng 300 công nhân gốc Mã Lai[182;5]. Hiện nay, con cháu của họ vẫn còn lưu lại sinh sống ở Lộc Ninh, Phước Long...

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp từ năm 1945 đến năm 1954, số lượng công nhân cao su giảm do phần lớn thoát ly đi theo cách mạng, đồng thời do ảnh hưởng của

chiến tranh làm chững lại việc phát triển diện tích trồng cao su. Đến năm 1954 chỉ còn khoảng 3.000 người làm việc trên 63.000 hecta cao su [116;20].

Đội ngũ công nhân hình thành và phát triển ngày càng đông theo yêu cầu từng thời kỳ khai thác của thực dân Pháp ở các đồn điền cao su. Dưới sự thống trị, kìm kẹp của tư bản thực dân, người công nhân cao su bị đẩy vào tình cảnh bị áp bức bóc lột nặng nề.

Quá trình phát triển các đồn điền cao su đi đôi với quá trình bóc lột sức lao động của người dân Việt. Chế độ lao động ở các đồn điền vừa mang tính chất cưỡng bức vừa bòn rút lao động thặng dư. Vì lợi nhuận, giới chủ tư bản cao su đã áp dụng tối đa các biện pháp để bóc lột sức lao động của công nhân như trả lương “ăn công” nhưng bắt “làm khoán”, kéo dài ngày lao động, tăng cường độ lao động, trả lương thấp... [8;31]. Ách áp bức, bóc lột của tư bản đối với công nhân cao su cả nước nói chung và ở Thủ Dầu Một nói riêng trở thành bản cáo trạng lên án chế độ hà khắc, ác nghiệt ở các đồn điền cao su. Để sinh sống và tồn tại người công nhân cao su đã nổi dậy đấu tranh chống áp bức, bóc lột để giải phóng cho mình và cho cả dân tộc.

1.2. ĐỜI SỐNG CÔNG NHÂN CAO SU THỦ DẦU MỘT THỜI KỲ TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945.

Cùng với quá trình thành lập các đồn điền cao su và sự ra đời của đội ngũ công nhân cao su thì bộ máy cai trị, kìm kẹp của tư bản thực dân Pháp cũng hình thành và có hiệu lực. Tư bản thực dân Pháp đã dựa vào chính quyền thống trị ở Trung ương, địa phương và kết hợp với số địa chủ, cường hào trong việc chiếm ruộng đất, cưỡng bức, tước đoạt, chiêu dụ, lừa mị lao động tại chỗ và các nơi về đồn điền khai phá, trồng và khai thác cao su.

Để có đủ nhân công, thực dân Pháp không bỏ qua thủ đoạn nào. Đờ-ru-xô trong một báo cáo mật gửi Toàn quyền Đông Dương đã viết: “người nông dân chỉ bằng lòng rời khỏi làng, làm việc khi nào họ bị đói. Do đó, phải đi đến kết luận lạ lùng là phương thuốc chữa cái khuẩn bách hiện tại (thiếu nhân công) là phải bần cùng hoá nông thôn, rút bỏ những khoản cấp phát, hạ giá nông sản...” [74;21]. Do vậy, thực dân Pháp cấu kết với địa chủ địa phương chiếm ruộng đất, đặt ra chính sách thuế khoá nặng nề, buộc nông dân rời bỏ làng quê đi vào đồn điền cao su bán thân kiếm sống.

Bỏ ra ít vốn, nhưng thu được số tiền lời khổng lồ là kết quả của việc thực hiện chế độ lao động cưỡng bức. Chế độ lao động cưỡng bức để lại những trang sử thảm thương nhất trong lịch sử phát triển chủ nghĩa tư bản thực dân ở Việt Nam[8;30]. Tố cáo hành động độc đoán, dã man của tư bản Pháp và chính quyền thực dân, vị lãnh tụ vĩ đại của giai cấp công nhân, Nguyễn Ái Quốc viết trong “Bản án chế độ thực dân”:

“... được không ruộng đất rồi, bọn chủ đồn điền lại còn được không cả nhân công nữa. Bọn quan cai trị cung cấp cho họ một số tù khổ sai làm không công hoặc dùng uy quyền để mộ cho bọn chủ đồn điền những nhân công làm việc với một đồng lương chết đói. Nếu những người làm công đến không đủ số hoặc không bằng lòng thì người ta dùng đến vũ lực, bọn chủ đồn điền liền bắt hương lý, nện vào cổ họ, hành họ cho đến khi những kẻ khốn nạn này chịu ký giấy cam đoan nộp đủ số nhân công cần thiết mới thôi” [8;30]

Hoạt động cao su trong thời Pháp thuộc là sự phú cường của chủ đồn điền cao su và cảnh nghèo đói triền miên của công nhân cao su ở các đồn điền.

Các đồn điền ở Thủ Dầu Một cũng như toàn miền Đông Nam Bộ đều phân chia công việc theo 4 hạng người như sau:

1. *Hạng chủ sếp*: Gồm chủ chánh (chủ nhất), các chủ phó và xu, ký, cai, toàn là người Pháp. Số này được tuyển chọn từ quân đội Pháp. Chủ chánh là người có uy quyền và quyền lợi cao nhất trong đồn điền, có quyền sinh sát đối với công nhân và thưởng phạt cấp dưới quyền. Các chủ phó, xu-vây-dăng giúp chủ chánh điều hành quản lý sản xuất tại các phân sở của đồn điền. Chủ chánh và các chủ phó có nhiều đặc quyền đặc lợi, nắm quyền quản lý mọi mặt ở đồn điền.

2. *Hạng thầy*: Gồm xu, ký, cai người Việt, đa phần là hạng người ác. Số này chiếm tỷ lệ 5% trong tổng số công nhân đồn điền. Số xu, cai là những người trực tiếp điều hành sản xuất, chỉ huy các kíp công nhân. Riêng số thư ký có chút ít học vấn và chuyên môn làm việc ở các văn phòng đồn điền. Phần lớn xu, cai, ký là những người biết chuyên môn và có học vấn, có năng lực điều hành quản lý được chủ người Pháp ưu đãi. Bên cạnh số xu, cai là công cụ tay sai đắc lực cho chủ người Pháp chuyên làm nhiệm vụ trấn áp, bóc lột công nhân, số còn lại trong loại hai này là những người lao động bình thường làm công ăn lương, mức sống không cao hơn công nhân.

3. *Hạng thợ*: Gồm những người có chuyên môn, biết kỹ thuật, làm việc ở đồn điền như: thợ cơ khí, thợ điện, thợ mộc, thợ nề, công nhân hoá chất, tài xế.... Số này chiếm khoảng 5-10% trong tổng số công nhân, nhận mức lương cao hơn công nhân cạo mủ chút ít. Điều kiện lao động đối với những người làm công việc chuyên môn, kỹ thuật có phần ổn định và đỡ vất vả cực nhọc hơn. Công nhân trong các nhà máy, các lò sơ chế mủ cũng được xếp vào hạng này.

4. *Hạng phu*: Là những người trực tiếp khai phá đất đai, trồng, chăm sóc và khai thác mủ cao su gồm có: công nhân cạo mủ, công nhân thời vụ, và công nhân làm những công việc linh tinh khác. Số này chiếm 80-85% trong tổng số công nhân đồn điền.

Trong đồn điền, công nhân cạo mủ đông nhất, đóng vai trò quan trọng nhất trong sản xuất cao su, nhưng họ lại là đối tượng bị bóc lột, bị đối xử tệ nhất. Cuộc sống của họ đã từng được xếp vào “những người khổ nhất trong số những người cùng khổ”.

Trong giai đoạn đầu khai phá và hình thành các đồn điền, những người phu khai hoang và phu cạo mủ cao su đầu tiên phải đương đầu với sự khắc nghiệt của thiên nhiên và phải chịu đựng sự đối xử tệ bạc của tư bản thực dân và tay sai.

Trước hết họ phải chống chọi với những hiểm nguy đe dọa của vùng rừng núi hoang vu rậm rạp. Các đồn điền Dầu Tiếng, Quán Lợi, Lộc Ninh đều nằm sâu trong rừng rậm, xa khu dân cư, đường xá đi lại vô cùng khó khăn vất vả. Khí hậu, thời tiết trong rừng rất độc: “có những ngày mây mù phủ xuống rất thấp, cả tuần không thấy ánh nắng mặt trời, không khí nặng nề ngột ngạt. Tuy là xứ nhiệt đới mà ban đêm và buổi sáng ở đây rất lạnh bởi khí lạnh của cây, của đá toả ra. Khí độc dưới đất bốc lên suốt ngày đêm làm thành đám mây dày bay là đà ở các ngọn cây. Người công nhân suốt ngày hít thở những không khí ấy nên sinh ra lắm bệnh tật” [96;10]. Bên cạnh đó người công nhân còn phải đối mặt với thú dữ và nguồn gây bệnh, nhất là muỗi gây bệnh sốt rét, mòng gây bệnh sâu quảng, kiến gây bệnh ghẻ lở, mối rừng ăn thịt người...

Cùng với sự khắc nghiệt của thời tiết, nguồn nước ăn uống tắm giặt cũng là thảm cảnh mà người công nhân phải chịu đựng. Vào mùa khô, những nơi xa sông, suối, công nhân phải tự đào giếng để lấy nước dùng. Nước không đủ để tắm rửa nên công nhân thường bị ghẻ lở, nhiều công nhân nữ bị mắc bệnh phụ khoa. Nước đã hiếm có khi còn

bị nhiễm độc. “Có con suối nước độc, lấy nấu cơm, hạt cơm cứ tím lại. Ăn xong đi tiêu ra máu và vài giờ sau chết”, “Có những con suối nước trong xanh rất đẹp, những người công nhân làm việc mệt nhọc nghỉ trưa xuống tắm. Thế là tối về ngủ một đêm, ngày hôm sau dậy tất cả da thịt cứ nứt nẻ ra và chảy nước vàng, chỉ một ngày là chết hết” [175;6]. Viên thanh tra lao động Đờ-la-ma (Delamarre), có lần về thanh tra ở Phú Riêng đã nhận xét: “Phụ đều nhất trí than phiền là thiếu nước... Tôi vô cùng ngạc nhiên khi thấy trước mỗi lán trại lớn trong suốt 10 lán trại chỉ có mỗi 1 thùng nước ăn nhỏ... Vì thiếu nước nên các phụ đều bẩn, rất nhiều người bị ghẻ lở vì rận chấy đầy người.” [31;47].

Về ở, các đồn điền đều có nhà cao cửa rộng, có đèn điện, có nước máy..., nhưng những thứ đó chỉ đặc biệt dành riêng cho giới chủ, xu, sếp. Còn chỗ ở của công nhân nhiều nơi đều bị đất giống như đồn điền Phú Riêng “dài ngót 20 km. Cứ 1 km chủ cho lập một làng. Ở mỗi làng xây dựng mấy dãy ba-rác (nhà dài). Mỗi ba - rác là chỗ sinh sống của 50 công nhân. Bên trong ba-rác chủ dùng ván gỗ ngăn thành 10 lán. Mỗi lán vuông vức mỗi bề 5m. Công nhân cứ chia nhau 5 người 1 lán. Trong lán chật chội đến nỗi chỉ đặt mỗi một bàn chân khi ra vào. Điều kiện vệ sinh thì rất thấp kém. Mưa thì dột, nắng thì chói chang”[175;5]. Khi trời quá nắng “cả cái nhà nóng như cái bể lò rèn” nhưng lại có khi “mưa xuống, nước dột qua mái nhà ngấm vào bếp, khói mù mắt” [175;7].

Về ăn, phu cao su sống nhờ vào tiền lương giao kèo. Lương là nguồn thu nhập duy nhất của người công nhân. Lương thấp, và thường xuyên bị cướp đoạt, bớt xén. Khẩu phần ăn của công nhân là không dưỡng chất, và tồi tệ. Bữa ăn chỉ có cơm hẩm, cá khô mốc có mùi hôi, thối và muối. Pôn Mô-nê (Paul Monet), một tác giả thực dân đã viết về tình cảnh sống của người công nhân đồn điền cao su trong cuốn “Entre deux feux” (Giữa hai ngọn lửa) như sau:

“... Trước khi ở Bắc ra đi, chủ đã hứa phát gạo không mất tiền cho phu, nhưng khi đến đồn điền thì chủ đã phát gạo và trừ vào lương. Vợ người cai hay giám thị bán chịu gạo với giá 2 đồng một học, gạo này rất xấu, người phu đều phải tự thổi nấu lấy mà ăn. Người phu đã phải uống nước suối hay nước nguồn, vài người đã lấy lá rừng về nấu uống. Giao kèo là 3 năm nhưng công ty đã tìm cách kéo dài ra 4 năm. Nhưng sau 4 năm, người phu may còn sống sót, cũng không có cách nào để quay về xứ sở vì phu

không có tiền và quần áo. Người phu buộc phải ở lại làm và ký thêm giao kèo nữa. Mỗi tháng theo quy định được trả 12 đồng, nhưng những ngày bệnh và ngày nghỉ thì không được trả lương. Mỗi tháng chủ bớt vào tiền lương 5 hào để trừ vào số tiền 6 đồng mà người phu đã được lĩnh trước khi đi. Chủ đã hứa công ty sẽ trả phần thuế thân hàng năm trong thời gian giao kèo cho người phu, nhưng chủ đã không giữ lời hứa và thân nhân của những người phu ở các làng quê đã buộc phải trả phần thuế này” [31;44].

Theo nghị định ngày 25 tháng 10 năm 1927 của toàn quyền Đông Dương thì người công nhân đồn điền cao su hàng ngày phải được đảm bảo khẩu phần là 3.200 calo, gồm có: gạo 700 gram, thịt tươi hay thịt hộp 200 gram (nếu cá thì 400 gram), rau tươi 300 gram, mỡ 200 gram, muối 200 gram, trà 5 gram, nước mắm 15 gram. Trẻ con dưới 14 tuổi cũng được nhận khẩu phần như vậy nhưng chỉ bằng một nửa về số lượng. Nhưng thực ra, công nhân ở các đồn điền đều sống theo cách ăn trước trả sau. Tiền gạo chiếm 70% số tiền lương một ngày. Ví dụ lương ngày đối với công lao động của đàn ông là 3đ50, nếu làm cả tháng không nghỉ ngày nào thì được 105đ. Nhưng phải trừ các khoản chi trả cho tiền gạo, cá khô, mắm muối sau đây:

Trả tiền 24 kg gạo	:	60đ00
Trả tiền 1 kg cá khô:		12đ00
Trả tiền mắm, muối :		17đ00
Tổng cộng	:	89đ00[172;10]

Nếu người công nhân chịu kham khổ, không mua sắm gì thêm thì còn dôi ra được 15đ00. Nhưng công nhân không được nhận 15đ00 tiền mặt đó. Chủ không phát tiền mặt, mà chỉ phát ra những “Tích kê đồn điền” (Tickets plantation) dùng thay bạc phát lương cho công nhân và chỉ có giá trị trong đồn điền, không có giá trị ra ngoài [172;5]. Cách này làm cho công nhân hết hạn giao kèo phải ký hoặc gia hạn giao kèo tiếp theo, vì không có phương cách nào sống khác hơn khi không có tiền để tìm sinh kế khác. Thậm chí công nhân hết hạn giao kèo, không có tiền để mua vé tàu xe về quê hương, xứ sở ở miền Bắc, miền Trung.

Nghị định ngày 25 tháng 10 năm 1927 chỉ nhằm để tổ chức và bảo vệ nhân công hợp đồng, thành lập quỹ hồi hương, quy định các điều kiện tuyển mộ lao động, ký hợp

đồng và vận chuyển công nhân. Nhưng vô hình trung, nghị định này đưa ra những điều lệ luôn có lợi cho giới chủ, công nhân cũng có một số ưu đãi, lợi ích nhưng chỉ đọc được trên giấy. Thực tế, giới chủ tư bản luôn vi phạm, tìm cách lờ đi những những điều khoản cụ thể có lợi cho công nhân trong hợp đồng.

Về chế độ làm việc, theo những điều 5, 7, 8 của nghị định 25 tháng 10 năm 1927 thì nhân công giao kèo, mỗi ngày làm việc nhiều nhất là 10 tiếng đồng hồ, kể cả thời gian đi về. Nhưng thực ra, mỗi công nhân phải làm tới 12 tiếng đồng hồ. Công nhân cạo mủ phải thức rất sớm để đi làm và đến tối mịt mới về đến nơi ở. Nhiều tài liệu cho biết:

“Ba giờ rưỡi sáng, tiếng keng (thường gọi là “tiếng tầm”) nhất nổi lên. Nghe keng, người công nhân cạo mủ vội vàng bật dậy nấu cơm kịp để ăn vội vã mấy miếng và mang theo để ăn trưa, chuẩn bị phương tiện làm việc: thùng đựng mủ, dao cạo, giỏ đựng mủ bèo, mủ dăm...và tầm hai lúc bốn giờ ba mươi, phải có mặt tại sân điểm danh” và “Mỗi ngày công nhân phải làm quần quật tới 12 tiếng đồng hồ. Làm xong về đến nhà thì trời vừa tối. Có hôm 8-9 giờ đêm công nhân cạo mủ mới về được đến nhà”[31;39]. “Không những thế công nhân lại phải làm việc 8 ngày liên tục mới được nghỉ một ngày, mà phải nghỉ luân phiên vì phải bảo đảm cho cây cao su được cạo thường xuyên. Ngày nghỉ thì lại không có lương [85;34].

Công việc luân phiên trong ngày rất nặng nhọc, cạo mủ thì phải cạo thật nhanh để đủ mức khoán và phải khéo tay để không cạo phạm. Chủ quy định là từ 5 giờ đến 9 giờ sáng phải cạo được khoảng 400 cây, mỗi cây cao su trồng cách nhau từ 5 đến 6 mét. Như vậy, trong 4 tiếng đồng hồ công nhân cạo mủ phải vừa làm việc vừa di chuyển đến 2.500 mét.[85;34]

Ngoài giờ làm việc quy định, các chủ đồn điền lớn như: Phú Riêng, Dầu Tiếng, Quản Lợi đã đưa ra cách làm khoán thêm các công việc khác như dọn cỏ, bón phân, mé cành khô, đắp đất ngăn nước mưa tràn từ vùng cao xuống vùng thấp, chống úng cho cây ... khiến không thể tính mỗi ngày người công nhân làm bao nhiêu giờ.

Bằng sự bóc lột sức lao động của công nhân cao su, tư bản thực dân Pháp đã tạo ra món tiền lời khổng lồ. Ở Công ty cao su đất đỏ, năm 1936, mỗi lao động của công nhân tạo ra từ 12.000 – 13.000Fr., nhưng giới chủ chỉ trả lương và các chi phí khác

khoảng 1.000Fr. Năm 1939, 19 công ty cao su ở Đông Dương thu được 309 triệu Fr. tiền lãi, trong khi đó tổng số tiền lương của công nhân trong 19 công ty không đến 40 triệu Fr. [31;27].

Những đơn cử về tiền lương, ăn ở và làm việc kể trên chưa phải là tất cả cuộc sống vật chất của công nhân cao su Thủ Dầu Một, nó chỉ có tính cách gợi lên một số điểm chung nhất. So với cuộc sống của giới chủ tư bản Pháp và tay sai, kẻ bóc lột và cướp nước ta thì cuộc sống của công nhân, người bị bóc lột và mất nước, thật tương phản. Một bên, kẻ ăn bám xã hội sống hết sức xa hoa quyền quý; một bên, người làm ra của cải, sống vô cùng khổ cực, hèn hạ. Cảnh tương phản trong hai cuộc sống ấy đã được thể hiện trong những câu ca mà bất kỳ ở đâu, lúc nào dưới thời thống trị của thực dân Pháp cũng hoàn toàn đúng:

“Ta cơ cực, Tây vui say,
Ta ăn gạo mục, Tây thịt quay bánh mì.
Nhà ta chật hẹp tanh hôi,
Nhà Tây cao ngất trên đồi núi cao.
Thằng Tây da dẻ hồng hào,
Còn ta lem luốc, cồn cào bụng phổi.
Vợ con chủ, sữa bò tươi tắm mát,
Con chó Ki phó-mát còn chê.
Con ta bò lết bò lê,
Cơm gạo cát hẩm, khê đành phải nuốt”
...[8;37]

Ngoài cảnh làm việc cực nhọc, tiền lương thiếu đói, người công nhân còn bị ngược đãi. Chủ đồn điền dùng roi cây, roi dây đánh đập, hành hạ, nhục hình đối với công nhân không cần lý do. Công nhân sống và làm việc với cảm giác như là “Trên đầu có bao nhiêu sợi tóc thì người phu có bấy nhiêu tội tình”. Chủ đồn điền đặt ra hàng loạt những tội trạng để đánh hoặc cúp lương công nhân. Dưới đây là 15 tội mà công nhân đồn điền Phú Riêng, Dầu Tiếng, Quán Lợi... gánh chịu lúc bấy giờ:

1. Bắt kiềng lệch và không đúng kích thước.
2. Đặt bát hứng mũ hơi nghiêng, không kịp lau kỹ bên trong và bên ngoài.
3. Cạo không ngay, miệng cạo không thẳng.

4. Cạo không đúng quy định về độ sâu (một milimet).
5. Cạo dày hơn một milimet.
6. Cạo phạm vào xương cây.
7. Để mũ rơi xuống đất vài giọt mà không vét lên hết.
8. Trời mưa để mũ tràn dính thân cây mà không gỡ kịp.
9. Không làm hết phần cây khoán trong ngày.
10. Dao cạo không sắc.
11. Bệnh chưa liệt giường mà không đi làm.
12. Không đủ số mũ quy định.
13. Không biết “phải quấy” với cấp trên.
14. Có vợ xinh trông dễ coi mà không cố gắng cho chúng.
15. Để gốc cây bần.[31;49]

Bên cạnh những cái tội lớn mà giới chủ áp đặt để áp bức công nhân, còn có những tội khác đối với những người vô phúc vô phần mới đặt chân đến đồn điền là bị đánh “phủ đầu” và uy hiếp tinh thần bằng roi dây, roi cây, giày đinh như: Trận đòn xếp hàng không ngay như “sợi chỉ căng”; Trận đòn gọi số không nghe, hoặc quên số (người công nhân được gọi số thay tên thật của mình, có người được đặt cho con số quá lớn nên không nhớ số của mình là bị đánh); Trận đòn ký ninh. Điều kiện ăn ở kham khổ thiếu thốn, khí hậu khắc nghiệt, công nhân thường bị bệnh hoặc yếu sức, chủ buộc công nhân uống thuốc theo định kỳ. Những tên “Y ác” buộc công nhân xếp thành hàng, há mồm chờ ném thuốc và dội lon nước vào miệng uống, miệng há không to, uống không hết nước để nước tràn ra áo là bị đánh; hoặc còn bị đánh, bị phạt nếu báo bệnh mà “lưỡi không trắng, tai không nóng”[191;12]. Nói chung, người công nhân bị quản thúc mọi lúc mọi nơi như ăn, nghỉ, ngủ, thậm chí có người đi ngoài cũng mắc phải tội chậm chạp, lưỡi biếng. Công nhân làm việc ở vườn cây chăm sóc, vườn cây cạo mũ hay trong nhà máy... đều phải làm việc nặng nhọc và phải hứng chịu nhiều cảnh ngược đãi của giới chủ quản lý.

Ở đồn điền Dầu Tiếng, làng 14, có sếp Hưng, người Việt mang quốc tịch Pháp nổi tiếng tàn bạo, coi đánh người là thú vui, ngày nào hắn cũng đánh người ở ngoài lô, hắn còn đánh chết cả anh bồi bếp. Trong năm 1927 tại đồn điền Dầu Tiếng, trong số 1.000 công nhân có đến 474 người chết [98;28].

Ở đồn điền Phú Riêng có Tri-e (Triai) tiêu biểu cho chính sách roi vọt, từng đánh chết nhiều người. Có lần, Trần Tử Bình, công nhân cạo mủ, lên tiếng cãi lại liền bị Tri-e cùng với xu, sếp đánh đập đến ngất xỉu và bị cùm chân giam vào nhà ngục. Tiếp theo sau Tri-e là Va-sê (Vachet), Xu-ma-nhắc (Soumagnac), Mông-tây (Monteil) cũng khét tiếng là ác. Năm 1930, đồn điền Phú Riêng có hàng trăm người phu cao su ghi tên vào sổ khai tử [172;15].

Sở cao su Phước Hoà có hai cha con Sa-la-mon (Salamom) ác đến mức độ có tài liệu ghi lại rằng “xương trắng của công nhân đã trải đầy hàng vạn gốc cao su, máu của họ đổi màu dòng Sông Bé và nước mắt của họ ngày càng ngập đầy Bàu Cỏ, Đồng Chính [46;10].

Nhưng đời sống vật chất của công nhân dù có khổ cực đến đâu cũng không đau xót bằng nỗi khổ về tinh thần của họ. Nỗi đau lớn nhất của người công nhân cao su là mất nước. Họ là một trong những tầng lớp thấp nhất trong xã hội nên đã phải chịu đựng cái nhục mất nước sâu sắc và thấm thía nhất. Hằng ngày, công nhân cao su làm việc dưới sự đe dọa của roi, gậy của giới chủ thực dân, kẻ thù dân tộc, đồng thời là kẻ thù giai cấp. Công nhân cao su không chỉ âm ỉ trong tâm hồn nỗi đau, cái nhục mất nước mà thường xuyên họ phải chịu đựng những vết thương, nổi hằn lên trên da thịt, trên mặt, trên hông. Nỗi đau vì bị thực dân Pháp kìm hãm trong vòng ngu muội, tối tăm để dễ bề bóc lột. Trước năm 1935, hầu hết các đồn điền cao su đều không có trường học. 90% công nhân (đa số những người cạo mủ) mù chữ, con cái của họ không được học hành. Sau năm 1936, Pháp có lập một số trường lớp ở các đồn điền để dạy con em công nhân, chương trình chỉ dạy từ lớp 1 đến lớp 3, và chỉ đủ biết đọc được kinh thánh. Nếu học sinh muốn học tiếp phải về trường tỉnh, nhưng phần lớn trẻ con buộc phải thôi học từ lúc 12, 13 tuổi, đi làm công nhân cạo mủ, công việc nặng nhọc và bị đánh đập giống người lớn. Mặt khác, giới chủ dùng tiền lương, tiền thưởng để kích thích những tay sai xu, ký, cai, quản thúc và chia rẽ công nhân, chia rẽ người công nhân công - tra với người địa phương, chia rẽ người lương với người giáo, chia rẽ vợ với chồng, tủi nhục nhất là công nhân nữ luôn bị chủ người Pháp, Y ác làm nhục, chia rẽ công nhân làng này với làng khác trong sở... Ngoài ra chủ còn ra sức dụ dỗ, ru ngủ công nhân bằng nhiều hình thức nghiện ngập rượu chè, cờ bạc,... Một số người vì đã sa vào cảnh

ăn trước trả sau, hết hạn công - tra mà nợ vẫn còn nên buộc phải ký bán thân làm việc vĩnh viễn cho chủ người Pháp.

Điều kiện làm việc căng thẳng, môi trường khắc nghiệt của “rừng thiêng nước độc”, ách áp bức bóc lột tàn nhẫn của chủ tư bản, tất cả những cái đó đã quật ngã công nhân cao su Thủ Dầu Một mau lẹ và dễ dàng. Tuổi thọ của người công nhân cao su bị giảm nhanh chóng. Nhiều người trong số họ phải chịu vùi thân ở các lô cao su. Người công nhân sống thì cực khổ mà đến khi chết đi thì còn thương tâm hơn. Khi chết, người công nhân không được chôn bằng áo quan, mà khi sống, họ nằm chiếc chiếu nào, khi chết, lấy chiếc chiếu ấy để bó lại, đặt vào cái áo quan chung đem đi chôn. Đến nơi, những người mai táng trút xác xuống hố, lấp đất mang áo quan về, tiếp tục dùng vào việc chôn người khác. Nghĩa địa là một vùng đất trống đã dọn sẵn. Người chết được dành phần đất chôn khá rộng rãi, cách nhau giữa mộ này đến mộ khác chừng năm, sáu thước, vuông vắn như ô bàn cờ, nhìn chiều nào cũng ngay tắp lự. Vài tháng sau, trên mỗi ngôi mộ, mọc lên một cây cao su non. Chủ đồn điền giải thích rằng, trồng cây trên mộ để che mát cho người đã khuất. Sự thật thì không phải như thế. Chính chủ đã biến nghĩa địa của những công nhân cao su thành vườn ươm cây mới[191;19].

Những người thực thi chế độ thuộc địa của Pháp đã làm cho quan hệ thống trị và bị thống trị trong đồn điền cao su Thủ Dầu Một mang nặng màu sắc hận thù. Càng bị áp bức bóc lột, càng bị đối xử dã man thì lòng hận thù của công nhân cao su đối với thực dân và tay sai càng cao độ. Đằng sau cái nỗi niềm “bán thân đổi mấy đồng xu, thịt xương vùi gốc cao su mấy tầng” là mâu thuẫn dân tộc và giai cấp - cái mầm của quy luật đấu tranh. Nghĩa là trong quá trình phát triển tư bản ở Việt Nam, thực dân Pháp không thể loại trừ được phong trào đấu tranh giai cấp của giai cấp công nhân chống lại sự áp bức, bóc lột này.

1.3. PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CỦA CÔNG NHÂN ĐỒN ĐIỀN CAO SU THỦ DẦU MỘT TRƯỚC NĂM 1945

1.3.1. Phong trào đấu tranh của công nhân cao su Thủ Dầu Một trước khi Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời (1918-1930)

Dưới sự áp bức thống trị của tư bản thực dân, các đồn điền cao su ở Thủ Dầu Một chìm đắm trong bầu không khí tối tăm ngột ngạt. Cuộc sống cơ cực lầm than của người công nhân cao su kéo dài từ năm này qua năm khác hầu như không có lối thoát.

Công nhân trong các đồn điền cao su xuất thân từ những nông dân nghèo khổ “tha phương cầu thực”. Họ là con cháu của ông cha có truyền thống mấy ngàn năm dựng nước và đấu tranh giữ nước, có lòng yêu nước thiết tha và căm thù giặc sâu sắc. Đó là nền tảng để tạo nên ý thức giai cấp của công nhân cao su.

Mặt khác, những người nông dân này đã từng sinh sống ở làng quê bằng phương thức sản xuất tự cung, tự cấp và lao động cá thể tự do. Họ sống và làm việc trên mảnh vườn, ao cá, thửa ruộng riêng lẻ của từng người tự tạo dựng ra hoặc do ông cha họ để lại. Đến khi bị tước đoạt tài sản, bị bần hàn, bước thêm bước nữa vào đồn điền, ký kết giao kèo vào làm việc trong các đồn điền cao su, thì họ trở thành những người sản xuất làm thuê ăn lương, bị bóc lột giá trị thặng dư, sống tập trung và lao động tập thể với một quy trình chặt chẽ và tiêu chuẩn kỹ thuật, có kỷ luật hãn hoi.

Sống và làm việc chung một đồn điền cao su, người công nhân dần dần hình thành tâm lý giai cấp công nhân trong họ. Tâm lý sống chung với đồng nghiệp và làm việc tập thể dần lớn lên theo năm tháng. Chế độ làm việc khắc khổ và bị chủ ngược đãi đã làm cho công nhân nương tựa vào nhau để sống và làm việc. Từ đó công nhân đã đoàn kết lại với nhau, ban đầu thành từng nhóm cùng quê, cùng kíp rồi cả phân sở. Hơn nữa, công nhân thấy ra rằng chính chủ người Pháp da trắng đã từng mang quân xâm lược, đốt phá, cướp đất, giết người, xua đuổi họ ra khỏi làng ngày trước, ngày nay, chủ người Pháp bắt công nhân “làm trâu làm ngựa” “cày” ra tiền cho chủ người Pháp hưởng thụ. Những người da trắng “ngồi mát ăn bát vàng” này là kẻ thù của giai cấp công nhân và là kẻ thù của cả dân tộc. Từ đó, người công nhân dần dần hình thành nên ý thức giai cấp.

Để bảo vệ quyền sống, thoát khỏi ách áp bức bóc lột, công nhân trong các đồn điền cao su nổi dậy đấu tranh. Trong đội ngũ công nhân cao su Thủ Dầu Một, hình thành 3 loại lực lượng:

Lực lượng thứ nhất là những người nông dân địa phương. Pháp đến, lập đồn điền, đất đai rơi vào tay tư bản Pháp, người nông dân buộc phải vào đồn điền chịu trời buộc

làm thuê để mưu sinh. Như vậy ông chủ người Pháp trước tiên đã thu nhận vào sổ của mình một đối tượng mang trong lòng mối hận thù của người dân mất nước và đang bị kẻ cướp áp bức và bóc lột. Thế nên người nông dân bất mãn nảy sinh chống đối giới chủ từ rất sớm.

Loại người thứ hai mà giới chủ người Pháp thu nhận vào đồn điền của mình là người dân tộc thiểu số, khi đồn điền được mở rộng, lấn sâu vào núi rừng, thì người dân tộc buộc phải chạy đi nơi khác, càng chạy càng vào sâu trong rừng thiêng nước độc. Số người không bỏ chạy thì bị chủ bắt khai hoang, công việc nặng nhọc không ai làm nổi. Thêm vào đó còn bị phân biệt đối xử, thậm chí còn tệ hơn người Kinh. Vì vậy đã nung nấu trong lòng họ nỗi oán hận ít ai biết đến.

Lực lượng thứ 3 là những người phu công - tra, lực lượng này đông nhất, xuất thân từ những nông dân nghèo chân chất, mất đất, không chịu nổi cảnh đói nghèo, từ miền Bắc, miền Trung. Một số là những người trốn tránh rồi bị bắt, số đông là những người tình nguyện theo lời chiêu dụ hoặc bị cưỡng ép của giới chủ người Pháp và tay sai vào làm phu cho các đồn điền. Từ nơi nghèo đói đi tìm đất mưu sinh lại một lần nữa rơi vào cảnh đói nghèo nghiệt ngã hơn. Trong đồn điền, làm việc tập trung trong điều kiện nặng nhọc, công nhân thấy cần thiết phải tương trợ giúp đỡ nhau. Chủ người Pháp càng bạo ngược đối với công nhân thì làm cho công nhân càng gần nhau hơn để che chở cho nhau để đấu tranh cùng tồn tại.

Trong thời kỳ đầu do chưa giác ngộ về giai cấp, chưa có nhận thức đúng đắn về phương hướng và mục tiêu đấu tranh: “muốn thoát khỏi kiếp sống nô lệ thì phải đoàn kết giai cấp, chia mũi nhọn đấu tranh vào kẻ thù giai cấp đồng thời là kẻ thù dân tộc”. Công nhân tự phát phản kháng bằng các hình thức bỏ trốn, tự tử, đập phá chén mủ, kiện cáo, lấn công, triệt phá cây giống, đánh các xu, cai có hành động gian ác, giết chủ người Pháp.

Hình thức bỏ trốn diễn ra thường xuyên và rất phổ biến ở các đồn điền cao su Lộc Ninh, Hớn Quản, Phú Riềng, Dầu Tiếng, Phước Hoà, Đa Kia... Công nhân trốn đi đơn lẻ hoặc cùng nhau từ 3 đến 10 người, có những người mới vào đồn điền hoặc những người đã làm việc ở đồn điền nhiều năm. Ở đồn điền cao su Dầu Tiếng, theo lời kể trong hồi ký của Trần Văn Lắc (tức Tám Núi), Ủy viên Ban Thường Vụ Công Đoàn Tỉnh Sông Bé, từng hoạt động cách mạng trong đồn điền cho biết “đêm đêm trong

rừng khuya thanh vắng, có những tốp dân phu khép mình dưới những gốc cây cao su bàn chuyện phá gông cùm. Họ muốn trốn thoát đồn điền đẫm máu và mồ hôi này... Rồi họ trốn, trèo non lội suối, len lỏi trong rừng sâu, cố tìm cho ra đường, đi mãi chẳng thấy đường đâu... Nhiều người tìm mãi không lối ra, chết gục trong rừng, cạp beo ăn thịt, có người chết chới với bên bờ suối, chết treo trên cành cây. Chủ đồn điền đề ra cho thổ dân nào bắt được dân phu trốn, thưởng cho 5 các bạc. Thổ dân thi nhau lùng sục người dân phu trốn. Đem về chủ người Pháp xiềng hai chân họ, cắt đường tóc dọc ngang trên đầu làm dấu, chúng cầm gậy tha sức phang xuống người phu bỏ trốn, bắt nhin đói, nhin khát, tống vào nhà giam một thời gian, sau thả ra nhưng chúng bắt đeo xiềng xích mà đi làm.” [191;4]

Đồn điền Phú Riềng, có một lần 7 phu cạo mủ bỏ trốn bị lính canh bắt được trói dẫn về cho chủ đánh đập và cùm chân giam vào nhà giam cho đến chết. Khi thấy rằng khó có thể bỏ trốn, công nhân tìm cách phá hoại ngầm làm cho chủ người Pháp không phát hiện. Nguyễn Đình Tư (Tư Trung), trong kháng chiến có chân trong Ban chấp hành công đoàn cao su Nam Bộ, trước cách mạng tháng Tám là công nhân cạo mủ đã kể lại cách phá hoại: không bao giờ anh gánh hết mủ thu được về trạm mủ, anh tìm những gò mối đổ mủ xuống và khoả đất lại. Và di chuyển dần từ gò mối này đến gò mối khác mà không bao giờ bị phát hiện. Hoặc khi có Tây, cai giám sát thì anh cạo rất nhanh, lấy được nhiều mủ, nhưng khi vắng bóng Tây, cai thì anh cạo cạn để “mủ chảy ít đi”. Đối với những cây mủ chảy nhanh, anh chỉ cạo phớt vài nhát dao đủ để mủ chảy trên miệng cạo mà không cạo hết cả chiều dài miệng cạo[132;177].

Tuy hình thức bỏ trốn diễn ra thường xuyên, nhưng những người bỏ trốn bị bắt lại khá đông. Vì giới chủ phải mất tối thiểu 400 kg gạo để đưa một người lao động từ Miền Bắc vào đồn điền, nên chủ không để công nhân trốn đi dễ dàng [132;177]. Tính đến năm 1927 số công nhân ở các đồn điền cao su Lộc Ninh, Hớn Quản, Phú Riềng, Dầu Tiếng, Phước Hoà, Đa Kia... bỏ trốn lên đến 3.824 người, bị bắt lại 1.440 người. Năm 1928, số công nhân bỏ trốn tăng lên 4.484 người và số bị bắt lại cũng khá đông[15;51].

Với suy nghĩ tiêu cực từ tính chất bi kịch của cuộc sống không lối thoát, không còn hy vọng, nhiều phu cao su đã tự hủy hoại cuộc sống của mình. Hình thức treo cổ là

chủ yếu, ở đồn điền Phú Riềng, xác các phu cao su nằm ở đường đi, trong rừng, trong nhà... tạo ra những mùi xác khí khó chịu[85;45].

Hành động tự sát là một hình thức đấu tranh tiêu cực nhằm chống lại kẻ thù của mình. Tuy nhiên, nó cũng phản ánh được ý chí không chịu khuất phục trước kẻ thù của công nhân cao su. Trong nhận thức của người phu lúc ấy, việc tự sát cũng như bỏ trốn là một cách tự giải thoát cho mình khỏi cuộc sống đọa đày.

Bỏ trốn thì khó thoát thân, phá hoại ngầm (triệt phá cây giống, đổ bỏ mủ xuống đất) hoặc lãn công sớm hay muộn cũng bị cai, ký, giới chủ người Pháp phát hiện và trừng phạt. Uất ức, công nhân nổi dậy đánh cai, giết chủ người Pháp.

Trong các vụ giết chủ người Pháp, tiêu biểu nhất là cuộc nổi dậy của công nhân làng 2 (đồn điền cao su Phú Riềng) do Nguyễn Đình Tư cầm đầu giết chết giám thị Mông-Tây ác ôn vào tháng 1 năm 1927. Nhưng ngay sau đó công nhân bị đàn áp khốc liệt. Chủ nhất Tri-e đã chỉ huy lính vây bắt khoảng 40 - 50 công nhân, đích thân bắn chết một số người và làm cho 70 phu khác bị thương. Một số công nhân chạy thoát ra rừng bị lính đuổi bắt, giết chết. Nguyễn Đình Tư bị đem ra Tòa án ở Biên Hòa xử tử hình, 15 công nhân bị đi tù khổ sai từ 15 đến 20 năm và hai công nhân khác bị án chung thân[34;36].

Kết quả của những hình thức phản kháng trên nhằm mục tiêu làm cho giới chủ sửa đổi thái độ làm việc đối với công nhân, làm thay đổi phần nào cuộc sống hà khắc và chống lại sự đối xử dã man. Tuy nhiên, những phản kháng mang tính tự phát này diễn ra từng nơi khác nhau, chưa có sự kết hợp thành một phong trào đấu tranh chung. Vì vậy hầu hết những cuộc đấu tranh thời kỳ đầu này đều thất bại. Các vụ đưa đơn kiện cáo thì công nhân đã bị ghép thành tội “gây rối trị an”, có nhiều trường hợp bị đàn áp đẫm máu. Qua thực tế ấy, công nhân thấy được những phản ứng lẻ tẻ không đạt được kết quả mong muốn. Muốn đấu tranh thắng lợi phải có sức mạnh tập thể, phải có tổ chức và lãnh đạo và phải nêu yêu sách thiết thực, cụ thể hơn.

Vào những năm 1925, 1926 đội ngũ công nhân cao su Thủ Dầu Một có những chuyển biến mới trong nhận thức chính trị cũng như trong đấu tranh giai cấp. Sự chuyển biến này bắt nguồn từ sự tuyên truyền, vận động cách mạng của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc sáng lập vào tháng 6 năm 1925 tại Quảng Châu, Trung Quốc.

Năm 1928, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên thực hiện chủ trương “vô sản hoá”, đưa hội viên vào đồn điền cao su để rèn luyện lập trường, quan điểm giai cấp công nhân, xây dựng cơ sở ở các đồn điền, hình thành nên các chi bộ trong công nhân và làm nòng cốt cho nhiều hoạt động đấu tranh cách mạng.

Đầu năm 1928, Nguyễn Văn Vĩnh (tức Nguyễn Xuân Cừ) được cử về hoạt động ở đồn điền cao su Phú Riềng. Tại đây, Nguyễn Văn Vĩnh đã tuyên truyền kết nạp 4 hội viên là Trần Tử Bình, Phạm Thư Hồng, Tạ, Hoà (chúng tôi chưa xác định được họ hai đồng chí Tạ, Hoà) vào tổ chức. Tháng 4 năm 1928, chi bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã chính thức được thành lập do Nguyễn Xuân Cừ làm bí thư. Đây là tổ chức cách mạng đầu tiên được thành lập ở đồn điền cao su Phú Riềng, chịu trách nhiệm lãnh đạo toàn bộ hoạt động đấu tranh của công nhân ở đây. Tháng 6 năm 1928, tổ chức công hội ở Phú Riềng đã được thành lập[86;47].

Hoạt động của tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã hưởng các cuộc đấu tranh của công nhân các đồn điền cao su Thủ Dầu Một vào con đường đấu tranh có tính tổ chức, có tính tập thể bằng các hình thức bãi công, biểu tình, đưa kiến nghị cụ thể lên chủ đồn điền...

Tiêu biểu là hàng trăm công nhân đồn điền cao su Lộc Ninh, Đa Kia đã tiến hành bãi công và đưa ra yêu sách cho chủ Pháp Đờ-la-lăng đòi cải thiện đời sống. Tại Phú Riềng, có 3 cuộc đấu tranh đòi tăng lương và đòi làm việc 8 giờ một ngày, chống làm khoán và chống đánh đập (9-1928). Đặc biệt là cuộc bãi công lớn của 2.000 công nhân Phú Riềng đã cử đại diện gặp Xu-ma-nhắc đưa ra các yêu sách đòi được tăng lương, đòi cải thiện tình hình ăn ở, đòi nữ công nhân nghỉ để được hưởng lương, đòi không phát gạo ẩm, khô mục... Chủ đồn điền đưa lính đến đe dọa, nhưng không có cơ để nổ súng, cuối cùng buộc phải chấp nhận sẽ giải quyết các yêu sách mà công nhân đề ra[34;38]. Trong “Nghị định về chế độ lao động” đã ban hành (25-10-1927): thời gian làm việc là 10 giờ kể cả thời gian đi và về, bị tai nạn lao động được nghỉ có lương, được cấp nhà ở không mất tiền thuê...Thực tế nghị định đó chưa được thực hiện nhưng căn bản đó là cơ sở pháp lý mà công nhân có thể dựa vào đó để tiếp tục đấu tranh buộc chủ đồn điền thực hiện những quyền mưu sinh.

Từ giữa 1929 đến đầu năm 1930, sự ra đời của ba tổ chức cộng sản (Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn) đã đáp ứng nhu cầu bức thiết của phong trào cách mạng, đòi hỏi phải có sự lãnh đạo của một chính Đảng cộng sản thay thế cho vai trò của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

Nhằm tạo thế đứng chân vững chắc của cách mạng ở Nam Kỳ, sau khi thành lập (6-1929), Đông Dương Cộng sản Đảng cử Ngô Gia Tự vào Nam hoạt động. Mục đích là liên lạc với tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Phú Riềng, chuẩn bị điều kiện đủ để thành lập tổ chức mới - chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng ở đây. Tháng 10 năm 1929, chi bộ cộng sản đầu tiên ở đồn điền cao su Phú Riềng thành lập gồm 6 đảng viên: Nguyễn Xuân Cừ, Trần Tử Bình, Phạm Thư Hồng, Tạ, Hoà và Doanh, do Nguyễn Xuân Cừ làm bí thư chi bộ. Đây là chi bộ cộng sản đầu tiên của Thủ Dầu Một, đồng thời cũng là chi bộ cộng sản đầu tiên của ngành cao su Việt Nam. Sau khi thành lập, chi bộ bí mật ra tờ báo “Giải thoát” và xây dựng lực lượng bán vũ trang với vũ khí thô sơ có tên gọi là “Xích vệ đội”. Hoạt động này góp phần nâng cao sự giác ngộ cách mạng của giai cấp công nhân và chỉ dẫn họ cách thức đấu tranh giành thắng lợi. Ngày 7 tháng 11 năm 1929, nhân dịp kỷ niệm Cách mạng tháng Mười Nga năm 1929, chi bộ kết nạp Nguyễn Mạnh Hồng vào Đảng. Sự ra đời của chi bộ Phú Riềng đánh dấu bước trưởng thành của phong trào công nhân cao su, khơi dậy ý thức đấu tranh và làm bùng lên những hoạt động cách mạng mạnh mẽ. Được lãnh đạo bí mật và chặt chẽ của chi bộ, một cuộc bãi công quy mô lớn có đông đảo công nhân cao su tham gia, đã diễn ra 8 ngày (ngày 30 tháng 1 đến ngày 6 tháng 2 năm 1930). Khởi đầu từ cuộc biểu tình thị uy đưa yêu sách đòi quyền lợi lao động, chống đánh đập khủng bố sáng ngày mùng Một Tết Canh Ngọ (ngày 30 tháng 1 năm 1930), treo cờ cách mạng[21;44-45].

Ngày 3 tháng 2 năm 1930 Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và thực hiện chủ trương của chi bộ, toàn thể công nhân cao su Phú Riềng tổng bãi công, ngày mùng 5 Tết (ngày 03 tháng 02 năm 1930). Chủ sở xin chi viện quân lính từ đồn binh Phú Riềng đến khủng bố. Sáng mùng 6 Tết (ngày 4 tháng 2 năm 1930) quận trưởng Mô-re (Morère) đưa 25 lính khố đỏ về Phú Riềng đàn áp công nhân. Lập tức 5.000 công nhân cao su Phú Riềng có sự hỗ trợ của thanh niên Xích vệ đội đã nổi dậy dùng dao, cuốc, xẻng, đá, gậy gộc... đánh lui toán quân đến đàn áp [78;20]. Cuộc bãi công đã thắng lợi và bảo toàn được lực lượng. Công nhân chiếm giữ

được các kho lương thực, thực phẩm trong đồn điền. Các loại giấy giao kèo, hợp đồng cưỡng bức lao động bị công nhân đốt bỏ. Đây là lần đầu tiên, công nhân cao su Phú Riềng được chi bộ đảng lãnh đạo, đã tổ chức cuộc đấu tranh có quy mô lớn, có tính chất quyết liệt, gây sức ép buộc chủ đồn điền cao su ký kết bản ghi nhận hứa sớm giải quyết những yêu sách về kinh tế, chính trị của công nhân đề ra.

Mặc dù sau đó, do thiếu cảnh giác đề phòng, mật thám trà trộn nắm bắt thông tin hoạt động nên nhiều Đảng viên và cán bộ công hội đỏ bị bắt. Nhưng tiếng vang của Phú Riềng đỏ lan đến các đồn điền Quản Lợi, Lộc Ninh, Dầu Tiếng, Phước Hoà, khắp miền Đông Nam Bộ, khắp cả nước... và còn chấn động đến cả dư luận nước Pháp. Cuộc đấu tranh của công nhân đồn điền cao su Phú Riềng đã góp phần thúc đẩy phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam lên một bước phát triển mới. Và cuộc đấu tranh này trở thành một truyền thống bất hủ: truyền thống Phú Riềng đỏ.

Thực tế lịch sử đã cho ra một nhận xét về các cuộc đấu tranh này không chỉ vì lợi ích kinh tế mà còn nhằm mục đích chính trị - đánh đổ kẻ thù giai cấp, kẻ thù dân tộc. Qua đấu tranh đội ngũ công nhân cao su Thủ Dầu Một ngày càng trưởng thành. Ý thức giai cấp được nâng dần lên, tinh thần đoàn kết, tính tổ chức, kỷ luật được phát huy, tình cảm giai cấp ngày càng sâu đậm. Từ đó họ ý thức được rằng chỉ có làm cách mạng và đi theo cách mạng thì mới có được cuộc sống hoà bình, tự do, độc lập và có cơm ăn áo mặc mà công nhân từng ao ước được hưởng.

Trong quá trình đấu tranh chống áp bức, bóc lột của chủ nghĩa tư bản Pháp, các hoạt động đấu tranh của công nhân cao su Thủ Dầu Một tự nhiên đã mang tính chất đấu tranh dân tộc. Thực tế, họ đã trở thành một trong những đội ngũ quan trọng trong công cuộc đấu tranh cách mạng Việt Nam.

1.3.2. Phong trào công nhân cao su Thủ Dầu Một trong 15 năm vận động giải phóng dân tộc (1930-1945.)

Ý thức đoàn kết giai cấp và lòng căm thù thực dân đế quốc ngày càng cao trong lòng mỗi người công nhân cao su Thủ Dầu Một.

Cuối tháng 2 năm 1930, thực dân Pháp ổn định được trật tự ở đồn điền Phú Riềng. Chủ sở Xu-ma-nhắc được điều chuyển về đồn điền Dầu Tiếng. Nhân sự việc này, hàng ngàn công nhân cao su Dầu Tiếng đã tập hợp lực lượng biểu tình, đình công, phản đối

sự hiện diện của Xu-ma-nhắc, nhiều công nhân dùng dụng cụ lao động xông vào tấn công hấn. Không dừng lại ở đó, công nhân cao su Dầu Tiếng liên tiếp đấu tranh chống giới chủ. Ngày Quốc tế lao động ngày 1 tháng 5 năm 1930, gần 5.000 công nhân cao su Dầu Tiếng biểu tình đòi tăng lương, giảm giờ làm việc và cử đại diện về Tỉnh đưa yêu sách. Trước sức mạnh và khí thế sôi sục của phong trào công nhân, thực dân cầm quyền buộc phải nhượng bộ[191;19]. Rõ ràng, ảnh hưởng và tiếng vang của Phú Riềng đã tác động mạnh mẽ đến nhiều đồn điền lân cận.

Sự kiện ngày 1 tháng 5 năm 1930 nêu trên được ghi nhận là ngày tổng biểu dương lực lượng công nhân cao su. Sức ảnh hưởng là rất lớn. Nha mật thám Đông Dương liên tục nhận cấp báo từ các nơi về tình hình đấu tranh của công nhân đòi làm việc 8 giờ/ngày. Phong trào đấu tranh của công nhân cao su là lực lượng đông nhất, báo hiệu bước tiến vững chắc, đấu tranh có tổ chức, có lãnh đạo, đấu tranh vì quyền lợi của giai cấp. Công nhân cao su đấu tranh với ý thức chính trị rõ ràng, và tinh thần giác ngộ cao chống kẻ thù của giai cấp và dân tộc.

Công nhân cao su làm sức ép, giới chủ người Pháp nhượng bộ, xoa dịu tình thế bằng cách ban hành ra một số biện pháp cải thiện đời sống ăn, ở, điều kiện đi lại, chăm sóc sức khỏe và giờ giấc làm việc... cho công nhân trong đồn điền. Nhưng trên thực tế, giới chủ tư bản Pháp vẫn tìm mọi cách gạt bỏ những yêu sách đạt được của công nhân. Sự đói khổ, tình trạng lao động nặng nhọc, nạn ức hiếp đánh đập... vẫn luôn đè nặng lên đời sống người công nhân cao su.

Do vậy, ngọn lửa đấu tranh lại tiếp tục bùng lên, ngày 15 tháng 12 năm 1932, hàng ngàn công nhân nghỉ việc, kéo lên Tỉnh Thủ Dầu Một gặp thanh tra lao động đòi giải quyết tiền lương; tháng 03 năm 1933, tiếp tục đấu tranh đòi thực hiện những yêu sách mà chủ thực dân hứa giải quyết[31;111]. Hưởng ứng các phong trào ở Phú Riềng, Dầu Tiếng, tháng 5 năm 1935, gần 1.000 công nhân cao su thuộc các sở đồn điền Lộc Ninh, Đa Kia cầm xà gạc, cung tên, ná nỏ kéo đến văn phòng chủ sở đồn điền dân sinh, dân chủ[31;114].

Tiếp sức với các phong trào đang ảnh hưởng rộng khắp, ngày 29 tháng 8 năm 1936, công nhân đồn điền cao su Quán Lợi dũng cảm bước vào cuộc đình công phản đối hành động đánh đập của xu, cai[31;152].

Mặc dù bị đàn áp, khủng bố dữ dội, các cuộc đình công, biểu tình trên đã chứng tỏ rằng phong trào công nhân cao su ngày càng phát triển cả về quy mô lẫn ý thức tổ chức. Cùng với công nhân cả nước, công nhân cao su Thủ Dầu Một đã tích cực tham gia vào phong trào giải phóng dân tộc với tư cách là lực lượng tiên phong. Hơn nữa qua đấu tranh, mối liên kết giữa công nhân đồn điền và các tầng lớp nhân dân khác, nhất là nông dân, đã từng bước hình thành.

Tuy nhiên, phong trào công nhân đấu tranh trong thời kỳ này chủ yếu chỉ nhằm giành lấy một số quyền lợi kinh tế, quyền dân chủ. Đội ngũ công nhân tham gia đấu tranh tuy đông về số lượng, nhưng trình độ nhận thức chưa thực sự đồng đều, thống nhất. Sự phối hợp đấu tranh giữa các đồn điền và với người dân địa phương chưa sâu rộng. Các cuộc đấu tranh đều có tổ chức, có mục tiêu cụ thể, nhưng chi bộ Đảng lãnh đạo còn trẻ, lực lượng đảng viên còn mỏng chưa đủ khắp các đồn điền, các sở, các làng. Do vậy, cần có một tổ chức lãnh đạo chung cho phong trào công nhân cao su ở các đồn điền thật sự cấp thiết. Cuối năm 1936, tại đồn điền Dầu Tiếng - địa bàn có phong trào mạnh trong mấy năm qua - chi bộ Đảng cộng sản Dầu Tiếng được thành lập, trực thuộc Thành uỷ Sài Gòn, Gia Định, có: Nguyễn Văn Triết, Văn Công Khai, Đặng Dân, Đinh Công Đoàn. Sự kiện này là một bước ngoặt lịch sử của phong trào công nhân tại đây. Từ năm 1936, phong trào đấu tranh của công nhân cao su đã có sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng thông qua chi bộ đồn điền [32;46].

Đầu năm 1937, Gô-đa, viên đặc sứ của chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp, với danh nghĩa là một thanh tra lao động sang điều tra tình hình Đông Dương, đến Sài Gòn. Nhân dịp này, một phong trào đấu tranh được phát động trong các đồn điền ngay khi ông đặc sứ thực hiện các cuộc tiếp xúc với đại diện đồn điền. Tại Dầu Tiếng, Gô-đa được đón tiếp bằng cuộc mít tinh của trên 500 công nhân hô vang các khẩu hiệu “tự do - dân chủ”, “tự do công hội”, “thi hành luật lao động”... đồng thời đưa kiến nghị đòi quyền lợi thiết thực về ăn, ở, chữa bệnh, đòi tự do lập nghiệp đoàn[21;66-67]

Cùng với Dầu Tiếng, các đồn điền cao su khác cũng diễn ra những sự kiện tương tự. Tuy không giành được thắng lợi, nhưng những cuộc mít tinh này là những cuộc biểu dương lực lượng và ý chí của công nhân cao su trong cuộc đấu tranh chung của cả nước đòi các quyền tự do dân chủ, cải thiện đời sống và tố cáo chế độ thuộc địa phản động của thực dân Pháp.

Từ sau sự kiện tiếp đón viên thanh tra khảo sát tình hình lao động tại địa phương Dầu Tiếng năm 1937, các “hạt giống đỏ” của cách mạng đã tuyên truyền và tổ chức các hoạt động ái hữu, nghiệp đoàn trong đồn điền rất mạnh. Ở Dầu Tiếng, Văn Công Khai và Nguyễn Văn Triết xây dựng các hội ái hữu với chương trình hoạt động cụ thể như “tương tế sinh hoạt”, “đoàn kết bệnh vực bảo vệ khi bị sa thải”... thu hút đông đảo công nhân tham gia. Các hội ái hữu gắn liền với hoạt động của các hội ái hữu của thợ nấu đường ở Thị xã Thủ Dầu Một, của công nhân lò chén ở Lái Thiêu, và các hoạt động của các hội ái hữu Sài Gòn. Tiếng vang rộng ra sang các đồn điền Lộc Ninh, Quản Lợi, Thuận Lợi, Phước Hoà..., tại những nơi này, các hội ái hữu cũng được thành lập và hoạt động có hiệu quả[21;69].

Thời gian từ năm 1932 đến năm 1937, công nhân cao su Thủ Dầu Một đấu tranh đòi quyền dân sinh, với khẩu hiệu trực diện, mang tính liên tục và mở rộng như là “cao trào”, có tiếng vang và ảnh hưởng rất lớn. Trong báo cáo của Thống đốc Nam Kỳ gửi cho Toàn quyền Đông Dương ngày 27 tháng 5 năm 1937 đã đánh giá rằng công nhân cao su biểu tình và đình công “... là đã được chuẩn bị chu đáo từ trước và đã trải qua nhiều cuộc đấu tranh nhỏ để tập dượt. “Không có chi tiết nhỏ nào bỏ sót” và họ là một khối thống nhất và đông đảo [132;196]. Thông qua các nhận định, Thống đốc Nam Kỳ cho rằng “ý thức tổ chức và kỷ luật của những công nhân tham gia đấu tranh, quyết tâm của “ngàn người như một” nhằm đạt cho bằng được mục tiêu đấu tranh”[132;199]

Sang năm 1938, hoạt động của các hội ái hữu đã tiến lên một bước, vận động tập trung, tổ chức đòi nhà cầm quyền Pháp cho thành lập nghiệp đoàn và phát động các cuộc đình công làm áp lực. Nổi bật là hai cuộc đấu tranh ở đồn điền Thuận Lợi (tháng 5 năm 1938) và Lộc Ninh (12-1938). [113;30]

Ngày 1 tháng 9 năm 1939, nước Đức phát xít tấn công Ba Lan, đồng thời tấn công Pháp, Anh hùng dũng vũ lực chia lại thị trường thế giới và thực hiện kế hoạch làm bá chủ toàn cầu, mở đầu cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ II.

Nước Pháp bị lôi cuốn vào vòng chiến. Các cấp chỉ huy Pháp liền cho thi hành các biện pháp ngăn chặn cách mạng ở Pháp và ở thuộc địa. Ở Việt Nam, để ngăn chặn bước tiến của phong trào cách mạng, từ đầu năm 1939, thực dân Pháp tiến hành khủng bố. Lấy cớ là đang có chiến tranh, ngày 28 tháng 09 năm 1939, Pháp ra sắc lệnh giải

tán các hội ái hữu, đồng thời tiến hành vây bắt hàng chục ngàn công nhân lao động Việt Nam, trong đó có nhiều công nhân cao su đem sang Pháp làm lính thợ, lính chiến đấu[31;159]. Việc bắt lính chiến đấu và lính thợ gây nên bầu không khí căng thẳng, nặng nề bao trùm khắp thành thị và nông thôn.

Không chấp nhận cuộc sống như người nô lệ và không cam tâm làm lính chết thay cho thực dân Pháp, công nhân cao su Thủ Dầu Một cùng nhân dân miền Nam đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền.

Tháng 11 năm 1940 cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ nổ ra ở 8 tỉnh. Pháp đàn áp tàn khốc. Các cơ sở Đảng, cơ sở quần chúng bị tổn thất nặng nề. Nhưng một bộ phận lực lượng cách mạng của Đảng đã kịp thời rút vào hoạt động bí mật, lấy đồn điền cao su làm nơi ẩn náu hoạt động chờ thời cơ mới.

Đồn điền Dầu Tiếng là tâm điểm khủng bố của Pháp, chi bộ Dầu Tiếng vỡ, Văn Công Khai và Nguyễn Văn Triết chuyển vùng hoạt động, các đảng viên khác hoặc bị bắt hoặc không còn điều kiện bám cơ sở, bám phong trào[34;50-51]. Phong trào công nhân cao su tạm thời lắng xuống.

Vào lúc khó khăn, ở Dầu Tiếng, chi bộ cấp trên cũng chỉ định được hai nhóm đảng viên bí mật chuyển về hoạt động cách mạng. Nhóm 1 có Nguyễn Hùng Phước, Nguyễn Hùng Minh, Hải Lượng, Nguyễn Văn Dàn hoạt động ở khu vực nhà máy trung tâm sở. Hoạt động một thời gian, do bị khai báo chỉ điểm, Nguyễn Hùng Phước và Nguyễn Hùng Minh đã bị bắt. Nhóm 2 có Văn Công Khai, Nguyễn Văn Trấn, Nguyễn Văn Trung (Mỹ Tho chuyển về), Nguyễn Văn Thi (Long An chuyển về) hoạt động ở làng 1 và xã Định Thành. Nhóm 2 hoạt động lâu dài, xây dựng được nhiều cơ sở trong công nhân[21;94].

Các nơi khác đều có đảng viên hoạt động bí mật, như khu vực Lộc Ninh có Lê Đức Anh, khu chế biến mủ đồn điền Quản Lợi có Hoàng Như Khương (từ miền Trung vào), ở Phước Hoà có Huỳnh Văn Một (Thành uỷ Sài Gòn - Gia Định) hoạt động tại khu vực chợ và vùng Bàu Cỏ[85;49].

Đầu năm 1940, quân đội Pháp thất thủ, nước Pháp bị phát-xít Đức chiếm đóng. Ở Đông Dương, ngày 22 tháng 9 năm 1940, 6.000 quân Nhật tràn qua biên giới Lạng Sơn

vào Việt Nam. Cuối năm 1940, khắp các đồn điền lớn nhỏ ở Thủ Dầu Một đều có lính Nhật kéo về đóng quân, xây kho, dựng bót, làm công sự...[31;163]

Biết rằng Pháp yếu sức không đánh nổi Nhật, công nhân ở các đồn điền Thủ Dầu Một không ngừng đấu tranh đòi quyền lợi. Ở sở cao su Phước Hoà, Huỳnh Văn Một vận động công nhân đòi tăng lương. Trước thái độ dứt khoát của công nhân, giới chủ người Pháp đã chấp thuận tăng lương 0,15đ mỗi ngày.[46;28]

Ở đồn điền Lộc Ninh, cuối năm 1942, hơn 100 công nhân cạo mủ cao su làng 4, 9, và 10 bãi công, biểu tình thị uy, đòi trả lương đúng hạn, đòi giảm giờ làm, ngày làm việc 8 tiếng, không cúp lương... Pháp nổ súng đàn áp công nhân, làm 10 người chết và bị thương, một số người bị Pháp bắt đi [49,18]. Sự mất mát này làm cho công nhân tăng thêm lòng căm hờn.

Trước tình hình đó, nhiệm vụ tái lập hệ thống cơ sở Đảng để duy trì và lãnh đạo phong trào công nhân trở nên vô cùng cấp thiết. Với hoạt động tích cực của Văn Công Khai, đầu năm 1943, đồn điền Dầu Tiếng (làng 1), Tỉnh ủy Lâm thời Thủ Dầu Một được thành lập, có Văn Công Khai (bí thư), Nguyễn Văn Trung, Vũ Văn Hiếu, Nguyễn Văn Thi... [34;51] Từ đây phong trào công nhân cao su được sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy Thủ Dầu Một.

Đêm ngày 9 tháng 3 năm 1945, Nhật làm đảo chính, hất quân đội Pháp, độc chiếm Đông Dương. Tại các đồn điền, các giới chủ người Pháp và tay sai thân Pháp hoặc trốn chạy, hoặc bị Nhật bắt giam. Một hệ thống áp bức bóc lột mới do Nhật chỉ huy lập tức được thiết lập[21;104].

Quán triệt chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” của Trung Ương Đảng, giữa tháng 5 năm 1945, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một thông tin đến các địa phương trực thuộc chủ trương: tích cực chuẩn bị điều kiện, sẵn sàng nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền. Các nhóm công nhân nòng cốt ở đồn điền Lộc Ninh, Thuận Lợi, Dầu Tiếng, nhân cơ hội, hướng dẫn công nhân phá kho lương thực của Nhật. Ở Chánh Lưu, công nhân trong các xưởng cơ giới bí mật lấy súng đạn, chất nổ cất giấu, dùng sắt thép tự chế tạo các loại vũ khí thô sơ..., các đội tự vệ mật được xây dựng ở nhiều đồn điền[21;104-105].

Từ tháng 6 năm 1945 theo chỉ thị của Tỉnh uỷ Thủ Dầu Một, các đồn điền Lộc Ninh, Quản Lợi, Dầu Tiếng, Phước Hoà, đã thành lập lực lượng Thanh niên Tiên phong, công nhân cứu quốc, hội phụ nữ và các đội tự vệ - lực lượng vũ trang của công nhân [15;65]. Các lực lượng nòng cốt này ngày đêm luyện tập quân sự, tự trang bị vũ khí, tham gia quản lý đồn điền.

Ngày 19 tháng 8 năm 1945 cuộc khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi hoàn toàn ở Thủ đô Hà Nội. Tin thắng lợi lan nhanh đến các tỉnh, thành, cổ vũ mạnh mẽ tinh thần cách mạng của công nhân cao su khắp đồn điền Đông Nam Bộ.

Ngày 20 tháng 8 năm 1945, Tỉnh uỷ Thủ Dầu Một họp và quyết định lập Ủy ban khởi nghĩa do Văn Công Khai phụ trách, chọn ngày 24 tháng 8 phát lệnh khởi nghĩa giành chính quyền[21;118]. Riêng các đồn điền cao su, Tỉnh uỷ đã chỉ đạo ngoài việc nổi dậy giành quyền làm chủ tại chỗ, công nhân còn có nhiệm vụ tổ chức lực lượng, phương tiện hỗ trợ cho cuộc khởi nghĩa tại thị xã.

Đêm 24 tháng 8 năm 1945, các đồn điền cao su đồng loạt nổi dậy khởi nghĩa[31;195-196].

Ở sở cao su Phước Hoà, lực lượng Thanh niên Tiên phong do Sơn và Quới lãnh đạo, chiếm các cơ sở hành chính - quân sự và khu vực chợ, kiểm soát tuyến đường qua cầu Sông Bé[46;35].

Ở Hớn Quản (Bình Long), sáng ngày 25 tháng 8, mặc dù quân Nhật chống cự, có xe tăng chiến đấu yểm trợ, song công nhân ở các đồn điền Quản Lợi, Xa Cam, Xa Trạch kết hợp cùng người dân tộc địa phương dùng dao, gậy tầm vông, cuộc xô tới chiếm nhà máy, nhà ga, hỗ trợ và bảo đảm việc di chuyển thuận lợi cho các lực lượng cách mạng vào giải phóng thị xã[19;55]

Trong đêm 24 rạng sáng 25 tháng 8 năm 1945, các lực lượng công nhân ở Dầu Tiếng, Lai Khê đã kéo về hợp lực với nhân dân thị xã Thủ Dầu Một, giành chính quyền ở thị xã[34;54].

Riêng ở Lộc Ninh, tình hình có khó khăn hơn. Lính Nhật phản ứng mạnh, ngăn chặn công nhân tiến về thị xã, buộc lực lượng Thanh niên Tiên Phong giao nộp vũ khí. Xử lý tình hình căng thẳng này, Lê Đức Anh đã khéo léo chỉ đạo gần 300 thanh niên tiên phong kiên quyết không giao nộp vũ khí, quy tụ 02 đoàn người từ đồn điền Lộc

Ninh (1 đi bằng xe lửa, 1 đi ô tô) có mặt ở thị xã đúng thời gian đã định để tham gia giành chính quyền[19,56].

Cùng với thắng lợi chung toàn tỉnh, những ngày gần cuối tháng 8 năm 1945, công nhân ở các đồn điền cao su Thủ Dầu Một cũng đã hoàn thành nhiệm vụ, nổi dậy giành chính quyền. Các đồn điền cao su Dầu Tiếng, Thuận Lợi, Quản Lợi, Xa Cam, Xa Trạch, Lộc Ninh, Đa Kia cử các đại biểu ưu tú tham gia các Ủy ban nhân dân địa phương, góp sức xây dựng chính quyền mới. Một cuộc sống mới đã đến với các đồn điền.

Công nhân cao su Thủ Dầu Một đứng lên giành chính quyền cách mạng, không chỉ là trực tiếp chống lại chủ cao su mà còn là trực tiếp đánh Pháp cứu nước. Ở họ, ý thức giai cấp đã hòa quyện vào ý thức dân tộc. Những sự kiện lịch sử diễn biến từ năm 1930 đến năm 1945 đã chứng minh rằng: công nhân cao su miền Đông Nam Bộ nói chung và công nhân cao su Thủ Dầu Một nói riêng đã góp một phần quan trọng trong việc giành thắng lợi tại chỗ và khu vực lân cận, những thắng lợi này đã giải quyết thắng lợi chung của cách mạng cả nước.

Giành được chính quyền cách mạng tháng Tám năm 1945 là kết quả của một quá trình đấu tranh gian nan từ buổi đầu gây dựng lực lượng và phong trào, trải qua các bước thăng trầm thử thách cho đến ngày tháo tung xích xiềng áp bức. Thắng lợi trong Tổng khởi nghĩa cách mạng tháng Tám năm 1945 ở các đồn điền cao su Thủ Dầu Một chứng tỏ sự lớn mạnh vượt bậc của công nhân cao su sau 15 năm đấu tranh dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng cộng sản.

Cũng như công nhân các đô thị toàn quốc, đội ngũ công nhân cao su miền Đông Nam Bộ nói chung và công nhân cao su Thủ Dầu Một nói riêng, trong những ngày Cách mạng tháng Tám, năm 1945, đã làm tròn sứ mệnh lịch sử của mình là đi tiên phong trong công cuộc giải phóng dân tộc. Bằng thực lực giai cấp và niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, công nhân cao su Thủ Dầu Một hăng hái bắt tay xây dựng cuộc sống mới của người dân trong một nước tự do độc lập và sẵn sàng đương đầu với mọi âm mưu mới của kẻ thù.

❖ TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Có thể nói rằng tỉnh Thủ Dầu Một xưa là một trong những các nôi sản sinh ra ngành nông nghiệp cao su và đội ngũ công nhân cao su ở Việt Nam.

Sau khi đánh chiếm và hoàn tất việc biến Việt Nam thành thuộc địa, thực dân Pháp đã khẩn trương khảo sát vùng đất được thiên nhiên ưu đãi này và tước đoạt đất đai nơi đây để lập đồn điền cao su. Qua thời gian thực nghiệm, giới làm cao su đã biến Thủ Dầu Một là nơi có diện tích cây cao su lớn gấp 3 lần diện tích trồng lúa nước. Để thu được những khoản lợi nhuận khổng lồ từ việc kinh doanh cây cao su, chính quyền thực dân đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho giới chủ làm cao su tha hồ bóc lột sức lao động của phu cao su. Vùng đồn điền cao su Thủ Dầu Một không có giới hạn phân định quyền lực và quyền lợi giữa chủ tư bản và chính quyền thực dân. Quyền lực và quyền lợi là yếu tố chung của hai đối tượng này. Họ đã thỏa hiệp với nhau để dồn nén một lực lượng lớn lao động nơi đây đến đỉnh cao của sự nặng nhọc, nguy hiểm, chết người. Do đó những mâu thuẫn dân tộc và mâu thuẫn giai cấp ngày càng sâu sắc. Những mâu thuẫn này đã thôi thúc người dân phu đồn điền phải đứng lên đấu tranh chống lại ách áp bức bóc lột của giới chủ. Cuộc đấu tranh đó đã đi từ tự phát lúc ban đầu tiến lên tự giác và có tổ chức sau khi có sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam. Tuy rằng các cuộc đấu tranh trước năm 1930 chủ yếu giành lấy một số quyền lợi kinh tế và dân chủ. Công nhân cao su tham gia đấu tranh tuy đông về số lượng, nhưng trình độ nhận thức chưa thật sự đồng đều, thống nhất. Mối liên kết, phối hợp đấu tranh giữa đồn điền và người dân địa phương chưa sâu, rộng. Nhưng những thành quả đấu tranh của công nhân cao su Thủ Dầu Một đã đóng góp xứng đáng vào thắng lợi của cuộc tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

CHƯƠNG II

**PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CỦA
CÔNG NHÂN CAO SU THỦ DẦU MỘT TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG
THỰC DÂN PHÁP (1945-1954)**

**2.1. PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CỦA CÔNG NHÂN CAO SU THỦ DẦU MỘT
TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP
(1945-1949)**

**2.1.1. Công nhân đồn điền cao su Thủ Dầu Một vừa tham gia xây dựng, củng cố
chính quyền cách mạng, vừa kháng chiến chống Pháp (09-1945 đến 12-1946)**

*2.1.1.1. Tình hình các đồn điền cao su và đội ngũ công nhân cao su Thủ Dầu Một
sau Tổng khởi nghĩa.*

Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, cùng với đồng bào cả nước, quân, dân và công nhân cao su Thủ Dầu Một thật sự đã được tự do, độc lập. Tất cả đều rất vinh dự và tự hào vì đã được làm chủ đất nước, làm chủ đời mình, làm chủ tài sản do chính mình làm ra. Mọi người đều hăng hái tham gia vào công cuộc xây dựng và củng cố chính quyền mới tại địa phương mình.

Những ngày đầu cách mạng, nhân dân Thủ Dầu Một, có đông đảo công nhân các đồn điền cao su đã cảm nhận được sự chuyển đổi vĩ đại của cuộc cách mạng, ở sự vắng bóng chủ người Pháp tại đồn điền, sự co rúm của xu, cai ác ôn, ách công - tra làm thuê được cởi bỏ. Từ đây, họ thực sự là những người làm chủ bản thân mình, làm chủ nhà máy vườn cây, làm chủ mọi tài sản do chính họ làm ra.

Sau khi thoát khỏi sự cai trị của thực dân Pháp, công nhân ở các đồn điền cao su tham gia ngay vào các hoạt động cách mạng, bắt đầu xây dựng và củng cố chính quyền mới.

Trong những ngày đầu xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, công nhân cao su gặp không ít những khó khăn, trở ngại. Các đồn điền cao su hầu như đều ngưng hoạt động chăm sóc và khai thác mỏ. Nhiều đồn điền bị bỏ hoang. Các nhà máy sơ chế mỏ và các cơ sở kho xưởng, máy móc, hoá chất bị hư hại, thất thoát chưa phục hồi. Lực lượng lao động và quản lý sản xuất cao su bị phân tán. Hàng ngàn công nhân lâm vào cảnh không tiền, gạo, thực phẩm và mất sức lao động, mang nhiều bệnh nghề nghiệp,

mãn tính do hậu quả của chế độ áp bức bóc lột để lại khiến cho việc khôi phục và phát triển ngành sản xuất cao su gặp nhiều khó khăn, phức tạp.

Cách mạng tháng Tám thắng lợi đã trao chính quyền về tay người lao động. Công nhân cao su là lực lượng lao động đông đảo đang nắm trong tay toàn bộ tài sản vườn cây, nhà máy do chính họ làm ra trong suốt gần nửa thế kỷ qua, đã làm tiền đề, sức mạnh cho họ đứng lên xây dựng và bảo vệ chế độ mới ở địa phương mình, với lời thề: “Quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy” [124;35].

2.1.1.2. Công nhân cao su Thủ Dầu Một xây dựng cuộc sống mới, củng cố tổ chức công nhân cách mạng

Trước những khó khăn và thuận lợi trên, ngày 25 tháng 11 năm 1945, Trung ương Đảng ra chỉ thị “Kháng chiến, kiến quốc”. Chỉ thị đã vạch ra nhiệm vụ cụ thể cho toàn dân là: “Phải củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống cho nhân dân” và dù bằng bất cứ giá nào cũng phải: “Kiên quyết giành độc lập, tự do, hạnh phúc cho dân tộc... thực hiện chế độ dân chủ cộng hoà” [9;16-17].

Cán bộ nòng cốt từng địa phương trực tiếp chỉ đạo thực hiện các chỉ thị trên. Các đồn điền cao su đã xây dựng được Ban quản trị đồn điền đại diện cho chính quyền cách mạng của mình tại nơi làm việc. Lãnh đạo Ban quản trị đồn điền phần đông là những công nhân ưu tú, những cán bộ chủ chốt, từng làm công nhân, gắn bó với công nhân và nhân dân địa phương trong các cuộc đấu tranh, từng tham gia tích cực vào các hoạt động cách mạng, được công nhân bầu cử dân chủ. Ngoài ra, công nhân các đồn điền còn cử những đại diện xuất sắc ra tham gia chính quyền cách mạng ở địa phương.

Nhiều cán bộ ưu tú được bầu chọn làm lãnh đạo như: Lê Đức Anh, lãnh đạo trực tiếp Ban quản trị công nhân đồn điền cao su Lộc Ninh (tham gia trong Ban quản trị đồn điền Lộc Ninh còn có: Ba Quyền (lái xe), Ba Ánh (công nhân), Ba Đền, Cầu, Đậu, Kỳ, Ngân...)[15;62]; Sáu Tề làm trưởng ban cùng các uỷ viên như Nguyễn Văn Chi, Trần Văn quản lý đồn điền cao su Dầu Tiếng[34;57]; Nguyễn Văn Hạnh, Hải Sơn, Bảo lãnh đạo sở cao su Phước Hoà[46;52] ... Các đồn điền cao su Quán Lợi, Xa Cam, Xa Cát,... chính quyền cách mạng cũng đã được thành lập và tự làm chủ.

Ban quản trị các đồn điền cùng chính quyền địa phương xây dựng cuộc sống mới. Nhiệm vụ chủ yếu đầu tiên là tiếp quản đồn điền, tiếp quản toàn bộ cơ sở vật chất, công sở, nhà máy, kho chứa, đất đai và vườn cây của tư bản Pháp để lại; mở kho dự trữ lương thực, thực phẩm của Pháp phân chia cho công nhân và dân nghèo trong vùng; thu gom vũ khí, quân trang của lính để trang bị cho đội tự vệ cách mạng; vận động gia đình công nhân tương trợ giúp nhau vượt khó, chống đói; bãi bỏ các loại thuế khoá, phu dịch nợ nần; sửa chữa cầu cống, đường xá để bảo đảm hệ thống giao thông an toàn, thông suốt; tăng cường phòng thủ, sẵn sàng ứng phó thù trong, giặc ngoài...

Cuộc sống mới sôi nổi khắp nơi. Công nhân cao su phấn khởi tham gia vào các tổ chức đoàn thể như, thanh niên, phụ nữ, công nhân cứu quốc... Nhiều nơi, công nhân tổ chức các buổi sinh hoạt tập thể, hội họp, mít tinh chào mừng thắng lợi. Cuộc sống mới, tự chủ, độc lập được xác lập trong khắp các đồn điền cao su Thủ Dầu Một.

2.1.1.3. Công nhân cao su xây dựng lực lượng tự vệ vũ trang, và tham gia chiến đấu bao vây Pháp tại Sài Gòn - Gia Định.

Để giữ gìn an ninh, trật tự, bảo vệ thành quả cách mạng vừa giành được, trên cơ sở lực lượng thanh niên tiên phong trước Cách mạng tháng Tám, Ban quản trị xây dựng ngay lực lượng tự vệ đồn điền. Thanh niên nam nữ công nhân cao su hăng hái gia nhập các đội công nhân vũ trang.

“Cảm tử” là danh hiệu vinh dự của đội thanh niên tiên phong làm nhiệm vụ tiếp quản mọi cơ sở vật chất, vườn cây cao su, canh gác nhà máy và bảo vệ đồn điền ở Phước Hoà từ cuối tháng Tám năm 1945. Đồn điền cao su Quản Lợi, bên cạnh lực lượng tự vệ thường trực, còn tổ chức được một lực lượng vũ trang mới, là Vệ quốc quân (sau đổi tên gọi là Vệ quốc đoàn) [158,3].

Đồn điền Xa Cam, đã tuyển chọn, lập ra một đội quân với khoảng 200 người. Đội quân này đã tự trang bị vũ khí bằng súng gỗ gắn lưỡi lê, súng hai nòng, tên ná....[158,3]

Lực lượng mặc đồng phục, với tên gọi là “đội quân áo nâu”, “bộ đội áo nâu” là hình ảnh đặc trưng của các tiểu đội, trung đội, đại đội, vệ quốc đoàn ở Lộc Ninh. Thành phần tham gia các đơn vị này là những thanh niên tích cực trong các làng cao su, có vũ khí tự tạo, tự trang bị, như dao, búa, xẻng, liềm, tầm vông vạt nhọn...[158,3-4]

Đồn điền cao su Thuận Lợi, lực lượng “Việt Nam mới” của người dân tộc thiểu số người Stiêng, M’Nông, Châu ro cũng được tổ chức và trang bị bằng vũ khí tự tạo như cung tên, nỏ với những tên gọi “đội quân cung tên”, “bộ phận tên nỏ” [158,4].

Ở đồn điền cao su Dầu Tiếng, rất đông công nhân giỏi, gia nhập lực lượng vũ trang tự vệ đồn điền. Vũ khí có 5 khẩu mít Tây, mít Anh do Thanh niên Tiền phong tự trang bị từ trước khởi nghĩa. Lực lượng tự vệ đi tìm thêm được 7 khẩu do lính Nhật bỏ lại. Tất cả có 12 súng làm vũ khí cho các đội. Phần lớn công nhân tự trang bị dao, búa, cung tên, gậy tầm vông...[79;60]

Những đội tự vệ ở các đồn điền là lực lượng vũ trang cách mạng ở địa phương trong thời điểm đất nước vừa giành được độc lập. Các đội viên tự vệ ngày đêm làm nhiệm vụ canh gác, bảo vệ nhà máy, rừng cao su, giữ gìn an ninh trật tự bên trong và vùng xung quanh đồn điền; tập luyện quân sự, sẵn sàng chiến đấu khi cần thiết...

Cuộc sống tự chủ, độc lập đã thiết lập trong các đồn điền cao su, song guồng máy sản xuất cao su chưa hoạt động lại được. Nhiều thiết bị kỹ thuật sản xuất cao su bị hư hỏng, công nhân chưa quen với việc quản lý trực tiếp những thiết bị, máy cơ khí, máy sản xuất lớn vì trong nhiều năm qua họ quen sống trong cảnh làm thuê ăn lương. Song, những nhân tố của một cuộc sống độc lập, tự do đang được từng bước thực hiện. Đội ngũ công nhân cao su Thủ Dầu Một nói riêng và của cả Miền Đông Nam Bộ nói chung đã xây dựng được một cuộc sống mới, mọi người đoàn kết, cùng sống chung và cùng làm việc trong không khí vui tươi chưa từng được hưởng trước đây.

Trong điều kiện vừa giành được chính quyền đã phải đối phó ngay với nhiều khó khăn phức tạp và kẻ thù đang co mình chờ cơ hội đánh phá cách mạng, những người lãnh đạo cách mạng ở địa phương phối hợp với ban quản trị các đồn điền đã giải quyết thành công nhiều nhiệm vụ cấp bách như: thành lập hệ thống chính quyền và đoàn thể cách mạng, hình thành các đơn vị vũ trang, chống lại âm mưu của một số phần tử phản động thân Pháp, bảo đảm an toàn cho nhân dân... Đó là những nhân tố quan trọng để đội ngũ công nhân chủ động bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Trong khi chính quyền mới tại địa phương ra sức khắc phục những khó khăn về kinh tế, chính trị, quân sự sau ngày cách mạng thắng lợi thì thực dân Pháp được sự hỗ trợ của quân Đồng Minh Anh, xâm lược nước ta một lần nữa.

Được sự hỗ trợ của quân Anh và trên 5.000 lính Nhật, 0 giờ ngày 23 tháng 9 năm 1945, thực dân Pháp nổ súng tấn công vào các cơ quan hành chính Nam Bộ và những cứ điểm quan trọng trong thành phố Sài Gòn, chính thức mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai[31;211].

Ý định ban đầu của Bộ Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp là nhanh chóng đánh chiếm Sài Gòn - Chợ Lớn làm bàn đạp, chuẩn bị và mở rộng phạm vi chiếm đóng ra các tỉnh Nam Bộ và Nam Trung Bộ trong thời gian ngắn, tiến hành bình định, nắm lại các vùng giàu tiềm năng kinh tế và từ đó đánh chiếm Miền Bắc Việt Nam[21;132].

Vì danh dự của Tổ quốc, vì độc lập của dân tộc, quân và dân Sài Gòn - Chợ Lớn đã đánh trả quyết liệt bằng mọi vũ khí có sẵn trong tay. Pháp bị cầm chân suốt một tháng ở nội thành Sài Gòn, chịu nhiều thiệt hại trước sức phản công dũng cảm của quân và dân cách mạng.

Trước hành động tái xâm lược của thực dân Pháp và cuộc chiến đấu anh dũng của quân dân Sài Gòn - Chợ Lớn, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một chủ trương góp sức với Sài Gòn - Chợ Lớn về người và của để ngăn chặn sự lấn chiếm của Pháp, chuẩn bị sẵn sàng đánh Pháp tại chỗ.

Tại các đồn điền cao su Thủ Dầu Một, công nhân gấp rút kéo về Sài Gòn đánh Pháp. Nhiều đơn vị tự vệ cùng một bộ phận công nhân hoặc theo sự chỉ đạo của Ban quản trị đồn điền hoặc tự phát sắm sửa vũ khí, lương thực, hành quân về chiến đấu trên các mặt trận xung quanh Sài Gòn[147;24].

Tại Mặt trận số 1 (còn gọi là Mặt trận tiền tuyến Sài Gòn - Gia Định hay Mặt trận phía Đông), các đơn vị công nhân xung phong của các đồn điền cao su Phước Hòa, Dầu Tiếng,... tham gia chặn đánh từng bước tấn công, phá vòng vây của Pháp. Góp sức với Mặt trận này, Ban quản trị công nhân cao su Dầu Tiếng gấp rút chỉ đạo công nhân, lực lượng tự vệ đồn điền sẵn sàng chiến đấu, quyên góp thuốc men, gạo vãi, lương thực gửi ủng hộ các chiến sĩ đang trực tiếp chiến đấu [21;133].

Tại Mặt trận số 2 (còn gọi là Mặt trận tiền tuyến phía Bắc hay Mặt trận Tham Lương), các đơn vị công nhân xung phong của đồn điền Thuận Lợi, Quản Lợi... trực tiếp đánh Pháp rất dũng cảm. Tại Mặt trận này, Lê Đức Anh chỉ huy một đoàn xe tải chở những “đội quân áo nâu”, “bộ phận tên nã” chi viện từ các đồn điền Lộc Ninh,

Hơn Quản, tiến về Sài Gòn, giúp tìm chân Pháp để các nơi khác có thêm thời gian chuẩn bị kháng chiến khi quân Pháp mở rộng đánh chiếm[21;133].

Cùng với các hoạt động đánh Pháp tại mặt trận Sài Gòn - Chợ lớn, công tác chuẩn bị đánh Pháp tại các đồn điền cũng được xúc tiến nhanh. Ở tất cả các đồn điền Quản Lợi, Lộc Ninh, Thuận Lợi, Xa Cát, Xa Cam, Phước Hoà... lực lượng tự vệ và công nhân cao su tích cực chuẩn bị vũ khí, phương án, sẵn sàng phục kích chiến đấu, đánh chặn lính Pháp lấn chiếm[147;25].

Ở đồn điền cao su Dầu Tiếng, đội tự vệ công nhân đã sẵn sàng cho cuộc kháng chiến. Nguyễn Gia Truyền, Nại Sơn chỉ huy đội công nhân tự vệ chuẩn bị sẵn vũ khí, đào phá các ngã đường, đốn cây lập chướng ngại vật, bố trí các trận địa bằng bụi nhùi, bành mủ cao su khô hung khói mù mịt, chặn bước tiến của quân Pháp xâm lược[192;55].

Ở các đồn điền cao su Quản Lợi, Lộc Ninh, Xa Cam, Xa Cát..., công nhân cùng nhân dân địa phương tự trang bị dao, đao, gậy... tăng cường tuần tra, canh gác tại những vị trí hiểm yếu[147;25].

Trước ngày Pháp tái đánh chiếm các đồn điền cao su, công nhân cao su cùng nhân dân quanh vùng khẩn trương xây dựng chính quyền cách mạng, xây dựng cuộc sống và tranh thủ thời gian ngày đêm chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến mới, từ xây dựng lực lượng vũ trang cho đến việc tổ chức bố trí chặn đánh và phòng bị lực lượng sẵn sàng tác chiến.

2.1.2. Thực dân Pháp mở rộng đánh chiếm Thủ Dầu Một, chiếm lại các đồn điền cao su cũ và phục hồi khai thác cao su.

2.1.2.1. Thực dân Pháp mở rộng đánh chiếm trở lại Thủ Dầu Một, công nhân các đồn điền cao su chặn đánh Pháp tái đánh chiếm đồn điền.

Ngày 23 tháng 10 năm 1945, 6.000 quân Pháp được sự hỗ trợ của 20.000 quân Anh và 40.000 quân Nhật phá vòng vây, đánh nống ra bên ngoài Sài Gòn, chiếm lại các tỉnh Nam Bộ và Nam Trung Bộ. Cũng như cuộc xâm lược lần thứ nhất, chúng tổ chức tấn công về Biên Hoà và Thủ Dầu Một trước[31;217].

Sáng ngày 25 tháng 10 năm 1945, núp dưới cờ quân Anh, Pháp tiến đánh thị xã Thủ Dầu Một. Do chỉ mới được 60 ngày (từ 25 tháng 8 đến 25 tháng 10 năm 1945) sống trong độc lập tự do nên quân và dân Thủ Dầu Một chưa đủ sức chặn cuộc tái chiếm lần thứ hai của Pháp[15;57-58].

9 giờ sáng, ngày 25 tháng 10 năm 1945, Pháp chiếm thị xã Thủ Dầu Một. Từ đây, từng bước Pháp mở rộng cuộc lấn chiếm dần về các quận phía Nam, phía Bắc của Tỉnh và tiến sâu vào vùng rừng núi chiếm lại các đồn điền béo bở mà Pháp đã dày công khai thác suốt mấy mươi năm thống trị trước đây[15;58].

Do có sự chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu, nên ngay ngày 25 tháng 12 năm 1945, khi quân Pháp có quân Anh yểm trợ kéo tới vùng đồn điền, đã vấp phải sự đánh trả mãnh liệt của các lực lượng vũ trang công nhân. Ở các đồn điền Dầu Tiếng, Quán Lợi, Lộc Ninh... thực dân Pháp phải dùng cả xe tăng, thiết giáp để đối phó với sự đánh trả của công nhân[15;59].

Tại các đồn điền, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ địa phương, Ban quản trị đồn điền chỉ đạo công nhân ngăn chặn từng bước chân xâm lược của thực dân Pháp. Các gia đình công nhân tổ chức di dời người già, trẻ em đi tản cư tránh xa các trục đường giao thông chính như quốc lộ 13, 14, vùng cao su, và những nơi trọng điểm tấn công sớm của Pháp. Trên các ngã đường dẫn về đồn điền, về các làng cao su, công nhân tổ chức đào đắp ô ụ, đốn cây làm chướng ngại vật[176;5].

Ở đồn điền Dầu Tiếng, công nhân chiến đấu bằng mưu kế đốt các bành mủ cao su dọc hai bên lộ 14, chặt cây, chà nguy trang, ngăn bước tiến quân Pháp. Ở Thuận Lợi, Phước Hoà, công nhân phục kích cầm tầm vông, cây sầm vạt nhọn, giáo mác... xông ra đánh giáp lá cà với Pháp. Lực lượng tự vệ công nhân các đồn điền đã chiến đấu rất dũng cảm. Rất nhiều công nhân đã anh dũng hy sinh trên từng bước đường tiến quân của Pháp. Do lực lượng Pháp đông với quân khí mạnh nên các đồn điền cao su đều thất thủ. Đồn điền Dầu Tiếng bị Pháp chiếm ngày 29 tháng 12 năm 1945. Đồn điền Thuận Lợi mất về tay Pháp ngày 30 tháng 12 năm 1945. Tháng 1 năm 1946, đồn điền Phước Hoà cũng rơi vào tay Pháp[15;62-63].

Đến tháng 1 năm 1946, sau nhiều lần tung quân đánh chiếm, quân Pháp lần lượt chiếm giữ được hầu hết các địa phương, các đồn điền cao su Thủ Dầu Một[15;63].

Quá trình tái chiếm lại các đồn điền cao su là quá trình giao tranh đẫm máu giữa một bên là quân đội viễn chinh nhà nghề được trang bị vũ khí hiện đại và một bên là lực lượng công nhân cao su và du kích địa phương chỉ có lòng yêu nước và vũ khí thô sơ, dao, xẻng, tầm vông vạt nhọn. Đi đến đâu quân Pháp cũng đều bị công nhân đánh trả quyết liệt đến đó. Nhiều công nhân cao su anh dũng hy sinh để bảo vệ nền độc lập vừa giành được.

Do tương quan lực lượng không ngang sức, quân đội viễn chinh Pháp đã đánh chiếm được các đồn điền. Dựa vào thế lực quân đội, tư bản Pháp cũng lần lượt kéo về chiếm hữu lại các đồn điền cũ, đặt lại nơi đây một nền cai trị như trước. Song, lực lượng công nhân cách mạng vẫn giữ vững được đội ngũ, kịp thời rút ra khỏi vườn cây, nhà máy, tập hợp củng cố lại lực lượng, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến chống lại nền cai trị này, giành lại độc lập cho địa phương mình, góp phần giải phóng cả nước sau này.

2.1.2.2. Pháp ra sức khôi phục ngành sản xuất cao su, và đẩy mạnh việc khai thác cao su

Sau khi chiếm đoạt lại được các đồn điền, giới chủ tư bản cũng đã gặp nhiều trở ngại trong công tác quản lý và sản xuất. Những ông chủ và các trợ tá người Pháp quản lý trực tiếp các đồn điền trước đây theo chân quân đội viễn chinh Pháp trở về nhiệm sở nhưng tỏ ra mệt mỏi và lo sợ trước tình hình chiến tranh diễn ra ngày càng ác liệt. Nhân viên văn phòng người Việt và công nhân cao su, số thì đi theo cách mạng, số thì hy sinh, số khác thì ra khỏi đồn điền. Bộ máy quản lý còn nhiều chỗ trống, công tác khai thác gặp nhiều khó khăn, việc vận hành sản xuất tuy đã hoạt động trở lại nhưng tiến triển rất chậm so với trước[173;6].

Lực lượng lao động tại các đồn điền sau khi Pháp trở lại bị phân tán lớn. Thực hiện chỉ thị của Ủy ban kháng chiến Nam Bộ về việc: “bãi chợ, bãi công và tiêu thổ kháng chiến”, nhiều gia đình công nhân đã di chuyển chỗ ở vào các vùng rừng kế cận, một số công nhân tìm cách về quê ở Miền Bắc, Miền Trung, hoặc Miền Tây Nam Bộ[173;6].

Tại đồn điền cao su Dầu Tiếng, công nhân được lệnh di chuyển sang bên kia sông Sài Gòn, lập làng mới, hoặc đi về các xã Long Nguyên, Thanh Tuyên, Thanh An. Công

nhân đồn điền Thuận Lợi di chuyển về Phước Long, sông Co. Công nhân đồn điền Quản Lợi di chuyển đến các điểm phía Đông Sông Bé. Công nhân đồn điền Xa Cam, Xa Cát chuyển vào khu vực giáp phía Đông sông Sài Gòn... Số gia đình công nhân còn ở lại đồn điền tính chung chỉ còn chưa đầy 50% tổng số công nhân hiện có sau Cách mạng tháng Tám [177;14].

Trước tình hình đó, để khôi phục sản xuất ở các đồn điền cao su, chủ tư bản lớn, ngay sau khi trở lại đồn điền, đã phải tuyển mộ người Pháp vào biên chế các đồn điền, đặc biệt dành ưu tiên cho những người từng tham gia kháng chiến ở Pháp hoặc ở Đông Dương, nhất là ở Việt Nam. Với nhiều ưu đãi, những người phụ tá đồn điền mới đến “đầu quân” vào ngành cao su ngày càng nhiều. Hầu hết các đồn điền cao su ở Thủ Dầu Một đều thuộc các công ty tư bản lớn của Pháp và những ông chủ ở đây đều là những chủ người Pháp:

- Sở Dầu Tiếng của Soci t , chủ sở là Fairber.
- Sở Quản Lợi của Terres Rouges, chủ sở là Gachard.
- Sở Xa Cát của Soci t  des Cultures Tropicales, chủ sở là Momser.
- Sở Xa Cam của Terres Rouges, chủ sở là Lossel.
- Sở Xa Trạch của Terres Rouges, chủ sở là Morange.
- Sở B  Đ p của Soci t  des Cultures Tropicales, chủ sở là Barthes.
- Sở Lộc Ninh của Soci t  des Plantations de L cninh, chủ sở là LaLanes.
- Sở Br linh của Soci t  des Plantations de Br linh, chủ sở là Crolet [154;1]

Trở lại tái chiếm các đồn điền, phục hồi sản xuất cao su, một trong những vấn đề quan tâm đầu tiên của tư bản thực dân Pháp là nhanh chóng thiết lập bộ máy cai trị mới đồng thời cũng là bộ máy quản lý điều hành sản xuất các đồn điền cao su. Khác với những năm trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, trong thời gian này, ngoài hệ thống xu, ký, cai, lực lượng quân sự đặc nhiệm tăng cường, đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ sản xuất, đàn áp và bóc lột công nhân. Các đồn điền cao su là những cơ sở kinh tế, đồng thời cũng là những cứ điểm quân sự của thực dân Pháp. Một số đồn điền thực sự gần như biến thành những trại lính và trại tù.

Để đảm bảo an ninh cho các đồn điền cao su, chủ yếu là các đồn điền lớn. Pháp chủ trương sử dụng lực lượng quân đội viễn chinh Pháp, tăng cường xe pháo, chốt đóng đồn bốt, chi khu, cứ điểm quân sự khắp các đồn điền cao su nhằm kiểm soát công

nhân, ngăn chặn ảnh hưởng của kháng chiến đối với đội ngũ công nhân đồn điền, đàn áp các cuộc đấu tranh của công nhân. Đồng thời các đồn bót này còn làm nhiệm vụ bình định vùng xung quanh nhằm tạo thế an toàn cho đồn điền[191;29].

Trong vùng cao su, “Tây nhà binh” và “Tây đồn điền” hợp tác chặt chẽ với nhau để khống chế công nhân cao su. Phòng Nhì (2^e Bureau - cơ quan tình báo đặc nhiệm Pháp) đóng ở Suối Tre (An Lộc), làm chỗ dựa cho các chủ đồn điền Pháp khắp miền Đông Nam Bộ, trấn áp và khủng bố công nhân và nhân dân trong vùng.

Ngoài lực lượng “lính nhà binh”, “lính sở”, đội ngũ xu, ký, cai, Pháp còn gài lính kín, mật thám, gián điệp, tất cả tạo thành một hệ thống cai trị bóc lột và đàn áp phong trào cách mạng của công nhân cao su và các hoạt động tác chiến của quân cách mạng.

Ngoài các đồn bót, tháp canh, chi khu quân sự dùng trấn áp và khủng bố công nhân và nhân dân địa phương cách mạng, Pháp còn dùng công cụ khác để đối phó với cách mạng và những người yêu nước là các trại tù. Trại tù Bà Rá lập từ năm 1920, sau đó lập thêm các trại A, trại B, trại C để lưu đày dân phu cao su bỏ trốn hoặc những ai can tội “làm loạn”. Trại tù này là hiện thân của chế độ khủng bố tàn ác của chủ nghĩa thực dân. Nó là biểu tượng cho quyền lực vô hạn của chính quyền thực dân. Mọi tù nhân nơi đây đều chịu chung số phận đọa đày tàn nhẫn. Nhưng chính nơi đây lại là trường học cộng sản. Những người bị bắt vào đây đa phần là các cán bộ cộng sản cách mạng. Trong thời gian bị giam cầm nơi đây, họ không rời lý tưởng cách mạng, luôn trao dồi đạo đức cách mạng, biến nó thành động lực đấu tranh cách mạng. Muốn giải phóng mình là phải đoàn kết với nhau đấu tranh lên án lao tù thực dân. Khi có cơ hội là họ đào thoát trở về với cách mạng, làm cách mạng triệt để hơn.

Để phục hồi lại guồng máy sản xuất cao su, “Tây đồn điền”, “Tây nhà binh” cùng với số xu, ký, cai, tay sai đã tiến hành lùng sục, bắt bớ, dụ dỗ công nhân ở quanh vùng và các nơi khác về đồn điền làm việc. Nghiệp đoàn các nhà trồng cao su Đông Dương đã yêu cầu các chủ đồn điền “bắt tất cả những người dân từ 12 tuổi trở lên phải ra làm việc”, Để có đủ người chăm sóc cây và cạo mủ, báo “Climats” của Pháp, ngày 13-02-1946 đã viết: “Lợi khí chính của việc lấy mủ cao su phải là cây súng liên thanh”[132;234]. Vì thế, công nhân cao su bị ruồng bỏ, càn quét liên miên. Không thể sống quá lâu trong rừng sâu trong điều kiện không có phương tiện sinh sống, đói rét,

công nhân buộc phải trở lại làm công cho các đồn điền tư bản Pháp. Đến cuối năm 1946, công việc khai thác và chế biến mủ cao su được phục hồi và dần ổn định. Từ đây, đội ngũ công nhân cao su Thủ Dầu Một lại tiếp tục gánh vác hai nhiệm vụ: đấu tranh với chủ sở hữu quyền dân sinh, dân chủ và tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp.

2.1.2.3. Công nhân cao su tòng quân đánh Pháp, xây dựng công đoàn cao su, và tham gia lực lượng vũ trang kháng chiến

Âm mưu của giới tư bản Pháp là muốn gắn chặt chính sách khai thác thuộc địa với quá trình phát triển cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Mục đích là nhằm thu về lợi nhuận tối đa, bần cùng hoá đời sống công nhân, chồng chất thêm khó khăn cho cuộc kháng chiến của công nhân. Đối với các đồn điền cao su, Pháp dùng thủ đoạn tăng giờ làm, tăng phần việc, tăng lao động nữ, người già và trẻ em để hạ thấp quỹ lương phải trả.

Trước hoàn cảnh đó, Tổng công đoàn Nam Bộ họp hội nghị tại Gò Cát (Chợ Lớn) vào đầu năm 1946 đã chủ trương:

- Đưa cán bộ công đoàn về các cơ sở ở vùng tạm bị chiếm nhằm nắm vững công nhân, tuyên truyền vận động công nhân tin tưởng vào thắng lợi của sự nghiệp kháng chiến và trực tiếp tham gia kháng chiến ngay tại cơ sở.
- Vận động tổ chức thanh niên công nhân tòng quân, gia nhập lực lượng Vệ quốc đoàn để trực tiếp chiến đấu chống Pháp.
- củng cố, phát triển tổ chức công nhân kháng chiến, hệ thống công đoàn rộng rãi trên toàn Nam Bộ. [31;229]

Khẩn trương thực hiện chủ trương của hội nghị, Tổng Công đoàn Nam Bộ đưa cán bộ về vùng cao su bất nối liên lạc và xây dựng lại các cơ sở công đoàn, tổ chức công nhân cao su kháng chiến. Nhiều cán bộ, Đảng viên bí mật trở lại đồn điền làm công nhân, tạo dựng phong trào đấu tranh tại chỗ. Gia đình công nhân được vận động trở về bám đồn điền sản xuất để vừa ổn định cuộc sống vừa xây dựng địa bàn chiến đấu. Tháng 9 năm 1946, công đoàn đã tổ chức lại cơ sở ở hầu hết các đồn điền[31;230].

Ở Thủ Dầu Một, các công đoàn bí mật của công nhân cao su Dầu Tiếng, Lộc Ninh, Hớn Quản lần lượt ra đời. Công nhân cao su tham gia hoạt động công đoàn khá

đông. Ở đồn điền cao su Dầu Tiếng: có 1.500 đoàn viên/2.700 công nhân; Quán Lợi: có 47 đoàn viên/1.400 công nhân; Minh Thạnh: 196 đoàn viên/250 công nhân; Xa Cát: 222 đoàn viên/350 công nhân; Xa Cam: 50 đoàn viên/270 công nhân...[154;2].

Số đoàn viên công đoàn ở các đồn điền cao su ghi nhận ở trên chỉ tính từ năm 1948 trở về trước, sau năm 1948, số đoàn viên có giảm do những đợt rút công nhân ra chiến khu và một số nơi bị địch khủng bố quá gắt gao buộc công nhân phải rút ra khỏi công đoàn[154;3].

Số đoàn viên công đoàn ở đồn điền cao su tích cực các hoạt động giác ngộ, vận động thanh niên công nhân tham gia lực lượng vũ trang. Đặc biệt, ở khu vực Hớn Quản, Lộc Ninh, chú trọng thực hiện chính sách đoàn kết dân tộc, vận động người dân tộc thiểu số tham gia kháng chiến.

Khi được tin Pháp tái đánh chiếm Sài Gòn, phần đông thanh niên nam nữ công nhân cao su Thủ Dầu Một tình nguyện đi ra mặt trận phía Bắc và phía Đông Sài Gòn trực tiếp đánh Pháp. Số công nhân cao su khác tình nguyện trở thành những “chiến sĩ áo nâu”, chiến đấu tại chỗ. Các chi đội Vệ quốc đoàn được thành lập. Chi đội 1 (Thủ Dầu Một – Huỳnh Kim Trương làm chi đội trưởng), chi đội 10 (Biên Hoà – Huỳnh Văn Nghệ làm chi đội trưởng), Chi đội 11 (Tây Ninh – Trịnh Khánh Vàng làm chi đội trưởng)... và đơn vị được gọi là bộ đội lưu động Hoàng Thọ[31;231].

Đồn điền cao su Thuận Lợi, có 400 công nhân khoẻ mạnh tình nguyện vào bộ đội khu 7, chi đội 1, bộ đội Hoàng Thọ. Số đông khác cũng đã thoát ly tham gia xây dựng công binh xưởng ở chiến khu.[86;60]

Đồn điền cao su Lộc Ninh, khi Pháp quay lại tấn công, lực lượng công nhân cách mạng lui khỏi vườn cây, nhà máy, bảo toàn lực lượng. Sau đó, Lê Đức Anh tổ chức lực lượng vũ trang công nhân cao su thành một tiểu đoàn, trang bị vũ khí tự tạo hoặc thu gom được từ cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945. .[86;60]

Đồn điền cao su Dầu Tiếng, sau những trận chặn đánh Pháp giành đất, giành người đầu năm 1946, đã có gần 200 công nhân tình nguyện đi bộ đội. Trong đó có Tư Chức (một cán bộ lãnh đạo phong trào chống Pháp ở đồn điền Dầu Tiếng và về sau là một cán bộ lãnh đạo công đoàn) đã cùng 44 công nhân cạo mủ, gánh cả thùng mủ đi vào chiến khu Long Nguyên[132;233].

Số lượng công nhân tình nguyện ra chiến trường ở Thủ Dầu Một được nêu trên chỉ là đơn cử ở mức độ tượng trưng, thực tế thì công nhân ra đi rất đông, vì chiến tranh càng ngày càng gay go, ác liệt nên số lượng thống kê không đầy đủ. Thực ra, tình hình thanh niên công nhân cao su thoát ly tham gia bộ đội, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng diễn ra liên tục khắp các đồn điền cao su. Theo báo cáo của Tổng Liên Đoàn lao Động Việt Nam tại Đại hội công đoàn lần thứ nhất, tháng 1 năm 1950, trong số 55.000 công nhân đồn điền cao su Nam Bộ trước cách mạng tháng Tám, có hơn 10.000 thanh niên công nhân cao su gia nhập các đơn vị bộ đội Miền Đông Nam Bộ và theo tướng Bôi-xô, tác giả cuốn “Tiểu đoàn 303”, cho biết tháng 9-1946, bộ đội lưu động Hoàng Thọ đã có trong tay hai đại đội mà phần lớn binh sĩ là dân cao su. Tháng 6/1949, bộ đội lưu động Hoàng Thọ thu nhận 163 công nhân của đồn điền cao su Dầu Tiếng [132;228]. Ngoài số đông công nhân cao su đi bộ đội, còn số đông khác tổ chức đi dân công phục vụ cho các trận đánh. Thường là họ tham gia vào lực lượng dân công hoả tuyến, ra sát mặt trận để tải đạn, tải thương, vận chuyển vũ khí, lương thực... tham gia vào việc chuẩn bị chiến trường. Những người chồng, người cha, người chị đi bộ đội thì những người vợ, người mẹ, người em trụ lại đồn điền cũng hưởng về cách mạng, hưởng về người thân của họ trong các chiến khu. Họ gói bánh, gánh gạo, muối, thức ăn, tiền bạc, vũ khí tiếp tế cho bộ đội trong rừng xây dựng công binh xưởng, bệnh viện phục vụ cho chiến trường.

Bên cạnh việc tham gia xây dựng các đơn vị vũ trang lớn của tỉnh, của khu, công nhân cao su còn là lực lượng nòng cốt để thành lập các đơn vị vũ trang địa phương và đồn điền mình. Những đơn vị đó vừa làm công tác tổ chức nối liên lạc, vận động xây dựng cơ sở, tuyên truyền cách mạng, vừa làm công tác đánh tiêu hao, hoặc cầm chân Pháp, góp phần không nhỏ vào thắng lợi của những trận đánh lớn của huyện, của tỉnh, các chiến dịch của khu, mang nhiều tên gọi khác nhau như: Đội quân báo Phước Hoà, đội vũ trang tuyên truyền Dầu Tiếng, đội vũ trang tuyên truyền Lộc Ninh, Sông Bé, Ban công tác liên thôn 7 (hoạt động vùng Đồng Xoài - Thuận Lợi)... Các đội vũ trang của công nhân cao su và các cán bộ công đoàn cao su đều hoạt động cùng nhiệm vụ:

- Xây dựng cơ sở (trong công nhân, trong người dân tộc thiểu số), bám đồn điền vận động công nhân ủng hộ hậu cần, cung cấp tin tức, tổ chức đưa thanh niên khoẻ mạnh thoát ly đồn điền đi kháng chiến.

- Vũ trang tuyên truyền cách mạng, diệt những thành phần gian ác, có nhiều nợ máu, phá đồn, bót, bảo vệ cho công nhân tiến hành “cao su chiến”.
- Tổ chức nghi binh, đánh đồn bót trong đồn điền, phá đường giao thông để cầm chân lính Pháp nhằm phân tán lực lượng Pháp hỗ trợ các chiến dịch của cách mạng.[159;12]

Hầu hết các đơn vị vũ trang đang đứng chân hoạt động công khai và bí mật trong tỉnh đều có công nhân cao su tham gia. Công nhân là lực lượng lao động đông đảo nhất trong tỉnh, đời sống và lễ lối lao động tập trung giúp cho họ có ý thức tổ chức kỷ luật tốt. Từ người bị xem là “nô lệ” cho chủ người Pháp, nay thoát ly đi đánh chủ người Pháp, trở thành người cách mạng thì công nhân rất dũng cảm, kiên trì bám đánh Pháp, đánh rất căng và gan góc để giành lại độc lập và tự do cho bản thân mình và cho cả dân tộc.

2.1.3. “Mặt trận cao su chiến”

2.1.3.1. Chủ trương của ta về cao su chiến.

Bao vây, phá hoại kinh tế giặc là một chủ trương lớn của Xứ uỷ, Khu uỷ Miền Đông nhằm làm tiêu hao tiềm lực và dự trữ kinh tế của Pháp, góp phần phát triển kinh tế kháng chiến.

Cùng với hoạt động mở cơ sở, vận động phong trào kháng chiến, từ tháng 9 năm 1946, hầu hết các tổ chức công đoàn trong các đồn điền cao su ở Miền Đông đã liên lạc và phối hợp với Liên hiệp công đoàn Nam Bộ và bắt đầu hoạt động rộng khắp. Tuy hình thức tổ chức mỗi nơi khác nhau như: “Ủy ban công nhân”, “Công nhân cứu quốc”, “Nghịệp đoàn cao su”..., song nội dung đấu tranh đều thống nhất: giải phóng giai cấp, bảo vệ độc lập dân tộc.

Tháng 12 năm 1946, các tổ chức công đoàn cao su miền Đông đã hợp nhất hoạt động lấy tên là: “Nghịệp đoàn cao su miền Đông Nam Bộ”

Đầu năm 1947, hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ Tịch đẩy mạnh sự nghiệp toàn quốc kháng chiến, Nghịệp đoàn cao su miền Đông Nam Bộ đề ra những nhiệm vụ cụ thể:

- Củng cố và phát triển tổ chức công đoàn.

- Đưa thanh niên ra tiền tuyến.
- Mở Mặt trận “Cao su chiến”.[176;25]

Mặt trận “cao su chiến”, lúc này, đã trở thành khẩu hiệu đấu tranh của công nhân cao su với nội dung “Biến đồn điền cao su thành chiến trường diệt địch”, “phá hoại kinh tế địch”. Từ chủ trương đó trong nhiều đồn điền lớn, nhỏ và vừa của người Pháp, công nhân hưởng ứng Mặt trận “cao su chiến”, tiến hành công tác phá hoại trong các cơ sở cao su, ngấm ngấm đánh phá kinh tế cao su của Pháp: làm chết cây, phá hoại việc khai thác mủ và các cơ sở sản xuất và chế biến cao su của Pháp. Mục đích là phá hoại kế hoạch lấy chiến tranh nuôi chiến tranh của giặc Pháp. Khẩu hiệu chung là “phá hoại cao su là yêu nước”, “phá hoại cao su là kháng chiến”.

2.1.3.2. Hoạt động cao su chiến.

2.1.3.2.1. Phá hoại cao su

Ở từng vị trí khác nhau, công nhân cao su đều đồng loạt tham gia công tác phá hoại cao su bằng nhiều cách khác nhau. Y tá ở trạm y tế lấy thuốc, người làm văn phòng lấy giấy, bút, mực..., thủ kho lấy cuốc xẻng, dao, búa... gửi ra khu kháng chiến. Công nhân cạo mủ đập phá chén mủ, đổ mủ nước và mủ tạp, gửi thùng đựng mủ, dao cạo mủ ... ra chiến khu và hô hoán lên rằng Việt Minh đã về đồn điền trong đêm và tịch thu của họ.

Lúc đầu công nhân ngấm ngấm phá hoại cao su theo cách tỉ mỉ, nhỏ nhặt từng bộ phận như bằm cây, vặt vỏ cây, cạo mủ sâu vào thân cây. Nhưng chủ đồn điền lại cho chữa lành những vết thương trên thân cây trong 5 tháng bằng chất loại gọi là “Green Pét-ro-la-tum”. Cách này làm cho giới chủ lo sợ, nhưng mất nhiều thời gian. Vì vậy công nhân chuyển sang bóc rễ, tiện gốc cây, chặt sâu vào quá nửa thân cây làm cho cây cao su rụng lá, chết dần, dễ gãy đổ khi có gió hoặc đốt vườn cây cao su trong mùa cao su rụng lá[191;15]. Những bác công nhân già trực tiếp tham gia phá hoại cao su kể lại: “... Buổi chiều công nhân đi làm ngoài lô cao su, trước khi về đốt 3 cây nhang, cột chặt ở bên dưới chân cây nhang 5, 3 cây diêm quẹt rồi lén đặt vào trong đồng lá cao su. Khi công nhân đã về đến trại thì nhang cũng vừa cháy đến diêm quẹt bốc cháy thành ngọn lửa, cháy rụi vườn cây cao su, và sau đó hô hoán là do Việt Minh làm”.

Sau những đợt phá hoại cao su, chủ tiếc của điền cuồng trả thù, rình rập, truy chụp bắt bớ công nhân. Nhưng phong trào phá hoại cao su vẫn diễn ra rộng khắp và sôi nổi. Công nhân cao su đã nêu bật ý chí đấu tranh dũng cảm kiên cường, không khuất phục trước những đòn tra tấn dã man. Ở Dầu Tiếng, có những tấm gương hy sinh như chị Hiệu. Chủ và lính đồn điền bắt quả tang chị đang trút bỏ mủ cao su xuống đất, bị tra tấn hết sức dã man, chị vẫn quyết một mực không khai tổ chức và cán bộ chỉ đạo. Lính đồn điền đã phanh thây chị vứt ra ngoài rừng hòng uy hiếp công nhân [79;76]. Ở Quán Lợi, năm 1947, nhà máy bị phá hoại, lính đồn điền lôi 11 công nhân tra khảo nhưng không được một lời khai, lính đê hèn xả súng bắn chết một loạt cả 11 người [110;575]. Cũng trong năm này, ở Lộc Ninh, chủ sở phát hiện cây cao su bị chặt, chủ sở cho bắt những công nhân gần đó tra hỏi không có kết quả, liền ra lệnh cho lính đồn điền chặt đầu 2 công nhân. Tất cả những hành động tàn bạo đó chỉ thúc đẩy thêm lòng căm thù giặc và quyết tâm ủng hộ kháng chiến của công nhân. Khủng bố điền cuồng rồi thực dân Pháp cũng chuốc lấy thất bại và phải thú nhận “sức sản xuất cao su của chúng tôi hiện giờ đã mất hẳn 2/3 do công nhân phá phách, bỏ đồn điền đi. Mỗi nguy cơ này có thể to lớn hơn nữa...” [116;68].

Hoạt động phá hoại cao su trở thành cao trào trong những năm 1948, 1949. Hình thức phá hoại thống nhất là công nhân đồng loạt nghỉ việc, đấu tranh không ra lô cạo mủ hoặc đổ mủ xuống đất...

Cùng với việc ngấm ngấm phá hoại kinh tế của Pháp, công nhân cao su Thủ Dầu Một còn đấu tranh chính trị rất mạnh và quyết liệt. Năm 1948, công nhân cao su Dầu Tiếng nhiều lần tổ chức các cuộc đấu tranh chống sa thải công nhân, đòi lại phần cây cao và các quyền dân sinh khác. Nổi bật nhất là cuộc đình công tại lò xông vào cuối 1948. Sau một thời gian nguy biệ, thuyết phục công nhân “Cần ăn gạo đỏ để chống phù thũng”, nhưng công nhân cương quyết không làm việc. Cuối cùng, đích thân Ê-đéc-lanh phải đến dàn xếp, chấp thuận yêu sách phát gạo trắng, thực phẩm tốt và nâng lương cho công nhân. Cuộc đình công giành thắng lợi [79;75-76]. Ngoài ra, những cuộc bãi công, mít tinh ở các nơi khác liên tục diễn ra để kỷ niệm các ngày lễ lớn: 1-5, 19-5, 2-9, hoặc để tưởng nhớ truy điệu các cán bộ công nhân hy sinh...

Hỗ trợ cho công nhân cao su đấu tranh chính trị, phá hoại cao su của Pháp, lực lượng tự vệ mật, du kích mật đồn điền tích cực hoạt động diệt ác trừ gian. Tự vệ mật,

du kích mật đồn điền còn phối hợp với các chi đội Vệ quốc đoàn hoạt động tác chiến đánh giặc trong đồn điền, cùng với “quốc gia tự vệ cuộc” phục kích trên đường giao thông, tập kích đồn bót, chống càn quét. Trong tháng 4 năm 1947, lực lượng “Vệ quốc đoàn” Hớn Quản khoảng 150 người do Lê Đức Anh chỉ huy đã đánh Pháp ngay trong quận, vừa diệt ác, phá cầu đường, vừa đột nhập vào đồn điền phá kho vũ khí, lương thực, đánh phá nặng khu chăn nuôi - nhà bò, nhà heo - của đồn điền, vừa vận động nhân dân chiến đấu[182;11].

Cùng với việc đánh vào thị trấn Hớn Quản, lực lượng này còn đánh vào đồn điền Xa Cam và đồn điền Xa Trạch, lấy giữ được lương thực, thực phẩm, đốt rụi nhà kho vật tư, nhà mủ, văn phòng lưu giữ hồ sơ, sổ sách...[27;15]

Các trận đánh trên đã có tác động lớn, ảnh hưởng rất mạnh đối với phong trào quần chúng trong tỉnh, gây được niềm tin vào sự trưởng thành của lực lượng vũ trang chiến đấu.

Trong cuộc chiến về cao su, hình thức phá hoại cao nhất và quyết liệt nhất là việc công nhân tổ chức đốt cháy vườn cây, nhà máy, rồi bỏ hẳn đồn điền đi bộ đội, đi xây dựng các làng mới nhằm sản xuất lương thực cho kháng chiến. Phụ nữ và trẻ em ở lại đồn điền đảm nhiệm tất cả mọi công việc, cạo choàng cả phần cây, làm thay công việc của người cha, người chồng để chủ người Pháp khởi nghi ngờ đồng thời để nhận đủ phần gạo nuôi gia đình, ủng hộ kháng chiến. Một số nhân viên văn phòng, xu, ký, cai tốt có cảm tình với cách mạng, được cán bộ công đoàn cơ sở vận động tự nguyện ra chiến khu, gây khó khăn rất lớn cho giới chủ trong việc quản lý đồn điền.

Những công tác phá hoại trên còn có sự góp sức của công đoàn cao su, Vệ Quốc đoàn, Công an xung phong, Dân quân làng. Lúc đầu, công tác phá hoại còn mang tính tự phát, bí mật. Về sau, từ mùa thu năm 1949, các liên trung đoàn trên địa bàn miền Đông Nam Bộ đều thành lập một đại đội đặc nhiệm phá hoại cao su và hỗ trợ cho phong trào công nhân tại các đồn điền. Đại đội 2709 trực thuộc tiểu đoàn 903 có 60 người hầu hết là dân cao su Quản Lợi, Xa Cát, Xa Cam, Lộc Ninh, Minh Thạnh gia nhập vệ quốc đoàn từ sau Tổng khởi nghĩa, gọi là “Đại đội cao su”. Họ đều tham gia tổ chức Công đoàn bí mật, vừa tích cực đấu tranh chính trị đòi quyền lợi, vừa đẩy mạnh phá hoại sản xuất cao su của giặc, đạt nhiều kết quả đáng kể.[202;5]

2.1.3.2.2. Tham gia các trận đánh giao thông, chống chính sách bình định về kinh tế của Pháp.

Sau thất bại trong trận Việt Bắc năm 1947, đầu năm 1948, Thực dân Pháp bắt đầu chuyển hướng chiến tranh. Từ chiến lược đánh nhanh thắng nhanh, Pháp chuyển sang chiến lược đánh lâu dài, quay lại bình định vùng đã chiếm đóng và lấn chiếm vùng căn cứ cách mạng. Tại Nam Bộ, từ tháng 4, Pháp chuyển mạnh sang thực hiện chính sách bình định nhằm biến nơi đây thành nơi dự trữ chiến lược cho cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam và ba nước Đông Dương, chính sách bình định của Pháp nhằm phá hoại kinh tế, ngăn ngừa giao thông tiếp tế của quân cách mạng, bảo đảm giao thông tiếp tế cho Pháp; đánh mạnh vào lực lượng dự trữ của quân cách mạng, xây dựng lực lượng dự trữ của Pháp; củng cố và mở rộng vùng chiếm đóng, thực hiện “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”, “dùng người Việt đánh người Việt”[21;161-162].

Với mưu đồ đánh lâu dài, Pháp vừa rải quân chiếm đóng, bình định, giữ đất, vừa tập trung lực lượng để cơ động tác chiến. Nam Bộ vẫn là trọng điểm trong chiến lược chiến tranh của Pháp. Nguồn lợi lớn từ lúa gạo ở miền Tây, và chất “vàng trắng” của cao su ở miền Đông Nam Bộ làm cho Pháp ngày càng cần thiết phải dành một bộ phận lớn quân đội đóng thêm đồn bót, cứ điểm, chi khu quân sự ở khắp Nam Bộ.

Tại các vùng cao su Thủ Dầu Một, Pháp tiến hành xây dựng thêm nhiều đồn, bót, tháp canh ở các khu vực xung quanh đồn điền, các làng công nhân và các đường giao thông (lộ 13, 14) chạy qua vùng cao su. Đồn, bót, tháp canh là vị trí tập trung đứng chân của những đơn vị ứng chiến cơ động, sẵn sàng càn quét, chà xát, khủng bố các khu căn cứ cách mạng kế cận đồn điền, nhằm đánh bật lực lượng bám trụ của quân cách mạng và bảo vệ sản xuất cao su.

Ngoài việc đánh phá kinh tế kháng chiến của quân cách mạng, Pháp còn tăng cường hoạt động tình báo, gián điệp, cho người phản cách mạng trà trộn vào dân sống ở bên trong, bên ngoài các làng cao su và trong căn cứ kháng chiến để chỉ điểm và gây chia rẽ hàng ngũ kháng chiến của quân cách mạng.

Để bảo vệ cơ quan lãnh đạo, bảo vệ các cơ sở cách mạng bên trong và ngoài đồn điền, các lực lượng vũ trang công nhân phối hợp với dân quân du kích, bộ đội địa phương tổ chức đánh phá đồn bót, đánh phá giao thông, cắt đường vận chuyển của

Pháp. Những hình thức đánh phá tiêu biểu là đào đường, đắp mô, cấm chông, gài mìn và lựu đạn phục kích chặn đánh Pháp vận chuyển hàng hóa, lương thực, cản trở lính Pháp đi càn trên các tuyến đường 13, 14. Đối với con đường sắt từ Sài Gòn đến Lộc Ninh, công nhân cao su cùng nhân dân địa phương và dân quân du kích gỡ tà vẹt, tháo ốc vít, mang từng đoạn sắt về rèn cuốc, dao, rựa... làm cho thực dân Pháp gặp khó khăn lớn trong việc tiếp tế các đồn điền xa xôi và chuyên chở mủ cao su về Sài Gòn để xuất khẩu. Những trận “giao thông chiến”, phục kích đánh các đoàn công - voa, làm cho con đường 13 thành “con đường không vui-đầy máu và nước mắt” đối với Pháp và tay sai[110;581]. Sau này, những năm 50, công ty cao su Đất Đỏ (SPTR) phải thuê máy bay chở cao su về Sài Gòn, cước phí gấp hai lần chở bằng ô tô và hơn hai lần nếu chở bằng tàu hỏa[132;225].

2.1.3.2.3. Chuyển hướng công tác phá hoại cao su.

Tháng 9 năm 1949, Xứ ủy Nam Bộ họp hội nghị đề ra nhiệm vụ cách mạng của Nam Bộ trong đó nhấn mạnh về việc xây dựng tổ chức công đoàn cao su Nam Bộ, phát triển phong trào công nhân cao su, hướng phong trào công nhân cao su vào thực hiện nhiệm vụ chung trong giai đoạn này là đẩy mạnh chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang chống thực dân Pháp[155;3]. Nghị quyết hội nghị quân sự Nam Bộ tháng 9 năm 1949 chỉ rõ:

“Cao su là nguồn lợi kinh tế chính của Pháp ở Khu 7 nên chúng ta phải cố gắng giành giật những vùng có nguồn lợi này.

Công nhân cách mạng phải tăng cường việc phá hoại cao su, đánh vào các đường cao su, vào các lô cao su làm cho kinh tế Pháp phải hao hụt và buộc Pháp phải đem quân lên phòng vệ sở, làm cho chúng ngày càng khốn đốn về nạn khủng hoảng quân số đồng thời hao hụt vật lực và tài chính không đủ sức đeo đuổi chiến tranh với ta... Khu 7 có nhiều sở cao su quan trọng nhất là vùng Hớn Quản, Lộc Ninh rồi đến Thuận Lợi, Dầu Tiếng. Công tác phá hoại cao su phải nhằm vào một hướng chính, căn cứ vào nơi quan trọng, đánh phá nơi ấy để làm rung rinh cả cơ sở kinh tế của địch mà tập trung vào đó”[34;87].

Quán triệt Nghị quyết Hội nghị Xứ ủy, Liên hiệp công đoàn Nam Bộ quyết định triệu tập đại hội công đoàn cao su Nam Bộ. Đại hội đại biểu công đoàn cao su Nam Bộ

khai mạc vào ngày 18 tháng 09 năm 1949 tại Huyện Bến Cát, Tỉnh Thủ Dầu Một[31;229]. Thành phần tham dự đại hội gồm có đại biểu Xứ ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ, khu bộ khu 7, đại biểu các liên đoàn cao su Thủ Dầu Một, Biên Hoà, Tây Ninh, Bà Rịa, Cao Miên và các liên Trung đoàn có đại đội đặc nhiệm chuyên phá hoại cao su[159;4].

Tại Đại hội, đại biểu của các liên đoàn các đồn điền đã báo cáo quá trình xây dựng, trưởng thành và thành tích cụ thể của phong trào công nhân cao su ở mỗi địa phương. Đại hội đã đề ra nhiệm vụ cơ bản cho phong trào đấu tranh của công nhân cao su ở các đồn điền, hướng dẫn công nhân ở các đồn điền “dấn tới trên con đường đấu tranh vì lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc”[159;4].

Hoạt động phá hoại các vườn cao su của tư bản Pháp trong những năm 1946, 1947, 1948 đã làm cho tình hình sản xuất khai thác cao su của tư bản Pháp bị tổn thất không nhỏ. Tuy nhiên nhu cầu xây dựng phát triển nền kinh tế kháng chiến đặt ra vấn đề là cần phải bảo vệ tài sản, tài nguyên, cơ sở vật chất, trong đó có các đồn điền cao su để phục vụ cho công cuộc kiến thiết đất nước sau này.

Xuất phát từ yêu cầu đó, cuối năm 1949, Lê Duẩn (Bí thư Xứ ủy Nam Bộ) đã chỉ thị cho các Liên Đoàn cao su cần thay đổi phương thức phá hoại cao su trên cơ sở bảo vệ vườn cây - tài sản của nhân dân. Bí thư đã cho biết: cao su là tài nguyên của đất nước, do xương máu của công nhân xây dựng nên. Nó là nguồn tài sản to lớn mà khi nước nhà đã giành được độc lập, công nhân sẽ trực tiếp quản lý, làm chủ, sản xuất cao su làm giàu cho Tổ quốc. Vì thế công tác phá hoại cao su từ nay không đốt vườn cây, chặt hoặc vạc vỏ cây, mà chuyển sang làm giảm tốc độ sản xuất, giảm mức thu hoạch thành phẩm và lợi nhuận thu được của tư bản Pháp như đập bể chén, và máng hứng mủ; đốt mủ, đổ mủ xuống đất, phục kích thiêu hủy các đoàn xe chở mủ cao su từ đồn điền về Sài Gòn[31;196].

Trước tình hình đó, công đoàn các cơ sở đã kịp thời chuyển hướng chỉ đạo: chú trọng xây dựng cơ sở, đấu tranh có lý, có lợi, có chừng mực. Do vậy, cuộc “cao su chiến” đi vào phương hướng khác trước: hạn chế phá vườn cây, chủ yếu phá hủy cơ sở máy móc thiết bị. Công nhân ở các đồn điền thường xuyên lấy dao cạo, thùng đựng

mủ... gửi ra chiến khu, rồi giả vờ đổ lỗi cho “Việt Minh về thu hết dao, hết thùng” và “Việt Minh đưa lực lượng về ép công nhân đi phá cao su”[176;7].

Sau khi “Đại đội cao su” được thành lập 1949, công việc phá hoại được chuẩn bị kỹ hơn và tiến hành như một trận chiến đấu, có phương án, kế hoạch, có tổ chức tuần tra, cảnh giới... Ở đồn điền Quản Lợi, Nại Sơn trực tiếp chỉ huy đốt cháy nhà đèn và xưởng chế biến cao su làm ngưng trệ sản xuất. Ở Dầu Tiếng, công nhân phá toàn bộ các kho phân tro...[179;3]

2.1.3.3. Thành tích cao su chiến.

Theo bức điện “về tình hình cao su” của Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ gửi Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam ngày 12 tháng 12 năm 1949 (điện mật số 42) thì trước tháng 9 năm 1945, cao su ở Nam Bộ có 94.258 hecta nay (năm 1948) chỉ còn 50.912 hecta, thiệt hại của tư bản Pháp do bị ta phá hoại tính từ đầu cuộc kháng chiến đến nay trị giá tổng cộng 205.472.994,00 đồng (giá gạo lúc ấy khoảng 4 đồng Đông Dương 1kg)[157;28]. Theo tài liệu thống kê của Viện cao su Đông Dương (IRCI-Cahiers de l'IRCI -vol III - 1948) thì diện tích cao su khai thác năm 1946 ở Miền Đông Nam Bộ chỉ bằng 43% trước ngày đảo chính Nhật 9/3/1945 và đến giữa năm 1947 thì diện tích này cũng chỉ bằng 33% diện tích có thể khai thác. Diện tích không khai thác được một phần là do thiếu lao động, do thiếu an ninh và do sự phá hoại của công nhân [132;225].

Riêng ở tỉnh Thủ Dầu Một, tính từ ngày toàn quốc kháng chiến ngày 23 tháng 9 năm 1945 đến tháng 12 năm 1948, theo thống kê chưa đầy đủ, công nhân cao su ở Thủ Dầu Một đã phá 3.652 mẫu cây cao su, phá 388 cơ sở sản xuất chế biến mủ cao su, 8 kho nguyên liệu, hàng hoá, 200 thùng đựng mủ. Tổng số thiệt hại tính thành tiền lên đến 4.545.301 đồng[9;237-238]. Năm 1949, công nhân cao su đốt cháy phá huỷ 212 máy chế biến mủ cao su, 74.180 cây cao su, gây thiệt hại cho tư bản Pháp 2.225.400 đồng[176;21].

Trên đây chỉ kể những thành tích phá hoại lớn, vì chiến tranh, còn nhiều cuộc phá hoại nhỏ (thường xuyên) làm hư hại vật dụng hằng ngày chưa kể đến như đốt nhà bò, bắt bò, lấy gạo, mang mủ khô và dụng cụ lao động đưa ra chiến khu...

Mặt khác, giao thông chiến trở thành nỗi lo sợ ngày đêm đối với kẻ thù, ngược lại là nơi tập trung nhiều chiến công của bộ đội “áo nâu” (công nhân cao su), nơi lấy được nhiều vũ khí, quân trang, quân dụng, lương thực bổ sung cho mình.

Thành tích trên đã góp phần quan trọng vào việc làm giảm sút sản xuất cao su, gây ra tình trạng thiếu hụt nghiêm trọng thêm đối với ngân quỹ chiến tranh của thực dân Pháp. Mặt khác, còn buộc lính Pháp phải bị động điều quân căng ra để bảo vệ khắp nơi tạo thế chủ động cho quân cách mạng trên mặt trận đấu tranh vũ trang. Đồng thời chứng tỏ rằng công nhân cao su vùng tạm chiếm thực sự đóng vai trò tiên phong trên mặt trận đấu tranh kinh tế với thực dân Pháp.

2.1.4. Đồn điền cao su và căn cứ kháng chiến

2.1.4.1. Tình hình ở các đồn điền cao su Thủ Dầu Một sau sự kiện Việt Bắc thu đông 1947.

Các đồn điền lớn ở Đông Nam Bộ, đặc biệt là ở Thủ Dầu Một, là “những cái vú sữa” hay còn gọi là “vàng trắng” khổng lồ, là nguồn lợi quan trọng bậc nhất của giới tư bản ở đây đã hấp dẫn việc “đưa nước Pháp trở lại Đông Dương”. Do vậy, để đảm bảo an ninh cho các đồn điền cao su, chủ yếu là các đồn điền lớn. Pháp chủ trương sử dụng lực lượng quân đội viễn chinh Pháp và tăng cường xe pháo, giăng đồn bót khắp các đồn điền cao su làm cho đồn điền ổn định lại. Đồng thời thực dân Pháp còn tổ chức các cuộc càn quét để ngăn chặn ảnh hưởng của kháng chiến đối với đội ngũ công nhân đồn điền, đàn áp các cuộc đấu tranh của công nhân nhằm mục đích sản xuất nhiều cao su hơn nữa để bù đắp lại thiệt hại do cuộc chiến trước gây ra .

Thực hiện chủ trương này, Tướng Đờ Lát-tờ Tat-xi-nhi, ra lệnh điều quân đội, xe tăng và thiết giáp bảo vệ các đồn điền lớn. Những người Pháp trong các đồn điền cũng được bảo vệ như các yếu nhân, vì theo Tướng Đờ Lát-tờ Tat-xi-nhi thì “công lao của những nhà trồng cao su Pháp thật lớn lao; nhân dân và chính phủ Pháp không bao giờ quên. Họ làm giàu cho nước Pháp và nước Pháp hãnh diện về họ”[132;212].

Do vậy Pháp cho đóng nhiều đồn bót trong các đồn điền lớn, ngoài việc bảo vệ đồn điền, kiểm soát công nhân, các đồn bót này còn có nhiệm vụ bình định vùng xung quanh nhằm tạo thế an toàn cho đồn điền. Trong tỉnh Thủ Dầu Một, số lính trong các đồn điền lớn lên đến 3.500 tên, gồm cả lính Pháp, lính lê dương, lính Cao Miên. Ở đồn điền Dầu Tiếng có 8 bót với từ 300 đến 400 lính và 1 tiểu khu có 200 lính. Quản Lợi có

5 bót với 200 lính. Lộc Ninh có 4 bót với 1230 lính. Xa Cam có 1 bót với 100 lính...[154;1].

Ngoài hệ thống đồn bót trong đồn điền, còn có các đồn bót dọc theo các trục giao thông thuỷ bộ chính và các chi khu, tiểu khu quân sự ở các cứ điểm quan trọng, sẵn sàng càn quét vào vùng cao su hay hỗ trợ cho các đồn bót trong đồn điền khi có báo động.

2.1.4.2. Xây dựng căn cứ kháng chiến

Trên chiến trường Miền Đông và Thủ Dầu Một, tướng Đờ La-Tua, đã tiếp tục cho thực hiện chiến thuật “điểm và đường”. Đờ La-Tua cho xây dựng một hệ thống tháp canh dọc các trục giao thông và giăng khắp các vùng cao su để kiểm soát chặt chẽ mọi hoạt động của công nhân cao su và nhân dân trong vùng.

Âm mưu biến các vùng cao su thành căn cứ quân sự và làm bàn đạp tấn công căn cứ cách mạng của Pháp không thực hiện được. Đồn điền cao su với nhiều đồn bót, tháp canh của Pháp nhưng lại có ảnh hưởng ngược lại ý muốn của Pháp. Công nhân cao su vẫn hướng về cách mạng, các đồn điền cũng là những căn cứ kháng chiến của cách mạng. Đó là những căn cứ lòng dân trong đồn điền. Đây là sản phẩm đặc trưng của cuộc chiến tranh nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Các đồn điền cao su trải qua những năm gay go nhất của cuộc kháng chiến chống Pháp đều làm tốt vai trò các trạm liên lạc, nghỉ chân, tiếp tế hậu cần, cung cấp nhân lực, vật lực và tin tức tình báo cho cán bộ lãnh đạo cách mạng. Suốt cuộc chiến chống Pháp, các đơn vị chủ lực dù là lớn hay nhỏ của khu 7, Thủ Dầu Một... như chi đội 1, chi đội 10, bộ đội Hoàng Thọ... sau này phát triển thành các trung đoàn, liên trung đoàn, hoặc các đơn vị của tiểu đoàn 303 đều bám vào địa bàn cao su, được công nhân cao su giúp đỡ, bổ sung người, vũ khí, nhiên liệu, lương thực, thực phẩm, tin tức, tình báo...

Hơn nữa cuộc chiến tranh đang ngày càng diễn ra ác liệt trên các chiến trường. Phong trào đấu tranh của công nhân cao su cần thiết có một chỗ dựa vững chắc từ những căn cứ địa kế cận. Đó là nơi đứng chân của các cơ quan lãnh đạo chỉ đạo phong trào công nhân, nơi đào tạo cán bộ, cung cấp tài liệu, tiền bạc, vũ khí, nơi các đơn vị bộ đội dùng làm căn cứ xuất quân hoạt động quân sự hỗ trợ cho phong trào công nhân trong đồn điền. Đó cũng là nơi công nhân thoát khỏi đồn điền, tìm về xây dựng cuộc

sống mới, góp phần xây dựng nền kinh tế kháng chiến ở vùng độc lập. Xây dựng căn cứ địa và giữ vững mối quan hệ giữa phong trào công nhân trong đồn điền với hoạt động mọi mặt tại căn cứ kháng chiến trở thành một nhiệm vụ quan trọng.

Cũng như các lãnh đạo khác ở Miền Đông Nam Bộ, Tỉnh Ủy Thủ Dầu Một tích cực chỉ đạo các địa phương đánh mạnh vào hậu phương của Pháp, củng cố các căn cứ và xây dựng nguồn dự trữ kháng chiến. Các cán bộ công đoàn vận động công nhân và gia đình họ tập trung về hai ấp Bến Buông và Nước Đục và thành lập một xã mới gọi là Định Thành (căn cứ), để phân biệt với xã Định Thành (bị giặc tạm chiếm). Xã Định Thành căn cứ trực thuộc huyện căn cứ Dương Minh Châu (Tây Ninh) nằm ở phía Bắc đồn điền Dầu Tiếng, từ núi Cậu kéo dài về phía Tây, sang vùng rừng hữu ngạn sông Sài Gòn, do Huỳnh Văn Lớn (Tư Lớn) làm bí thư chi bộ kiêm chủ tịch, và Hai Cảnh làm xã đội trưởng, Tám Lắc làm trưởng công an xã. Dân số xã có khoảng 1.500 người[56;7], hầu hết là công nhân cao su Dầu Tiếng và gia đình họ. Có thể nói Định Thành căn cứ là sự “xẻ nửa” của Định Thành tạm bị chiếm và 21 làng công nhân. Tại đây, các tổ chức đoàn thể như công đoàn, thanh niên, phụ nữ, hội mẹ chiến sĩ, dân quân, du kích được thành lập và hoạt động đều đặn có hiệu quả.

Nguyễn Hồng Ngọc (chức danh xã đội phó) chỉ huy trung đội du kích tập trung khoảng 120 người[153,6]. Đội du kích ngày đêm tuần tra, canh gác bảo vệ cho nhân dân phát rẫy, trồng bắp, mì, khoai tự cung cấp và nuôi bộ đội đánh Pháp. Từ căn cứ, trung đội du kích tập trung cùng các đội du kích các ấp hoạt động ra bên ngoài căn cứ đào đường, chặn đánh lính Pháp đi càn, tiêu hao sinh lực Pháp, xây dựng làng chiến đấu và tạo địa bàn đứng chân cho các đơn vị chính quy và các cơ quan Dân Chính Đảng của Thủ Dầu Một, Tây Ninh, Khu 7 và Nam Bộ[179;9-10].

Tháng 3 năm 1948, chi đội 11 Tây Ninh xây dựng thành Trung đoàn 311, đặt chỉ huy sở tại Định Thành căn cứ, xây dựng quân y viện, công binh xưởng, trường huấn luyện và các cơ sở hậu cần, cùng với dân quân ra sức tăng gia sản xuất[79;71].

Cùng với sự ra đời của Định Thành căn cứ, chiến khu Long Nguyên được mở rộng. Căn cứ này nằm ở phía Đông Nam Dầu Tiếng, gồm các xã Long Tân, Long Hoà, Long Hội, Long Bình, Long Nguyên. Đây là vùng căn cứ mà trong những năm đầu kháng chiến công nhân cao su Dầu Tiếng chạy về khá đông. Từ giữa năm 1946, Long

Nguyên là nơi đứng chân của cơ quan huyện ủy Bến Cát, các đơn vị du kích các xã lân cận. Tại đây hệ thống chính quyền và các tổ chức đoàn thể được củng cố và phát triển. Tiểu đoàn 3 thuộc trung đoàn 301 do đồng chí Trần Ngọc Lên làm chỉ huy trưởng về đóng ngay trong xã. Ngoài việc bảo vệ căn cứ tại chỗ, du kích phối hợp với bộ đội tiến ra ngoài để phá hoại và đánh Pháp. Tiêu biểu là trận đánh lính tuần tiễu tại Gốc Me - chợ Bến Súc (tháng 08-1947), trận đánh xe lửa Sài Gòn - Lộc Ninh (30-10-1947) làm lật đoàn tàu thu nhiều vũ khí và đồ dùng quân sự... Nổi bật nhất là tổ vũ khí xã của các ông Tám Trà, sáu Ngũ, Tám Huỳnh... chế tạo được súng ngựa trời, súng 2 nòng, giáo mác, cung nỏ, địa lôi, chông sắt, dao, búa phục vụ cho du kích chống càn, tác chiến đánh Pháp[153;9]. Ngoài ra nhân dân còn lập được một đội vận tải bằng xe bò làm nhiệm vụ vận chuyển lương thực, vũ khí, nguyên hoá liệu ... từ chiến khu Dương Minh Châu, chiến khu Long Nguyên về chiến khu Đ và ngược lại.

Ngoài hai chiến khu trên, Thủ Dầu Một còn có chiến khu Đ. Trung tâm chiến khu Đ cách Sài Gòn khoảng 30 km về phía Đông Bắc. Hình thành khởi đầu từ các xã Tân Hoà, Mỹ Lộc, Tân Tịch, Thường Lang, Lạc An. Sau đó không ngừng mở rộng dần lên phía Bắc và Đông Bắc. Nằm trên triền rừng từ chân cao nguyên miền Trung và Nam Tây Nguyên xuống giáp với Biên Hoà, Thủ Dầu Một, Sài Gòn. Trong kháng chiến chống Pháp, chiến khu Đ là căn cứ địa cách mạng quan trọng vào bậc nhất của Miền Đông Nam Bộ, nơi đứng chân chỉ đạo của Xứ ủy, Trung ương cục miền Nam, Khu ủy miền Đông..., nơi huấn luyện, đào tạo nhiều cán bộ công nhân cao su cách mạng, đặc biệt có rất đông công nhân từ các đồn điền cao su Thủ Dầu Một[57;55].

Sự ra đời của Định Thành căn cứ, chiến khu Long Nguyên, chiến khu Đ có ảnh hưởng lớn đến phong trào công nhân cao su tại các đồn điền cao su Thủ Dầu Một. Đối với công nhân cao su, các căn cứ kháng chiến này là nơi lập nghiệp mới, là sự đổi đời của họ. Tại đây họ có chỗ ăn, chỗ ở, có cuộc sống độc lập của riêng mình. Họ được tự do tăng gia sản xuất, được xây dựng tổ chức cơ sở Đảng, xây dựng chính quyền kháng chiến hành chính và các đoàn thể mặt trận, xây dựng lực lượng dân quân du kích xã ấp, sản xuất vũ khí phục vụ chiến đấu, xây dựng một hình ảnh đẹp đẽ về vùng độc lập của công nhân và thiết thực hỗ trợ cho cuộc đấu tranh của công nhân các đồn điền.

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp ở Thủ Dầu Một, căn cứ Định Thành, căn cứ Long Nguyên, đặc biệt là chiến khu Đ đã tồn tại như một biểu tượng của cuộc kháng

chiến, tiêu biểu cho ý chí, sức mạnh của toàn dân; là chỗ dựa về mặt chính trị, tinh thần; nơi hướng về, hy vọng và khích lệ đồng bào khắp nơi kháng chiến.

2.1.4.3. Mối quan hệ giữa đồn điền và căn cứ địa

Ba khu căn cứ tiêu biểu nêu trên đều là căn cứ rừng núi, xa xôi, người ít, tài nguyên vật lực hiếm, giao thông liên lạc khó khăn... Vì vậy các làng công nhân trong các đồn điền cao su trở thành những trung tâm tiếp vận hậu cần quan trọng, và là trung tâm cung cấp sức người, sức của và cung cấp tình báo về mọi mặt cho các căn cứ kháng chiến.

Đối với từng chiến khu, các đồn điền cao su như Dầu Tiếng, Hớn Quản, Lộc Ninh... có vị trí như những cửa khẩu thâm nhập và tiếp vận. Các làng cao su ở các đồn điền là các trạm liên lạc, nghỉ chân, tiếp tế tốt nhất cho bộ đội ở các chiến khu.

Mặt khác, sự ra đời của Định Thành căn cứ, hoạt động của nó cùng với chiến khu Long Nguyên và chiến khu Đ có ảnh hưởng to lớn đến phong trào công nhân cao su tại đồn điền. Nó góp phần xây dựng căn cứ hậu phương trực tiếp của cuộc kháng chiến, xây dựng hình ảnh đẹp đẽ về vùng độc lập của công nhân và hỗ trợ đắc lực cho cuộc đấu tranh tại chỗ của công nhân ở các đồn điền cao su nói riêng và phong trào kháng chiến toàn tỉnh nói chung.

Diễn biến của phong trào công nhân tại các đồn điền cao su không những không tách rời với hoạt động của ba căn cứ trên, mà còn có quan hệ mật thiết với phong trào kháng chiến của nhân dân tại vùng tạm bị chiếm ở xung quanh.

Trong các năm 1947, 1948, 1949, phong trào đấu tranh của công nhân cao su Thủ Dầu Một có bước phát triển lớn về xây dựng tổ chức và chiến đấu. Họ vừa sản xuất, vừa chiến đấu, luôn tạo áp lực đối với Pháp, giành thế chủ động cho kháng chiến, góp phần đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bước vào một giai đoạn lịch sử mới.

2.2. PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CỦA CÔNG NHÂN CAO SU THỦ DẦU MỘT TRONG NHỮNG NĂM CUỐI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1950-1954)

2.2.1. Củng cố tổ chức công đoàn, và tham gia lực lượng vũ trang kháng chiến trong các năm 1950-1951

2.2.1.1. Tình hình sản xuất cao su và đời sống của người công nhân

Ở các đồn điền cao su Thủ Dầu Một, từ năm 1950 trở đi, giới chủ đồn điền được thực dân Pháp hỗ trợ quân binh và vũ khí để quản lý điều hành, bảo vệ sản xuất và đàn áp công nhân. Các đồn điền cao su là những cơ sở kinh tế và cũng là những cứ điểm quân sự của thực dân Pháp. Hầu hết các làng cao su đều rào dây kẽm gai xung quanh. Công nhân sống và sinh hoạt trong khu vực giống như là trại lính và trại tù. Ở mỗi đồn điền đều được phòng thủ bằng đồn, bót, tháp canh và có ít nhất một trung đội lính chiếm giữ ngày, đêm. Chính quyền thực dân bắt buộc các chủ đồn điền phải chi tiền để nuôi binh lính chốt đóng. Lệnh giới nghiêm phát ra, từ 19h tối, công nhân không được đốt đèn và không được phép ra khỏi nhà. Phát xít, khủng bố tàn bạo là thế mạnh của thực dân Pháp nhằm kiểm soát tình hình kinh tế và quân sự nơi đây. Pháp nuôi dưỡng và ra lệnh xu, cai tay sai gian ác bắn giết, bắt bớ, đánh đập, cúp phạt công nhân bị nghi ngờ là Việt Minh.

Pháp tiếp tục điều hành sản xuất cao su bằng thủ đoạn bóc lột cổ điển là tăng giờ làm và cường độ lao động của công nhân. Tiền lương không tăng, chỉ tăng tiền thưởng năng suất để chiêu dụ công nhân làm việc nhiều hơn.

Trong hai năm 1950,1951, diện tích cao su toàn miền Nam Bộ có con số lớn hơn 63.000 hecta, trong khi đó số lượng công nhân là 21.964 người, so với hai năm 1944,1945, số công nhân giảm đến gần 50% [150;7].

Diện tích cao su được mở rộng, công nhân giảm, nhưng giới chủ tư bản vẫn thu được lợi nhuận cao. Chỉ trong 4 năm (1950-1954), 14 công ty cao su của Pháp ở Nam Bộ và Cao Miên đã thu lãi là 4 tỷ Fr. Trong đó, Công ty cao su Đông Dương, năm 1950, lãi 719 triệu Fr., đến 1951 số lãi tăng lên 1.300 triệu Fr.; Công ty cao su đất đỏ, năm 1952, lãi 690 triệu Fr., và năm 1953, công ty thu lãi 1.071 triệu Fr.[77;196-197].

Trong các đồn điền ở Thủ Dầu Một thì đồn điền Quản Lợi (thuộc Công ty cao su đất đỏ) được xem là nơi tư bản Pháp thành công nhất trong việc tổ chức, khai thác cao su, mặc dù từ năm 1951 số lượng công nhân chỉ còn 3.594 người (giảm hơn 50% so với số công nhân của năm 1944 là 8.238 người) [31;289].

Dưới chính sách cai trị kìm kẹp của tư bản thực dân, cuộc sống của người công nhân cao su rất cực nhọc. Mỗi ngày họ phải làm việc từ 10-12 giờ. Hầu hết các đồn điền cao su trong lĩnh đều buộc công nhân tăng cường độ lao động bằng cách tăng mức

khoán cây. Trước năm 1949, mỗi ngày người công nhân cao su phải cạo 250 cây cao su già hoặc 350 cây non, đến 1950 trở đi, số cây khoán tăng lên 350 cây cao su già hoặc 470 cây cao su non. Mỗi ngày công nhân phải vừa cạo, trút mủ và giao nộp về chủ ít nhất 50 - 60 lít mủ (chế biến được 20 kg mủ Crapic), giá bán 1 tấn mủ ở Sài Gòn lúc bấy giờ là 35.000đ/tấn. Như vậy mỗi ngày người công nhân cao su làm ra cho chủ tư bản là 700đ mà họ chỉ được hưởng 6đ/ngày (kể cả tiền gạo, và các loại thực phẩm khác)[154;6]. Ngoài ra, chủ đồn điền đã tổ chức làm việc theo tổ 4 người, nếu một người nghỉ hoặc bị lính bắt vì bị tình nghi có dính dấp đến Việt Minh thì 3 người còn lại phải làm luôn cả phần của người nghỉ, nhưng lương của ngày đó chỉ được hưởng của ba người. Tiền lương chủ tư bản trả cho công nhân vẫn là đồng lương dưới mức quy định. Nhà cửa của công nhân cơ bản vẫn như các năm trước, hầu hết là tranh, tre, nứa. Chế độ ăn vẫn thiếu dưỡng chất, nhiều bệnh tật phát sinh không được cứu chữa, trẻ em và người lớn đều không có điều kiện học hành, mù chữ.

Mặc dù sống trong hoàn cảnh khó khăn, cơ cực, công nhân cao su không ngừng đấu tranh vì mục tiêu: cơm áo, hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội. Công nhân cao su thoát ly đi kháng chiến ngày càng đông. Phong trào đấu tranh của công nhân tại chỗ phát triển mạnh mẽ. Làng ấp nào cũng có ít nhất một tiểu đội tự vệ làm nòng cốt trong các cuộc phá hoại cao su và diệt ác, trừ gian.

2.2.1.2. Củng cố tổ chức công đoàn - thành lập Liên đoàn cao su Nam Bộ.

Đến năm 1950, về phía Pháp, do cuộc chiến tranh ở Việt Nam kéo dài, nên nước Pháp ngày càng bị Mỹ lũng đoạn, trở thành lệ thuộc Mỹ, phong trào phản đối chiến tranh ở Việt Nam trong nhân dân Pháp lan rộng. Thực lực của Pháp bị tiêu hao nhiều, tinh thần binh lính mỗi mạt, chán nản, kinh tế tài chính gặp nhiều khó khăn. Về phía cách mạng, lực lượng kháng chiến đã trưởng thành về mọi mặt. Lực lượng vật chất mạnh lên, tinh thần chiến đấu cao hơn và ngày càng quyết liệt hơn.

Những chuyển biến mới của cuộc kháng chiến, đòi hỏi tăng cường hơn nữa việc động viên, tập hợp sức người, sức của nhằm đẩy mạnh kháng chiến giành thắng lợi cuối cùng. Trong hoàn cảnh ấy, Đại hội đại biểu công đoàn Việt Nam lần thứ I được triệu tập từ ngày 1 tháng 1 năm 1950 đến ngày 15 tháng 1 năm 1950 tại chiến khu Việt Bắc. Có 200 đại biểu đại diện cho hơn 30 vạn đoàn viên công đoàn ở 1.012 cơ sở trong

cả nước về dự Đại hội. Đại hội vạch rõ nhiệm vụ cụ thể của công nhân và công đoàn ở vùng tự do: “Tăng cường sản xuất về mọi mặt. Đẩy mạnh cuộc chiến tranh nhân dân, tích cực củng cố chính quyền của nhân dân. Tích cực góp phần vào việc xây dựng quân đội nhân dân hùng mạnh...”. Về nhiệm vụ của phong trào công nhân và công đoàn vùng tạm bị chiếm, Đại hội quyết nghị: “Tích cực phá hoại kinh tế địch, phát triển và giữ vững cơ sở tổ chức công đoàn, các tổ chức rộng rãi của công nhân và tổ chức quần sự trong công nhân là việc chủ yếu để chuẩn bị lực lượng cho tổng phản công...”. “Phát triển mạnh tinh thần đấu tranh của công nhân chống áp bức, bóc lột của giặc... Phong trào công nhân vùng địch tạm chiếm phải liên kết phối hợp chặt chẽ với phong trào các giới khác và sự hoạt động của các cơ quan chính quyền nhân dân... tiến tới đánh đổ giặc khi tổng phản công, làm tròn nhiệm vụ đánh địch từ trong đánh ra.” [8;121].

Sau Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ nhất, Liên đoàn cao su Nam Bộ được thành lập (tháng 6 năm 1950), với trên 15.000 đoàn viên, do Lê Chí Dân làm thư ký. Mỗi tỉnh đều thành lập Liên đoàn cao su trực thuộc Liên hiệp Công đoàn Tỉnh. Liên đoàn đã đưa cán bộ xuống từng đồn điền chỉ đạo xây dựng các đội vũ trang tuyên truyền hoạt động chủ yếu tại các vùng cao su [8;125].

Được sự tín nhiệm, Lê Sỹ Chuyên nhận nhiệm vụ làm thư ký Liên đoàn cao su Thủ Dầu Một [162;4]. Liên đoàn cao su Thủ Dầu Một đã trực tiếp chỉ đạo các yêu cầu của cuộc kháng chiến của đội ngũ công nhân cao su Thủ Dầu Một trong tình hình mới. Nó đánh dấu một bước trưởng thành của đội ngũ công nhân cao su Thủ Dầu Một. Từ đây, hệ thống tổ chức công nhân cao su được chỉ đạo thống nhất và phối hợp chặt chẽ.

Ngoài việc xây dựng và củng cố các khâu tổ chức, liên đoàn cao su Thủ Dầu Một đã khẩn trương chỉ đạo việc xây dựng, củng cố các đại đội cao su, tiếp tục phá hoại cao su. Khẩu hiệu mới được nêu ra là “phá hoại cao su là kháng chiến”. Ngày, công nhân đi cạo mủ. Đêm, công nhân phá hoại cao su. Hình thức phá hoại lúc này là đổ mủ, đốt mủ, đập chén, phá kiềng, phá dụng cụ sản xuất, lãn công đòi cơm áo, đòi độc lập... Phá hoại cao su đã có tác dụng rất lớn. Công tác phá hoại cao su dù là lớn hay nhỏ đều làm cho sản lượng cao su và lợi nhuận của đồn điền giảm. Công tác phá hoại cao su góp phần phá vỡ kế hoạch lấy chiến tranh nuôi chiến tranh của Pháp. Đối với công nhân cao su, “cao su chiến” đã có tác dụng giáo dục họ, đấu tranh là để gìn giữ tài sản mà sau này sẽ thuộc về họ. Đối với giới chủ đồn điền, công tác phá hoại cao su, có tác

dụng thức tỉnh họ, làm cho họ hiểu rằng không thể tiếp tục đối xử tệ đối với công nhân như trước đây được, và không thể xem thường người công nhân như trước được nữa.

2.2.1.3. Công nhân cao su tích cực chống càn, chống lấn chiếm, và tham gia chiến dịch Bến Cát năm 1950.

Những năm 1948 đến năm 1950, Tướng Đờ La-tua đã cho thực hiện chiến thuật “điểm và đường” trùm lên khắp miền Đông Nam Bộ.

Trên địa bàn tỉnh Thủ Dầu Một, tình hình ở hầu hết các vùng cao su và vùng dân tộc ít người trở nên khó khăn. Trên tuyến đường 13, 14, và các tuyến đường Minh Thạnh - Xa Cát, Chơn Thành - Nha Bích, Lộc Ninh - Bù Đốp..., có hàng trăm tua, tháp canh được dựng lên, cách nhau chừng 1 km với nửa tiểu đội lính chiếm giữ. Những cứ điểm ở gần các trung tâm đồn điền Dầu Tiếng, Phước Hoà, Xa Cát, Xa Trạch, Minh Thạnh, Xa Cam, Quản Lợi, Bù Đốp như các chi khu Chơn Thành, Hớn Quản, Lộc Ninh..., là nơi đóng quân và xuất phát hành quân càn quét, đánh phá gây tội ác thường xuyên của Pháp [164;4]. Pháp mở nhiều đợt càn, gom công nhân cao su và người dân tộc thiểu vào sống trong những khu tập trung có hàng rào, cổng gác và lính canh. Hàng ngày, công nhân ra lô đều có lính đi theo soát xét, canh giữ, nhằm phát hiện và ngăn chặn những người cách mạng xâm nhập[143;6].

Để phối hợp chống càn, phá kế hoạch lấn chiếm của Pháp, Liên đoàn cao su Nam Bộ chỉ đạo cán bộ công vận, công nhân ưu tú củng cố, phát triển cơ sở công đoàn, đồng thời phối hợp với lực lượng vũ trang tổ chức tấn công đồn bót ở đồn điền để căng kéo làm giảm áp lực của Pháp đối với vùng căn cứ[143;5].

Tháng 7 năm 1950, phối hợp với chiến dịch biên giới, Bộ tư lệnh Khu 7 mở chiến dịch Bến Cát. Mục tiêu của chiến dịch Bến Cát là đánh hệ thống tháp canh, đồn bót nằm trong phân chi khu Bến Súc, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực Pháp, cắt đứt đường liên tỉnh 14 và đường giải phóng số 7, mở rộng căn cứ địa, mở thông hành lang tiếp tế từ đồng bằng sông Cửu Long và Sài Gòn lên vùng căn cứ miền Đông. Đây là chiến dịch tiến công quy mô lớn đầu tiên của bộ đội chủ lực ta trên chiến trường Miền Đông Nam Bộ. Địa bàn chiến dịch có liên quan trực tiếp đến đồn điền Dầu Tiếng và lực lượng công nhân cao su Dầu Tiếng[143;7].

Liên đoàn cao su Thủ Dầu Một, Công đoàn cao su Dầu Tiếng mở đợt vận động công nhân tham gia trên cả hai mặt đảm bảo vật chất và đấu tranh vũ trang, tạo điều kiện cho bộ đội hoạt động trên hướng chính. Hàng trăm công nhân cao su Dầu Tiếng được huy động làm nhiệm vụ vận chuyển vũ khí, lương thực cho bộ đội. Du kích các làng công nhân phối hợp với du kích các xã Thanh An, Thanh Tuyên phá 12km đường, cầu cống từ cầu Cần Nôm xuống dốc Lâm Vô để ngăn chặn khả năng cơ động của địch[143;7].

Đêm ngày 7 rạng ngày 8 tháng 10 năm 1950, chiến dịch nổ súng mở màn ở Bến Súc, Rạch Bắp, Rạch Kiến và dọc đường số 7. Chiến sự bao trùm cả vùng cao su của đồn điền Dầu Tiếng và các sở nhỏ trong vùng, trên đường 13 và đường Bến Cát - Dầu Tiếng. Công nhân cao su Dầu Tiếng kết hợp với đội biệt động bám sát thị trấn, cùng du kích Định Thành vừa phá hoại vừa mở ra những trận đánh nhỏ lẻ, tập kích đồn bót, phá đường, ngăn chặn không cho lính tiếp ứng xuống Bến Súc. Trên Núi Cậu, công nhân cao su đã đốt 20 m³ củi gỗ tạo ra lửa lớn để nghi dụ lính. Sau khi đồn Bến Súc và bót Rạch Kiến bị tiêu diệt, lực lượng kháng chiến rút 17 tháp canh lính Pháp và lính đồn điền chốt dọc đường Rạch Bắp - Dầu Tiếng, bắt giết được tên Xử chiêu hồi chỉ điểm. Lính trong chi khu và bót ở Dầu Tiếng co lại, cố thủ. Du kích về hoạt động tự do trong lô cao su để tuyên truyền vận động công nhân cả đêm lẫn ngày[79;90].

Sau hơn 1 tháng chiến đấu gian khổ hy sinh, chiến dịch kết thúc thắng lợi vào ngày 15 tháng 11 năm 1950. Kết quả, ta diệt 509 tên lính, làm bị thương 155 tên, bắt sống 120 tên, đánh sập hàng chục tháp canh, đồn bót, 12 cầu cống, phá hủy 84 xe quân sự, 5 đầu máy xe lửa, 7 thuyền máy và tàu đổ bộ, thu nhiều vũ khí, đạn dược, trang thiết bị, đồ dùng quân sự, lương thực, thực phẩm...[108;182].

Chiến dịch Bến Cát (năm 1950) đã thực hiện tốt nhiệm vụ tiêu hao sinh lực Pháp, phá đồn bót, tháp canh dọc quốc lộ 13, liên tỉnh lộ 14, đường số 7 và vùng cao su Dầu Tiếng như đã đề ra ban đầu. Thành công của chiến dịch này có phần đóng góp của công nhân cao su Dầu Tiếng. Công nhân cao su đã hỗ trợ lực lượng kháng chiến phá thế bao vây của Pháp xung quanh chiến khu Long Nguyên, khu vực dọc hành lang chiến khu Đ đến chiến khu Dương Minh Châu. Nối thông hành lang vận chuyển tiếp tế cho lực lượng kháng chiến từ miền Tây và Sài Gòn lên các căn cứ Miền Đông, làm cho Pháp choáng váng, bị động cho việc rút quân ra chiến trường Miền Bắc.

Ngay sau chiến dịch Bến Cát, công nhân cao su Thuận Lợi phối hợp với đại đội 3 của tiểu đoàn 903 do Tạ Minh Khâm chỉ huy, tổ chức đánh vào Làng 9 - đồn điền Thuận Lợi, diệt hai trung đội bảo an, thu toàn bộ vũ khí. Sau trận đánh, hơn 300 công nhân Làng 9 tình nguyện thoát ly về chiến khu Đ [143;5].

Thắng lợi của chiến dịch Bến Cát và trận đánh ở Làng 9 đã giáng một đòn mạnh mẽ vào lực lượng quân sự Pháp trên địa bàn Miền Đông, phản ánh sinh động sự lớn mạnh của các lực lượng vũ trang cách mạng, tạo đà cho phong trào công nhân cao su Dầu Tiếng và các nơi khác tiếp tục phát triển.

2.2.1.4. Công nhân cao su Thủ Dầu Một tích cực tham gia công tác công đoàn, tham gia lực lượng vũ trang tuyên truyền cách mạng

Sau những thất bại liên tiếp ở các chiến trường, quân Pháp ngày càng lâm vào tình thế bế tắc. Nhưng với dã tâm xâm lược, lại được đế quốc Mỹ tiếp cứu, thực dân Pháp tiếp tục theo đuổi cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Đối với Miền Đông Nam Bộ, để nhanh chóng giành lại quyền chủ động, thực dân Pháp tập trung sức tiến hành “bình định gấp rút, phản công quyết liệt”. Những tháng cuối 1950, đầu năm 1951, Pháp chủ trương tấn công vào căn cứ kháng chiến ở Đông Nam Bộ bằng cả quân sự, chính trị, kinh tế nhằm đè bẹp lực lượng kháng chiến nơi đây, tăng cường bóc lột vợ vét sức người, sức của cung ứng cho chiến tranh, lấn chiếm các vùng tự do ngăn chặn liên lạc vận chuyển tiếp tế từ đồng bằng sông Cửu Long lên các chiến khu đầu não ở Miền Đông Nam Bộ.

Sang năm 1951, Bộ tư lệnh Nam Bộ từ chiến khu Đ dời lên chiến khu Dương Minh Châu. Vùng cao su Dầu Tiếng, chiến khu Long Nguyên, Định Thành căn cứ trở thành cửa ngõ quan trọng của cơ quan đầu não kháng chiến Nam Bộ[197;52].

Nhận biết điều đó, thực dân Pháp tăng thêm lực lượng vào Dầu Tiếng với âm mưu kiểm soát chặt, cắt đứt hành lang liên lạc từ chiến khu Đ lên chiến khu Dương Minh Châu, làm bàn đạp tấn công các căn cứ kháng chiến. Hỗ trợ cho chủ người Pháp tại vùng này, Pháp cho dời 1 tiểu khu (secteur) từ Hóc Môn cùng lính lê dương lên tiếp ứng cho chi khu Dầu Tiếng và đưa 1 đơn vị biệt kích dù đóng ở làng 16 phía Bắc đồn điền cao su. Ngoài ra, lực lượng biệt kích, lính bót, tình báo gián điệp cũng được tăng cường giăng khắp các làng công nhân cao su[197;52].

Để ứng phó với tình thế bao vây, chia cắt địa bàn và lấn chiếm vùng căn cứ của Pháp, thì việc triển khai sắp xếp, tổ chức lại chiến trường, củng cố lực lượng vũ trang địa phương là nhiệm vụ cấp bách đối với quân và dân Thủ Dầu Một nói riêng và cả miền Đông Nam Bộ nói chung.

Sau đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng vào tháng 2 năm 1951 tại chiến khu Việt Bắc, Trung ương Đảng chủ trương tổ chức lại chiến trường, sắp xếp lại lực lượng và kiện toàn tổ chức kháng chiến trên toàn Nam Bộ cho phù hợp với tình hình mới. Nam Bộ được chia làm hai phân liên khu: Phân liên khu Miền Đông và Phân liên khu Miền Tây, các tỉnh sáp nhập lại. Phân liên khu Miền Đông gồm các tỉnh: Gia Định Ninh (Gia Định - Tây Ninh), Thủ Biên (Biên Hòa - Thủ Dầu Một), Bà Chợ (Bà Rịa - Chợ Lớn), Mỹ Tho và Long Châu Sa (Long Xuyên - Châu Đốc - Sa Đéc). Phân liên khu Miền Đông là nơi tập trung nhiều đồn điền cao su, trong đó, các tỉnh Gia Định Ninh, Thủ Biên, Bà Chợ, có số lượng công nhân cao su đông nhất. Phân liên khu Miền Tây gồm các tỉnh Nam Bộ gộp lại. Phân liên khu ủy và Ủy ban Kháng chiến Hành chính Phân liên khu miền Đông trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo các đơn vị hành chính trong Phân liên khu. Xứ uỷ Nam Bộ đổi tên thành Trung ương cục Miền Nam[21;233].

Cũng theo chủ trương trên, hai tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa nhập lại thành tỉnh Thủ Biên gồm hai thị xã: Thủ Dầu Một và Biên Hòa và các huyện Châu Thành, Lái Thiêu, Bến Cát, Hớn Quản, Tân Uyên, Sông Bé (tức Bà Rá), Vĩnh Cửu, Xuân Lộc và Thủ Đức (cắt từ Gia Định sang). Huyện Long Thành của Biên Hòa cũ lại giao cho tỉnh Bà Rịa-Chợ Lớn, xã Định Thành (Dầu Tiếng) của Thủ Dầu Một thì giao cho Gia Định Ninh[21;234].

Các đồn điền cao su vẫn còn nằm trong vùng Pháp kiểm soát. Các làng công nhân trở thành những khu tập trung bị canh gác và tuần tra nghiêm ngặt. Hoạt động của các công đoàn cao su bên trong và bên ngoài đồn điền gặp nhiều khó khăn. Ở địa bàn cao su, hầu hết các chi bộ đều hoạt động không hiệu quả. Vì vậy, việc xây dựng lại cơ sở công đoàn bên trong đồn điền là một nhiệm vụ quan trọng.

Để quản lý địa bàn hoạt động và theo sát phong trào công nhân ở các đồn điền, Liên hiệp công đoàn Nam Bộ đã quyết định giải thể Liên đoàn cao su Nam Bộ, tổ chức lại Liên hiệp công đoàn Nam Bộ thành 4 Ban cán sự. Mỗi Ban trực tiếp phụ trách một

địa bàn riêng biệt. Ban cán sự I phụ trách vùng phía Đông quốc lộ 13, có các đồn điền cao su Lộc Ninh, Quản Lợi, Thuận Lợi, Phước Hoà... Ban cán sự II phụ trách vùng phía Tây quốc lộ 13 và Đông Nam Cao Miên, có đồn điền cao su Dầu Tiếng, Tây Ninh. Ban cán sự III và IV phụ trách vùng Sài Gòn - Gia Định và vùng phân liên khu miền Tây[31;310].

Các Ban cán sự đảm nhận thực hiện công tác công vận, xây dựng và phát triển tại các cơ sở trong công nhân rất hiệu quả. Các cán bộ công đoàn trực tiếp diễn thuyết, tuyên truyền đấu tranh cách mạng thường xuyên ở khu vực, thị trấn, các làng sở cao su. Nội dung chủ yếu và thiết thực là: chống bắt lính, đấu tranh đòi cơm áo hoà bình, gây lòng căm thù giặc, giải thích quyền lợi của người công dân dưới chế độ Việt Nam Dân chủ Cộng Hoà, đoàn kết đấu tranh, tin tưởng vào kháng chiến thành công[85;49]..

Qua những đợt vận động tuyên truyền, tinh thần công nhân cao su phấn khởi, tin tưởng vào kháng chiến thành công, số đoàn viên công đoàn tăng lên. Nhiều thanh niên công nhân sau khi nghe vận động, tuyên truyền đã tình nguyện ra căn cứ gia nhập lực lượng vũ trang, trở thành những chiến sĩ giỏi, những cán bộ cách mạng nòng cốt. Tại vùng dân tộc thiểu số (ở Bà Rá), đoàn viên công đoàn chú trọng việc thực hiện chính sách đoàn kết dân tộc, vận động người dân tộc tham gia kháng chiến.

Đội vũ trang tuyên truyền Dầu Tiếng trực thuộc Ban cán sự Dầu Tiếng. Lực lượng hợp thành đại đội gồm có hai trung đội bộ binh 7, 8, một bộ phận trinh sát đặc công, một bộ phận công binh thuộc tiểu đoàn 304, một trung đội biệt động đội - quân báo, một trung đội bộ đội địa phương của Dầu Tiếng cùng toàn bộ du kích sở. Nguyễn Văn Quảng, tiểu đoàn phó tiểu đoàn 304, được cử làm chỉ huy trưởng, Nguyễn Ngọc Phương chỉ huy phó, Trần Đình Kiểu là chính trị viên, Nguyễn Tấn Lực là chính trị viên phó. Nhiệm vụ của đội này ngoài việc tuyên truyền phát triển đoàn viên, xây dựng cơ sở, đội đã kết hợp với tiểu đoàn 303 - một tiểu đoàn tập trung cơ động, được trang bị vũ khí đầy đủ và có nhiều kinh nghiệm đánh giặc và phối hợp cùng công nhân cao su làm nhiệm vụ tác chiến đánh giặc bảo vệ các cơ quan của tỉnh, trinh sát nắm tình hình giặc..., sẵn sàng tham gia trận đánh[34;92-93].

Ở Hớn Quản, lãnh đạo cấp trên chỉ đạo Trần Quang Sang (Ba Phước) nhận nhiệm vụ chỉ huy trưởng các đội vũ trang tuyên truyền, kiêm trưởng phòng dân tộc thiểu số Hớn Quản - Lộc Ninh, với 5 đơn vị vũ trang làm nhiệm vụ khác nhau: Hai đội vũ trang

tuyên truyền hoạt động trong vùng dân tộc thiểu số; hai tiểu đội du kích tập trung hoạt động trong các làng, sở cao su; một đội binh chủng chuyên môn chiến đấu trên các đường giao thông, phá thế bao vây của giặc. Từ tháng 5 đến tháng 12 năm 1951, các lực lượng vũ trang Hớn Quản đã đánh 25 trận, có 8 trận đánh thập canh, 10 trận đánh giao thông, 4 trận chống càn... đã phá được thập canh Xa Cát, Tham Rốt, diệt nhiều tên lính đi càn quét ở Bông Lau, Tân Minh[110;239].

Vùng dân tộc thiểu số (tức Bà Rá) và các nơi khác đều có đội vũ trang tuyên truyền, chủ yếu là làm công tác dân vận. Hoạt động vũ trang nhằm củng cố các tổ chức ở cơ sở và phong trào chính trị ở địa phương, tác chiến nhỏ lẻ tiêu diệt tề, gián điệp, do thám và đánh tiêu hao sinh lực đối phương[110;239]..

Trên địa bàn Thuận Lợi, đội vũ trang tuyên truyền Lộc Ninh (do Nguyễn Đình Kính phụ trách) kết hợp chặt chẽ với công nhân để nắm tình hình hoạt động của lính, xây dựng cơ sở cách mạng và tăng cường hoạt động vũ trang. Tại làng 2, đội vũ trang tuyên truyền do Nguyễn Đình Kính phụ trách đã xây dựng được nhiều cơ sở cách mạng trong công nhân. Từ cơ sở này, đội vũ trang tuyên truyền tiếp tục mở rộng cơ sở cách mạng trên khắp đồn điền cao su Thuận Lợi[110;240].

Năm 1951, việc sắp xếp lại chiến trường, kiện toàn các cấp lãnh đạo, chỉ huy và tổ chức lực lượng đã góp phần khắc phục tình trạng bị động do lính Pháp phong tỏa chia cắt địa bàn. Lực lượng vũ trang tổ chức thành tiểu đoàn, đại đội phù hợp với việc bám địa bàn, địa phương, chủ động linh hoạt trong nắm tình hình đối phương, tiêu hao tiêu diệt binh lính tại chỗ, hỗ trợ cho phong trào đấu tranh ở địa phương tồn tại, hoạt động ngày càng mạnh mẽ. Điều đó góp phần làm cho tình hình chung ở chiến trường Miền Đông cũng như cả nước có những chuyển biến thuận lợi cho cách mạng.

2.2.2. Tham gia đấu tranh giữ vững phong trào du kích chiến tranh ở địa phương, xây dựng và bảo vệ hậu phương kháng chiến.

2.2.2.1. Tham gia đấu tranh giữ vững phong trào du kích chiến tranh ở địa phương.

Thực hiện kế hoạch “bình định gấp rút, phản công quyết liệt”, Pháp tăng cường dùng biện pháp áp lực quân sự. Đầu năm 1952, Pháp mở nhiều cuộc càn vào căn cứ, đánh phá các cơ sở kinh tế, chính trị và quân sự của cách mạng. Tính đến tháng 6 năm 1952, Pháp dùng từ một đại đội đến hai tiểu đoàn tinh nhuệ, đã thực hiện 40 trận càn

quét trên chiến trường thuộc huyện Hớn Quản, Bà Rá. Pháp nỗ lực gia cố, sửa chữa cầu cống, đường giao thông quan trọng (quốc lộ 13, 14); mở thêm đường nối liền sở cao su Minh Thạnh, Chơn Thành, Lộc Ninh.... [181;8] Mục đích cao nhất của Pháp là bảo vệ cao su và bao vây quân cách mạng. Cùng với càn quét lớn, quân Pháp thường tổ chức lính biệt kích đánh phá vùi và căn cứ kháng chiến rồi rút quân. Hành động này là nhằm tìm diệt cán bộ cách mạng.

Các làng cao su, lính khủng bố, uy hiếp, đàn áp đẫm máu những người bị tình nghi có tham gia kháng chiến, hoặc nuôi giấu cán bộ cách mạng. Những hoạt động phục kích các đường đi lại, những điểm bám trụ của cán bộ cách mạng gây khó khăn rất lớn cho người cách mạng. Pháp điều quân lùng sục và đánh vào địa bàn đứng chân của cơ quan và lực lượng vũ trang cách mạng, làm tê liệt các cơ quan kháng chiến và lực lượng vũ trang cách mạng. Song, tất cả những hành động gây tội ác của Pháp càng làm cho nhân dân và công nhân cao su tham gia kháng chiến ngày một đông hơn.

Từ giữa năm 1951, Bộ tư lệnh Phân liên khu miền Đông chỉ thị cho các chiến trường đẩy mạnh việc xây dựng lực lượng vũ trang địa phương và phát triển làng xã chiến đấu. Theo đó, tỉnh Thủ Biên có 458 du kích xã, 942 du kích tham gia lại, 832 du kích bí mật [120;191]. Nhiệm vụ của các đội du kích là canh gác bảo vệ địa phương (vùng độc lập), canh gác chiến khu, hoạt động phá hoại giao thông. Ngoài ra, các đội còn làm nhiệm vụ bảo vệ dân và cùng nhân dân sản xuất hoặc được giao nhiệm vụ, bố trí hoạt động ở các đồn điền.

Yêu cầu của kháng chiến, lãnh đạo tỉnh Thủ Biên chủ trương tổ chức lực lượng vũ trang gọn, nhẹ, tăng cường cán bộ chiến sĩ về các huyện. Về phương thức hoạt động, chia các xã thành 2 loại: Xã tạm chiếm và xã du kích để có phương châm hoạt động thích hợp. Xã tạm chiếm thuộc các làng công nhân cao su, nhiệm vụ hàng đầu là xây dựng cơ sở chính trị, hướng dẫn đấu tranh cho quyền lợi thiết thực, chống tư bản bóc lột, chống thực dân đàn áp các gia đình có công với cách mạng; cán bộ hoạt động theo phương thức hợp pháp và bán hợp pháp. Lực lượng du kích mật thì làm nhiệm vụ nắm tình hình hoạt động của binh lính Pháp, phục vụ cho yêu cầu của cấp lãnh đạo, các du kích bị lộ được kịp thời điều về trên bổ sung kịp thời cho các lực lượng vũ trang. Xã du kích thì tích cực tổ chức quần chúng đấu tranh hợp pháp, chống lính càn quét, bắt bớ tra tấn người vô cố; về mặt vũ trang thì tổ chức một, hai đội du kích bám địa phương chiến

đấu tiêu hao từng bộ phận đối phương, phá thế bao vây của lính, thu gom vũ khí từ các trận đánh trang bị cho lực lượng của ta[21;239].

Năm 1952, Phân Liên khu Miền Đông chỉ đạo phòng thiếu số và các đội vũ trang tuyên truyền tổ chức đội công tác đi về bản làng của người dân tộc thiểu số làm nhiệm vụ giáo dục, tập hợp người dân tham gia kháng chiến, giữ gìn bản làng, chống giặc càn quét. Kết quả của công tác này là mối tình “Kinh” - “Thượng” ngày càng thân thiện, gắn bó. Người “Thượng” đã ủng hộ sức người, sức của cho kháng chiến và trung thành với cách mạng. Họ tích cực giúp đỡ nuôi giấu cán bộ cách mạng, bộ đội, đồng thời thông báo tình hình hoạt động của lính, giúp lực lượng cách mạng ít tổn thất[147;23].

2.2.2.2. Vừa đấu tranh đòi quyền dân sinh, vừa tham gia hoạt động quân sự chống thực dân Pháp.

Để giải quyết chiến phí cho cuộc chiến tranh ở Việt Nam, thực dân Pháp tích cực bảo trợ cho các công ty tư bản đồn điền ở Đông Nam Bộ, đặc biệt là Thủ Dầu Một phát triển mạnh hơn việc khai thác kinh doanh cao su. Các nhà tư bản Pháp cho chiêu mộ thêm công nhân bổ sung cho số lượng thoát ly đi kháng chiến, đầu tư vốn sửa chữa máy móc hư hỏng, trồng thay thế các cây cao su lâu năm già cỗi cho năng suất thấp... Diện tích cây trồng và diện tích khai thác cây cao su được tăng dần lên theo bảng sau:

Bảng thống kê diện tích cây trồng và diện tích khai thác cây cao su từ năm 1950 đến 1954 [104;22].

<i>Năm</i>	<i>Diện tích cây</i>	<i>Diện tích khai thác</i>	<i>Tỉ lệ</i>
1950	20.975 ha	11.382 ha	54%
1951	19.634 ha	16.310 ha	83%
1953	20.050 ha	18.090 ha	90%
1954	21.525 ha	17.110 ha	80%

Để tăng sản lượng từ nguồn khai thác cao su, các công ty tư bản ra sức thực hiện chế độ làm khoán, tăng tiền thưởng năng suất mủ, tăng tiền thâm niên nhằm giữ chân công nhân và tăng cường độ lao động. Đồng thời có chế độ ưu đãi hơn đối với xu, ký, cai. Giới chủ giữ thái độ “ôn hoà” đối với công nhân. Các vấn đề về nhà ở, điều kiện y tế, vệ sinh được giới chủ chú ý đến.

Thời gian này, giới chủ thực hiện nhiều biện pháp “nới nhẹ” nhằm lừa mị, dụ dỗ công nhân sản xuất, tuy nhiên, chúng vẫn tiếp tục thực hiện âm mưu chia rẽ, phân hoá công nhân cao su bằng cách giảm số lượng công nhân công - tra, tăng cường tuyển công nhân tùy dịp để giảm chi phí phúc lợi xã hội, tăng thêm lợi nhuận tư bản.

Thủ Dầu Một có diện tích cây cao su được xem là trung tâm của toàn miền. Tại đây, thực dân Pháp luôn cho giới chủ tư bản đồn điền toàn quyền cai trị và bóc lột, với ý đồ biến nơi đây thành khu căn cứ quân sự, kinh tế mạnh, làm đòn bẩy để chiến thắng đối phương. Tuy vậy, suốt giai đoạn 1945-1954, chưa bao giờ diện tích cây cao su ở Thủ Dầu Một đạt được mức trước chiến tranh (năm 1940: hơn 29.000ha). Tuy có nhiều cố gắng song các chủ đồn điền cao su không thực hiện được ý định khôi phục và phát triển ngành cao su như cũ vì lòng yêu nước của công nhân cao su rất cao, số công nhân tuyển thường xuyên không bù đắp đủ số do thoát ly đi kháng chiến. Quân, dân và công nhân cao su được công đoàn cao su chỉ đạo đấu tranh chính trị, đấu tranh kinh tế, không để Pháp có đủ điều kiện thực hiện âm mưu: “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”

Những đợt đình công, bãi công được tổ chức có khẩu hiệu như: tăng lương, bớt việc làm (phần cây cạo), chống đuổi thợ, chống áp bức trong những ngày kỷ niệm lớn của năm để đòi các quyền dân sinh, đòi cải thiện đời sống.

Tháng 2 năm 1952, 50.000 công nhân cao su các đồn điền Lộc Ninh, Minh Thạnh, Xa Cam, Xa Cát, Xa Trạch, Quản Lợi... Đấu tranh với giới chủ bằng yêu sách:

- Làm việc theo luật 8 giờ/ngày;
- Tăng lương cho kịp giá sinh hoạt đắt đỏ;
- Gạo ăn phải trắng, không trấu, không mục;
- Những người mù què vì việc làm phải được sở nuôi dưỡng;
- Những người đã làm từ 20 năm đến 30 năm phải được về Bắc vì quá hạn giao kèo [85;88].

Tuy chưa mang lại kết quả như mong muốn nhưng công nhân cao su đã tỏ rõ chí khí và lực lượng của mình.

Ở Dầu Tiếng, công nhân luôn hoạt động làm giảm sức sản xuất của tư bản Pháp, các cuộc tổ chức phá hoại như đổ mủ nước, mủ miệng, đập máng, đập chén cho kết

quả: trong năm 1952, công nhân phá được 104.285 lít mủ nước, 20.534 ký mủ miệng, 7.900 máng, 9.390 chén [181;3].

Ngoài việc đòi quyền dân sinh, đòi cải thiện đời sống, phá hoại kinh tế Pháp, công nhân còn tham gia tác chiến đánh Pháp ở thị trấn, làng cao su và các khu vực lân cận làm giảm áp lực quân sự của Pháp.

Từ đầu năm 1952, quân Pháp tổ chức nhiều cuộc càn quét vào các vùng căn cứ. Tính đến tháng 6 năm 1952, trên chiến trường Thủ Biên, Pháp tổ chức 48 trận càn với lực lượng từ 1 đại đội trở lên. Riêng trong tháng 1, có 12 trận càn từ 1 đại đội đến 2 tiểu đoàn vào các huyện Hớn Quản, Nam Bến Cát, Long Nguyên (Bắc Bến Cát), Đồng Nai. Pháp đưa các đội biệt kích bất ngờ thọc sâu vào căn cứ, đánh phá rồi rút nhanh[181;5].

Tháng 2 năm 1952, đúng dịp Tết Nguyên Đán, một bộ phận của đội vũ trang tuyên truyền gồm có bộ binh, đặc công, trinh sát và du kích sở phối hợp cùng đông đảo công nhân cao su Dầu Tiếng tiến đánh bộ chỉ huy cuộc hành quân “Chiến dịch nhà lá” (Camgagne Chaumière) trong lúc lính Pháp đang tổ chức Tết. Cùng lúc các bộ phận khác chia ra đánh đồng loạt kìm chế trận địa pháo, xe tăng, sân bay, bót sở và chặn đường rút lui của lính. Kết quả, toàn bộ chỉ huy hành quân và nhiều sĩ quan tham mưu Pháp bị diệt gọn. Cuộc hành quân lên chiến khu Dương Minh Châu (căn cứ của Phân liên khu miền Đông) bị phá vỡ hoàn toàn. Các cánh quân của lính Pháp từ thị xã Tây Ninh và biên giới Việt Nam - Campuchia kéo xuống phối hợp càn quét được tin vội vã tháo lui. Tại chỉ huy sở tiểu khu Dầu Tiếng, lính rữ cờ tang trong 3 ngày liền [34;93]. Hoạt động của đội vũ trang tuyên truyền Dầu Tiếng buổi đầu có ảnh hưởng mạnh mẽ trong công nhân. Ban chỉ huy đoàn xây dựng quyết tâm đánh một trận ngay trong làng cao su nhằm cảnh cáo đối phương, gây phong trào quần chúng. Tháng 4 năm 1952, được cơ sở công nhân cung cấp tin tức và hỗ trợ, đại đội vũ trang tuyên truyền tập kích bót sở ở làng 4, bắt sống toàn bộ hơn 1 trung đội địch, giết chết tên xu Tót, một gián điệp phòng nhì Pháp vừa được điều lệnh về để theo dõi phá hoại phong trào công nhân trong đồn điền[34;94].

Tại các vùng cao su phía Bắc tỉnh, công nhân cao su và lực lượng vũ trang cách mạng thực hiện 5 vụ phá hoại lớn, đốt cháy một kho xăng dầu trên nửa triệu lít, phá 1

máy phát điện, 4 máy chế biến mủ, một lô chén hứng mủ và nhiều tài sản khác của chủ sở [15;352].

Kết quả của những hoạt động trên đã làm cho lính Pháp buộc phải quay về đối phó bên trong, không đủ điều kiện mở thêm cuộc càn quét vào các căn cứ Dương Minh Châu, Long Nguyên, Định Thành căn cứ... Một số xu cai theo dõi công nhân làm việc hàng ngày đã thay đổi thái độ, không dám đánh đập, bắt bớ công nhân tùy tiện như trước đây.

2.2.2.3. Tham gia xây dựng và bảo vệ hậu phương kháng chiến.

Tháng 5-1952, Phân liên khu miền Đông thành lập tiểu đoàn vận chuyển hàng chiến lược số 320 do Nguyễn Văn Lung (tức Nguyễn Văn Bứa) chỉ huy. Tiểu đoàn này có nhiệm vụ vận chuyển hàng chi viện của Trung ương từ Liên Khu 5 về Xuyên Mộc; Từ Xuyên Mộc, cắt rừng đem về chiến khu Đ. Trong biên chế của D320, phần lớn là công nhân cao su và người dân tộc thiểu số lĩnh Thủ Biên[132;231]. Do thời kỳ đấu tranh gay go, ác liệt nên không có ai ghi lại những đóng góp cụ thể của các sở cao su vào việc vận chuyển lương thực, vũ khí..., nhưng chắc chắn công lao của họ là rất lớn.

Tháng 9 và tháng 10 năm 1952, bất ngờ, hai cơn bão lớn ập vào các tỉnh miền Đông Nam Bộ. Nước lũ dâng cao, tràn bờ các sông Đồng Nai, Sông Bé, gây nên nạn lụt lớn và kéo dài ở Thủ Biên và Gia Định Ninh. Bão lụt tàn phá dữ dội nhà cửa, mùa màng và vật nuôi. Các vùng căn cứ Định Thành, Chiến Khu Đ, Chiến khu Long Nguyên lâm vào tình trạng thiếu ăn từng ngày một, không có thuốc chữa bệnh. Cán bộ, bộ đội, nhân dân phải ăn củ mì, lá tàu bay, mướp rẫy để thay cơm. Hàng ngàn cán bộ, chiến sĩ, nhân dân lâm vào tình cảnh thiếu đói.

Cơn bão này cũng làm cho Pháp thiệt hại nhiều. Một số đồn bót bị nước ngập và hư hại. Tuy vậy, Pháp vẫn tiến hành được hàng loạt cuộc hành quân càn quét, bao vây kinh tế, ngăn chặn các ngã đường vận chuyển lương thực và liên lạc của lực lượng kháng chiến. Pháp ra sức dụ dỗ, lôi kéo dân bỏ các vùng tự do về vùng tạm chiếm.

Để thực hiện chính sách gom dân, giành người, giành đất với kháng chiến, và lợi dụng lúc quân dân cách mạng gặp thiên tai, Pháp tăng cường chiến tranh tâm lý, chiêu hàng những người ở vùng độc lập về vùng tạm chiếm kiếm sống. Pháp thường xuyên cho lính bủa ra vùng tự do hoặc kích vào các ngõ đường vào sở cao su rải truyền đơn,

rải giấy thông hành (Laissez-Passez), kêu gọi những người trở về sẽ được đối xử tử tế, những người có súng sẽ được ban thưởng tùy theo loại súng. Đối với người dân thường trở về chủ đồn điền Pháp cho vào làm xu, cai trong đồn điền để chăm sóc cao su và theo dõi hoạt động của công nhân[181;11].

Ở các sở cao su lớn và dọc đường giao thông, đồn bót mọc lên nhiều hơn. Bộ máy tề nguỵ và hoạt động tuyên truyền mị dân được tăng cường; lính Pháp không ngừng vây ráp, lùng sục, phục kích, bắt bớ công nhân và thân nhân, gia đình có người đi kháng chiến, đồng thời liên tục ném bom, bắn phá vùng căn cứ. Chủ người Pháp ở các sở cao su cũng phối hợp kiểm soát chặt chẽ việc phát gạo cho công nhân, không cho công nhân gửi gạo ra căn cứ.

Để khắc phục hậu quả bão lụt gây ra, Ủy ban kháng chiến hành chánh tỉnh Thủ Biên đã kêu gọi nhân dân vùng tạm chiếm tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, bí mật chuyển gạo, muối, thuốc men cho vùng căn cứ cứu đói. Ở các vùng cao su, Ban cán sự chỉ đạo công nhân trong đồn điền và vận động người dân tộc thiểu số quyên góp lương thực ủng hộ các vùng căn cứ với tinh thần “lá lành đùm lá rách” và “cứu đói cũng là kháng chiến”. Công nhân cao su ở các đồn điền Dầu Tiếng, Phước Hoà, Lộc Ninh, Quản Lợi tích cực góp gạo cứu tế cho nhân dân, cán bộ, chiến sĩ ở chiến khu bằng cách khai tăng số công nhân ra lô cạo mủ hàng ngày để lấy phần gạo gửi ra vùng căn cứ. Khi bị giặc phát hiện, những người tiếp tế bị bắt, bị tra khảo rất dã man. Dù vậy, công nhân cao su vẫn tìm mọi cách để tiếp tế như gạo không mang đi được thì gói cơm, bọc kỹ, vùi trong đồng phân bò gánh qua đồn bót; Viên ký ninh được gửi ra chiến khu là thuốc cho người bị bệnh phải đổi lấy bằng 1 ngày cúp phạt phần lương hoặc bị nện đòn trong buổi sáng ở sân điếm... Tình dân quân, tình đồng đội đã giúp cho quân và dân trong chiến khu vượt qua những ngày gian khổ nhất. “Lửa thử vàng, gian nan thử sức. Qua gian khổ mới thấy được lòng trung thành của công nhân cao su đối với Đảng, với vận mệnh đất nước”[98;88].

Để góp phần làm giảm áp lực quân sự của lính Pháp ở các chiến khu, Ban cán sự các đồn điền chỉ đạo các đội vũ trang tuyên truyền tăng cường các hoạt động tác chiến trong phạm vi đồn điền, buộc lính quay về đồn điền đối phó. Ở Dầu Tiếng, bão lụt vừa dứt, là đã có 2 vụ tập kích và chém bị thương xu Quý và Ba-ru-bê (2 người có bản chất

hung hăng, có nhiều công chống phá cơ sở cách mạng trong làng công nhân và thường xuyên được lính bảo vệ)[34;87].

Trong những năm 1950, 1951, 1952, phong trào đấu tranh của công nhân cao su Thủ Dầu Một gặp nhiều khó khăn gian khổ. Nhưng với ý chí chiến thắng kẻ thù, giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, công nhân đã giữ vững phong trào, kiên trì bám trụ địa bàn, kiên cường và sẵn sàng chiến đấu để giành thắng lợi cuối cùng.

2.2.3. Phối hợp cùng nhân dân cả nước trong tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954, góp phần kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Pháp.

2.2.3.1. Tình hình của cách mạng và Pháp năm 1953-1954

Sang năm 1953, hệ thống chính quyền kháng chiến các cấp được củng cố từ trung ương xuống cơ sở, năng lực điều hành kháng chiến mỗi địa phương luôn giữ thế chủ động, tránh đánh chỗ mạnh, đánh những nơi Pháp sơ hở, đẩy mạnh chiến tranh du kích ở vùng địch hậu. Lực lượng cách mạng mọi nơi thực hiện tiêu chí bảo toàn lực lượng, vừa kháng chiến, vừa kiến quốc.

Ở miền Đông Nam Bộ, tình hình cách mạng chuyển sang một giai đoạn mới quyết liệt hơn. Lực lượng vũ trang kháng chiến cách mạng lớn mạnh. Các căn cứ, cơ sở kháng chiến gây dựng ở khắp nơi bên trong và ngoài vùng tạm chiếm. Dù phải đối phó với nhiều áp lực quân sự hiểm ác của Pháp từ những năm 1950, 1951, 1952, nhưng lực lượng kháng chiến vẫn giữ được ưu thế và quyền chủ động phản công ở các chiến trường.

Về phía Pháp, giới lãnh đạo quân sự thừa nhận đã sa lầy trong chiến tranh, nhưng vẫn cố tìm những thủ đoạn mới với hy vọng sẽ giành thắng lợi ở Việt Nam và Đông Dương. Được Mỹ viện trợ, Pháp như được tiếp sức, tung quân cố thủ và đánh phá khắp nơi từ khu tạm chiếm đến các vùng tự do của quân kháng chiến, nhưng quân Pháp luôn bị động ở các chiến trường chính Bắc Bộ và Nam Bộ. Lực lượng Pháp dàn trải khắp nơi và bị quân cách mạng tiêu diệt khá nhiều, tinh thần binh lính Pháp hoang mang dao động. Cộng với nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới đấu tranh mạnh mẽ đòi chính phủ Pháp chấm dứt chiến tranh xâm lược Đông Dương, khiến cho Pháp ngày càng lúng túng, bối rối, bị động.

Ở các vùng cao su, mối quan hệ giữa lính Pháp nhà binh và lính Pháp đồn điền không còn khăng khít như trước nữa. Cả hai đối tượng này đều gặp khó khăn và tổn

thất. Chiến phí mà giới chủ đồn điền chi trả cho chiến binh Pháp hàng năm không phải là ít mà tình hình an ninh ở đồn điền chẳng những không an toàn mà còn gặp nhiều nguy hiểm hơn. Nhiều xu, cai bị giết, nhiều ông chủ người Pháp có lính bảo vệ cũng gặp nguy hiểm đến tính mạng. Khó khăn cộng thêm là những vùng cao su đều là những vùng có nhiều cơ sở cách mạng, có những đội quân du kích tự vệ và có những đội vũ trang... luôn làm cho lính Pháp nhà binh bị động, lính Pháp đồn điền gặp nạn, tổn thất. Nhìn chung, tinh thần của lính Pháp nhà binh và lính Pháp đồn điền đều lo lắng, bất an.

Tinh thần binh lính trong các sở cao su: đa số là cầu an không muốn gây chuyện với kháng chiến, có nhiều lần lính nói với công nhân đã thấy Việt Minh đi trong lô nhưng không bắn. Lính mong rằng Việt Minh cũng không bắn lính và đánh bót lính. Lính cầm súng là để ăn lương nuôi vợ con mà thôi[161;3].

Giới chủ, xu, ký, cai trong đồn điền thì giữ thái độ “ôn hoà”, “mơ trốn” với công nhân. Trong việc làm, có lúc làm hỏng, chủ không đánh đập hoặc chửi mắng hay gắt gỏng công nhân mà chỉ trừ lương hoặc cúp lương của xu, cai trong coi công việc ấy.

Để phòng sự phá hoại ngầm của công nhân thì giới chủ, xu, cai tỏ vẻ “võ về” nói với anh em công nhân: Ông chủ tốt với anh em thì anh em làm ăn phải tốt với ông chủ, đừng nghe lời người ta phá hoại hăng sở thì bị nhà binh bắt, ông chủ không xin[195;6].

Trước phong trào đấu tranh đòi cải thiện đời sống của công nhân, chính phủ Pháp đã mị dân bằng cách ban hành một số luật, chỉ dụ để xoa dịu và trấn an dư luận như: Luật ấn định quy chế lao động nông nghiệp cho công nhân đồn điền (ngày 26 tháng 03 năm 1953); chỉ dụ 16 (ngày 16 tháng 06 năm 1953) quy định điều kiện làm việc cho công nhân đồn điền để gọi là “tạo căn bản pháp lý để công nhân đấu tranh”; luật ấn định về phụ cấp gia đình (ngày 02 tháng 01 năm 1953)... Nhưng trên thực tế các điều luật đó không được thi hành ở đồn điền Nam Bộ nói chung và Thủ Dầu Một nói riêng. Một chủ tư bản còn phát biểu thẳng thừng rằng “Luật của chính phủ chỉ để dành cho gia đình các ông ấy. Ở sở cao su chúng tao chỉ có một luật lệ riêng của chủ cao su chúng tao đặt ra. Ở tại đồn điền chỉ có một tổ chức công nhân, ấy là tổ chức đi cạo mủ”[82;197-198].

Dựa vào sự thay đổi so sánh lực lượng, những thuận lợi và tinh thần quyết chiến quyết thắng của quân cách mạng, Bộ Chính trị Trung ương Đảng vạch kế hoạch tác chiến, mở cuộc tổng tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954, tiến đến đánh bại hoàn toàn quân Pháp ở Việt Nam.

2.2.3.2. Đẩy mạnh đấu tranh chính trị, kinh tế với đấu tranh quân sự, phối hợp cùng chiến trường cả nước trong cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954

Đối với chiến trường Nam Bộ, Bộ chính trị chủ trương đẩy mạnh chiến tranh du kích, đánh tiêu hao, tiêu diệt dần sinh lực Pháp, đẩy mạnh công tác địch nguy vận, mở rộng căn cứ, đánh Pháp trên cả hai mặt trận rừng núi và phía sau lưng Pháp.[161;7]

Nắm được chủ trương trên, Tỉnh ủy Thủ Biên cùng Liên hiệp công đoàn tỉnh khẩn trương chỉ đạo xây dựng củng cố công đoàn cơ sở trong đồn điền cao su. Các đội vũ trang tuyên truyền cao su mở hàng loạt cuộc tuyên truyền trong các đồn điền. Trong năm 1953, công tác xây dựng đoàn thể trong công nhân được đẩy mạnh. Tại Dầu Tiếng, Quán Lợi, Lộc Ninh..., du kích cao su liên tục vào làng trấn áp, diệt xu, cai ác ôn có nợ máu, nhiều lần phối hợp cùng bộ đội địa phương tiến công vào các bót gác ở trung tâm sở, nhà máy chế biến...[161;7]

Công nhân cùng nhân dân địa phương vận động binh sĩ nguy, các xu cai và các viên chức văn phòng người Việt trong đồn điền cao su trở về với gia đình, với cách mạng. Nhiều hình thức địch vận như rải truyền đơn, gửi thư vận động từng đối tượng cụ thể hoặc tổ chức thăm hỏi kể chuyện kháng chiến. Kết quả của công tác địch vận cộng với tác động của diễn biến quân sự trên các địa bàn lân cận và toàn chiến trường đã làm cho binh lính co cụm, chùn chân đánh phá. Từ tháng 1 năm 1953 đến tháng 5 năm 1954, có gần 30 lính nguy (chỉ đơn cử riêng ở khu vực đồn điền Dầu Tiếng) về với hàng ngũ kháng chiến [79;65]. Hệ thống xu cai tại đồn điền chẳng những nới tay hà hiếp công nhân mà còn cùng công nhân vận động chủ người Pháp tăng lương cho công nhân. Trong 6 tháng đầu năm 1954, công nhân được lên lương 2 lần: từ 18 đến 23đ93 một tháng[151;8].

Nhiều nơi, công nhân tổ chức canh gác tìm cách đối phó mỗi khi Pháp đột nhập vào làng bắt công nhân đi lính. Công nhân cao su ở các đồn điền Lộc Ninh, Thuận Lợi, Dầu Tiếng liên tục tham gia đấu tranh chống nộp thuế, chống bắt lính, chống đi cạo mũ

ngày chủ Nhật, chống khủng bố những gia đình công nhân có người thân tham gia kháng chiến, đòi quyền dân sinh, dân chủ, đòi làm việc 8 giờ ngày... thu được thắng lợi[151;8].

Trong thời gian này, các lực lượng du kích, bộ đội, chiến sĩ được gia đình công nhân ở khắp các làng cao su hết lòng đùm bọc, chở che, dẫn đường, cung cấp lương thực để thực hiện chống càn quét, phục kích quân lính, điều tra nghiên cứu địa bàn và phối hợp cùng với quân chủ lực đánh nhiều trận trên đường 7, 13, 14, đường Minh Thạnh - Dầu Tiếng, cầu Bưng Bàng... phá các cơ sở sản xuất cao su trong đồn điền. [120;49]

Mừng chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng (07-05-1954), công nhân cao su Dầu Tiếng phối hợp cùng bộ đội tổ chức tập kích đánh giặc tại Thị Trấn Bến Cát, đồn Rạch Bắp, Bến Súc, hạ tháp canh Ri-nét, Rạch Kiến, bót Bến Tranh...[21;270;271]

Ngày 20 tháng 7 năm 1954, các văn bản của Hiệp nghị Giơnevơ về Đông Dương được ký kết. Sự kiện này được thông tin nhanh đến các làng cao su. Công nhân “trống giông cờ mở” vui mừng thắng lợi này. Công nhân cao su, nông dân xung quanh thị trấn (Dầu Tiếng), gần 2.000 người[79;66], tập hợp về sân bay Dầu Tiếng dự mít tinh, tuần hành biểu dương lực lượng, kéo về văn phòng chủ người Pháp đưa yêu sách đòi tăng lương, giảm giờ làm, cấp gạo trắng, lập trường học, nhà trẻ cho công nhân giành thắng lợi.

Sau Hiệp định Giơnevơ, Liên hiệp công đoàn tỉnh được Trung ương cục chỉ đạo bố trí, sắp xếp cán bộ đi tập kết, đưa cán bộ chuyển vùng công tác. Hầu hết cán bộ công đoàn cao su tỉnh đều ở lại bám trụ trong đồn điền, tiếp tục lãnh đạo phong trào công nhân cao su bước vào cuộc chiến đấu mới chống đế quốc Mỹ và tay sai, giành độc lập dân tộc.

Chiến thắng Điện Biên Phủ ngày 7 tháng 5 năm 1954 và Hiệp định Giơnevơ ký kết ngày 20 tháng 7 năm 1954 đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chín năm chống Pháp trường kỳ, anh dũng của quân và dân ta.

Chín năm qua, công nhân cao su Thủ Dầu Một cùng nhân dân cả nước đã vượt qua muôn vàn gian khổ hy sinh, không ngừng xây dựng phong trào, vừa đấu tranh với chủ đồn điền đòi các quyền dân sinh dân chủ, vừa tham gia kháng chiến chống xâm

lược. Hàng ngàn công nhân cao su hoặc ở lại tại đồn điền hoặc ra đi thoát ly kháng chiến đã vĩnh viễn ngã xuống trên các nẻo đường vì sự nghiệp giải phóng dân tộc và giải phóng bản thân mình. Những mất mát hy sinh và thành quả cách mạng vừa giành được đã vun đắp thêm một truyền thống đấu tranh ngoan cường của đội ngũ công nhân cao su Việt Nam nói chung và của công nhân cao su Thủ Dầu Một nói riêng, đã tích lũy thêm nhiều bài học kinh nghiệm cho con cháu họ bước vào cuộc kháng chiến mới - cuộc đấu tranh chống Mỹ - nguy, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

❖ TIỂU KẾT CHƯƠNG II:

Từ khi được Đảng Cộng Sản Việt Nam lãnh đạo, tinh thần dân tộc và ý thức giai cấp được kết hợp hài hoà và biểu hiện đồng bộ trong các phong trào đấu tranh đòi cơm áo và giành độc lập tự do của công nhân. Công nhân cao su, qua thực tế đấu tranh luôn gắn chặt đấu tranh giai cấp với đấu tranh giải phóng dân tộc, gắn liền quyền lợi của giai cấp với quyền lợi của dân tộc, đặt quyền lợi của dân tộc lên trên hết.

Từ năm 1945 đến năm 1949: Công nhân tiếp quản đồn điền sau khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám thành công 1945. Công nhân vừa hăng hái lao động để xây dựng cuộc sống mới, vừa tham gia bao vây địch tại các mặt trận xung yếu ở Sài Gòn, giúp chặn thế tiến công của Pháp và ra sức tạo thế đứng chân, ngăn chặn Pháp tái đánh chiếm đồn điền. Khi Pháp quay lại chiếm các đồn điền, công nhân phải quay về đồn điền tiếp tục làm việc và tham gia mọi hoạt động kháng chiến: vừa đấu tranh với chủ đồn điền đòi quyền lợi dân sinh, dân chủ, vừa trực tiếp kháng chiến, chủ yếu trên phương diện phá hoại cao su Pháp góp phần xây dựng kinh tế kháng chiến của ta.

Từ năm 1950 đến năm 1954: Công nhân tập trung chấn chỉnh xây dựng lại hệ thống tổ chức công đoàn trong đồn điền cao su, duy trì phong trào đấu tranh của công nhân trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, quân sự, đồng thời kết hợp chặt chẽ với phong trào đấu tranh của công nhân cao su vùng Đông Nam Campuchia. Phong trào công nhân Thủ Dầu Một vì thế luôn bao gồm hai nhiệm vụ không tách rời: đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc.

CHƯƠNG III

PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CỦA CÔNG NHÂN CAO SU THỦ DẦU MỘT TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ (1954-1975)

3.1. CÔNG NHÂN CAO SU THỦ DẦU MỘT TRONG GIAI ĐOẠN ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ ĐÒI GIẶC THI HÀNH HIỆP ĐỊNH GIỜNEVƠ TIẾN LÊN VŨ TRANG ĐỒNG KHỞI (1954-1960)

3.1.1. Tình hình sản xuất cao su ở Thủ Dầu Một và các thủ đoạn khống chế công nhân cao su của Mỹ - nguy.

Chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của quân và dân ta đã kết thúc thắng lợi. Thắng lợi tuy lớn nhưng mới là bước đầu. Đất nước tạm chia hai miền: miền Bắc hoà bình, miền Nam còn vang tiếng súng. Theo quy định của Hiệp định Giơnevơ, hai năm sau (tháng 07 năm 1956) sẽ tiến hành hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước.

Từ cuối năm 1954, Đế quốc Mỹ đã loại bỏ được thực dân Pháp, đưa Ngô Đình Diệm về làm Thủ tướng Việt Nam Cộng Hoà, lập một chính phủ “bù nhìn” dưới sự chỉ đạo giấu mặt của các cố vấn Mỹ, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ.

Để độc chiếm được miền Nam, Mỹ-ngụy sớm nhận ra rằng miền Đông Nam Bộ, đặc biệt là Thủ Dầu Một, có ý nghĩa quan trọng về quân sự, về kinh tế và chính trị. Năm được Thủ Dầu Một, Mỹ-ngụy có thể kiểm soát và chi phối một phần quan trọng cục diện chiến trường Đông Nam Bộ.

Nền kinh tế Việt Nam mà Pháp để lại cho Mỹ-Diệm là một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu. Để đảm bảo sự tồn tại và xây dựng chế độ mới, Mỹ-Diệm không có cách nào ưu việt hơn là phải chú trọng vấn đề phát triển nông nghiệp, trong đó cao su là nguồn thu lợi lớn nhất. Sản xuất và khai thác cao su chiếm ưu thế, vì nó đã có tuổi đời hơn 60 năm mang lại nguồn lợi bền vững cho tư bản Pháp ở chính quốc và Đông Dương. Bên cạnh việc triển khai chính sách “cải cách điền địa” ở đồng bằng, Mỹ-Diệm đẩy mạnh chính sách “dinh điền” nhằm:

Một là, xây dựng hậu thuẫn chính trị cho chế độ của Ngô Đình Diệm: Khu dinh điền là biện pháp xẻ đường đưa dân vào chiến khu, mật khu Việt Cộng, dùng dân để đẩy cộng sản ra khỏi vùng đó, và dinh điền là nơi cung cấp tin tình báo, nơi xuất phát để hành quân ngăn chặn xâm nhập.

Hai là, về mặt kinh tế, tổ chức các dinh điền này thành những đồn điền trồng và khai thác cao su, có thể cạnh tranh và hạn chế độc quyền khai thác cao su của tư bản Pháp tại miền Nam. Kế hoạch của Diệm là đưa diện tích trồng cao su dinh điền lên 150.000 ha trong năm 1965[116;75].

Năm 1958, Ngô Đình Diệm ký sắc lệnh “Quốc gia nông tín cuộc”, sau đó mở trường mục đặc biệt lấy tên “Quỹ khuếch trương trồng tủa cao su” để khuyến khích nông nghiệp và phát triển cao su đối với giới tư sản Việt, Hoa. Mỹ đã kỳ vọng và hỗ trợ 10 triệu đô la cho kế hoạch dinh điền của Diệm[116;75]. Nhưng chính sách cải cách điền địa của Diệm vẫn không làm ảnh hưởng gì lớn đối với tư bản đồn điền Pháp. Ngành

kinh tế cao su mà tư bản Pháp đang nắm giữ vẫn chiếm vị trí ưu thế tuyệt đối. Hơn nữa, cao su nhân tạo, ở một số nước (như Mỹ), vẫn chưa đủ lực cạnh tranh với cao su thiên nhiên, đặc biệt là cao su thiên nhiên Việt Nam.

Giữa Pháp và Mỹ tuy có một số mâu thuẫn nhất định, nhưng do ưu thế tuyệt đối của Pháp về lĩnh vực khai thác, chế biến và xuất khẩu cao su, cho nên chính sách của Diệm cũng e dè và hạn chế tối đa sự đụng chạm đến quyền lợi kinh tế của tư bản Pháp.

Sau một thời gian lo lắng mất chỗ dựa về quân sự và chính trị, từ giữa năm 1955 trở đi, Pháp tiếp tục đầu tư vốn, phục hồi và phát triển các đồn điền cao su ở miền Nam.

Giá trị cao su xuất khẩu chiếm vị trí lớn hơn so với các loại nông sản khác ở miền Nam. Năm 1955, cao su xuất khẩu được 61.770 tấn với trị giá 1.399.841 tỷ đồng chiếm 57,8% tổng giá trị hàng xuất khẩu. Năm 1957, cao su xuất khẩu được 75.191 tấn với trị giá 1.689.378 tỷ đồng chiếm 60,7% tổng giá trị hàng xuất khẩu. So với gạo và trà đen thì trị giá đó thu được cao nhất: Gạo: Năm 1955, xuất khẩu được 69.614 tấn với trị giá 279.314 triệu đồng. Năm 1957, xuất khẩu được 4.747 tấn với trị giá 13.285 triệu đồng. Trà: Năm 1955, xuất khẩu được 61 tấn với trị giá 2.421 triệu đồng. Năm 1957, xuất khẩu được 228 tấn với trị giá 8.882 triệu đồng[107;12]. Từ năm 1955 đến năm 1961, chính sách khuyến khích phát triển cao su của Diệm và lợi nhuận cao của ngành đã giúp cho giới làm cao su thiên nhiên ổn định tinh thần và cố gắng kiếm lời nhiều hơn.

**Bảng thống kê sản lượng và trị giá mủ cao su ở Miền Nam
từ năm 1955 đến năm 1961[107;12]).**

Năm	Diện tích trồng (ha)	Diện tích khai thác (ha)	Số lượng mủ sản xuất được (tấn)		Số mủ sản xuất	Trị giá (1.000đ)
			Công ty Pháp	Đồn điền		
1955	63.756	54.683	66.336	12.085	61.770	1.399.841
1956	63.093	65.010	70.231	10.769	74.000	1.358.497
1957	74.900		69.657	10.279	75.191	1.689.378
1958	76.300		71.660	6.993	68.481	1.244.245
1959	80.030		75.380	8.911	73.427	1.642.024
1960			77.560		70.118	1.679.854
1961	122.720		78.140		83.403	1.534.114

Lợi nhuận mà Pháp thu được từ hoạt động khai thác cao su là rất lớn. Mỹ đã tìm cách hạn chế ảnh hưởng của tư bản Pháp đối với kinh tế miền Nam bằng nhiều cách, như đầu tư vốn vào một số công ty cao su lớn của Pháp, hay ép chính quyền ngụy ở miền Nam gây một số khó khăn cho tư bản Pháp. Tuy bất hoà vì quyền lợi kinh tế, nhưng Pháp – Mỹ Ngụy vẫn dung hòa, nhờ cậy nhau. Vì cơ sở xã hội vững chắc cho chế độ ngụy quyền miền Nam chính là giai cấp tư sản nước ngoài, tư sản mại bản và địa chủ phong kiến. Ngược lại tư sản Pháp tồn tại ở miền Nam thì không có chỗ dựa nào khác ngoài chế độ ngụy quyền. Cả hai đối thủ Pháp và Mỹ-ngụy đều xác định mối hiểm hoạ gây hại lớn đối với chúng là phong trào đấu tranh của công nhân cao su. Nên Mỹ và Pháp tìm mọi cách để dung hoà, cấu kết với nhau, đối phó với phong trào đấu tranh cách mạng của công nhân cao su.

Mỹ-ngụy và chủ đồn điền Pháp đều có âm mưu làm tê liệt ý chí đấu tranh cách mạng của công nhân. Mỹ-ngụy muốn sớm thiết lập căn cứ quân sự đủ mạnh ở các đồn điền cao su để làm bàn đạp tiêu diệt lực lượng cách mạng, thực hiện âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta.

Ở đồn điền cao su, tại làng công nhân, Mỹ-ngụy đã ráo riết tổ chức các đơn vị hành chánh, có chỉ huy và lực lượng bảo vệ, dân vệ nghiêm ngặt. Mỹ-ngụy đã lập ra các “ngành đoàn công nhân” để tranh thủ sự ủng hộ của công nhân. Những khẩu dụ: “Ngành đoàn không làm chính trị”, “thăng tiến cần lao, đồng tiến xã hội”, “lao tư lưỡng lợi”, “hoà đồng giai cấp” là để xoá mờ tinh thần đấu tranh giai cấp, làm suy yếu các tổ chức cách mạng và phong trào đấu tranh của công nhân cao su.

Điều kiện trên giúp các nhóm tư bản Pháp vẫn làm ăn kinh tế bình thường ở Việt Nam mà không có quân đội Pháp làm chỗ dựa. Các đồn điền cao su được tiếp tục hoạt động. Có khác hơn là trong mỗi đồn điền cao su, đơn vị hành chính gọi là xã, áp bắt đầu điều hành và giải quyết các vấn đề hành chính xã hội, chứ không còn tình trạng đồn điền là một đơn vị tự quản, giải quyết sự việc theo kiểu “một quốc gia trong một quốc gia” như thời kỳ toàn quyền của Pháp.

Trong kháng chiến chống Pháp, các đồn điền cao su là một tài sản quý giá “để ra tiền để nuôi chiến tranh” thực dân, vì vậy thái độ hàng đầu của Pháp là bảo vệ cho bằng được các đồn điền cao su lớn của người Pháp khỏi sự phá hoại của Việt Minh. “Bình định” để bảo vệ vẹn toàn các đồn điền bằng cách bố trí quân đội làm công tác bảo vệ vòng trong lẫn vòng ngoài.

Ở giai đoạn kháng chiến chống Mỹ, quan niệm và hành động của chính quyền Sài Gòn có những điểm khác trước. Vùng cao su miền Đông Nam Bộ kề cận thành phố Sài Gòn, là mối đe dọa thường trực đối với quân đội Mỹ-ngụy. Các làng, sở cao su là nơi trú ẩn của lực lượng cách mạng uy hiếp Sài Gòn (đầu não của Mỹ-ngụy). Chiến lược của Mỹ-ngụy là phòng thủ Sài Gòn từ xa, nên vùng cao su miền Đông Nam Bộ là tâm điểm đánh phá ác liệt nhất của Mỹ-ngụy nhằm đẩy lui lực lượng cách mạng ra càng xa càng tốt. Do vậy mà vùng cao su phải chịu sức ép thường trực của một lực lượng chiến tranh lớn, hung hãn và tàn bạo nhất.

Thay Pháp kiểm soát tình thế chiến tranh, trước hết, Mỹ-Diệm lập hồ sơ theo dõi những người kháng chiến cũ, những người từ vùng kháng chiến trở về. Mỹ-Diệm ra lệnh bắn giết tất cả những công nhân không chịu làm theo quy định. Công nhân cao su sống trong không khí khủng bố nặng nề, lúc nào cũng lo sợ, không biết sẽ bị bắt, bị giết đi lúc nào. “Cướp giạt thì xảy ra như cơm bữa trong rừng cao su. Có nhiều kiểu, cách cướp giạt. Có toán cướp được trang bị cả súng. Thô bạo hơn cả là những kiểu tống tiền hết sức man rợ. Biết nhà nào bán heo, bán quả... có chút ít tiền, là bọn tống tiền mò đến bán ... đình. Bọn tống tiền đưa 01 chiến đình dài 10 phân rồi đặt giá. Nếu chủ nhà không đủ tiền nộp, lập tức chúng sẽ đóng chiến đình đó vào sọ nạn nhân. Chúng cấm hội họp, cứ thấy ba người ngồi nói chuyện là chúng bắn ngay” [98;102]. Lệnh giới nghiêm được đặt ra: “sau giờ ở lô về, nhà ai nấy ở, chẳng ai dám qua thăm ai như trước. Chúng đuổi người cũ rất dữ. Chỉ thấy công nhân nào sổ mũi, hắt hơi, nghỉ làm vài ngày là chúng đuổi ra khỏi đồn điền ngay. Tệ hại hơn cả là chúng hành hạ công nhân ngày càng tàn nhẫn, chẳng khác gì những người tù khổ sai. Ngày trước chúng đánh công nhân bằng gậy bằng roi, nay chúng xả súng vào đám quần chúng tay không. Ngày trước chúng giận rồi đánh, nhốt mấy ngày rồi tha. Nay nửa đêm, chúng bắt cóc đem đi thủ tiêu...” [98;102-103].

Một ngày, công nhân phải cạo gần 500 cây cao su (hơn 01 ha). Cạo làm hai lần và nộp đủ từ 30 đến 60 lít mủ nước (tùy theo tuổi cây, và loại cây tốt hay xấu)[31;336]. Số lượng công việc như vậy buộc một công nhân chính thức phải đưa cả gia đình mình ra phụ cạo mủ mới đủ lượng mủ quy định để nhận lương. Và điều mà công nhân cạo mủ cao su phàn nàn nhất là chủ đồn điền buộc họ cạo mủ ngược, phương pháp cạo mủ mới để lấy được nhiều mủ cao su hơn. Cách cạo mủ nặng nhọc này làm nhiều công nhân mắc bệnh, như chứng đau ngực, đau phổi... Ngoài sự thúc ép của công việc cạo mủ,

trong thời gian lao động chính, công nhân còn bị bắt buộc làm những việc như dọn cỏ gốc cây, làm vệ sinh trại, làng... mà không được trả tiền công. Nếu công nhân nào không tham gia lao động sẽ phải nộp tiền để chủ thuê lao động làm thay.

Quy định, mỗi ngày, một công nhân chính được phát 800 gram gạo, nhưng thường trong hợp đồng không ghi loại gạo, nên công nhân cao su Quận Lợi, suốt tháng chỉ được phát gạo lức, mục. Công nhân cao su Dầu Tiếng ăn lộn gạo đỏ đến 60%, muốn ăn được phải giã lại, chịu hao hụt 30% - 40%. Như vậy, mỗi tuần công nhân được nhận từ 5 đến 6 kg gạo, xay ra chỉ còn 04 lít thay vì 07 lít như giao kèo. Nếu tính mỗi công nhân bị mất 200 gram gạo/01 ngày, toàn miền Đông Nam Bộ lúc này khoảng 50.000 công nhân cao su, thì công nhân bị thiệt mất 10.000 kg gạo. Số gạo này lọt vào tay chủ tư bản đồn điền. Tính theo thời giá 2 đồng/kg gạo, số tiền công nhân bị mất do tư bản trả gạo xấu hàng ngày là 20.000đ. Chỉ cần với số tiền ăn chặn bớt của công nhân trong 02 ngày, tư bản đã đủ tiền vốn để đầu tư khai hoang trồng mới 01 ha cao su [31;337].

Về nhà ở, tình trạng của 9.000 công nhân Quận Lợi, có từ 15-25 người ăn ngủ trong những nhà có chiều ngang 3m50, chiều dài 5m, nhà không có cửa cài, bị dột nát, không được sửa chữa. Tình trạng trên 2.000 công nhân làm khoán còn cơ cực hơn, đa phần không được cấp nhà ở, phải ở nhờ tạm trong các căn nhà “điểm công” trống 4 mặt, giường vẫn không có, ngày thì nóng như thiêu, đêm tối lạnh thấu xương...”[178;6].

Ngày 20 tháng 07 năm 1956, không có tổng tuyển cử như Hiệp định Giơnevơ quy định, trái lại cuộc chiến tranh không tuyên bố của Mỹ đã bắt đầu. Qua 2 năm (1954-1956), Mỹ đã đánh sụp toàn bộ cơ cấu của chế độ thực dân cũ, thay vào đó là cơ cấu thống trị thực dân mới, tạo được thế đứng để tập trung mũi nhọn vào những người cộng sản, những người kháng chiến cũ, nhân dân yêu nước và lực lượng tiến bộ.

Ở miền Nam, các chiến dịch “tố cộng, diệt cộng” đã vào cuộc vây ráp toàn diện. Công nhân cao su cách mạng bị khủng bố, bị đàn áp dã man.

Quốc sách “tố cộng, diệt cộng” được thực hiện theo phương châm: đánh trên diện rộng ban đầu, sau đó đánh vào chiều sâu, đánh vào Đảng và đánh vào quần chúng, lấy đánh vào đảng làm mục tiêu quyết định, đánh vào tổ chức đồng thời đánh vào tư tưởng, tiêu diệt con người, đồng thời đi đôi với tiêu diệt ý chí... Súng, lưỡi lê, máy chém đi đôi với “tố”, “học”, “tẩy não”, “lột xác”... Bạo lực phản cách mạng kết hợp với lừa bịp, trong đó lấy bạo lực làm chính... Mục tiêu tối hậu là buộc những người cộng sản và quần chúng cách mạng phải chọn con đường: hoặc chết hoặc đầu hàng, phản bội. Khẩu

hiệu hành động là: “từng bước, lâu dài nhưng kiên quyết và triệt để, tiêu diệt nội tuyến, diệt trừ nội tâm, đập lên oán thù để thực thi chủ nghĩa nhân vị quốc gia, giết lầm hơn bỏ sót”. Tìm và diệt cộng sản đến mức độ: “diệt cho đến khi nào cây khô mọc lá mới thấy cộng sản”.

Tình thế giết chóc điên cuồng của Mỹ-Diệm đã làm lực lượng cách mạng mất mát rất lớn. Trên toàn tỉnh Thủ Dầu Một, năm 1954 có 1.200 đảng viên, đến cuối năm 1957 chỉ còn 530, trong đó có 200 đảng viên mới. Như vậy mất trên 900 đảng viên[178;12]... Cuối năm 1958, phong trào cách mạng ở Thủ Dầu Một gần như thoái trào, cơ sở đảng mất gần hết, đảng viên, người cộng sản phải sống bí mật, bất hợp pháp trong rừng sâu, kiên cường đến mức “áo rách lai, quần rách ống”. Song, tất cả những hy sinh, mất mát đó chính là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến các cuộc đấu tranh quyết liệt sau này.

3.1.2. Tổ chức, sắp xếp lại lực lượng, tiến hành đấu tranh chính trị đòi Mỹ-Diệm thi hành Hiệp định Giơnevơ, đòi các quyền dân sinh, dân chủ (1954-1956)

Sau Hiệp định Giơnevơ, cách mạng miền Nam chuyển sang đấu tranh chính trị đòi Mỹ-Diệm thi hành Hiệp định Giơnevơ, hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Nhiệm vụ cấp thiết là sắp xếp lực lượng “đi, ở”, “tập kết”, “chuyển quân”.

Ngày 30 tháng 07 năm 1954, theo chỉ đạo của Xứ ủy Nam Bộ, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một mở Hội nghị bất thường tại Bà Đả (chiến khu Đ), lên kế hoạch thực hiện nhanh các công việc lớn, như là sắp xếp lại lực lượng chiến đấu tại chỗ; điều lệnh quân rút về chiến khu Đ, chuẩn bị đi tập kết; Mít-tinh mừng hoà bình, tổ chức học tập văn bản Hiệp định trong cả cán bộ và nhân dân; từng bước chuyển căn cứ vào dân để lãnh đạo nhân dân đấu tranh[208;10].

Nhận rõ tầm quan trọng của đội ngũ công nhân cao su trong cuộc chiến đấu mới, Xứ ủy Nam Bộ chủ trương không đưa cán bộ cao su đi tập kết. Thường vụ Liên hiệp Công đoàn Nam Bộ đã chọn và đưa về các đồn điền cao su thêm 200 cán bộ có năng lực tốt về công tác phong trào để tiếp tục lãnh đạo phong trào đấu tranh của công nhân. Do vậy, hầu hết cán bộ lãnh đạo của Dầu Tiếng đều được chỉ định ở lại, không đi tập kết[132;238].

Ngày 15 tháng 8 năm 1954, hàng vạn cán bộ, chiến sĩ, đồng bào tiền quân miền Nam tập kết ra miền Bắc. Chiến trường miền Nam không tiếng súng. Quân dân Thủ Dầu Một có cuộc sống vui vẻ, phấn khởi.

Cuối tháng 8 năm 1954, nhịp sống của dân trong vùng giải phóng càng thẳng trở lại. Mỹ-Diệm bắt đầu đưa lực lượng mới vào vùng giải phóng, tiếp quản, lập lại bộ máy tề điệt, dùng các thủ đoạn chính trị mới để tiến hành khủng bố, triệt tiêu đội ngũ công nhân cách mạng trong đồn điền.

Ngày 10 tháng 10 năm 1954, Mỹ-Diệm chiếm được toàn tỉnh Thủ Dầu Một. Cùng với việc triển khai chuyển quân Nùng, Hoa phản cách mạng từ miền Bắc vào chiếm đóng ở Chơn Thành, Hớn Quản, Lộc Ninh, Bến Cát, Mỹ-Diệm ráo riết lập ra các tiểu khu (mỗi tiểu khu, có tiểu đoàn bảo an) quân sự ở Thủ Dầu Một; lập các chi khu (cấp quận, có các trung đội bảo an, chi cảnh sát); xây dựng hàng loạt các đồn bót ở đồn điền, làng xã, dọc các trục lộ giao thông, kiểm soát các đường chiến lược 13, 14... và chuẩn bị lực lượng đánh phá chiến khu Đ và vùng rừng núi phía Bắc của tỉnh.[108;329]

Vào thời gian này, Trần Văn Kỳ, Đốc phủ sứ đặc hạng, là tỉnh trưởng Thủ Dầu Một thời Pháp được thay thế bằng Nguyễn Văn Sung, hàm đốc phủ sứ đặc hạng. Sung là tên gian ác, hấn đề trình kế hoạch đàn áp phong trào cách mạng và khủng bố trả thù những người kháng chiến cũ rất dữ dội.

Ở các đồn điền cao su, Mỹ-Diệm áp chế phương cách chủ quản mới để thay thế cho chế độ tự trị cao su trước đây. Chính quyền xã, ấp – bộ máy hội tề được lập ra khắp nơi, như: Đồn điền Minh Thạnh: có xã Minh Hoà và một số ấp. Đồn điền Quản Lợi: có xã Tân Lợi, Tân Hưng. Đồn điền Xa Trạch: có xã Phước An... [78,92]. Công nhân làm việc trong đồn điền không còn là “dân công - tra” như trước mà trở thành “dân tự do”, làm cho chủ theo hợp đồng, công nhân tùy dấp làm theo thời vụ.

Sau Hiệp định Giơnevơ, ở miền Nam Việt Nam từ chỗ có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng (vùng giải phóng, căn cứ kháng chiến của cách mạng và vùng Mỹ-ngụy kiểm soát) nay chỉ còn chính quyền của Mỹ-ngụy, quân đội ngụy và toàn bộ miền Nam do Mỹ-ngụy kiểm soát hoàn toàn. So sánh lực lượng giữa quân cách mạng và Mỹ-ngụy ở miền Nam lúc này đã thay đổi không có lợi cho cách mạng. Nhân dân Thủ Dầu Một cùng nhân dân miền Nam với truyền thống đấu tranh bất khuất, dày dặn kinh nghiệm trong chín năm chống Pháp, tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, sẵn sàng chống lại mọi âm mưu thâm độc của kẻ thù mới là đế quốc Mỹ và tay sai.

Để phù hợp với tình hình mới, cuối năm 1954, Xứ ủy Nam Bộ đã phân chia lại địa phận các tỉnh. Tỉnh Thủ Dầu Một, lúc bấy giờ gồm các huyện: Lái Thiêu, Châu Thành,

Bến Cát, Hớn Quản, và các đồn điền cao su Dầu Tiếng, Quản Lợi, Lộc Ninh với 65 xã và hơn 30 làng cao su[21;284].

Giữa tháng 01 năm 1955, Thủ Dầu Một mở hội nghị Ban Chấp hành Tỉnh Đảng bộ lần thứ nhất tại suối Đá Bàn (chiến khu Đ), triển khai thực hiện chỉ thị 1 HBC của Xứ ủy về công tác tổ chức và công tác cán bộ, lựa chọn cán bộ đảng viên trung kiên, nòng cốt, có kinh nghiệm lãnh đạo đấu tranh bố trí vào các cấp ủy đảng. Hội nghị đã đánh giá tình hình, đề ra nhiệm vụ lãnh đạo và quyết định thành lập Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh bí mật để lãnh đạo cuộc đấu tranh cách mạng[15;72].

Để thực hiện tốt nhiệm vụ cách mạng trong tình hình mới, tình hình lực lượng kháng chiến không có chính quyền công khai. Đảng rút vào hoạt động bí mật. Đảng bộ, Chi bộ được tổ chức lại, có chất lượng. Tỉnh ủy là cơ quan lãnh đạo trực tiếp các ban Đảng như: Ban Tuyên huấn, Ban Binh vận, Ban giao liên căn cứ, Ban kinh tế – tài chính Đảng. Công tác tổ chức, kiểm tra Đảng do Thường vụ cấp ủy trực tiếp chỉ đạo. Về phương châm công tác, Tỉnh ủy đã chỉ thị mọi hoạt động, cán bộ, đảng viên phải tuân thủ triệt để nguyên tắc bí mật. Đảng chủ trương đi vào hoạt động bí mật là để duy trì lãnh đạo quần chúng, không bỏ trống địa bàn, địa phương cho Mỹ-ngụy[208;49].

Về công tác củng cố tổ chức Đảng, Tỉnh ủy đã thành lập các chi bộ cơ sở. Đầu 1955, Đảng bộ Thủ Dầu Một có trên 60 chi bộ cơ sở, với 1.570 đảng viên hoạt động bí mật [15;85]. Từng cán bộ, đảng viên cách mạng trong giai đoạn này đều nắm vững năm bước công tác cách mạng: điều tra, tuyên truyền, tổ chức, huấn luyện, đấu tranh để thực hiện tốt công tác vận động cách mạng trong quần chúng, công nhân. Hệ thống bí mật này là lực lượng tham gia dán, rải truyền đơn mật của Đảng cho công nhân đọc hiểu. Đồng thời, cũng thông qua hệ thống này, Đảng đã xây dựng được nhiều căn cứ bí mật, những nơi bảo toàn lực lượng cách mạng.

Thời gian này, Mỹ-Diệm đã dùng chính sách đàn áp, khủng bố đi đôi với mua chuộc, chia rẽ, những tuyên truyền bằng “thuyết cần lao nhân vị” rất thâm độc đã gây ra nhiều khó khăn cho phong trào công nhân. Nhưng công nhân lao động trong các đồn điền cao su Thủ Dầu Một, những người đã từng được rèn luyện, trưởng thành trong ngọn lửa đấu tranh giai cấp, đấu tranh giải phóng dân tộc, đã hiểu sâu sắc rằng: Chỉ có đoàn kết đấu tranh một mất một còn với kẻ thù thì mới giành được độc lập, tự do thật sự. Do đó họ đã đoàn kết đấu tranh liên tục để đạt được mục tiêu dân sinh, dân chủ và độc lập dân tộc.

3.1.2.1. Đấu tranh đòi cải thiện dân sinh, đòi tự do dân chủ

Sau năm 1954, công nhân cao su Thủ Dầu Một vẫn bị áp bức, bóc lột hết sức thậm tệ. Công nhân vẫn phải buộc ăn những loại gạo nát, mục, cá ôi thối... do chủ đồn điền cấp phát; chỗ ở chật chội tới mức không thể chịu được, nhiều làng không có nước ăn, nhà vắng tối, không có đèn...

Mở đầu cho đợt đấu tranh, đầu tháng 8 năm 1954, công nhân các đồn điền cao su Thủ Dầu Một đồng loạt bãi công 3 ngày, cùng nông dân đấu tranh đòi trả tự do cho tù chính trị, trao trả hết tù binh, bãi bỏ thuế đảm phụ chiến tranh, tăng lương 20% [209;4].

Tháng 11 năm 1954, 40.000 công nhân cao su các đồn điền Dầu Tiếng, Lộc Ninh, Quản Lợi, Thuận Lợi bãi công đòi chủ bỏ chế độ cấp phát gạo mục, cá ươn, chống đánh đập, cúp phạt, sa thải, tăng lương, giảm giờ làm, chăm sóc công nhân đau ốm, phụ nữ sinh đẻ phải được nghỉ và 1 tháng hưởng lương, con em công nhân phải được học hành [209;5].

Đầu tháng 12 năm 1954, chi bộ đồn điền Quản Lợi vận động 7.200 công nhân đấu tranh với chủ đồn điền đòi hủy bỏ chế độ cấp phát gạo mục, đòi phát gạo trắng loại 2, đòi hủy bỏ chế độ đánh đập công nhân, đòi trả lương công nhân cho người dân tộc ngang với lương công nhân người kinh, đòi tăng khẩu phần ăn cho công nhân và khi ốm đau có thuốc để chữa bệnh [85;48]. Ngày 16 tháng 12 năm 1954, theo kế hoạch đã định, cuộc đấu tranh bùng nổ, công nhân từ các làng sóc Trào, sóc Gòn, Xa - Cô Đơ, Xa - Cô 6, Xa - Cô 28, Trà Thanh và nhà máy cao su Quản Lợi kéo về khu trung tâm chợ Quản Lợi [85;48-49]. Chủ đồn điền và nhóm chỉ huy quân đội nguy đóng tại địa phương điều động một tiểu đoàn bảo an và một chi công an quận ra trấn áp công nhân. Chi bộ Đảng Quản Lợi lãnh đạo công nhân đối phó với lực lượng này, vừa kiên trì đấu tranh, vừa làm công tác binh vận lôi kéo binh lính đồng tình với cuộc đấu tranh, đồng thời họp bàn biện pháp mở diện rộng đấu tranh sang Xa Trạch, Xa Cam, Xa Cát. Mục đích là tập hợp lực lượng làm hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh. Trước sức mạnh đấu tranh đồng loạt của công nhân các đồn điền tại Hớn Quản, chủ đồn điền phải nhận giải quyết một số yêu sách như:

- Đồng ý bỏ cấp phát gạo đỏ. Cấp gạo trắng loại 2, trong đó gạo tằm chiếm 35%.
- Hủy bỏ đánh đập công nhân.
- Lương tăng từ 17 đồng lên 26 đồng một ngày.

- Khẩu phần ăn của một bệnh nhân nằm tại nhà thương tăng từ 6 đồng lên 8 đồng mỗi ngày [85;55].

Sự kiện trên giúp cho 4.000 công nhân đồn điền Phú Riêng, Thuận Lợi thêm sức mạnh đấu tranh đòi quyền lợi dân sinh, cùng phương cách mở rộng diện, lôi kéo binh lính đạt kết quả mong muốn.

Đầu năm 1955, nhân cơ hội chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm lập ra những hội như “hội đồng hương chánh”, “nghiệp đoàn không chính trị”; những thuyết dụ, như “thuyết dân chủ”, “thuyết hoà hợp giai cấp”... Xứ uỷ chỉ đạo Ban công vận xứ đưa cán bộ cách mạng vào tác nghiệp trong các hội, nghiệp đoàn để tập hợp lực lượng, hướng dẫn công nhân đấu tranh.

Ở Dầu Tiếng, tháng 02 năm 1955, 5.000 công nhân tập hợp biểu tình đòi chủ đồn điền Pháp tăng lương từ 20% đến 50%, chống cúp phạt vô lý, bớt mức khoán, ngày làm 08 giờ, dời nhà, ở sạch, gạo tốt, nước uống vệ sinh.[34;119]

Tại Lộc Ninh, ngày 03 tháng 03 năm 1955, cấp uỷ đảng Lộc Ninh huy động 12.000 công nhân Kinh, Thượng kéo về thị trấn Lộc Ninh đòi tăng lương, đòi trả lương người Thượng ngang lương người Kinh, đòi tự do hội họp. Cuộc đấu tranh tăng 17.000 người trong ngày, chủ đồn điền Đờ La-Lăng buộc phải chấp nhận yêu sách về quyền lợi bức thiết như tăng lương, giảm giờ làm, cải thiện điều kiện làm việc của người công nhân [85;50].

Kết quả của những sự kiện lịch sử đã diễn ra này là một văn bản “Cộng đồng hiệp ước cao su Việt Nam”, với 16 điểm được chính thức công bố thay cho những quy định về chế độ đồn điền của thực dân Pháp trước đây.

Bản “Cộng đồng hiệp ước cao su Việt Nam” đã được ký kết giữa một bên là Nghiệp đoàn khai thác cao su Việt Nam gồm các công ty: Đất đỏ, CEXO, SIPH, Mít-sơ-lanh, Hê-va Tây Ninh, Cao su Đồng Nai (LCD), Hê-va Xuân Lộc, Cao su Đông Dương, Công ty cao su Phước Hoà, Hê-va Cầu Khởi, Công ty nông nghiệp Thành Tuy Hạ, Viện khảo cứu cao su Việt Nam tại Lai Khê, Lắp-bê chủ sở hữu đồn điền Phước Hoà, Viện Pasteur và một bên gồm Tổng liên đoàn đồn điền Việt Nam (Đảng lãnh đạo) do Vũ Hà Thành làm Tổng thư ký và Tổng liên đoàn lao động Việt Nam với Nguyễn Văn Cửa làm chủ tịch. [31;369]

Bản “Cộng đồng hiệp ước cao su Việt Nam” gồm 21 chương, 257 điều, quy định chi tiết về các quyền công nhân như tự do nghiệp đoàn, tự do tư tưởng, chế độ đại biểu công nhân, thâm niên, ngày làm, vệ sinh và an ninh xã hội[31;369]...

Về tiền lương, chương IV quy định lương công nhân cao mủ 40 đồng/ngày, cao 01 buổi 26 đồng. Ngoài lương công nhân được hưởng một phần gạo 933 gram mỗi ngày cao, loại gạo số 1 với 35% tấm. Vợ, con công nhân hàng tháng có trợ cấp và tiền[31;369].

Về lao động, chương XI quy định công nhân làm 08 giờ mỗi ngày, một tuần làm 48 tiếng. Tiền thâm niên công nhân được tính từ tháng 30 đến 05 năm liền, thâm niên bằng ½ tháng lương. Từ 05 năm trở đi tiền thâm niên bằng 01 tháng lương[31;369].

Chương XIX quy định chủ không được sa thải công nhân tùy tiện, khi sa thải phải có phụ cấp nếu công nhân đã làm trên 30 tháng. Hiệp ước được thi hành trong 03 năm, sau đó sẽ được sửa chữa, bổ sung[31;370].

Các chủ tư bản đồn điền Thủ Dầu Một còn chấp nhận đóng thuế cho cách mạng (theo báo cáo của Ban công vận Khu ủy miền Đông Nam Bộ trong thời điểm 1960-1963 vấn đề tài chính chi tiêu của các cơ quan đơn vị kháng chiến trong toàn khu miền Đông phần lớn là dựa vào nghĩa vụ thuế ở các đồn điền cao su). Đây là sự kiện lớn, là thắng lợi lớn của công nhân cao su Thủ Dầu Một và miền Đông Nam Bộ.

Những quyền lợi từ bản “Cộng đồng hiệp ước cao su Việt Nam” đã công bố nhưng vẫn còn trên giấy, chưa được thi hành. Thực tế, giới chủ đồn điền cao su vẫn giằng co, chậm giải quyết. Thời gian này, công nhân cao su đứng trước sự đe dọa mới, bị quy chụp là “cộng sản”, bắt đi tù hoặc bị đuổi việc. Cuộc sống của công nhân khó khăn, căng thẳng từng ngày, từng giờ.

Mặc dù, công nhân đấu tranh đòi cải thiện dân sinh, đòi tự do dân chủ thành thế liên hoàn, ủng hộ nhau và đạt được một số thắng lợi đáng ghi nhận. Nhưng do cơ sở cách mạng bên trong và bên ngoài còn ít ỏi, chưa thực hiện được việc phối hợp với nhau chặt chẽ. Trong quá trình đưa người vào tổ chức Mỹ-Diệm, lực lượng cán bộ cơ sở ở đồn điền chưa nguy trang thấu đáo, chặt chẽ, nên chính quyền Diệm dần phát hiện và hình thành một kế hoạch đánh phá, khủng bố.

Gạo ảm, cúp phạt, ngày công quá nhiều giờ... vẫn trở đi trở lại với người công nhân, mặc dù giới chủ người Pháp đã phải xoay ra thủ đoạn “mật ngọt chết ruồi” thay thế dần cho chế độ đòn roi, khổ sai. Sự thay đổi này diễn ra một cách trì trệ. Cho đến năm

1956, người công nhân cao su vẫn sống trong tình cảnh: việc làm không nổi, bụng ỏng, da vàng, ngực lép, ngủ tối lạnh thấu xương[139;2] ...

Trước tình cảnh đó, mục tiêu đấu tranh của công nhân cao su vẫn theo đuổi là hủy bỏ chế độ cao su cũ, ngày làm 8 giờ, bỏ việc cúp phạt không lý do, đòi cải thiện chế độ ăn, đòi nhà ở, đòi chế độ nghỉ dưỡng đối với những công nhân bị đau ốm, sinh đẻ, đòi thực hiện dân chủ, tự do. Đấu tranh giai cấp nằm trong cuộc đấu tranh trung tâm của dân tộc: Đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ, tổng tuyển cử thống nhất nước nhà.

3.1.2.2. Đấu tranh đòi thực hiện Hiệp định Giơnevơ, đòi hoà bình thống nhất đất nước, “chống” viện trợ Mỹ.

Nguyện vọng cao nhất của dân tộc Việt Nam từ sau Hiệp định Giơnevơ được ký kết là thống nhất đất nước. Do đó nhiệm vụ quan trọng của phong trào cách mạng miền Nam thời kỳ 1954-1956 là đấu tranh đòi Mỹ-ngụy thi hành Hiệp định.

Công nhân cao su đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ chú trọng vào hai điểm: đòi Mỹ-ngụy hiệp thương với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tiến tới tổng tuyển cử thống nhất đất nước vào tháng 07 năm 1956; đòi thi hành điều 14c Hiệp định, chống Mỹ-ngụy khủng bố người yêu nước và kháng chiến. Phong trào này đã tạo được không khí phấn khởi trong công nhân cao su, đồng thời khẳng định niềm tin của công nhân vào cách mạng.

Những năm 1954 - 1956, phong trào đấu tranh của công nhân cao su đều nêu khẩu hiệu đòi hiệp thương, tổng tuyển cử. Đặc biệt trong ngày quốc tế lao động ngày 1 tháng 5 năm 1955 và ngày 1 tháng 5 năm 1956. Hình thức đấu tranh là vừa biểu dương lực lượng bằng mít tinh, vừa đệ trình kiến nghị lên Ủy hội quốc tế kiểm soát đình chiến tại Sài Gòn, Vũng Tàu và Lộc Ninh, đòi thực hiện Hiệp định Giơnevơ[31;365]

Chính quyền ngụy luôn lấy danh nghĩa nhà nước để can thiệp, hòa giải mâu thuẫn giữa chủ đồn điền và công nhân khi công nhân đấu tranh đòi dân sinh, cải thiện đời sống về ăn, ở, đi lại. Nhưng với những cuộc đấu tranh chính trị, đòi thi hành Hiệp định, lên án ngụy quyền vi phạm Hiệp định thì chúng dùng ngay đến quân đội, cảnh sát trấn áp và dập tắt.

Tháng 7-1955, Mỹ-ngụy vi phạm điều 14c Hiệp định, bắt giam 02 cán bộ nghiệp đoàn cao su ở Quán Lợi. Ban cán sự Đảng Hớn Quán đã phát động cuộc đấu tranh phản đối hành động vi phạm Hiệp định, chống khủng bố, đòi thả người bị bắt[85;51].

Trước làn sóng cách mạng quyết liệt ở các đồn điền cao su, Mỹ-Diệm trong thời gian đầu (1954-1955) còn yếu thế nên chưa mạnh tay khủng bố phong trào cách mạng. Mỹ-Diệm chỉ dùng những thủ đoạn tuyên truyền lừa bịp bằng thuyết cần lao nhân vị, tung hàng viện trợ Mỹ mua chuộc lôi kéo công nhân. Những khẩu hiệu mị dân như: “cải tiến cần lao”, “đồng tiến xã hội”, “tư sản hoá vô sản” “chủ và thợ cùng sống trong hoà bình thịnh vượng”[31;342]. Mặt khác, Mỹ-Diệm ra sức quy tập lực lượng, hạn chế thế lực của thực dân Pháp, thực thi bộ máy nguy quyền cơ sở để khống chế các đồn điền.

Để có thành tích báo cáo, và nhận viện trợ của Mỹ, Diệm tranh thủ thời gian tước đoạt đất đai, lập ra những khu “Dinh điền” cho hàng vạn người kinh theo đạo Thiên Chúa và các dân tộc ít người từ các tỉnh phía Bắc như: Hoa, Nùng, Tày, Mường di cư vào Thủ Dầu Một lập nghiệp, hầu làm hậu thuẫn chính trị cho cái gọi là “Đệ nhất cộng hoà” tại miền Nam Việt Nam hồi bấy giờ. Đồn điền cao su là môi trường rộng và phù hợp để lượng người di cư này mưu sinh.

Ngay sau khi các gia đình di cư vào sống trong các đồn điền cao su, Ban lãnh đạo quận, huyện đã vận động công nhân cũ đến thăm hỏi các gia đình mới với cử chỉ nghĩa tình. Những giúp đỡ về cái ăn, cái ấm, chăm sóc ốm đau đã kêu gọi lên tình cảm yêu thương và đoàn kết. Người dân di cư mới đến sớm nhận thức rõ tình cảnh khốn khổ ở đồn điền, âm mưu của giới chủ cao su và Mỹ-Diệm. Tình cảm giữa công nhân, người dân địa phương và người di cư ngày càng gần gũi hơn. Họ sớm trở thành cộng đồng “lương giáo đồng tâm”, “lương giáo đoàn kết”, đoàn kết đấu tranh đòi các quyền lợi thiết thực về ăn, ở hàng ngày. Sự cố kết này đã phá tan được âm mưu chia rẽ của Mỹ-Diệm, và thể hiện sự hòa hợp dân tộc lâu bền.

Đi cùng với phong trào đấu tranh của công nhân cao su, phong trào đấu tranh của nông dân người kinh và người dân tộc đòi giữ đất, đòi giảm tô, chống cướp đất, chống tăng tô thuế, chống bắt đi phu đi lính cũng diễn ra quyết liệt. Do đặc điểm riêng về tính cách, người dân tộc không tiến hành những cuộc đấu tranh trực tiếp quy mô lớn với chủ. Họ thường sử dụng hình thức đấu tranh linh hoạt như “thỉnh nguyện” (cầu xin), hoặc làm lơ không chấp hành, hoặc khát dần rồi bỏ qua luôn, không làm những việc chủ bắt buộc...[85;65] Mặc dầu vậy, những cuộc đấu tranh của họ vẫn diễn ra dai dẳng và quyết liệt, đặc biệt là những cuộc đấu tranh chống cướp đất. Người dân tộc thiểu số đã giữ lại được toàn bộ đất đai của mình không để cho Mỹ-Diệm biến thành đồn điền

cao su như vùng An Khương, An Quý 1, An Quý 2, Sóc Xoài... Ở các đồn điền, công nhân người dân tộc cũng tham gia vào các cuộc đình công, biểu tình, cũng cử đại biểu tham dự các Hội nghị của công nhân người Kinh. Nhờ đó lương của công nhân người dân tộc trong các đồn điền tại các vùng Thu Bồn, Sóc Xoài, Xa - Cò 28, Sóc Trào, Phú Nương, Bò Com, Sóc Tranh, Phú Lễ, An Lộc... đã được tăng từ 12 đồng lên 25 đồng, hoặc 28 đồng và 01 lít gạo[209;19].

Ý thức chống Mỹ trong công nhân cao su Thủ Dầu Một rất mãnh liệt. Ở nhiều nơi, công nhân và nông dân đã cùng đứng trong một tổ chức chiến đấu. Thể hiện trong các cuộc đấu tranh chống cướp đất, đuổi nhà để xây dựng căn cứ quân sự, chống viện trợ Mỹ. Về phong trào chống cướp đất, cao nhà nổi bật nhất là cuộc đấu tranh ngày 31 tháng 03 năm 1956 của nông dân và công nhân Phước Long đấu tranh chống cướp đất, được nông nhân nhiều nơi khác ủng hộ. [85;67]

Theo số liệu chưa đầy đủ, tổng kết hai năm 1954, 1955, công nhân đã tiến hành 12 cuộc đình công, biểu tình lớn với khoảng 200.000 lượt người tham gia[186;16], đòi Mỹ-ngụy nghiêm chỉnh thi hành hiệp định Giơnevơ, đòi hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước, đòi tự do dân chủ. Tiêu biểu nhất là ở đồn điền Quản Lợi và Lộc Ninh.

Như vậy từ 1954 đến 1956, bằng hình thức đấu tranh hợp pháp và bán hợp pháp, phong trào công nhân cao su đã giành được những thắng lợi quan trọng nhờ chuyển hướng kịp thời phương thức đấu tranh phù hợp với tình hình mới, thực hiện tốt công tác xây dựng cơ sở Đảng, cơ sở quần chúng, động viên được tinh thần cách mạng. Tích cực, phát huy được sức mạnh tổng hợp của đông đảo đội ngũ công nhân cao su và người dân tộc thiểu số Thủ Dầu Một.

Qua những năm tiến hành đấu tranh chính trị đòi Mỹ Diệm thi hành Hiệp định Giơnevơ, đòi các quyền dân sinh dân chủ, phong trào đấu tranh của nhân dân Thủ Dầu Một, nhất là của công nhân các đồn điền cao su từng bước phát triển vững chắc, lực lượng cách mạng được giữ vững và ngày càng trưởng thành. Khối đoàn kết trong công nhân và các tầng lớp nhân dân khác được củng cố. Kinh nghiệm đấu tranh được tích lũy mỗi ngày một nhiều thêm. Đó là cơ sở để Đảng bộ và nhân dân Thủ Dầu Một bước vào cuộc đương đầu với “quốc sách tố cộng, diệt cộng”, đánh phá lực lượng cách mạng của kẻ thù trong giai đoạn tiếp sau.

3.1.3. Đấu tranh chính trị kết hợp với vũ trang, chống “tố cộng” “diệt cộng”, giữ gìn lực lượng và tiếp tục đấu tranh đòi dân sinh dân chủ (1957-1959)

Những tuyên bố: “không hiệp thương tổng tuyển cử”, “đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật”, và “biên giới Hoa Kỳ đến vĩ tuyến 17” của Ngô Đình Diệm, từ năm 1956, đã đặt miền Nam trong tình trạng chiến tranh ác liệt.

Chiến dịch “Trương Tấn Bửu” (từ ngày 10 tháng 7 năm 1956 đến ngày 24 tháng 2 năm 1957), “chiến dịch Nguyễn Trãi” (ngày 20 tháng 4 đến ngày 20 tháng 11 năm 1958) là uy lực của chiến lược “tố cộng” và “diệt cộng”. Các chiến dịch này đều tập trung đánh phá dữ dội vào các vùng cao su. Các đồn điền cao su như nóng lên trong những năm 1957 đến năm 1959.

Để bổ sung cho chiến lược “tố cộng – diệt cộng”, chính quyền Diệm ban hành hai chính sách lớn “cải tiến nông thôn” và “lập khu dinh điền, khu trừ mật” với chủ ý là “búng dân kháng chiến khỏi quê nhà”, là “cấy” dân theo Diệm vào giữa căn cứ kháng chiến cũ. Còn khu trừ mật là địa điểm “dồn dân”. Đặc biệt, sau “chiến dịch Nguyễn Trãi”, công dân vụ của Diệm đã tập trung công nhân và người dân địa phương khuyến dụ “ý nghĩa khu trừ mật là xây dựng một xã hội mới để thực thi công bằng, bác ái, đồng tiến xã hội” và “cứ làm, làm mãi, làm cho đến khi nông thôn trở nên pháo đài kiên cố của tự do...”.

Sau cuộc “cải cách điền địa” là cuộc “tái phân công ruộng đất cho công bằng hợp lý, giúp các tá điền trở thành điền chủ...”, Diệm công bố các tiêu chí để làm lợi thế cho chính quyền Diệm, hàng loạt người nghèo vẫn trắng tay, kéo đến đồn điền cao su xin việc, thêm một cơ hội béo bở cho giới chủ người Pháp. Chủ Pháp bắt tay với nguy quyền sa thải hàng loạt công nhân lâu năm, thu người mới vào làm việc để trả tiền công thấp hơn.

Do đó ở các đồn điền cao su, số công nhân làm thuê theo hợp đồng lâu năm chỉ còn lại 20-40%. Tỷ lệ nữ lên đến 40-50% trong tổng số công nhân cạo mủ. Công nhân có số chiếm độ 40 đến 50%, còn lại là công nhân tùy díp. Trên các đồn điền cao su miền Đông Nam Bộ, tỷ lệ thất nghiệp lên đến 30% tổng số công nhân[34;145]

Đầu năm 1957, công nhân cao su đối diện với nạn thất nghiệp và chết chóc... Để tồn tại, công nhân cao su tìm cách đấu tranh hợp pháp chống lại âm mưu và hành động độc ác đó.

Hình thức đấu tranh thời gian này là kết hợp giữa kiến nghị với đình công. Tập trung nhất là ở hai năm 1958 và 1959.

Ngày 15 tháng 01 năm 1958, gần 4.000 công nhân cao su Quản Lợi, Xa Cam, Xa Trạch đình công đấu tranh chống chủ cắt xén quyền lợi công nhân. Liên sau đó, 5.000 công nhân thuộc 3 sở của công ty Đất Đỏ đình công ủng hộ buộc chủ đồng ý trả tiền phụ cấp cho công nhân có mặt hàng ngày 7 đồng (thay vì 5 đồng); trả thưởng năng suất là 0,5 đồng (thay vì cắt bỏ). Kết quả vụ việc đình công này là chủ công ty Đất Đỏ thiệt hại trên 1 triệu đồng[82;250]

Tháng 5 năm 1959, 5.000 công ty cao su Dầu Tiếng làm kiến nghị phản đối chủ sở quyết định truy tố pháp luật đối với công nhân Trần Duy Tân, do anh dám lên tiếng phản đối chủ sa thải đồng nghiệp. Cuộc đấu tranh của công nhân Dầu Tiếng kéo dài đến tháng 9 năm 1959 và được 77 phân bộ nghiệp đoàn công nhân Sài Gòn lên tiếng ủng hộ [82;250].

Tiếng vang từ cuộc đấu tranh của công nhân Dầu Tiếng đã tiếp thêm lòng can đảm cho cho 1.500 công nhân Xa Cát và 5.000 công nhân Lộc Ninh đình công chống chủ sa thải công nhân lâu năm vào tháng 12 năm 1959[82;250].

Khu vực đồn điền Thuận Lợi, chi bộ “mật”, có Bảy Chiến, Út Lộc, Ba Thiều... đã dựng được cơ sở quần chúng ở các làng cao su. Chi bộ chưa tổ chức hoạt động chống Mỹ-Diệm cụ thể do thế lực Mỹ-Diệm dày đặc, nhưng đã hướng dẫn công nhân ngầm phản đối các khuyến dụ có mục đích xuyên tạc, vu khống cách mạng ở các điểm tập trung tại Phước Long. Công nhân Thuận Lợi lúc “học tập tố cộng” đã đồng hô “Việt Cộng” thay cho lời hò hét “diệt cộng” từ nhóm lính khuyến dụ. Nhóm lính bực tức nhưng bất lực, không làm gì được với tập thể đông phản đối này.[14;212]

Tại Bình Long, ngày 14 tháng 11 năm 1958, 14.000 công nhân cao su Bình Long đã tổng bãi công 04 ngày, phản đối Bộ nội vụ và Bộ lao động của chính quyền nguy Sài Gòn đã ra lệnh trục xuất cán bộ nghiệp đoàn ra khỏi sở. Trước sức mạnh đoàn kết đấu tranh của công nhân, nguy quyền Sài Gòn phải nhượng bộ[85;112]. Đến ngày 26 tháng 10 năm 1959, Mỹ-Diệm tổ chức Tết Cộng Hoà, đem quân đội, cảnh sát, chính quyền địa phương đến Minh Thạnh tổ chức “tố cộng”. Chúng vào từng nhà ép buộc công nhân đi dự. Công nhân không đi bị chúng khủng bố. Hàng trăm đại biểu công nhân đến dinh tỉnh trưởng phản đối, đòi quyền tự do dân chủ.[14;212]

Năm 1957 đến năm 1959, công nhân cao su đấu tranh chính trị mạnh. Nhưng những cuộc đấu tranh này còn hạn chế bó hẹp riêng lẻ trong phạm vi từng đồn điền, do chiến

dịch khủng bố của giặc đồn dập. Lực lượng cách mạng ở đồn điền mất mát rất lớn. Tại một số nơi như khu vực thị trấn Dầu Tiếng đều là cơ sở trắng[98;131].

Không chỉ ở Thủ Dầu Một mà tình hình phong trào toàn miền Nam đang bị núng thế qua những chiến dịch khủng bố, “tố cộng”, “diệt cộng”. Để gây dựng lại phong trào, gây tiếng vang về lực lượng vũ trang cách mạng, Xứ ủy Nam Bộ chấp thuận đề nghị của Đảng ủy quân sự Miền Đông mở trận đánh lớn. Vào lúc 24 giờ đêm ngày 10 rạng sáng 11 tháng 08 năm 1958, lực lượng vũ trang bí mật tập kích vào chi khu Dầu Tiếng. Tham gia chiến trận này có đông đảo công nhân cao su làm nhiệm vụ trinh sát, vẽ sơ đồ, phụ trách hậu cần phục vụ trận đánh. Điều bất ngờ đối với giặc là lực lượng cách mạng đã chiếm được mục tiêu, làm chủ nhiều giờ, thu được nhiều súng đạn. Trận Dầu Tiếng không chỉ đạt được mục tiêu quân sự mà còn thành công trong việc xác định chính sách của cách mạng đối với chủ đồn điền người Pháp. Lực lượng ta bắt được 2 chủ đồn điền người Pháp đưa vào căn cứ. Cả hai đều cam kết không đàn áp công nhân và đóng thuế cho cách mạng [34;139].

Chiến dịch khủng bố, “tố cộng”, “diệt cộng” và luật 10/59 của Mỹ-Diệm đối với tư bản Pháp là món lời khởi phải đầu tư, vì với luật 10/59 nguy quyền sẽ làm cái việc mà chúng rất cần: loại trừ cộng sản, loại trừ những người đấu tranh ra khỏi hàng ngũ công nhân cao su. Những quyền lợi mà công nhân cao su đấu tranh được từ sau năm 1954 bị hủy bỏ. Công nhân vẫn sống và làm việc trong điều kiện căng thẳng. Họ thường xuyên bị đổ tội là “Cộng sản dùng nghiệp đoàn để gây bất ổn xã hội, lật đổ chính quyền”. Trần Quốc Bửu chiếu luật 10/59 tuyên bố giải tán tất cả các tổ chức công khai “đã bị cộng sản lợi dụng” và đưa hàng loạt chiến sĩ cách mạng và công nhân cao su yêu nước lên máy chém.

Tình thế khủng bố và giết chóc quyết liệt lúc này đã làm cho công nhân cao su không còn kiên nhẫn đấu lý, đấu lời với chính quyền Mỹ-Diệm được nữa. Thời gian này đã nung nấu họ những quyết tâm “vũ trang” cách mạng để cứu nước, cứu mình.

3.1.4. Phong trào đồng khởi của công nhân cao su Thủ Dầu Một năm 1960

Tháng 1 năm 1959, Hội nghị Trung ương lần thứ 15 họp bàn về cách mạng miền Nam. Sau nhiều lần họp, thảo luận, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã ra nghị quyết về cách mạng miền Nam. “Con đường phát triển cơ bản của cách mạng ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân”, là nội dung cơ bản của Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15. Con đường của cách mạng miền Nam cần

chọn để đi là “dùng bạo lực cách mạng của quần chúng nhân dân để đánh đổ Mỹ-Diệm” [42;81,82]

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 có ý nghĩa lịch sử to lớn đối với quân dân miền Nam. Chẳng những đã mở đường cho cách mạng miền Nam sử dụng và tiến hành song song hai hình thức đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, mà còn đáp ứng được đòi hỏi cấp bách của cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng chuyển sang thế tấn công.

Ngày 30 tháng 1 năm 1960, Hội nghị bất thường của Tỉnh Ủy Thủ Dầu Một họp tại An Điền (Bến Cát), đã triển khai Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 và bàn về ngày “Đồng Khởi”. Sau khi phân tích và đánh giá tình hình, Hội nghị đã quyết định chọn ngày 25 tháng 02 năm 1960 làm ngày Đồng Khởi toàn tỉnh [15;191].

Chuẩn bị đồng khởi, Khu ủy miền Đông đã chủ trương các đồn điền cao su thực hiện bốn vấn đề lớn:

- Khẩn trương phát tin rộng trong công nhân những chủ trương chuyển hướng, “kết hợp đấu tranh chính trị, đấu tranh vũ trang”, vừa “đánh đổ nguy quyền, vừa tạo áp lực với tư bản đồn điền” để giới chủ đồn điền thay đổi chế độ lao động đối với công nhân, nổi tay khùng bố công nhân cách mạng.

- Tổ chức cho công nhân vào một đoàn thể thống nhất, lấy tên là “công hội”. Tổ chức thống nhất “công hội” lập ra để phát triển Đảng, Đoàn, xây dựng lực lượng vũ trang.

- Gấp rút chọn những công nhân nòng cốt xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng.

- Phương châm hoạt động cách mạng trong công nhân đồn điền là hợp pháp và bất hợp pháp, bí mật. Việc làm hợp pháp là bố trí người cách mạng, đi làm lính bảo an để lấy vũ khí bổ sung phương tiện chiến đấu cho các đơn vị lực lượng vũ trang. Các người “lính bảo an” cách mạng mà tổ chức đã phân công làm nhiệm vụ bên trong và bên ngoài đồn điền đã đẩy phong trào đấu tranh của công nhân mạnh lên[34;149].

Tin đồng khởi Bến Tre và tin tức các lực lượng vũ trang giải phóng lập chiến công lịch sử tại Tua Hai như phát pháo lệnh đồng khởi toàn miền Đông Nam Bộ.

Đồng khởi vùng cao su được ghi nhận qua các đợt:

Đợt đầu, đồng khởi vùng cao su có hai yêu cầu là nổi dậy diệt ác và tuyên truyền. Đêm ngày 25 tháng 2 năm 1960, tại Dầu Tiếng, mỗi người mỗi việc. Đêm tối đến, các làng công nhân khuà thùng, gõ mõ, đánh trống vang từng hồi, từng lượt. Công nhân

phát loa hai từ “lực lượng”, hô vang động khẩu hiệu: “Hòa bình, thống nhất, tự do, cơm áo” làm nhóm dân vệ, cai ác, thám báo bỏ nhiệm vụ, lẩn trốn[34;161].

Đợt 2, một đêm tháng 3 năm 1960, Ban chỉ đạo đồng khởi đã tổ chức nhiều mũi công tác, phát động vũ trang tuyên truyền với khẩu hiệu “Ngô Đình Diệm phải từ chức” ở 22 làng cao su Dầu Tiếng. Công nhân đã cùng lực lượng vũ trang cách mạng bắt 5 tên ác ôn, lập tòa án tại chỗ xét xử, giáo dục 10 tên tay sai, chỉ điểm[34;161].

Qua 2 đợt nổi dậy, khí thế đấu tranh của công nhân càng lên cao. Tháng 5 năm 1960, Ban chỉ đạo đồng khởi đã tiếp tục tổ chức vũ trang tuyên truyền ở từng làng, từng điểm. Kết quả, làng 14 (Dầu Tiếng) đội vũ trang đã bắn hạ 1 lính bảo an khi chúng đàn áp phong trào[31;382]

Tình hình nổi dậy càng lúc càng sôi động hơn, lực lượng đấu tranh mỗi lúc lại tăng thêm. Hội tề, lính kìn, chỉ điểm đã hành động lúng túng và có người đã ra thú tội hoặc trốn “lưu vong”. Lính đồn điền thì chưa dám khùng bố đám đông vì lo sợ rằng: “thắng tay thì sẽ náo động và to chuyện”[34;164]

Phối hợp với phong trào công nhân Dầu Tiếng, Bến Củi, công nhân các làng 2, 5, 7, 8 thuộc đồn điền Lộc Ninh, đồn điền Bù Đốp, Brêlinh cũng đồng loạt nổi dậy, đánh trống, gõ mõ uy hiếp tinh thần Mỹ-ngụy, truy lùng những nhóm người ác ôn, chỉ điểm giết hại cán bộ cách mạng, phá rã các ban tề nguy, làm chủ làng[31;384-385].

Tại khu vực Phước Long, công nhân cao su, đồng bào dân tộc đã quyên góp lương thực ủng hộ lực lượng vũ trang đang trong quá trình xây dựng, giúp xây dựng căn cứ, mở đường liên lạc đón lực lượng chi viện từ miền Bắc vào. Với sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang, công nhân, đồng bào dân tộc ở các khu dinh điền Phước Long I, Phước Long II, đã nổi dậy phá tề, phá rã bộ máy kìm kẹp của Mỹ-ngụy[31;385].

Tại Hớn Quản, Lộc Ninh, Huyện ủy đã chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang công nhân trong hầu hết các làng sở: Lộc Ninh, Lộc Hưng, Minh Thạnh, Xa Cam, Xa Cát, Sacô 6, Téch-nich, Tân Khai, mỗi nơi một trung đội tập trung, sở Phước Hoà lập một đội du kích. Thuận Lợi, Bù Đốp, Đa Kia xây dựng được đội vũ trang nữ là công nhân cao su người dân tộc[31;384].

Trước tình hình công nhân nổi dậy đấu tranh liên tục, chính quyền Diệm phản ứng lại bằng cách đánh phá phong trào công nhân dữ dội. Chúng tuyển chọn một số tên ác ôn thành lập trung đội biệt kích, cử Cả Châu làm chỉ huy. Nhóm biệt kích nguy này chuyên lén lút đi đánh đêm, gây nhiều khó khăn cho hoạt động của quân kháng chiến.

Nhiều đơn vị vũ trang của quân kháng chiến hành quân, lọt vào đội hình phục kích của nhóm biệt kích nguy, bị đánh bất ngờ, hy sinh. [98;142].

Trước tình hình này, Ban cán sự Đảng lãnh đạo động viên cán bộ, chiến sĩ quyết tâm đánh vào thị trấn, tiêu diệt nhóm biệt kích, thu vũ khí, xây dựng lực lượng. Nhiều đơn vị vũ trang kháng chiến sống trong sự bảo vệ, che chở của công nhân, dựa hẳn vào sự giúp đỡ, nuôi dưỡng của công nhân mà hoạt động. Các chi bộ ở 2 xã Long Nguyên và Thanh An đã cử một lực lượng trên một tiểu đội có súng về phối hợp với đội vũ trang Dầu Tiếng đặt mìn đánh biệt kích địch vào làng 13, phá huỷ một xe quân sự và diệt 30 lính [110;85].

Tình hình thuận lợi, Ban cán sự đồn điền cao su Dầu Tiếng, Lộc Ninh đã lập ra “Ủy ban tự quản”, có vai trò như là một tổ chức chính quyền cách mạng địa phương, làm chủ về chính trị, tiếp tục đấu tranh về kinh tế với giới chủ người Pháp. Chính quyền cách mạng địa phương đã chủ trương, một mặt, tranh thủ giới chủ người Pháp duy trì sản xuất cao su, giải quyết việc làm cho công nhân. Cuối năm 1960, Ban cán sự Dầu Tiếng đã tổ chức được 10 chi bộ đảng, 14 công đoàn viên, trên 300 công nhân nòng cốt[31;381]. Nhiều công nhân cao su được kết nạp vào đảng. Số đảng viên này là những hạt nhân của mọi phong trào đấu tranh. Đứng sau lực lượng chính trị, có những đơn vị vũ trang của miền, của tỉnh ở rừng ở núi. Một vành đai kháng chiến cũ, vùng đất của phong trào nông dân có truyền thống cùng với đất cao su đã hình thành thế trận công nông liên minh trong cuộc chiến đấu mới với kẻ thù: Long Nguyên, Thanh An, Thanh Tuyên, Đôn Thuận, Sóc Lào, Bà Nhã, Dương Minh Châu....[34;186-187]

Phong trào cách mạng của công nhân cao su càng lên cao, thì Mỹ-ngụy càng tìm mọi cách để đối phó. Mỹ-ngụy tăng cường công an, cảnh sát, bảo an, quân chủ lực chốt đóng tại các sân bay làm nhiệm vụ thường trực chiến đấu, sẵn sàng khủng bố công nhân.

Lợi dụng tình thế căng thẳng, các chủ đồn điền người Pháp tiếp tục trì hoãn, lờ đi việc thi hành nghĩa vụ đóng thuế cho chính quyền cách mạng theo quyết định của Ủy ban tự quản. Ủy ban tự quản tìm kế bắt 02 đại diện người Pháp giam 24 tiếng đồng hồ, đưa ra cho hai người một số điều kiện, và cầm thư kiến nghị đưa cho chủ công ty Mít-sơ-lanh. Trong thư, Ủy ban tự quản yêu cầu phải giải quyết các vấn đề:

“1. Không được đánh đập, cúp phạt, sa thải công nhân.

2. Thi hành đầy đủ các luật lệ của chính quyền cách mạng, trong đó có vấn đề đóng thuế.

3. Thi hành đầy đủ các điều khoản trong cộng đồng khế ước, mà công nhân và chủ đã ký trong những năm trước đây.

4. Việc sản xuất cao su như thường lệ, muốn làm việc gì khác phải xin phép chính quyền cách mạng.

5. Ngoài một số con đường đã quy định cho công nhân đi làm và cho xe chở mủ về xưởng, các con đường khác không được đi lại.” [34;181]

Kết quả, chủ công ty Mít-sơ-lanh đã chấp thuận: không đánh đập, cúp phạt, sa thải công nhân, và nộp thuế cho Ủy Ban tự quản.

Sau những ngày tham gia Đồng Khởi, công nhân cao su miền Đông Nam Bộ đã giải phóng 310 làng, sở lớn nhỏ. Các đồn điền Quản Lợi, Lộc Ninh, Xa Cam, Xa Cát, Minh Thạnh, Bình Ba, Dầu Tiếng..., đều được giải phóng[108,239]. Binh lính nguy phải rút về ở các chốt, đồn bót cố thủ.

Qua Đồng khởi, hàng loạt các làng công nhân cao su ở Dầu Tiếng, Lộc Ninh được giải phóng hoặc trở thành vùng tranh chấp, tuy mức độ làm chủ và quy mô giải phóng có khác nhau. Đội ngũ công nhân ngày càng thêm vững vàng, dày dặn trong chiến đấu, đúc kết được nhiều kinh nghiệm quan trọng trong bước đầu đấu tranh quân sự kết hợp với đấu tranh chính trị. Toàn chiến trường đang hình thành thế trận mới. Cục tình báo Trung ương Mỹ đã nói lên sự thật: “Một thời kỳ hết sức nghiêm trọng đối với Tổng thống Ngô Đình Diệm và Việt Nam Cộng Hoà đã ở ngay trước mặt. Trong 06 tháng cuối năm 1960 tình hình an ninh trong nước vẫn tiếp tục ngày càng xấu đi và nay đã lên tới mức nghiêm trọng... Trên một nửa toàn bộ vùng nông thôn phía Nam và Tây Nam Sài Gòn cũng như một số vùng ở phía Bắc đã nằm dưới quyền kiểm soát rất lớn của Việt Cộng”[129;85].

Cuộc Đồng Khởi của công nhân cao su Thủ Dầu Một đã hoà nhịp phong trào vũ trang khởi nghĩa của nông dân rộng lớn trên vùng Bắc Sài Gòn: Bến Cát, Củ Chi, Trảng Bàng, Gò Dầu, Dương Minh Châu... tạo thành thế trận liên hoàn tấn công Mỹ-ngụy. Cuộc chiến tranh không tuyên bố, chiến lược “tố cộng”, “diệt cộng” của chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm đã sụp đổ qua bão táp Đồng Khởi. Cách mạng đã chuyển giai đoạn.

Từ năm 1954 đến năm 1960, những năm hoà bình và máu lửa: quân cách mạng đấu tranh hoà bình, Mỹ-ngụy đối lại bằng súng đạn. Đảng bộ ở các đồn điền nhiều lần bị binh lính Mỹ-ngụy dồn vào thế thoái trào. Cơ sở đảng các nơi nhiều lần phải tái lập. Những đảng viên, những hạt nhân của cách mạng, có người sống “mai phục”, có người tạm lánh xa lên rừng núi, có người muốn dù ra sao cũng phải “tuyên chiến”, có người sống hay chết cũng bám lấy dân, không rời trận địa... Mỗi người đảng viên thực hiện chí hướng của mình khác nhau, nhưng tất cả giống nhau ở chỗ không chịu thua, dù tạm nằm im cũng tin một ngày gặp Đảng, dù ở núi ở rừng cũng hướng về Đảng, hướng về dân. Tất cả họ đều cố gắng sức đấu tranh cho hoà bình, ấm no và hạnh phúc.

Đồng khởi ở khu vực Đông Nam Bộ, đặc biệt là Thủ Dầu Một là điển hình mẫu mực về sự vùng dậy của đội quân chính trị nòng cốt là chủ yếu, kết hợp với đấu tranh vũ trang, đánh vào những yếu điểm của giặc ở vùng đồn điền cao su để giành quyền làm chủ trên vùng rộng lớn. Lực lượng Đồng Khởi ở đồn điền cao su là những công nhân tay không, ít vũ khí, là đội quân chính trị vững vàng về tư tưởng cách mạng. Trong nhiều đợt đấu tranh trực diện với giặc, đội quân này đã góp phần mở rộng vùng giải phóng, nối rộng căn cứ cách mạng. Chiến khu Đ với vùng giải phóng rộng lớn của hai tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa được nối liền nam Tây Nguyên, nối liền đường Trường Sơn; Chiến khu Dương Minh Châu được nối với vùng giải phóng của huyện Bến Cát (Thủ Dầu Một), với vùng giải phóng Củ Chi. Giáp vùng giải phóng là vùng tranh chấp mà lực lượng chính trị là khá mạnh. Hình thái đấu tranh vũ trang của cách mạng, từ nay, phát triển mạnh và nhanh.

Đồng Khởi, một bước ngoặt trong lịch sử kháng chiến chống Mỹ đã đánh đòn quyết định đập tan quốc sách “tố cộng”, “diệt cộng” của Mỹ – Diệm. Bằng thắng lợi lịch sử này, đội ngũ công nhân cao su Thủ Dầu Một tạo được cho mình một thế đứng vững vàng để đối phó với âm mưu bình định, lập ấp chiến lược của Mỹ – Diệm.

3.2. CÔNG NHÂN CAO SU THỦ DẦU MỘT TRONG GIAI ĐOẠN CÙNG DÂN VÀ QUÂN TOÀN MIỀN NAM ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT” CỦA MỸ (1961-1965)

3.2.1. Quốc sách “ấp chiến lược” – công cụ đàn áp phong trào cách mạng, bảo vệ quyền lợi của tư bản đồn điền.

Từ cuối năm 1960, hình thức thống trị bằng chính quyền tay sai độc tài phát xít Ngô Đình Diệm bị thất bại, đế quốc Mỹ bị động thay đổi chiến lược, chuyển sang dùng

“chiến tranh đặc biệt” để đối phó với cách mạng miền Nam, chiếm lại những địa bàn và vùng dân cư đã bị mất.

“Chiến tranh đặc biệt” là loại chiến lược chiến tranh đầu tiên trong ba loại chiến lược quân sự toàn cầu “Phản ứng linh hoạt” của đế quốc Mỹ. Đặc điểm của nó là tiến hành bằng các lực lượng phản cách mạng tại chỗ, cộng với sự cung cấp đến mức cao nhất những phương tiện chiến tranh hiện đại của Mỹ và hệ thống cố vấn Mỹ. Nội dung cơ bản của chiến lược này là càn quét dồn dân vào ấp chiến lược trên quy mô lớn theo chiến thuật “tát nước bắt cá”.

Việc lập ấp chiến lược là “quốc sách” là “xương sống” của “chiến tranh đặc biệt”. Biện pháp để thực hiện chiến lược này là càn quét và khủng bố. Quốc sách “ấp chiến lược” mang tính chất toàn diện nhưng nặng về quân sự. Lực lượng quân sự nguy chia làm hai bộ phận: bộ phận “mũi dùi” do quân chủ lực đảm trách, đánh vào lực lượng vũ trang của ta, tạo điều kiện cho bộ phận “lưỡi” bao gồm biệt động quân, bảo an, dân vệ, thanh niên chiến đấu... làm nhiệm vụ đột kích, tuần tra, bảo vệ ấp, bảo đảm duy trì củng cố ấp chiến lược. Bên trong ấp chiến lược là lực lượng tề, điệp khống chế công nhân, bắt công nhân đào hào, dựng hàng rào quanh ấp chiến lược để ngăn cản cán bộ và lực lượng vũ trang của ta đột nhập vào [193;2].

Để thực hiện “chiến tranh đặc biệt”, đế quốc Mỹ đã tìm mọi cách biến đô thị, đồn điền thành những cứ điểm làm bàn đạp tấn công cách mạng ở nông thôn.

Âm mưu này, một mặt Mỹ-Diệm vẫn tiếp tục thực hiện những thủ đoạn thâm độc “lấy phong trào, phá phong trào, nắm nghiệp đoàn để nắm quần chúng”, dùng Trần Quốc Bửu và thông qua tổ chức “Tổng liên đoàn lao công Việt Nam” để mua chuộc, chia rẽ lực lượng công nhân, đưa phong trào công nhân, lao động miền Nam Việt Nam theo chiều hướng chủ nghĩa tư sản cải lương. Chúng lập ra một bộ máy đàn áp khổng lồ, gồm quân chính quy và lực lượng cảnh sát ở Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định để sẵn sàng mở những cuộc hành quân khủng bố, đàn áp các cuộc đấu tranh của công nhân, lao động và nhân dân toàn miền.

Tại các đồn điền cao su, Mỹ-Ngụy ráo riết thiết lập các “ấp chiến lược”, xây dựng một hệ thống cứ điểm trên các đồn điền dọc các đường chiến lược 13, 14, nhằm biến các vùng này thành căn cứ quân sự thật mạnh. Nhưng việc lập các “ấp chiến lược” ở vùng đồn điền không phải là chuyện dễ dàng, nên chúng đã dùng chính sách khủng bố ác liệt, mở liên tiếp các chiến dịch “Mặt trời mọc”, “Hoàng Hoa Thám” và các cuộc

càn quét vào vùng cao su để dồn công nhân, lao động vào các “ấp chiến lược”. Các ấp chiến lược được dựng lên ở các đồn điền cũng chỉ là những trại giam, nhà tù nhằm khống chế công nhân, tách công nhân ra khỏi lực lượng cách mạng.

Giới chủ đồn điền người Pháp hoàn toàn ủng hộ việc lập ấp chiến lược trong phạm vi đồn điền cao su của Pháp vì đây là biện pháp tốt nhất để chủ đồn điền quản lý công nhân. Tuy nhiên, ấp chiến lược lại gây khó khăn cho các đồn điền loại vừa và các chủ sở nhỏ. Các đồn điền vừa và nhỏ, không có thế lực, thường sử dụng công nhân tự do, những người “bán công, bán nông”. Các đồn điền loại này ngày càng sa sút vì không có người cạo mủ đều đặn, thường xuyên, cộng với sự hủy diệt của bom đạn, nên hoàn toàn mất vị thế...

Với mưu đồ giành lại thế chủ động, 18 tháng sẽ “bình định” xong miền Nam, và tăng tiềm lực chiến tranh. Chính quyền nguy gây sức ép với “Hội các nhà trồng tủa cao su” và “Liên đoàn đồn điền Việt Nam”, sửa đổi các điều khoản trong Bản cộng đồng hiệp ước cao su năm 1960, nhằm hạ thấp quyền lợi công nhân, buộc các chủ đồn điền cao su phải thực hiện các quy định:

- Gom dân các sở nhỏ, làng nhỏ về trung tâm đồn điền hoặc khu vực ấp chiến lược.
- Không được đóng thuế, ủng hộ tiền bạc, gạo thóc cho cách mạng.
- Không cho công nhân sản xuất lương thực. Kho gạo, kết tiền phải để tại thị xã hoặc Sài Gòn. Phải kê khai số lượng công nhân cụ thể mới được lĩnh.
- Cứ 10 công nhân, chủ sở phải đóng tiền nuôi 01 lính nguy để bảo vệ đồn điền.
- Bột gạo của công nhân từ 933 gram một ngày (Theo quy định ở Bản cộng đồng hiệp ước cao su năm 1960) xuống còn 600 gram một ngày. Vợ con công nhân trước hưởng từ 600 đến 800 gram một ngày, nay bột xuống còn từ 200 - 400 gram một ngày[31;392].

Đọc những quy định trên, có thể nhận xét rằng công nhân cao su bị hạ thấp quyền lợi, bị ngược đãi đến mức tối đa. Công nhân cao su Thủ Dầu Một sống và làm việc trong điều kiện là chính quyền nguy kìm kẹp, truy chụp, bắt bớ, giết hại công nhân và giới chủ đồn điền cao su thẳng tay bóc lột (tùy tiện bớt xén khẩu phần của công nhân để bù vào phần lợi nhuận có giảm đi do quy định giờ mở cổng ấp chiến lược).

Quốc sách “ấp chiến lược” của Mỹ–Diệm là công cụ đàn áp phong trào cách mạng của công nhân cao su, bảo vệ quyền lợi của tư bản đồn điền cao su.

3.2.2. Hoạt động sản xuất cao su và tình hình lao động của công nhân cao su.

Vùng cao su vừa là tiền tuyến vừa là hậu phương. Phần lớn cuộc chiến trên chiến trường miền Đông Nam Bộ đều diễn ra dưới tán cây cao su. Vùng cao su là nơi che chở cho bộ đội hành quân và trú quân trên đường ra mặt trận. Vùng cao su có khả năng đóng góp sức người sức của cho kháng chiến trường kỳ chống Pháp, chống Mỹ. Vùng cao su phải gánh chịu bom đạn của Mỹ, chia sẻ với chiến trường toàn quốc, và cũng có đủ khả năng tham gia với bộ đội chủ lực đánh Mỹ-ngụy những đòn quyết tử.

Mặt khác, nguyên liệu cao su thiên nhiên là mặt hàng quý giá và quan trọng đối với thị trường quốc tế. Lợi nhuận mang lại từ việc xuất khẩu cao su là rất lớn. Chính quyền Diệm đã duy trì việc khuyến khích mở rộng đất trồng, sản xuất và khai thác cao su. Tuy nhiên, từ sau năm 1961 trở đi, diện tích trồng và khai thác mủ cao su đã giảm. Kết quả thống kê đã cho biết cây cao su phát triển đến con số cao nhất vào năm 1963 là 142.770 hecta, với sản lượng cao su xuất khẩu là 69.920 tấn. Con số này là thấp hơn, nếu so với năm 1961 thì cao su xuất khẩu đã được là 83.403 tấn. Những năm 1964 trở đi, diện tích cao su ở miền Nam ngày một giảm sút (kể cả sản lượng và xuất khẩu). Tư bản đồn điền không đầu tư trồng mới, theo bảng sau:

**Bảng thống kê diện tích và sản lượng cao su ở miền Nam
từ năm 1961 đến 1965[31;394]**

<i>Năm</i>	<i>Diện tích trồng (ha)</i>	<i>Diện tích Khai thác (ha)</i>	<i>Sản xuất (tấn)</i>	<i>Xuất khẩu (tấn)</i>
1961	122.720		78.140	83.403
1962	135.630		77.870	74.497
1963	142.770	72.630	76.180	69.920
1964	134.700	72.530	74.200	71.630
1965	129.660	64.925	64.770	58.181

Diện tích và sản lượng cao su giảm mạnh từ năm 1964 là do các nguyên nhân sau:

Muốn nắm giữ độc quyền xuất khẩu cao su, từ năm 1962, chính quyền ngụy ban hành thuế xuất khẩu cao su với mức tăng lên 12% (trước đó là 3%). Việc tăng thuế xuất khẩu và độc quyền xuất khẩu cao su đã gây khó khăn cho chủ tư bản đồn điền[104;28].

Chiến tranh mở rộng, mức độ bom đạn ngày càng tăng, các đồn điền cao su bị hư hại nặng làm chủ tư bản đồn điền lo sợ không dám trồng mới. Chủ đồn điền duy trì sản xuất ở mức độ cầm chừng, dựa vào bộ máy nguy quyền và lợi dụng cuộc sống lệ thuộc vào đồn điền của công nhân để buộc họ phải làm việc trong những điều kiện tối thiểu để có lợi cho giới chủ.

Chính sách gom dân lập ấp chiến lược của nguy tạo ra nhiều khó khăn cho đời sống công nhân, làm giảm khả năng đầu tư của tư bản. Công nhân trẻ, khoẻ ở các đồn điền đã thoát ly gia nhập lực lượng kháng chiến, số khác bị nguy quyền bắt lính, làm ảnh hưởng đến lực lượng lao động khai thác cao su.

Cao su nhân tạo trên thế giới phát triển gây nên tình trạng giá cao su thiên nhiên giảm mạnh. Năm 1958, giá cao su 1.000 đô la Mỹ một tấn đến năm 1962 giảm xuống chỉ còn 540 đô la một tấn[104;29]. Bên cạnh đó, tình hình sản xuất cao su ở các dinh điền cũng bị chững lại và hoàn toàn phá sản sau khi chính quyền Ngô Đình Diệm bị lật đổ (tháng 11 năm 1963).

Mặt khác, kinh tế của Nam Bộ từ năm 1961, có sự thay đổi: lúa gạo và cao su ở Nam Bộ đã chiếm phần lớn tổng giá trị xuất khẩu của cả nước. Từ năm 1961 trở đi, nhập khẩu chiếm tỷ lệ cao hơn so với xuất khẩu vì có sự nhập khẩu hàng viện trợ của Mỹ[104;29].

Sau Đồng Khởi, một số làng sở công nhân cao su được giải phóng. Ở Dầu Tiếng, Lộc Ninh, Ban cán sự đồn điền đã lập ra Ủy Ban tự quản để quản lý công nhân và giữ vai trò gần như là chính quyền cách mạng địa phương. Tuy vẫn đi cạo mủ cao su ở đồn điền, nhưng công nhân vùng giải phóng lao động với tư thế mới: “hợp pháp, nửa hợp pháp và bất hợp pháp”. Việc ra lô cạo mủ, việc đi lại, việc giao tiếp với chủ người Pháp, với xu cai, với lính trong làng, với trưởng quận... là hợp pháp; việc ban tự quản, việc biểu tình, đấu tranh là nửa hợp pháp; việc Đảng việc Đoàn, việc tự tạo vũ khí, đi bộ đội, làm du kích... là bất hợp pháp. Đi dân công là bất hợp pháp với nguy quyền nhưng lại là hợp pháp với chủ người Pháp. Công nhân có lý lẽ rằng: “Chúng tôi phục vụ cách mạng để giải phóng miền Nam, giải phóng đồn điền, giữ cây cao su” để buộc chủ trả lương. Mỗi thế có một vị trí riêng, nhưng có quan hệ với nhau, cái này làm tăng sức mạnh cái kia, mỗi người công nhân tùy cơ mà “biến hoá”:

Tuy nhiên, với chiêu bài “chọn lọc”, “phân nhiệm”, “chỉnh lý tổ chức công việc”, tư bản đồn điền và nguy quyền đã soát xét và đuổi hàng loạt công nhân tích cực chống

lại chúng hoặc những công nhân lương cao (do đã thâm niên) để đưa những người mới tập nghề vào làm thay nhằm giảm bớt tiền lương. Năm 1962, các đồn điền ở miền Nam đã sa thải tổng cộng 25.000 công nhân cao su, làm tăng tỷ lệ thất nghiệp ở đồn điền lên 30%. Trong khi đó số lượng công nhân đồn điền cao su miền Nam Việt Nam năm 1961 là 61.000 người (nữ chiếm 22.172, trên 27%). Ngoài ra còn một số công nhân tùy dịp ở những đồn điền của tư bản Pháp và loại công nhân “bán công bán nông” ở các đồn điền của tư bản Việt, Hoa. Tỷ lệ công nhân công - tra tính đến năm 1964 ở các đồn điền lớn chỉ còn lại từ 20%-40%[139;3].

Số công nhân tùy dịp (bán công bán nông), đa phần bị hạn chế về tinh thần giác ngộ và đấu tranh cách mạng, còn công nhân người Bắc mới di cư vào thì còn e dè với cách mạng do Mỹ-ngụy tuyên truyền xuyên tạc.

Chiến tranh càng phát triển, đời sống kinh tế càng khó khăn, nạn lạm phát, giá cả sinh hoạt tăng cao (từ tháng 4 năm 1962 đến tháng 4 năm 1963, vật giá sinh hoạt đã tăng từ 30% lên 100%). Trong khi đó tính bình quân lương công nhân ở các đồn điền cao su chỉ tăng có 6,3%)[31;402].

Lương không đủ chi phí sinh hoạt, lại bị đe dọa bởi nạn thất nghiệp, bị sa thải, bị kìm kẹp bởi chính sách bình định của ngụy quyền, cộng với những thiệt hại do chiến tranh gây ra đã làm cho đời sống của người công nhân cao su khó khăn về kinh tế, căng thẳng về tinh thần.

3.2.3. Phong trào đấu tranh của công nhân cao su

3.2.3.1. Đường lối công vận và việc xây dựng tổ chức cách mạng trong công nhân cao su

Phong trào cách mạng miền Nam, lúc này, phát triển không đều, so sánh lực lượng giữa quân kháng chiến và quân Mỹ-ngụy ở mỗi vùng có khác nhau, cách mạng miền Nam phải dùng nhiều hình thức đấu tranh linh hoạt, vùng rừng núi dùng hình thức đấu tranh quân sự làm chủ yếu; vùng nông thôn và đồng bằng đấu tranh quân sự và chính trị là ngang nhau, vùng đô thị dùng hình thức đấu tranh chính trị có vũ trang hỗ trợ, trong đấu tranh giữ thế hợp pháp với giặc, nhưng từng lúc dùng cả đấu tranh không hợp pháp.

Căn cứ vào thực tế ở chiến trường, âm mưu của Mỹ-ngụy, Bộ chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng đã đặt ra nhiệm vụ cụ thể: “Ra sức xây dựng mau chóng lực lượng ta cả hai mặt chính trị và quân sự, tập hợp đông đảo lực lượng cách mạng. Mặt

trận dân tộc giải phóng, phát động phong trào đấu tranh chính trị mạnh mẽ trong quần chúng, tích cực tiêu diệt sinh lực giặc, làm tan rã chính quyền và lực lượng đối phương trên phạm vi ngày càng rộng lớn, tiến lên làm chủ rừng núi, giành lại toàn bộ đồng bằng, ra sức xây dựng cơ sở, và đẩy mạnh đấu tranh chính trị ở đô thị, tạo mọi điều kiện và nắm mọi thời cơ để đánh đổ chính quyền Mỹ – Diệm, giải phóng miền Nam”[117;109].

Đầu năm 1961, Trung ương cục miền Nam được thành lập thay thế cho xứ ủy Nam Bộ. Nguyễn Văn Linh, Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng được chỉ định làm Bí thư Trung ương cục miền Nam [15;200]

Tháng 02 năm 1961, tại chiến khu Đ, Trung ương cục triệu tập Hội nghị quân sự đặc biệt để thống nhất lại các lực lượng vũ trang toàn miền Nam thành “Quân giải phóng miền Nam”. Bộ chỉ huy các quân khu và ban quân sự các tỉnh, huyện được thành lập, Quân khu miền Đông (Quân khu 1), do Nguyễn Hữu Xuyên (Tám Kiến Quốc) làm Tư lệnh; Mai Chí Thọ (Tám Cao), giữ chức Chính ủy. Căn cứ quân khu miền Đông khi thành lập ở tại Suối Linh (Chiến Khu Đ)[15;297]

Cũng trong tháng 02 năm 1961, D500- tiểu đoàn chủ lực đầu tiên ở miền Đông Nam Bộ được thành lập. Bộ chỉ huy Quân khu chỉ đạo các địa phương khẩn trương phát triển bộ đội tập trung của tỉnh, huyện và du kích xã, sẵn sàng chiến đấu[34;170].

Ở Thủ Biên (Thủ Dầu Một), trên cơ sở lực lượng của tỉnh đã thành lập được đại đội 380 (C380). C380 là đại đội chính quy đầu tiên của tỉnh. Từ đây, phong trào thanh niên các địa phương trong tỉnh tình nguyện (đặc biệt là công nhân trẻ, khoẻ từ các sở cao su) gia nhập các đơn vị vũ trang, các cơ quan ban ngành của huyện và du kích xã. Chi bộ ở nhiều xã được phục hồi. Cán bộ đoàn tích cực vận động nhân dân tham gia xây dựng căn cứ, xây dựng xã, ấp chiến đấu, sản xuất đóng góp lương thực nuôi quân. [15;299]

Hỗ trợ cho phong trào đấu tranh cách mạng, tháng 10 năm 1961, Hội nghị Trung Ương cục lần thứ I mở cuộc họp mở rộng, đã nêu lên những vấn đề quan trọng:

- Đẩy mạnh đấu tranh 03 mũi: chính trị, quân sự, binh vận.
- Làm tốt công tác chính quyền vùng giải phóng.
- Xây dựng và mở rộng căn cứ.
- Đẩy mạnh công tác kinh tế, tài chính, cải thiện đời sống nhân dân, đảm bảo nhu cầu to lớn của cách mạng và đấu tranh chống Mỹ-ngụy.
- Củng cố, xây dựng, phát triển tổ chức Đảng, Đoàn[31;403].

Thực hiện chỉ thị của Nghị quyết Hội nghị Trung ương cục lần thứ I, Công đoàn giải phóng miền Nam đề ra công tác công vận cho từng vùng đô thị, đồn điền. Đối với vùng đồn điền cao su miền Đông Nam Bộ làm điểm chỉ đạo, lấy vùng đồn điền Tây Nguyên (Khu 5) và Khánh Hoà (Khu 6) làm diện[15;205].

Công đoàn miền xác định nhiệm vụ trung tâm của phong trào công nhân là góp phần đánh đổ ngụy quyền, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, trước mắt là đánh bại quốc sách áp chiến lược của Mỹ – ngụy, giữ vững quyền lợi công nhân giành được, qua đó tập hợp công nhân vào tổ chức cách mạng, xây dựng phát triển lực lượng chính trị, vũ trang, xây dựng căn cứ địa. Công đoàn nhấn mạnh đấu tranh kinh tế phải kết hợp với đấu tranh chính trị, kết hợp 03 mũi đấu tranh chính trị, quân sự, binh vận[31;404].

Để đáp ứng được yêu cầu của cách mạng miền Nam trong tình thế mới, Trung ương cục đã tổ chức, bố trí lại địa bàn các tỉnh miền Đông[20;208]. Tỉnh Thủ Biên được tách ra, tái lập lại thành hai tỉnh Bà Rịa, Biên Hoà và Thủ Dầu Một; và thành lập tỉnh Phước Thành, Bình Long, Phước Long, Long Khánh. Đây là những tỉnh gắn liền với địa bàn căn cứ miền Đông (Phước Thành), là những nơi có diện tích trồng và khai thác cao su rất lớn, đặc biệt hai tỉnh Bình Long và Long Khánh có diện tích khai thác lớn nhất, số lượng công nhân đông nhất[19;212].

Sau khi phân chia lại địa phận, Thủ Dầu Một, Phước Thành, Bình Long, Phước Long gấp rút xây dựng căn cứ, xây dựng lực lượng vũ trang, kiện toàn bộ máy tổ chức cơ sở Đảng. Cán bộ của Ban cán sự Đảng cấp tỉnh, huyện, xã được luân chuyển, bổ sung đủ để kịp thời củng cố chính quyền cách mạng ở địa phương và lãnh đạo phong trào đấu tranh.

Đồn điền cao su ở các tỉnh, cuối năm 1961, đã xây dựng được đầy đủ cơ sở cách mạng trong công nhân. Các hoạt động đấu tranh dù là bằng hình thức chính trị, vũ trang hay binh vận đều được chính quyền cách mạng địa phương kiểm soát và hỗ trợ. Phong trào đồng bào dân tộc, với việc công nhân cao su người dân tộc xây dựng “rẫy cách mạng” là tiêu biểu, đã nâng thế làm chủ của công nhân, đóng góp thêm nhiều lương thực cho lực lượng cách mạng.

Theo yêu cầu của tình hình và để tạo thuận lợi trong lãnh đạo, chỉ đạo, đầu năm 1964, Ban công vận Miền chính thức được thành lập ở Bình Long. Bùi San – Bí thư Khu ủy Khu 10 được cử làm Trưởng Ban công vận. Cửu Long và Chín Liêm làm phó

ban, ban công vận Miền, khu miền Đông đã kịp thời chuyển hướng chỉ đạo đối với phong trào công nhân cao su. Ban công vận Miền chỉ rõ quốc sách áp chiến lược của Mỹ-Diệm là một hình thức cấu kết cao giữa nguy quyền và tư bản đồn điền nhằm đánh vào phong trào công nhân cao su, nhưng áp chiến lược càng được triển khai rộng thì mâu thuẫn giữa nguy quyền và tư bản đồn điền càng gay gắt, mâu thuẫn về quyền lợi giai cấp, quyền lợi dân tộc giữa công nhân cao su và nguy quyền càng lớn [15;312].

Nắm đúng tình hình giặc ở từng khu vực, Ban công vận, tháng 07 năm 1964, đã ra nghị quyết, xác định vị trí, tác dụng của phong trào công nhân cao su đối với vùng nông thôn và đô thị, và đề ra ba nhiệm vụ trọng tâm của phong trào là: Ra sức phá áp chiến lược, mở rộng căn cứ địa toàn diện, xây dựng lực lượng vũ trang, giữ mối quan hệ giữa tổ chức và hoạt động công khai với tổ chức hoạt động bí mật của công nhân[20;217].

3.2.3.2. Phong trào đấu tranh của công nhân cao su bảo vệ, phát huy thành quả Đồng Khởi

Sau Đồng Khởi, công nhân cao su đã làm chủ được một phần tài sản làng sở, nâng vị thế của mình lên bậc cao hơn.

Để bảo vệ, phát huy thành quả Đồng Khởi, giữ quyền làm chủ, đầu năm 1961, Đảng ủy Dầu Tiếng, Ủy ban tự quản chủ động gửi thư và trao đổi trực tiếp với đại diện giới chủ đồn điền, yêu cầu họ phải thực hiện chế độ lao động, kinh doanh phải có nghĩa vụ nộp thuế cho cách mạng, chấp hành luật định của cách mạng, những vấn đề gì liên quan đến công nhân phải trao đổi thông qua công đoàn và ban tự quản. Yêu cầu này đã được chủ đồn điền chấp nhận thực hiện.

Tháng 06 năm 1961, công nhân làng 6 Dầu Tiếng nhiều lần đình công đấu tranh đòi giảm phần cây cao[166;5]. Thời gian đình công lần sau lâu hơn lần trước, buộc tên Huỳnh Hiếu Nghĩa (Bộ trưởng Nội vụ) phải khẩn cấp báo cáo liên tục về Bộ trưởng đặc nhiệm an ninh, Phó Tổng Thống và Bộ trưởng Lao động Sài Gòn, trích văn như sau:

“Ngày 03 tháng 10 năm 1961, tại đồn điền Mít-sơ-lanh quận Dầu Tiếng tỉnh Bình Dương, Ban Giám Đốc đồn điền có trình cho Nha tổng thanh tra lao động 77 đơn của một số công nhân xin tăng lương từ 15 đến 20 đồng mỗi ngày, tức từ 40 đến 50%. Lý do vì giá sinh hoạt lên cao.

Công ty Mít-sơ-lanh cho biết thêm rằng, sẽ có nhiều đơn tương tự ... Việt Cộng còn đến tận chỗ để kiểm soát sự đưa đơn của công nhân.

Xuyên qua vụ tranh chấp trên, Bộ tôi nhận thấy, tại vùng Tây Ninh và quận Dầu Tiếng Việt cộng đã hoạt động ráo riết... hậu quả tai hại rất nhiều đến nền kinh tế quốc gia. Như Bộ tôi đã trình bày tại công văn số 344/BLĐ/LĐ/M ngày 12 tháng 09 năm 1961 là phương pháp hữu hiệu nhất để giải quyết vấn đề an ninh là mở cuộc hành quân tại các đồn điền kể trên để truy nã Việt cộng”[145;2]

Ngày 19 tháng 11 năm 1961, Huỳnh Hiếu Nghĩa lại khẩn cấp báo cáo về việc “Việt Cộng xúi giục công nhân đồn điền đình công”, có nói đến cuộc đình công ngày 09-10-1961 của công nhân Dầu Tiếng:

Ngày 9 tháng 10 năm 1961, 120 công nhân cạo mủ làng 3, làng 4, làng 5 đã đình công để yêu cầu chủ đồn điền giảm bớt phần cây cạo và tăng lương khoảng 40 đến 50%, yêu sách này thật là quá đáng... Vụ tranh chấp này là do đối phương xúi giục... chắc chắn đã có bàn tay Việt Cộng điều khiển, các cuộc đình công đã lan rộng đến các đồn điền khác, như Bình Long, Phước Long. v.v...[145;2-3]

Nguyễn Văn Thoại, Chánh sự vụ Sở Hoà giải phân tranh Nha Tổng thanh tra lao động Sài Gòn đã báo cáo gửi Bộ Nội Vụ, đặc biệt cũng đã lưu ý tới các cuộc đình công của công nhân Dầu Tiếng năm 1961:

“...B. Yêu sách của công nhân do Việt Cộng xúi giục:

... tại đồn điền Dầu Tiếng, một số công nhân đưa đơn cá nhân yêu sách tăng lương vào khoảng 40-50%. Do Việt Cộng xúi giục, công nhân đã đình công những ngày 9 tháng 10; ngày 20 tháng 10, ngày 6 tháng 11, ngày 7 tháng 11 năm 1961 và hiện nay còn đe dọa đình công nữa.

Theo tờ trình của Tổng Giám Đốc cảnh sát và công an, Việt cộng đòi thu thuế của chủ đồn điền 200.000 đ và mỗi gia đình 100đ..

...những tranh chấp chính trị núp sau chiêu bài lao động thật khó giải quyết...” [145;3].

Tại Phước Thành, cùng với nhân dân Phú Giáo, Tân Uyên, công nhân sở cao su Phước Hoà đã vận động quyên góp được 4.000 lít gạo gửi cho bộ đội Khu. Đội du kích công nhân đã cùng với du kích các xã, bộ đội tham gia đánh diệt các đồn bót giặc góp phần cùng lực lượng kháng chiến giải phóng tỉnh lỵ Phước Thành (ngày 17 tháng 9 năm 1961)[46;62].

Phát huy chiến thắng Phước Thành, ngày 26 tháng 09 năm 1961, Tỉnh uỷ Thủ Dầu Một phát động 12.000 công nhân các đồn điền Dầu Tiếng, Lai Khê, Quán Lợi phối hợp

đấu tranh chống đàn áp, chống khủng bố công nhân, chống cuộc bầu cử Diệm-Thơ. Công nhân đưa đơn đòi Ngô Đình Diệm từ chức. Quân lính chốt đóng cửa chi khu đã bao vây nổ súng đe dọa. Lập tức thêm 7.000 công nhân nhập cuộc. Cuộc đấu tranh diễn ra quyết liệt tại thị trấn Dầu Tiếng buộc quận trưởng Ngà, đích thân ra mặt xoa dịu: “Bà con đòi ông Diệm từ chức, tôi đâu giải quyết được, đơn của bà con tôi sẽ đưa lên ông Diệm” [34;290]..

Sau các cuộc đấu tranh này công nhân đạt được các yêu cầu: được đi chợ mua 10 kg gạo (lúc này 8 đồng tiền Sài Gòn 01 kg), 01 tấn nước mắm, 02 hộp sữa... những thứ mà trước kia chúng không cho công nhân ra chợ mua để dùng[34;290].

Trong suốt năm 1961, công nhân Phước Hoà, Dầu Tiếng, Lai Khê, Hớn Quản... không ngừng đấu tranh với chủ tư bản đòi quyền dân sinh dân chủ, đấu tranh chống kìm kẹp của bộ máy nguy quyền địa phương. Ở từng đợt đấu tranh, công nhân biết kết hợp các thể hợp pháp, bán hợp pháp và bất hợp pháp để hoàn thành sứ mệnh giải phóng lại đồn điền, giữ được thể làm chủ sau Đồng Khởi.

3.2.3.3. Công nhân cao su đấu tranh kinh tế kết hợp đấu tranh chính trị

Phong trào công nhân cao su đấu tranh với chủ tư bản đồn điền luôn hướng đến mục tiêu dân sinh và dân chủ. Đấu tranh kinh tế kết hợp với đấu tranh chính trị. Khẩu hiệu dân sinh kết hợp với khẩu hiệu chính trị tạo thành thể đấu tranh toàn diện trong thời gian này.

Hầu hết trong các cuộc đấu tranh chính trị, công nhân cao su đều làm công tác binh vận. Biết tranh thủ những cảm tình cách mạng của binh sĩ và gia đình binh sĩ nguy. Biết phát huy sức mạnh tập thể để tạo nên thế mạnh giành những thắng lợi.

Có gần 1.200 cuộc đấu tranh trực diện của công nhân cao su với nguy quân chống gom dân, chống khủng bố [31;416]. Với một sức mạnh tập thể, công nhân cao su đã đoàn kết làm trì hoãn kế hoạch tiến hành lập ấp chiến lược trên diện rộng. Mỹ-ngụy dùng xe cơ giới ủi sập nhà, công nhân giúp nhau dựng lại nhà. Lính gom dân vào khu tập trung, công nhân lại bung về đất cũ. Lính bắn pháo vào làng, vào lô làm cháy nhà, chết người, công nhân lập tức khiêng xác nạn nhân về thị trấn đấu tranh đòi bồi thường. Mỹ-ngụy dùng xe tăng ủi phá rẫy, công nhân chặt hạ cây cản đường. Phong trào chống phá ấp chiến lược diễn ra quyết liệt. Tại Dầu Tiếng, công nhân đốt cả 11 xe của sở tại lô 16, 54 để phản đối Mỹ-ngụy dùng phương tiện vận chuyển của đồn điền

chở công nhân đi làm áp chiến lược. Sau đó, công nhân lại vận động chủ sở hữu đấu tranh buộc nguy quyền phải bồi thường cho đồn điền[166;12].

Ngay sau khi Mỹ-ngụy hoàn tất công việc lập áp chiến lược, công nhân cao su vẫn kiên trì đấu tranh chính trị với một mục tiêu là: đấu tranh chống cưỡng ép lao động, không đi lính... Ngoài ra, công nhân đã liên lạc với lực lượng cách mạng phía ngoài lô cao su để thông tin, chuyển lương thực, tiếp tế dược phẩm. Công nhân cao su Dầu Tiếng, Bến Củi, Lộc Ninh... thường xuyên thực hiện việc nhỏ trợ, cắt rào kẽm... gom lợi phẩm gửi ra ngoài đồn điền. Hình thức đấu tranh chống bình định, chống phá áp chiến lược luôn giữ thế hợp pháp, bán hợp pháp và bất hợp pháp. Lúc này, mỗi công nhân cách mạng đều trở thành một chiến sĩ, vừa đấu tranh chống bình định, vừa hỗ trợ cho bộ đội, du kích vào đồn điền cao su diệt ác, phá kìm. Công nhân cao su đã tạo áp lực lớn đối với hai đối thủ Mỹ-ngụy và chủ đồn điền bóc lột.

Những hình thức đấu tranh như phong trào “đấu tranh nhập thị”, hay hô hoán, đánh mỗ ban đêm khi lính quấy phá hoặc trừ khử những tên ác ôn, chỉ điểm... tuy có tác dụng răn đe một số tên phản động, nhưng không đủ sức hạ uy thế cả bộ máy chính quyền địch ở cơ sở và các đơn vị vũ trang của chúng. Hình thức đấu tranh chính trị có sử dụng bạo lực riêng lẻ, không đủ mạnh để tạo sự chuyển biến cơ bản tình hình toàn miền Nam.

Trong điều kiện Mỹ-ngụy kìm kẹp bằng quân khí mạnh thì việc xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang tại chỗ càng trở nên cấp bách.

Trong đấu tranh, công nhân cao su luôn luôn kết hợp chất keo kết dính giữa đấu tranh chính trị và vũ trang với đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế. Sau chiến thắng Phước Thành (09-1961), Đảng ủy Dầu Tiếng đã vận động công nhân các làng 2, 6, 6 bis, 7, biểu tình, đình công, tuyệt thực, chống tên sếp người Pháp (công nhân thường gọi là “Tây ống điếu”) hay ức hiếp và đánh đập công nhân. Cuộc đấu tranh đã được công nhân Bến Củi nhiệt tình ủng hộ. Hàng trăm công nhân đã kéo vào thị trấn biểu tình buộc nguy quyền phải can thiệp. Ban chỉ đạo đấu tranh đã khéo léo tranh thủ được nguy quyền để làm áp lực với chủ tư bản. Kết quả chủ sở hữu phải đuổi tên sếp người Pháp ác ôn, đồng thời chấp nhận cho công nhân mua thêm mỗi người 10 ký gạo và các vật dụng khác[166;22].

Đảng ủy, ban cán sự, chi bộ đảng tại các làng sở đã uyển chuyển trong chỉ đạo đấu tranh, lấy mối mâu thuẫn giữa chủ tư bản và nguy quyền làm thế mạnh cho phía cách

mạng; tranh thủ nguy quyền chống tư bản bóc lột, đòi tăng lương, cải thiện đời sống, chống cúp phạt, chống đánh đập công nhân; vận động chủ tư bản ủng hộ công nhân đấu tranh với nguy quyền, chống bắn pháo vào làng, vào lô, chống bắt lính... Tại Dầu Tiếng, chi bộ tại chỗ tranh thủ chủ sở ký vào kiến nghị chống bắn pháo vào lô cao su, điều động được các lượt gồm 5, 6 xe chở mũ cao su của sở đưa công nhân ra thị trấn đấu tranh.

Tại Phước Hoà, Dầu Tiếng, Thuận Lợi ..., khi Mỹ-ngụy bắt lính, công nhân đã tình nguyện gia nhập dân vệ, đi làm thanh niên nội tuyến trong hàng ngũ nguy quyền, vừa làm binh vận lấy súng, đạn gửi ra cho bộ đội, vừa đưa lực lượng ở ngoài vào diệt ác, phá kìm bên trong ấp [191;25]

Đấu tranh của công nhân cao su với nguy quyền và với chủ đồn điền không chỉ để bảo vệ quyền lợi công nhân, mà còn nhằm vào mục tiêu lớn hơn là đóng góp của cải cho kinh tế cách mạng. Tháng 11 năm 1963, tại Dầu Tiếng, công nhân bên trong tạo điều kiện đưa lực lượng vũ trang vào đồn điền đưa được Phó Giám Đốc sở ra căn cứ. Viên quan này được giáo thuyết bằng chính sách Mặt trận. Kết quả, công ty cao su Mít-sơ-lanh đã đồng ý nộp 15 triệu đồng tiền thuế 1960-1964 với lời hứa cứ mỗi năm đều đóng góp cho cách mạng 5 triệu đồng. Bằng cách làm trên, tháng 02 năm 1964, công ty SIPH cũng đóng góp được cho cách mạng trên 50 triệu đồng[31;419].

Phong trào đấu tranh của công nhân cao su Thủ Dầu Một thời gian này đã tạo được thế phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng với phong trào đấu tranh của nông dân ở vùng nông thôn như các xã Thanh An, Long Nguyên... hoặc phối hợp ủng hộ phong trào đấu tranh của công nhân lao động Sài Gòn. Tháng 08 năm 1964, 15.000 công nhân cao su Dầu Tiếng, Lộc Ninh, Thuận Lợi đã tiến hành bãi công ủng hộ cuộc đấu tranh của công nhân hãng dệt Vi-my-tex. Trong những năm 1961 đến 1964, phong trào đấu tranh của công nhân thể hiện được tinh thần đoàn kết giai cấp vì sự nghiệp chung. Kết quả to lớn từ 1.500 cuộc đấu tranh của công nhân thống kê trên toàn Miền mang lại là các chủ đồn điền cao su toàn miền phải chấp nhận yêu sách và tăng lương công nhân 30%[31;420].

Sức chiến đấu của công nhân cao su Thủ Dầu Một là ngoan cường, bền bỉ, và giữ được thế mạnh sau Đồng Khởi. Đấu tranh chính trị dồn dập, kết hợp với đấu tranh kinh tế đòi quyền lợi dân sinh thiết thực, đấu tranh từ ít đến nhiều, từ thấp đến cao, từ

thương lượng đến bạo lực công khai, từ điểm đến diện rộng. Dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, vượt qua được sự khủng bố của giặc.

3.2.3.4. Phong trào du kích chiến tranh của công nhân cao su đánh “bình định”, “áp chiến lược”

Đối phó với phong trào cách mạng của công nhân cao su Thủ Dầu Một và nhân dân các tỉnh miền Đông Nam Bộ, ngày 23 tháng 03 năm 1962, Mỹ - ngụy mở chiến dịch “Mặt trời mọc” để “quét sạch Việt Cộng” ở các tỉnh miền Đông Nam Bộ.

Tung vào chiến cuộc này 8.000 quân, 50 máy bay lên thẳng và nhiều loại máy bay khác, Mỹ-ngụy tiến hành hàng trăm cuộc càn quét, phá trên 3.000 ngôi nhà, mang đi 32.000 gạ lúa, giết chết 250 người, làm bị thương gần 200 người, bắt giam 1.337 người... Công nhân cao su miền Đông phối hợp chặt chẽ với nhân dân địa phương và bộ đội chủ lực liên tục chiến đấu đánh bại chiến dịch này. Tổng cộng, lực lượng kháng chiến đã đánh gần 500 trận lớn nhỏ, tiêu diệt hàng ngàn tên lính và tiến hành gần 1.200 cuộc đấu tranh trực diện với chính quyền ngụy[98;148].

Chủ trương “quét sạch” Việt Cộng không thành công. Mỹ-ngụy tiếp tục gom dân, lập thêm “áp chiến lược”, mưu đồ giành lại thế chủ động, bình định miền Nam trong vòng 18 tháng.

Trần Quốc Bửu theo chân Mỹ-ngụy, ngày đêm hành quân tái chiếm, gom dân lập ấp, tăng cường bắn pháo vào nơi công nhân ở và làm việc, gây nên bao cảnh đau thương tang tóc.

Với hành động bình định khốc liệt này, Trung ương Cục miền Nam và Khu Ủy miền Đông quyết định khởi xướng phong trào công nhân nổi dậy khắp nơi chống bình định, chống kế hoạch Sta-lây Stây-lo. Ở đâu khí thế đấu tranh của công nhân và nhân dân địa phương cũng sôi sục từng ngày. Lính càn vào làng du kích đánh trả. Lính cùm quân, công nhân làm binh vận. Ban ngày lính bắt đào hào áp chiến lược, ban đêm công nhân rủ nhau ra phá. Mỹ-ngụy âm mưu một, công nhân đánh trả mười[34;220].

18 tháng bình định, Mỹ-ngụy gây ra cho đồng bào miền Nam và công nhân cao su những thiệt hại không thể thống kê được. Thủ đoạn về việc lập ra áp chiến lược của Mỹ - ngụy mang tính toàn diện. Ở Bình Long, số áp chiến lược trên toàn khu vực lên đến con số 75. Do lực lượng cách mạng có cơ sở chính trị bên trong và được sự vận động tích cực của đội mũi công tác, tháng 5 năm 1961 hơn 4.000 công nhân các đồn điền Minh Thạnh, Xa Cát, Xa - Cô, Trà Thanh, Xa Trạch, Phú Miêng... kéo vào thị xã

An Lộc trực diện với Mỹ-ngụy đòi hủy bỏ kế hoạch bình định 18 tháng, bãi bỏ ấp chiến lược. Cuộc đấu tranh này tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ của các tầng lớp nhân dân trong thị xã, của người dân tộc, buộc tỉnh trưởng Toán phải đứng ra nhận kiến nghị và hứa giải quyết yêu cầu của công nhân để xoa dịu phong trào. Sau đó, công nhân Minh Hoà, Minh Thạnh nổi dậy phá hết hàng rào, giết trưởng ấp, giải phóng các làng 2, 3 Minh Thạnh. Các nơi khác như Xa Cát, Xa Trạch, Tân Khai, Nha Bích... công nhân cùng người dân địa phương phá rào, phá lỏng bộ máy kìm kẹp của Mỹ-ngụy. Ở Xa Trạch, công nhân cách mạng giết 02 trưởng ấp, trong đó có xu Tuấn khét tiếng gian ác. Ở Tân Khai, công nhân giết hương chủ Dầu, Nguyễn Văn Tuấn tay sai ngụy. Ở Tàu Ô, công nhân giết hàng loạt những tên Tám Ai, Tư Dớn, Bảy Hoa, Bảy Dụng. Ở Nha Bích, công nhân giết tên bình định Lâm Hẹn, tên Cường ở Sóc Lớn. Công nhân cao su liên tục đón đánh lính trên quốc lộ 13, bắt được đại úy Trần Văn Giàu là dinh điền trưởng Bình Ninh (Bình Long-Tây Ninh) [19;234]. Binh lính ngụy lo sợ, co cụm, trốn vào các khu vực trung tâm thị xã, thị trấn. Vùng giải phóng được mở rộng. Ở các ấp chiến lược, sự kìm kẹp đã nổi lỏng được một phần.

Ở Lộc Ninh, từ tháng 06 năm 1961, Mỹ - ngụy thực hiện kế hoạch càn quét để gom dân lập ấp chiến lược. Lực lượng cách mạng cũng đã ứng phó kịp thời. Trung đội vũ trang Lộc Ninh phối hợp với các đội du kích các làng công nhân chống lính càn, diệt ác, trừ gian, vũ trang tuyên truyền. Công nhân cao su đã đột nhập trung tâm quận lỵ Lộc Ninh, treo cờ mặt trận, rải truyền đơn cảnh cáo tay sai ác ôn. Cờ mặt trận và truyền đơn là mối nguy hại đến gần đối với lính ngụy, nên chúng dốc lực lượng càn vào các làng cao su bắn phá và bắt bố. Đã có sự chuẩn bị trước, đội vũ trang C31 Lộc Ninh và B70 của tỉnh đã phục kích chống lại trận càn này, kết quả, diệt gọn 01 trung đội bảo an, thu 10 súng, bẻ gãy cuộc càn. [85;65]

Sau khi gom dân vào ấp chiến lược, lính phát thẻ căn cước. Ban cán sự làng 10 (Lộc Ninh) đã chỉ đạo người dân và công nhân đốt thẻ để giữ thế hợp pháp, tiếp tục liên lạc, tiếp tế cho kháng chiến. Người dân tộc thiểu số được du kích hỗ trợ, tranh thủ được binh lính có cảm tình cách mạng, đã thu dọn vật dụng trong nhà đưa ra ngoài, tự tay đốt nhà, bỏ ấp chiến lược, bung về sóc cũ trú ngụ. Nhờ xây dựng được cơ sở bên trong ấp chiến lược và ngay cả bên trong hàng ngũ binh sĩ ngụy, làm tốt công tác binh vận mà các cuộc đấu tranh của cách mạng diễn ra liên tục. Nội dung đấu tranh diễn ra từ thấp đến cao, giữ được mối liên lạc với lực lượng kháng chiến. Nhiều đơn điền cao su Quản

Lợi, Lộc Ninh, Xa Cát được giải phóng. Hầu hết các vùng sâu hẻo lánh ở Lộc Ninh, Hớn Quản do cách mạng làm chủ tình hình, Sóc nào cũng có ủy ban cách mạng. Ở Thomo Đạ, Lâm Bui - Lộc Quang, Lộc Hoà (Lộc Ninh), đồng bào đã cùng nhau làm “rẫy cách mạng” ủng hộ kháng chiến sôi nổi. Tuy nhiên, cuộc đấu tranh chống phá áp chiến lược vẫn còn giằng co kéo dài[86;98].

Sau 18 tháng, Kế hoạch Sta-lây Stây-lo đã quá hạn mà mọi mục tiêu của kế hoạch đều không đạt được, kể cả trên hai mặt trận “bình định” và “tác chiến”, vận dụng chiến thuật. Nội bộ tay sai rối ren. Trong khi đó chiến thắng “Ấp Bắc” (02-01-1963) đã làm rõ khả năng thắng Mỹ-ngụy trong chiến tranh đặc biệt của quân dân miền Nam. Mỹ-ngụy phải thừa nhận: “trận Ấp Bắc và những trận đánh lớn khác của cộng sản đã gây thiệt hại quan trọng cho quân đội Việt Nam cộng hoà...chứng tỏ cộng sản đang phát triển mạnh”[146;2].

Chiến thắng Ấp Bắc (nay thuộc tỉnh Tiền Giang) làm chiến thuật trực thăng vận, thiết xa vận của Mỹ bị thất bại. “Thi đua Ấp Bắc giết giặc lập công” là khẩu hiệu chung được Trung ương cục miền Nam phát động trong toàn Miền. Đấu tranh chính trị phối hợp đấu tranh vũ trang là hiệu quả nhất để dần phá áp chiến lược.

Ấp chiến lược Váng Hương thuộc chi khu Trị Tâm (Dầu Tiếng); ấp chiến lược làng 2 là ấp điểm của đồn điền cao su Dầu Tiếng. Đây là hai “công trình” mà Mỹ - ngụy tập trung xây dựng để phô trương kết quả bình định. Khu ủy và Ban công vận Khu đã chọn đồn điền Dầu Tiếng làm điểm để chỉ đạo đánh phá áp chiến lược quyết liệt.

Một đêm tháng 03 năm 1963, một phân đội của đội vũ trang tập trung Dầu Tiếng C64 về phục kích, nghi binh, gài trái, diệt gọn hai tiểu đội dân vệ. Tề ấp bên trong lo sợ tháo chạy về chi khu. Lính ngụy rút bỏ các đồn dân vệ ở ấp. Công nhân cao su trong ấp bang phá toàn bộ ấp chiến lược. Ấp Váng Hương, một ấp điểm của chi khu Trị Tâm, được giải phóng.[78;98]

Để giữ gìn và bảo vệ mật cơ sở cách mạng, Ban cán sự Dầu Tiếng liên tiếp chỉ đạo trừ khử những tên ác ôn (tên Cả Châu), từng giết nhiều cán bộ cách mạng. Dưới sự hỗ trợ của bộ đội C64, công nhân nổi dậy giải phóng ấp Suối Dừa, các ấp làng 2, 4, 6[31;426]. Chi khu Trị Tâm (Dầu Tiếng) bị cô lập. Đường 14 không đi được, Mỹ phải tiếp tế cho tiểu đoàn chủ lực bằng máy bay [79;111].

Khu vực cao su Phước Hoà, từ tháng 7 năm 1963, công nhân du kích ba lần tấn công vào ấp chiến lược diệt được nhóm dân vệ, thu vũ khí, rút được lương thực[46;62].

Đội công tác cao su Thuận Lợi và bộ đội địa phương phá ấp Thuận Hòa, dinh điền Thuận Kiện 1, 2, Phú Riêng, các ấp chiến lược làng 2 và 3 Đôn Luân, làm chủ làng[19;232]

Những tháng đầu năm 1964, trên các vùng cao su Thủ Dầu Một, Bình Long, Phước Long, hầu hết các ấp chiến lược của Mỹ-ngụy đã mất tác dụng, uy thế của chủ tư bản đồn điền bị giảm sút, vị thế làm chủ của công nhân lên cao, tạo thêm thế cho đấu tranh về kinh tế. Đến tháng 11 năm 1964, công nhân cao su đã nổi dậy làm chủ và giải phóng hàng loạt các đồn điền nằm trên lộ 14: Phú Riêng, Đa Kia, Thuận Lợi, Vĩnh Thiện, Phú Văn, Bù Nho...

Thế làm chủ ở một số vùng cao su, cộng với việc mở rộng vùng giải phóng ở vùng nông thôn xung quanh, sự suy sụp của ngụy quyền, sự lớn mạnh của lực lượng cách mạng toàn Miền là cơ sở để Trung ương cục, Bộ chỉ huy Miền quyết định mở chiến dịch Đông Xuân 1964-1965 đánh bại hoàn toàn chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ ngụy.

Đi cùng chiến dịch Đông Xuân 1964-1965 (từ ngày 2 tháng 12 năm 1964 đến ngày 3 tháng 1 năm 1965), du kích công nhân cao su Bình Long đắp mô phá đường trên lộ 14 từ cầu 57 đến cầu Tráng dài 11 km, sau đó cùng bộ đội tỉnh giải phóng hoàn toàn đoạn đường này[85;30].

Từ ngày 10 tháng 5 năm 1965, quân cách mạng tiếp tục mở chiến dịch Đồng Xoài. Các đồn điền cao su Lộc Ninh, Bù Đốp, Thuận Lợi nằm trong địa bàn của chiến dịch. Công nhân cao su và đồng bào Lộc Ninh đã quyên góp được 2 xe thuốc tây, đường, sữa để ủng hộ chiến dịch. Công nhân cao su đồn điền Thuận Lợi cùng đồng bào dân tộc Phước Long vừa quyên góp ủng hộ gạo, vừa đi tải đạn, tải thương, trinh sát dẫn đường cho quân giải phóng Miền tấn công Mỹ-ngụy ở các đồn bót, chi khu, yếu khu, làm nên những chiến công vang dội ở Đồng Xoài, Ba Gia, Thuận Lợi[19;232].

Tại Lộc Ninh, quân cách mạng đã giải phóng và làm chủ quốc lộ 14A từ sở Brê-ling đến giáp thị trấn Bù-Đốp, giải phóng hầu hết các đồn điền cao su. Trong niềm phấn khởi được giải phóng, công nhân hăng hái tham gia phong trào du kích chiến tranh, xây dựng làng xã chiến đấu.[19;233]

Tại các đồn điền Dầu Tiếng, Bến Củi, công nhân làm chủ 11/22 làng. Nhiều làng đã bầu lên ủy ban tự quản thay mặt công nhân quản lý đồn điền, thực hiện chính sách

Mặt trận đối với chủ tư bản đồn điền trong kinh doanh cao su; xây dựng làng, xã chiến đấu, vận động gần 300 thanh niên lên đường tham gia kháng chiến.[31;430]

Tính chung từ năm 1961 đến năm 1965, toàn miền Đông đã giải phóng được 210/310 đồn điền cao su (kể cả các đồn điền của các công ty tư bản Pháp và các đồn điền của chủ tư bản Việt, Hoa...)[31;430].

Vai trò đấu tranh của công nhân cao su Thủ Dầu Một, trong những năm 1961 đến năm 1965, được đánh giá là quan trọng, đặc biệt là vai trò đấu tranh chính trị và khả năng tự giác đứng vào tổ chức cách mạng chống Mỹ-ngụy. Công nhân cao su thời gian này đã tạo ra biện pháp đấu tranh thích hợp, chủ động kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh kinh tế, làm đồn xeo, tạo bàn đạp cho đấu tranh vũ trang. Hòa bình là một khẩu hiệu cách mạng gắn liền với những mục tiêu cơ bản của công nhân cao su cách mạng là tự do, là cơm no, áo ấm.

3.3. CÔNG NHÂN CAO SU THỦ DẦU MỘT GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH CỤC BỘ” CỦA MỸ (1965-1968)

3.3.1. Vùng cao su, vùng trọng điểm bình định của Mỹ-ngụy.

Tháng 4 năm 1965, sau khi khảo sát tình hình ở miền Nam. Mác Na-ma-ra (Mc. Namara) và Stây-lo (Taylor) báo cáo về Mỹ: “Tình hình miền Nam Việt Nam nghiêm trọng hơn nữa, quân đội Việt Nam Cộng hoà không đủ sức đương đầu với Việt cộng, tương quan lực lượng ở mức báo động, quyền chủ động đã về tay Cộng sản”[19;131].

Tuy nhiên, với bản chất ngoan cố, và với tiềm lực quân đội chưa từng thua trận trên thế giới, đế quốc Mỹ đã quyết định tiếp tục tăng cường chiến tranh ở Việt Nam, chuyển chiến lược từ chiến tranh đặc biệt sang chiến tranh cục bộ, tung quân viễn chinh Mỹ, từng bước phản công, cố giành lại quyền chủ động, giành thắng lợi quyết định về chiến lược.

Miền Đông Nam Bộ nói chung, khu vực đồn điền cao su Thủ Dầu Một nói riêng là địa bàn trọng điểm “tìm-diệt” của Mỹ-ngụy. Mỹ đã sử dụng một lực lượng viễn chinh lớn, có trang bị vũ khí tối tân, từng bước, thiết lập các căn cứ quân sự kiên cố, cụm quân dã ngoại dày đặc tại các đồn điền cao su và trên đường giao thông quan trọng để thực hiện nhiệm vụ “tìm-diệt” lực lượng cách mạng, đồng thời hỗ trợ cho quân ngụy “bình định” đánh phá phong trào công nhân cao su đấu tranh.

Trong các đợt phản công chiến lược mùa khô, Mỹ đã sử dụng 12.000 quân, mở các cuộc hành quân tại Bến Cát (ngày 8 tháng 10 năm 1965 đến ngày 13 tháng 10 năm

1965); cuộc hành quân Hao-xtơn tại Dầu Tiếng (tháng 5 năm 1966); cuộc hành quân At-tơn-bo-rơ Dầu Tiếng (tháng 9 năm 1966 đến tháng 11 năm 1966)... tìm diệt lực lượng cách mạng, đánh phá căn cứ kháng chiến khốc liệt. Mỹ dùng xe tăng, bom, pháo, chất độc khai quang, ủi phá, phát quang cao su dọc các trục lộ tạo thành vành đai an toàn, hủy hoại 11 đồn điền ở Thủ Dầu Một dọc lộ 16, 30, 13... làm hư hại hàng loạt vùng cao su [82;292].

Những máy bay ném bom chiến lược B52 của Mỹ tham chiến từ đảo Gu-am, ném bom trải thảm xuống Trảng Lớn, Bờ cảng xã Long Nguyên, đồn điền Thuận Lợi, Phú Riêng. Sau lần 27 chiếc xuất kích, máy bay thả bom và rải truyền đơn huênh hoang về sức mạnh của “thần mưa bom khủng khiếp”, khiến cho 1.200 người chết và nhiều người bị thương [16;147].

Hoạt động mang tính chất hủy diệt của Mỹ ở vùng đồn điền cao su Thủ Dầu Một không chỉ gây thiệt hại cho tư bản đồn điền, phá hoại cao su, mà quan trọng hơn là Mỹ đã đánh vào đời sống và phong trào đấu tranh của công nhân cao su cách mạng. Hàng loạt đồn điền phải ngưng sản xuất làm cho công nhân không có việc làm. Tình hình này tiếp tục tạo nên số đông công nhân còn lại trở thành những chiến sĩ cách mạng, bám đồn điền, xây dựng làng chiến đấu, quyết chiến tại chỗ. Trước nhân dân, chiến sĩ cao su cũng được trao nhiệm vụ cụ thể: vừa sản xuất vừa chiến đấu, “tay thùng dao, tay súng”.

3.3.2. Tình hình khai thác cao su và đời sống công nhân cao su Thủ Dầu Một.

Thời gian vào đầu năm 1966 đến cuối năm 1968, cuộc chiến tranh tại miền Đông Nam Bộ mang màu sắc hủy diệt, nên nhóm người Việt, người Hoa đã bỏ hoang phần địa điền cao su (dưới 500 ha), mà họ đã từng quản lý và khai thác. Công tác tổ chức và vận hành ở các đồn điền lớn thuộc các công ty tư bản Pháp cũng chỉ khai thác mức độ chừng 03 tháng trong năm, một số ngưng hẳn hoạt động trồng, không chăm sóc và không khai thác.

Mỹ đã mở thông đường, dùng bom, mìn, rải chất độc hoá học phá địa hình hiểm trở, phá rừng cao su để tạo vành đai an toàn cho các căn cứ quân sự đang chốt giữ tại các thị trấn. Việc tạo lớp bọc an toàn này đã làm hoang hóa đến 20.338 ha cao su trong năm 1966. Số liệu đã ghi nhận cụ thể có 5.538 ha bị phá do bom B52, 14.800 ha bị phá hủy do bom xăng-napal. Đồn điền Dầu Tiếng bị hư hại 4.000/9.200 ha, Công ty cao su

SIPH thiệt hại 12.000/21.000 ha trong năm 1967. Các đồn điền Thuận Lợi, ngưng hẳn việc kinh doanh khai thác mủ[48;185].

Công nhân cao mủ không làm việc tốt như trước vì sống một nơi tập trung xa đồn điền. Họ vẫn là những người không tài sản, và luôn bị nghiêm trị dưới chính sách thực dân kiểu mới của Mỹ-ngụy. Công nhân trẻ, khoẻ, nếu không thoát ly đi kháng chiến thì bị bắt đi lính. Nguồn lực lao động chính yếu ở các đồn điền giảm mạnh. Thêm vào đó, cơ là do chiến tranh, nên các chủ tư bản đồn điền sa thải hàng loạt công nhân để giải bài toán lợi nhuận.

Việc sản xuất khai thác vườn cây cao su trĩu trĩu đã làm sa sút sản lượng mủ và giá cả so với các nước khác. Thiệt hại này nằm trong cơn khủng hoảng chung của cả nền kinh tế miền Nam lúc bấy giờ. Kỹ nghệ chế biến cao su không phát triển được theo nhu cầu của thế giới, mủ cao su đều xuất khẩu thô sang các nước tư bản trong khi cao su thiên nhiên gặp sự cạnh tranh gay gắt của cao su nhân tạo và giá mủ trên thị trường quốc tế giảm mạnh (Giá mủ cao su quốc tế tính ra tiền miền Nam giảm từ 30,64 đ/kg xuống còn 26,4 đồng/kg – năm 1965, 1966)[31;439]. Điều này đã gây khó khăn lớn cho việc khai thác, kinh doanh cao su.

Bảng thống kê diện tích, sản lượng, xuất khẩu cao su ở miền Nam từ năm 1965 đến năm 1968 [31;439].

<i>Năm</i>	<i>DT trồng (ha)</i>	<i>DT khai thác (ha)</i>	<i>Sản lượng (tấn)</i>	<i>Xuất khẩu (tấn)</i>	<i>Năng suất (tấn/ha)</i>
1965	121.660	62.925	64.770	58.161	0.8
1966	126.340	56.720	49.455	44.899	0.8
1967	120.000	53.595	42.510	37.704	0.7
1968	105.703	41.410	34.000	29.248	0.8

Trị giá cao su xuất khẩu hàng năm từ 1965 đến 1968 của các đồn điền cao su miền Nam cũng giảm do số lượng xuất khẩu giảm, do biến động của giá mủ trên thị trường thế giới, đồng thời cũng do việc xuất khẩu cao su không được chính quyền Sài Gòn trợ giá[31;440].

Bảng thống kê giá trị xuất khẩu cao su từ năm 1965 đến năm 1968[31;440].

<i>Năm</i>	<i>Giá trị xuất khẩu cao su (đồng miền Nam)</i>
1965	910.380.000
1966	1.225.144.000
1967	1.056.897.000
1968	776.474.000

Tuy là giá xuất khẩu mủ cao su hàng năm giảm, nhưng trị giá xuất khẩu cao su ở miền Nam vẫn chiếm tỷ lệ cao nhất so với các mặt hàng nông sản khác. [31;441].

**Bảng so sánh chỉ số trị giá xuất khẩu cao su
với hàng nông sản khác[31;441].**

<i>Năm</i>	<i>1965</i>	<i>1966</i>	<i>1967</i>	<i>%</i>
<i>Loại</i>	<i>(1.000đ)</i>	<i>(1.000đ)</i>	<i>(1.000đ)</i>	
Cao su	910.380	1.225.144	1.056.897	76,21
Gạo + Phó sản	68			11,05
Nông sản khác (Chè, cà phê...)	179.381	1.135.640	98.6 36	10,10

Tính tổng kim ngạch nền kinh tế thì cao su xuất khẩu chiếm tỷ trọng lớn, nên chính quyền Ngụy Sài Gòn đã có những khuyến khích cụ thể để tư bản đồn điền duy trì sản xuất cao su. Ngày 1 tháng 8 năm 1967, chính quyền Ngụy đã giảm thuế xuất khẩu cao su từ 40% xuống 20%[31;441]. Được mức hỗ trợ này, chủ tư bản đồn điền tái cấu trúc lại cơ chế lao động và tính toán tìm lợi nhuận cao nhất bằng phương cách tiếp tục giảm, cắt các quyền lợi công nhân. Điểm thống nhất giữa ngụy quyền và tư bản đồn điền là bản cùng hoá đời sống công nhân, làm cho công nhân sống thiếu hụt, phải lo toan kiếm cái ăn cái mặc, lơ là đấu tranh cách mạng.

Cách tính toán mới của các chủ tư bản đồn điền mang tính thực dụng vẫn là chủ trương cạo vét, khai thác triệt để các vườn cây cao su còn lại, không chăm sóc, không trồng mới, không cải tiến thiết bị mới... Để bóc lột sức lao động của công nhân, chủ tư bản đồn điền đã tiếp tục thực hiện khoán phần cây cạo, trả lương công nhật. Đưa ra các cơ chiến tranh, kinh doanh thua lỗ, cao su bị hư hại, giới chủ sa thải, giải công rất nhiều công nhân giao kèo, tuyển thợ tùy dịp vào làm nhằm giảm lương, không thực hiện chế độ lao động cho người bị thôi việc, chậm tăng lương, và chỉ giải quyết khi nào công nhân đấu tranh quyết liệt.

Đối với vùng nông thôn không có cao su. Mỹ cũng ráo riết gom dân, bình định. Nông dân mất đất, không kế sinh nhai, bỏ nơi cư ngụ, chạy vào đồn điền, tìm việc làm để mưu sinh. Sự việc này đã làm tăng lên số người thất nghiệp trong đồn điền cao su. Chủ tư bản có cơ hội thuận lợi để chọn lựa công nhân mới trẻ khỏe hơn, thuê công nhật hoặc làm tùy dịp, để không phải kê lương hàng tháng hàng năm cho người lao động.

Năm 1965, dân số toàn vùng miền Đông Nam Bộ và Tây Nguyên có khoảng 1.200.000 người, trong đó công nhân cao su chiếm 51.000. Đến cuối năm 1967 số lượng công nhân cao su toàn miền còn khoảng 41.000, trong đó số lượng nữ chiếm từ 40% đến 60%. Hầu hết thanh niên công nhân bị bắt lính hoặc thoát ly theo cách mạng đi đánh Mỹ[137;4].

Đội ngũ công nhân cao su Thủ Dầu Một ở những năm 1965-1968 rất phức tạp, nhiều thành phần. Công nhân công - tra ở đồn điền lớn chỉ còn 20% đến 30%. Công nhân tùy dịp mới tuyển vào chiếm 30% - 50%. Không có nguồn thu ngoài lương, công nhân được giao làm khoán thì hưởng lương công nhật. Mỗi ngày phải cạo mủ từ 350 đến 480 cây cao su, giao nộp cho chủ 60 kg mủ nước và 4 kg mủ chén, mủ miệng [137;7]

Từ tháng 6 năm 1966, tiền lương bình quân của công nhân được xếp theo loại, theo việc, như sau[137;7]:

✓ Đối với công nhân chính thức:

- Công việc cạo mủ: được chi trả 56đ00 và 700 gr gạo/ngày
- Công việc linh tinh: đàn ông được chi trả 48đ00 và 700 gr gạo/ngày. Đàn bà: 40đ00 và 700 gr gạo/ngày.

✓ Đối với công nhân tùy dịp:

- Công việc cạo mủ: được chi trả 68đ00 (không gạo)
- Công việc linh tinh: đàn ông được chi trả 48đ00. Đàn bà: 40đ00 (không gạo).

✓ Đối với công nhân kỹ thuật: được chi trả từ 1.800đ – 3.800đ/tháng và 700 gr gạo/ngày. Năm 1968, lương công nhân cạo mủ chính thức được tăng lên 74đ00 và 700 gr gạo/ngày.

Mức tăng tiền lương không thể đuổi kịp mức tăng của vật giá. Gạo từ 35đ00/kg năm 1966 lên 40đ00/kg năm 1967 và năm 1968 là 50đ900/kg.[137;8]

Như những năm trước đó, làm việc vất vả, lương công nhân cũng không đủ đảm bảo cuộc sống đủ no cho bản thân và gia đình. Thậm chí những công nhân kỹ thuật có tay

nghề giỏi trong đồn điền cũng bị buộc vào việc phục vụ cho các cơ quan hậu cần của quân đội Mỹ-ngụy như sửa chữa ô tô, làm cơ khí... Máy bay B52, bom đạn cày cấy khắp vùng cao su làm cho hàng trăm công nhân chết và bị thương, hàng trăm ngôi nhà hư hại, hàng trăm mẫu hoa màu bị phá huỷ, công nhân không nhà cửa, phải sống vất vưởng nơi này, nơi khác.

Mỹ vào, mang theo nhiều tệ nạn như côn đồ, gái điếm... đến đồn điền. Hạng người này, đêm phục vụ cho Mỹ, ngày đến lẩn quẩn trong vùng cao su, gây nhiều tai ương, oán cảnh, làm hư hỏng con người. Các cuộc hành quân của Mỹ thường diễn ra kèm theo những hành động dã man như là bắn giết, hãm hiếp phụ nữ, đốt nhà, cướp của, thui sống thiếu niên... Đó là thú vui của các cuộc hành quân Mỹ-ngụy vào đồn điền. Không khí chết chóc, tang tóc của người chết, cây cao su đổ vì bom pháo Mỹ diễn ra thê thảm, phủ trùm vùng đất đỏ từng ngày, từng giờ...[191;39]

Vốn có truyền thống đấu tranh vì quyền lợi giai cấp vì giải phóng dân tộc, nên dù sống khắc khổ và nguy hiểm đến mức nào đi nữa, công nhân cao su vẫn quyết chí bám làng bám sở, vừa sản xuất vừa chiến đấu, sống với một lý tưởng “theo Đảng theo Bác Hồ làm cách mạng”.

3.3.3. Công nhân cao su Thủ Dầu Một tham gia đánh bại chiến lược “chiến tranh cục bộ” của Mỹ – ngụy (1965-1968)

3.3.3.1. Sự chỉ đạo và tổ chức lực lượng công nhân cao su

Từ giữa năm 1965, Mỹ đưa quân đội ồ ạt vào chiếm đóng các đô thị, đồn điền cao su, công khai điều khiển mọi hoạt động của ngụy quân, ngụy quyền.

Sự có mặt của nửa triệu quân đội viễn chinh Mỹ ở miền Nam, và các đồn điền cao su là một biến cố lớn, gây ra nhiều sự đảo lộn về mọi mặt trong đời sống của người dân nơi đây. Cướp đất, giết người, đuổi nhà để xây dựng căn cứ quân sự; bắt lính, đuổi phu; lạm phát tiền giấy, chi phí sinh hoạt tăng; thất nghiệp, trộm cắp... là các vấn nạn đang đè nặng lên đời sống khổ nhục của người dân.

Trước tình hình Mỹ mở rộng chiến tranh, ở vùng cao su, Khu ủy miền Đông đã chỉ đạo phương hướng đấu tranh mới là: “Phát động quần chúng công nhân sản xuất lương thực, chống sa thải, chống giải công, xây dựng lực lượng chính trị, vũ trang vững mạnh, làm tốt công tác binh vận, kiên quyết bám trụ ở các đồn điền giải phóng”. [31;451]

“Phải đẩy mạnh cao trào đấu tranh vũ trang, chính trị, binh vận, xây dựng lực lượng cách mạng lớn mạnh, phát động chiến tranh du kích rộng rãi toàn Miền” là

nhiệm vụ đã được Hội nghị Trung ương cục lần thứ 4 xác định phải đánh thắng Mỹ trong bất kỳ tình huống nào [31;450].

Ở đồn điền cao su, Ban công vận Miền chỉ đạo Khu ủy miền Đông tổ chức Hội nghị vào tháng 7 năm 1965, xác định phương hướng gồm 7 tiêu điểm cụ thể:

- Diệt ác phá kìm, phá áp chiến lược, giải phóng 2/3 làng sở.
- Đẩy mạnh xây dựng thực lực chính trị, vũ trang, đẩy mạnh đấu tranh chính trị, vũ trang.
- Thực hiện chế độ công nhân tự quản.
- Động viên nhân tài vật lực.
- Cải tiến sự chỉ đạo, tổ chức của Đảng.
- Đào tạo cán bộ.
- Thực hiện đợt phát động tuyên truyền, phát động giai cấp sâu sắc, coi trọng công tác phát động quần chúng[31;453-454].

Thế trận ở đồn điền cao su Thủ Dầu Một là có lợi cho cách mạng vì vùng cao su vừa tiền tuyến, vừa là hậu phương, là chiến trường tiêu hao, tiêu diệt sinh lực Mỹ-ngụy, là nơi lưu quân, hành quân đánh vào Sài Gòn và các thị xã lớn. Số lượng công nhân tuy không đông so với khối dân toàn miền, nhưng lại là lực lượng giai cấp cách mạng triệt để nhất, đủ sức tham gia giải phóng các chốt quân sự trọng yếu Mỹ-ngụy.

“Xây dựng cơ sở chính trị vững mạnh, phát triển lực lượng vũ trang (bao gồm lực lượng vũ trang tập trung và du kích mật, tự vệ mật), phát triển chiến tranh du kích, xây dựng làng xã chiến đấu, diệt sinh lực Mỹ, diệt ác phá kìm, phát triển đấu tranh 3 mũi, giữ vùng giải phóng, tiến lên mở rộng vùng giải phóng. Trong đấu tranh phải vận dụng sách lược tranh thủ chủ tư bản Pháp để giữ dân, vừa duy trì sản xuất, vừa đẩy mạnh sản xuất chống đói, chống giải công” [31;455] là nhiệm vụ thường xuyên của công nhân đồn điền cao su Thủ Dầu Một đảm nhận.

Thực hiện các nhiệm vụ trên, đến tháng 8 năm 1966, hệ thống tổ chức công đoàn, chi đoàn từ trên xuống đã được gầy dựng và hoạt động mạnh gồm 74 ban chấp hành làng sở, 216 tổ công đoàn với hơn 2.000 đoàn viên, 14 chi đoàn mật với hơn 100 đoàn viên thanh niên[15;219]

Về xây dựng đảng, các đồn điền miền Đông có 38 chi bộ với 343 đảng viên (26 chi bộ mật, 12 chi bộ lộ) [15;219].

Về xây dựng lực lượng vũ trang, đến tháng 6 năm 1966, toàn vùng có 43 đội du kích làng sỏ, mỗi đội có từ 1 tổ đến 1 tiểu đội, 16 đội du kích đồn điền từ 1 tiểu đội đến 2 tiểu đội, 3 đội vũ trang tập trung đồn điền từ 1 trung đội đến 2 trung đội. Ngoài ra ở Dầu Tiếng còn có đội nữ pháo binh vừa tác chiến độc lập vừa phối hợp cùng các lực lượng vũ trang khác hoạt động có hiệu quả. Đến cuối năm 1967, lực lượng vũ trang vùng đồn điền cao su đã phát triển lên 80 đội du kích làng sỏ, đồn điền, mỗi đội có từ 1 tiểu đội đến 1 trung đội, 6 đội vũ trang tập trung, mỗi đội có từ 2 trung đội đến 1 tiểu đoàn, thêm 1 đội biệt động ở Dầu Tiếng. Ngoài ra, thường xuyên dùng chân trên địa bàn cao su miền Đông còn có Sư đoàn 9 (còn được gọi là Công trường 9 Miền), sư đoàn 7, bộ đội địa phương (C64), (D168), (D368)[15;229]...

Do thế lực Mỹ-ngụy đang mạnh, nên công tác tổ chức và chỉ đạo trong các năm 1965, năm 1966 có khó khăn, chưa thống nhất từ trên xuống. Tuy nhiên vào từng lúc, từng nơi, Ban công vận Miền đều cất cử cán bộ công vận trực tiếp xuống từng địa phận nắm thông tin, truyền đạt chỉ đạo. Phối hợp với các địa phương, nghiên cứu tình hình, lấy chỉ đạo điểm mạnh (Dầu Tiếng) để hoạch định các bước hoạt động tiếp theo. Nhờ đó, cách mạng đã xây dựng được thế chiến tranh nhân dân, đủ sức đánh, giữ và mở vùng giải phóng, tạo điều kiện để phát động cuộc tiến công và nổi dậy khắp nơi trong vùng đồn điền.

3.3.3.2. Công nhân cao su trong cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ I (1965-1966) của Mỹ

Cuối năm 1965, đầu năm 1966, Mỹ phản kích quân cách mạng bằng việc thực hiện kế hoạch phản công chiến lược mùa khô lần I, đánh vào các căn cứ kháng chiến miền Đông Nam Bộ, tiêu diệt bộ phận chủ lực Miền, phá kho tàng, giành chủ động quân sự nơi đây.

Quân dân miền Đông, trong đó lực lượng công nhân cao su Thủ Dầu Một là đông nhất đã sẵn sàng đối phó với cuộc phản công này. Quân giải phóng, có Sư đoàn 9 (Công trường 9 Miền) đã từng vang danh diệt được quân Mỹ ở trận Vạn Tường, Đất Cước (Tân Uyên, ngày 3 tháng 11 năm 1965). Khả năng thực tại của Sư đoàn 9 đang ở thế mạnh, đủ sức đánh Mỹ dài ngày hơn. Các địa bàn Lai Khê, Dầu Tiếng là tâm điểm được bộ chỉ huy Miền chọn làm nơi để đánh và thắng Mỹ.

Tỉnh ủy Thủ Dầu Một, Đảng ủy đồn điền Dầu Tiếng đã chỉ đạo huy động hàng trăm công nhân cao su các đồn điền đi dân công, vắc đạn, vũ khí, tải lương thực, hỗ trợ Sư đoàn 9 đã làm nên chiến thắng Bàu Bàng ngày 22 tháng 11 năm 1965 [82;309].

Sư đoàn 9, bộ đội cao su Dầu Tiếng tiếp tục thực hiện tiến công giặc ở các lô 32, 22, 34 vào sáng sớm ngày 27 tháng 11 năm 1965. Máy bay Mỹ ứng cứu quân nguy, ném bom bừa bãi vào các lô cao su. Từ làng 4 đến làng 10 đều là trận địa khốc liệt. Sức chiến đấu dũng mãnh của Sư đoàn 9 đã tạo khí thế cho công nhân vào cuộc. Ngược lại, tinh thần tận tụy không ngần ngại hy sinh của công nhân đã cổ vũ quân giải phóng. Đến 8 giờ sáng cùng ngày, Sư đoàn 9 đã làm chủ trận địa, tiêu diệt hai tiểu đoàn của Chiến đoàn 7 nguy, xác nguy nằm ngổn ngang trong các lô cao su. Bàu Bàng, Dầu Tiếng trở thành mảnh đất lịch sử thiêng liêng của miền Đông Nam Bộ [82;311]

Ngày 2 tháng 05 năm 1966, Lữ đoàn I (Sư đoàn “Anh cả đỏ”) Mỹ mở cuộc hành quân Hao-xtơn (Houston) vào khu vực Dầu Tiếng. Mỹ dội bom đạn, sử dụng chất hoá học huỷ diệt các làng cao su ven tỉnh lộ 2, san bằng nhà cửa của công nhân, lập căn cứ quân sự. Công nhân di dời nơi ở về sống gần các khu căn cứ Mỹ [31;461].

Trước tình thế này, Đảng ủy đồn điền Dầu Tiếng ra chỉ đạo mới, giữ thế “cài răng lược” với Mỹ-ngụy ở đồn điền, xây dựng làng xã chiến đấu. Các làng giải phóng của đồn điền Dầu Tiếng là vành đai ngăn chặn, bao vây Mỹ-ngụy.

“Đồn điền Việt Cộng” là tên gọi mà Mỹ đã đặt ra để đối phó ở 2 sở cao su Brêlinh và Cốc Rươi (Lộc Ninh). Nơi đây có 100 gia đình công nhân và người dân tộc thiểu số là cơ sở cách mạng. Toàn bộ các lực lượng vũ trang về Lộc Ninh hoạt động đều được công nhân hai sở tận tình giúp đỡ từ thông báo tin tức, giao liên đến tiếp tế ủng hộ lương thực. [139;11]

Đồn điền Thuận Lợi đã ngưng hẳn hoạt động khai thác và sản xuất cao su suốt 4 năm (từ năm 1965 đến năm 1969) vì vùng này là tâm điểm chiến sự ác liệt. Tất cả công nhân cao su ở đây đều thất nghiệp. Đối diện với tình hình này, các chỉ đạo cấp trên về công tác cao su là hướng công nhân tự túc khai phá rừng, trồng lúa trên nương, trồng rau rẫy, nuôi gia súc gia cầm, tích trữ thực phẩm để tạo nguồn sống mới, giữ dân phục vụ các đơn vị bộ đội về đứng chân hoạt động, đồng thời động viên công nhân tham gia phong trào du kích chiến tranh, xây dựng làng xã chiến đấu... [86;108]

Công nhân các sở Quản Lợi, Xa Cô, Phước Hoà cùng người dân trong các ấp chiến lược vùng ven như Bù Na, Đức Bốn, Đức Hạnh... và những nơi khác, trên hướng đường

16, 13 liên tục nổi dậy giết những kẻ ác ôn, bỏ ấp chiến lược, về làng cũ sinh sống. Họ vận động nhau tìm mua gạo, muối, thuốc chữa bệnh để gửi ra căn cứ hoặc đi dân công phục vụ Công trường 9 tác chiến trên đường 13. Con đường 13 luôn là điểm nóng. Công nhân đã phối hợp với bộ đội uy hiếp đường 13, phá hư nhiều xe cơ giới Mỹ, hỗ trợ bộ đội địa phương phá lỏng sự kìm kẹp của Mỹ-ngụy[31;463].

Vùng đồn điền cao su Thủ Dầu Một là tiêu điểm cần thiết phải huỷ diệt trong cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ I của Mỹ-ngụy. Tuy người dân và công nhân cao su bị gom vào trong vòng rào kẽm gai của các ấp chiến lược, nhưng quân Mỹ-ngụy không thể và không đủ sức lấn rộng ra được vùng giải phóng. Lực lượng công nhân cao su tại chỗ tuy không đông đảo như trước, nhưng họ vẫn luôn đi đầu trong công tác phục vụ hậu cần, tích cực phát triển làng xã chiến đấu, giữ vững tinh thần chiến đấu và thể chính trị vùng giải phóng.

3.3.3.3. Công nhân cao su trong cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ II (1967-1968) của Mỹ.

Đốc sức bổ sung lực lượng và phương tiện chiến tranh, đánh phá căn cứ Dương Minh Châu, tiêu diệt quân chủ lực, cơ quan đầu não, hậu cần của quân cách mạng, chặn đường biên giới, hỗ trợ cho “gọng kìm bình định” ở xung quanh Sài Gòn là mục đích của cuộc phản công chiến lược mùa khô lần II của Mỹ-ngụy.

Vùng đồn điền cao su Thủ Dầu Một với nhiều trục đường giao thông quan trọng đi qua, đã trở thành địa bàn triển khai quân và phương tiện chiến tranh của Mỹ ngụy, nơi xuất phát các cuộc hành quân lớn, như Át-tơn-bo-rơ (Attelboro), Xê-đa Phôn (Cedar Fall), Giơn-xơn City (Junction City) vào căn cứ Dương Minh Châu. Trước khi mở cuộc hành quân lớn có tính chất quyết định thì Mỹ-ngụy đã đổ quân với quy mô nhỏ càn quét dữ dội vào khu vực các đồn điền cao su ở Thủ Dầu Một, Bình Long, Phước Long.

Dù ở vị trí nào, có thuận lợi hay khó khăn, công nhân cao su đều sẵn sàng nhận lệnh từ chỉ đạo cấp trên tham gia trực tiếp, hoặc phục vụ tuyến sau cho các chiến dịch. Hàng trăm công nhân cao su Phước Hoà, Bù Đốp, Hớn Quản, Xa Cát, Xa Trạch ... đã xung phong lên đường đi dân công. Các đội du kích làng, sở là những trinh sát dẫn đường cho chủ lực.

Tại Phước Hoà, công nhân du kích dọc lộ 16, đã bao vây, tiến công binh vận, tạo thế nghi binh bao vây lữ đoàn 3 Mỹ-ngụy ở Phước Hoà và căn cứ Phước Vĩnh, giúp cho lực lượng vũ trang diệt nhiều Mỹ-ngụy.[46;41]

Trung ương Cục, Ban công vận, các đảng ủy cao su từng địa phương đã kịp thời chỉ đạo các hoạt động phá ấp chiến lược, chống càn, đánh bình định, phối hợp chiến dịch đánh trả các cuộc hành quân phản công chiến lược mùa khô lần thứ II của Mỹ.

Đầu tháng 9-1966, Quân Mỹ bắn pháo vào làng 6 (Dầu Tiếng), tiến vào lô cao su. Bất ngờ, quân Mỹ đụng phải mìn ĐH 10, và sức phản công cực mạnh của du kích, bộ đội cao su. Trên từng công sự, công nhân cao su làng 6 trở thành lực lượng tiếp lương, tải đạn, cơm nước cho du kích, bộ đội. Lực lượng này tạo thành một vành đai dài làm quân Mỹ hàng tuần không vào sâu trong làng.[34;234-235]

Ngày 14 tháng 09 năm 1966, cuộc hành quân Át-tơn-bo-rơ (Attelboro) của Mỹ bắt đầu, mở màn cho cuộc phản công chiến lược mùa khô lần II.

Cuộc hành quân mang biệt hiệu Xê-đa Phôn (Cedar Fall) có 23 tiểu đoàn Mỹ nguy, cơ giới, diễn ra từ ngày 8 tháng 10 năm 1966 đến ngày 26 tháng 1 năm 1967, đánh vào khu tam giác sắt (chiến tranh làm nảy sinh một vùng mà quân Mỹ đặt cho cái tên là “tam giác sắt”, ban đầu chỉ rộng 170 km², là một hình tam giác với các đỉnh là Bến Súc, Bến Cát và điểm giáp nối giữa sông Thị Tính với sông Sài Gòn. Hình dạng có các cạnh Tây Nam là một đoạn sông Sài Gòn và liên tỉnh lộ 14, cạnh là 1 đoạn sông Thị Tính và quốc lộ 14, cạnh Bắc là đoạn đường nối Bến Súc – thị trấn Bến Cát. Nhưng rồi phạm vi vùng đất mà Mỹ muốn lột xác cứ rộng dần. Về sau, “tam giác sắt” trùm cả vùng đất Củ Chi, Trảng Bàng, Bến Cát (Dầu Tiếng) [34;236-237]).

Dầu Tiếng, bộ đội, du kích cao su đã bám chặt các chốt dã chiến Mỹ, tổ chức vành đai diệt Mỹ quanh sân bay Dầu Tiếng. Quân Mỹ xuất binh đánh bung ra đều bị đánh chặn ở bìa ấp chiến lược.[34; 236]

Đội biệt động, đại đội vũ trang tập trung C64, du kích công nhân các làng 2, 4, 6, 21, 22 kiên trì bám công nhân, bám đồn điền đánh Mỹ-ngụy khi có thời cơ, một người cũng đánh, một nhóm cũng đánh, đánh bằng công sự, mìn, bẫy, bắn tẻ... Trong suốt cuộc hành quân Xê-đa Phôn, quân dân Bến Cát, Dầu Tiếng đã diệt 1.000 quân Mỹ, 72 xe tăng, thiết giáp, bắn rơi 12 máy bay. [79;238]

Cuộc hành quân với quy mô lớn mang tên Giơn-xơn City (Junction City) diễn ra vào đầu năm 1967 đã tiếp tục lấy đồn điền Dầu Tiếng làm trụ sở chỉ huy, điểm tập kết lực lượng, dự trữ hậu cần. Lực lượng quân binh, trên đường Bến Củi, suối Ông Hùng, Mỹ đóng chốt hai tiểu đoàn thuộc sư đoàn 4, một tiểu đoàn binh cố thủ ở khu vực thị trấn Dầu Tiếng.

“Đánh sau lưng địch” là phương cách chống trả cuộc hành quân này. Công nhân cao su đã phối hợp với bộ đội, du kích hình thành thế trận áp sát các căn cứ Mỹ. Các chiến sĩ tự vệ mật đã làm liên lạc, trinh sát giúp bộ đội diệt Mỹ-ngụy. Hàng trăm công nhân cao su đi thẳng vào tận chốt Mỹ, đưa hàng ngàn truyền đơn bằng tiếng Anh cho lính Mỹ, vạch trần tội ác của Mỹ-ngụy, đồng thời, công nhân nữ làm binh vận; kêu gọi binh lính quay về với gia đình, vợ con; kêu gọi phản chiến; chống lệnh hành quân của chỉ huy cấp trên.

“Dũng sĩ diệt Mỹ” là danh hiệu mà phong trào đấu tranh của công nhân cao su Dầu Tiếng đạt được. Từ kinh nghiệm đánh Mỹ ở đồn điền Dầu Tiếng, tháng 03 năm 1967, Công đoàn cao su miền Đông phát động phong trào đánh Mỹ giành danh hiệu cao quý này trong toàn Miền.[191;59]

Trên đường số 13, từ 27 đến 29 tháng 10 năm 1967, Bộ chỉ huy Miền mở chiến dịch Lộc Ninh – đường 13. Hàng trăm công nhân Lộc Ninh tham gia vào các đội vận tải lương thực, vũ khí. Công nhân cao su ở Brêlinh thành lập đội vận tải vận chuyển được 500 trái đạn pháo và nhiều lương thực cho chiến dịch. Công nhân xóm Bưng làng 2 mua trữ được hàng tấn lương thực, thuốc men, đường sữa ủng hộ chiến dịch. Công nhân đồn điền Lộc Ninh nổi dậy diệt ác phá kìm, phá rã toàn bộ bộ máy tề ngụy, làm chủ đồn điền suốt 29 ngày. [78;189]

Phong trào đấu tranh vũ trang của công nhân cao su Thủ Dầu Một qua các năm từ năm 1965 đến năm 1967 đã tiến lên một bước dài, chiến tranh du kích ở các đồn điền cao su phát triển ở mức cao. Công nhân cao su không những đã xây dựng được làng xã chiến đấu, mà còn thực hiện “tay dao tay súng”, cùng các lực lượng vũ trang hình thành những vành đai diệt Mỹ quanh các căn cứ, các chốt, tích cực đánh Mỹ-ngụy, hỗ trợ cho phong trào chung. Công nhân có bị gom và sống biệt lập, nhưng quân cách mạng vẫn giữ được vùng giải phóng.

3.3.3.4. Công nhân cao su tham gia cuộc tiến công và nổi dậy năm 1968

Sau hai đợt phản công chiến lược của Mỹ vào mùa khô 1965-1966, 1966-1967 không thu thắng lợi tại miền Đông Nam Bộ, giới cầm quyền Mỹ đã bối rối. Về chủ trương đối với chiến tranh Việt Nam, một bộ phận trong chính giới cầm quyền tại Mỹ thật sự đã bài tỏ mối ý nghi ngờ về mục tiêu và khả năng chiến thắng ở Việt Nam. Tuy nhiên, số đông giới “diều hâu” vẫn rất ngoan cố và tham vọng tiếp tục tham dự cuộc chiến này.

Phía cách mạng Việt Nam, với quyết tâm giải phóng dân tộc là trên hết, đã nắm vững tình hình thực tế, tiên liệu về thời cơ và khả năng của quân cách mạng.

Tổng khởi nghĩa trong chiến tranh là một hiện tượng đặc biệt nhất trong lịch sử. Vì vậy, nhiệm vụ của công tác chuẩn bị, chỉ đạo, chỉ huy các mặt theo yêu cầu, mục tiêu, tổng công kích, tổng khởi nghĩa là thử thách, và khó khăn lớn nhất đối với Quân uỷ, Bộ chỉ huy Miền. Về công tác chính trị tư tưởng, cần thiết phải:

- Xây dựng quyết tâm chiến đấu sắt đá, kiên cường, phát huy khí thế tiến công mãnh liệt, dồn dập, liên tục, triệt để chấp hành quyết tâm chiến lược của Đảng, giành thắng lợi cao nhất.
- Xây dựng một lập trường chiến đấu kiên định, củng cố quan điểm bạo lực, luôn nắm chắc tay súng trong mọi tình huống, giành cho bằng được mục tiêu cách mạng.
- Xây dựng tinh thần kỷ luật chặt chẽ, nghiêm túc, tinh thần triệt để chấp hành mệnh lệnh, ý thức tập trung thống nhất cao độ.
- Xây dựng tinh thần bền bỉ, kiên trì cao độ, tinh thần triệt để cách mạng đánh Mỹ và thắng Mỹ trong mọi tình huống[15;410].

Căn cứ vào thực tế chiến trường, Trung ương Cục, Khu uỷ miền Đông chỉ thị phân định 5 phân khu, tạo thành 5 mũi đánh thẳng vào chính quyền Ngụy Sài Gòn; cử cán bộ Khu uỷ trực tiếp chỉ đạo cuộc tiến công tại địa phương. Công nhân các đồn điền cao su Thủ Dầu Một dồn sức chuẩn bị mở chiến dịch và phục vụ chiến dịch, xung phong đi dân công, tiếp tế, vận chuyển lương thực, súng đạn ra chiến tuyến. Khi có lệnh, hàng ngàn công nhân mưu trí căng kéo hàng ngũ ngụy, khuân vác, chuyển cây chắn chặn các ngã đường, tạo chướng ngại vật, chặn bước chân của quân Mỹ-ngụy.

Tại đồn điền Dầu Tiếng, Huyện uỷ đã quy tập được 1.000 công nhân (600 ở thị trấn, 400 ở các làng) làm chiến sĩ tự vệ thường trực, lực lượng này nổi dậy giành chính quyền khi thời cơ tới. Xây dựng nội tuyến ở những điểm quan trọng phục vụ cho ý định lớn. Xây dựng được 71 tổ công tác binh vận với 213 công nhân nòng cốt. Ngoài lực lượng vũ trang C64 của đồn điền, còn lập thêm được 1 đại đội bộ binh trợ chiến. Sắp xếp lực lượng đảm bảo cho 81 công nhân chuyên làm nhiệm vụ dân công vận chuyển hàng chiến lược dài hạn, và có từ 100 đến 200 công nhân tham gia tải hàng ngắn hạn. Huy động cả xe đưa rước công nhân để chở hàng hậu cần, tiếp sức cho cuộc chiến. Lực lượng vũ trang huyện có hai đại đội, 1 đại đội trợ chiến, 1 trung đội nữ, 1 biệt động thị

trấn thường trực. Mỗi xã, có 1 bán đội hoặc 1 tiểu đội du kích sẵn sàng chờ lệnh.[79; 254]

Tại Lộc Ninh, Bình Long, công nhân thực hiện nhiều nhiệm vụ chuyên trách, như có đội ngũ tham gia đội tải lương thực, tải đạn; đội ngũ cạo mủ cao su choàng cho phần của người ra đi kháng chiến; đội ngũ may cờ giải phóng, vẽ áp phích chuẩn bị nổi dậy... Mọi sự chuẩn bị đều hướng về sự phối hợp để cùng tác chiến với sư đoàn 7 Miền[78;212].

Tại Phước Long, ngày 11-01-1968, tiểu đoàn tập trung D168 thành lập, với quân số gần 600 tay súng mà hầu hết chiến sĩ là thanh niên, công nhân cao su trẻ, khoẻ, người dân tộc từ các dinh điền Bù Na, Bù Nạc, Bà Xa, Đa Kia...Sau khi D168 thành lập, đã phối hợp ngay với các mũi công tác cao su tiến đánh hầu hết các ấp chiến lược, hỗ trợ cho công nhân Thuận Lợi, Đa Kia, Bù Đốp, Bù Nho... nổi dậy diệt ác, làm chủ đồn điền. [14;189].

Rạng sáng ngày 5 tháng 2 năm 1968, huyện ủy Lộc Ninh huy động 15.000 công nhân, nông dân, người dân tộc mang cờ Mặt trận, khẩu hiệu kéo về thị trấn biểu dương lực lượng cách mạng, uy hiếp Mỹ-ngụy; 5.000 người đã tràn vào chợ hô vang khẩu hiệu: "đả đảo Mỹ - ngụy", "chính quyền về tay nhân dân".[85;162]

Rạng sáng mừng 2 Tết (ngày 1 tháng 2 năm 1968), công nhân cao su Dầu Tiếng đã kết hợp với lực lượng vũ trang cách mạng ở bên ngoài tấn công Mỹ-ngụy ở thị trấn Dầu Tiếng, làm chủ tình hình trong 4 giờ. Quân Mỹ đóng ở các chốt quanh khu vực thị trấn cố thủ, hoang mang lo sợ không dám phản ứng gì. Tại khu vực nhà máy, công nhân đã nổi dậy cùng với lực lượng bên ngoài trừng trị những tên ác ôn, tay sai Mỹ Ngụy. Số công nhân ở bên trong thị trấn cũng đã xuống đường, phục vụ tốt cho các lực lượng tiến công Mỹ-ngụy.[34;250]

"Đội quân tóc dài" từ các vùng cao su đã tình nguyện xuống đường tham gia ba mũi tiến công diệt Mỹ-ngụy. Hàng ngàn nữ công nhân tiếp tế, tải thương binh, tải lương thực, đào công sự giúp bộ đội bám trụ diệt Mỹ-ngụy tại chỗ. Công nhân đi dân công phục vụ tiền tuyến. Có đoàn dân công đã vào sát Sài Gòn, khiêng tải thương binh về phía sau. Nhiều đoàn dân công đã lên tận biên giới Campuchia làm nhiệm vụ tiếp tế cho bộ đội. Nhiều chị em băng mình dưới làn mưa bom mang vác hàng trăm quả pháo tiếp sức cho bộ đội diệt Mỹ-ngụy. Công sức của nữ công nhân cao su đóng góp cho cuộc chiến tranh này là rất lớn.

Nhìn chung, trong đợt 1 tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân năm 1968, công nhân cao su Thủ Dầu Một, Bình Long, Phước Long và cả miền Đông Nam Bộ nổi dậy đều khắp, mít tinh biểu dương lực lượng ngay trong các thị trấn, truy lùng ác ôn, phá rã tề nguy, làm chủ hầu hết các làng sở, đồn điền nhiều ngày.

Cuộc tiến công nổi dậy của du kích, công nhân cao su vẫn tiếp diễn nhiều đợt. Những đợt sau, tình hình cách mạng gặp nhiều khó khăn, phức tạp. Mỹ-ngụy tăng cường lực lượng, thay đổi quy luật phòng thủ, bung ra phản kích, càn quét ác liệt, lấn sâu vùng giải phóng, buộc lực lượng ta phải lùi ra xa các khu trung tâm, thị trấn. Trong đợt 2 và đợt 3, do việc các lực lượng chủ lực Miền (các sư đoàn 5, 7, 9) chuyển hướng mở các chiến dịch lớn trên lộ 20, lộ 1, lộ 13, nên bên trong các ấp chiến lược, làng sở, Mỹ-ngụy kịp lúc đưa tề nguy, ác ôn trở về lập lại bộ máy kìm kẹp. Mức độ nổi dậy và tiến công của công nhân cao su dần giảm.

Theo số liệu của Viện nghiên cứu Khoa học quân sự: Trên toàn miền Nam, quân cách mạng đã tấn công đồng loạt trên 6 thành phố, 44 thị xã, hàng trăm quận lỵ; loại khỏi vòng chiến 147.000 tên lính (có 43.000 tên Mỹ), làm tan rã 20 vạn tên; diệt và đánh thiệt hại nặng 31 tiểu đoàn bộ binh, 1 thiết đoàn và 5 chi đoàn thiết giáp, 196 đại đội (có 5 tiểu đoàn, 90 đại đội Mỹ bị diệt và bị thiệt hại nặng); phá huỷ 2.310 máy bay, 1.700 tăng thiết giáp, 350 pháo, 230 tàu xuồng, 1.368.000 tấn vật tư chiến tranh bị mất hoặc bị phá (chiếm 4% dự trữ chiến tranh của Mỹ-ngụy) [20;317].

Từ tháng 1 đến tháng 09 năm 1968, trên vùng cao su, ta đã đánh 468 trận, diệt 3.289 tên, làm bị thương 727 tên, bắn cháy 127 xe quân sự (có 114 xe tăng) phá hư các lộ 1, 20, 15, 2, 26. Phát động được 611 cuộc nổi dậy với 48.781 lượt công nhân xuống đường phá ấp chiến lược, bao vây đồn bót, tấn công binh vận. Trong năm đã phát triển tổ chức công đoàn trong các sở cao su bám trụ sản xuất được 361 ha rẫy vườn, trồng 637.195 gốc mì, chuối, 1.372 ha rau, đậu; nuôi 365 con trâu, bò, heo. Huy động được 7.630 lượt công nhân đi dân công 3 đợt, vận động được 426 thanh niên tòng quân. Công đoàn ở Dầu Tiếng, Xa Cam, Xa Cát...đã vận động toàn thể công nhân sản xuất lương thực chống đói, chống giải công, bám trụ làng sở[82;326].

Tổng kết chiến trận tuy thắng lợi, nhưng diễn biến của cuộc chiến có những hạn chế:

Phía cách mạng chưa đánh giá đúng xác thực tế lực lượng quân đội Mỹ-ngụy. Do vậy, lúc đầu tổng công kích, đánh trúng vào các mục tiêu theo ý định, gây bất ngờ và

thiệt hại cho Mỹ-ngụy. Mỹ-ngụy chỉ choáng váng và mất mát lúc đầu, nhờ có quân đông, chúng có đủ sức xốc lại, bổ sung lực lượng, thay đổi biện pháp chiến lược, thực hiện phản kích có hiệu quả, làm cho các mục tiêu của ta đã làm chủ không giữ được lâu, và có mục tiêu không làm chủ được, gây thương vong cao, gây ra nhiều tổn thất và để lại nhiều khó khăn phức tạp trong mấy năm sau.

Đợt tổng tiến công nổi dậy Mậu Thân năm 1968 giáng một cú đòn chính trị ở thế thua vào nội tình nước Mỹ. Nội bộ giới cầm quyền Mỹ đang phân hoá, chia rẽ, khuynh hướng đòi giảm dính líu vào chiến tranh Việt Nam ngày càng tăng, các phe đảng lại đang tranh giành ảnh hưởng trước ngày bầu cử tổng thống Mỹ. Ngày 31 tháng 03 năm 1968, Giơn-xơn City (Junction City) buộc phải ra tuyên bố ba điểm: đơn phương ngừng đánh phá miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra (phản bội tuyên bố này, từ tháng 7 năm 1968, Mỹ lại tăng cường ném bom Miền Bắc); nhận đàm phán với chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ở Pa-ri; không ra tranh cử tổng thống nhiệm kỳ II. Oét-mo-len (Oétmolen) bị miễn chức tư lệnh MACV, tướng Áp-ra-am (Creighton Abram) được cử sang thay. Chiến lược tìm diệt và bình định buộc phải lui vào thế “quét và giữ, phòng ngự có chiều sâu”, đánh dấu sự phá sản của chiến lược “chiến tranh cục bộ”.

Đối với cách mạng, bài học chủ yếu trong giai đoạn này là bài học về động viên chính trị, xây dựng quyết tâm, đi sâu vào mọi thành phần Kinh, Thượng, công nhân, nông dân... phát huy sức mạnh đoàn kết, đánh giá chính xác tương quan lực lượng giữa Mỹ-ngụy – lực lượng kháng chiến, từ đó xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân để thắng lực lượng và phương thức chiến tranh hiện đại.

3.4. CÔNG NHÂN CAO SU BÁM TRỤ ĐỊA BÀN VỪA SẢN XUẤT VỪA THAM GIA ĐÁNH MỸ PHẢN KÍCH, KHÔI PHỤC PHONG TRÀO, THAM GIA CHIẾN DỊCH NGUYỄN HUỆ (1969-1972)

3.4.1. Mỹ-ngụy chuyển hướng chiến lược, tăng cường bình định vùng cao su

Sau sự kiện tổng tấn công, nổi dậy của quân và dân miền Nam trong năm 1968 và sự phá sản của chiến lược “Chiến tranh cục bộ” thì ý chí xâm lược của Mỹ thật sự bị sa sút, nội bộ nước Mỹ bị phân hoá mạnh. Chính quyền Hoa Kỳ rối rắm khi phải lựa chọn hai con đường: hoặc là tiếp tục dấn sâu vào cuộc chiến mà không tìm ra được “giải pháp” tối ưu về quân sự và chính trị, hoặc là tìm đường rút lui trong danh dự. Mỹ đã chọn con đường thứ hai, chấp nhận ngồi vào bàn hội đàm ở Pa-ri, từng bước thực hiện việc rút quân.

Trong việc thực hiện “Việt Nam hoá chiến tranh”, Mỹ-ngụy vẫn dùng phương cách “bình định” để giữ thế chủ động cho mình. Ngày 27 tháng 6 năm 1969, Nguyễn Văn Thiệu đã phát biểu trong lễ mãn khoá Bình định nông thôn ở Trung tâm huấn luyện Vũng Tàu rằng: “Cải cách điền địa – tức bình định, là lực lượng thứ 4 để đánh bại cộng sản” và “nếu giải quyết được cuộc chiến tranh ở xã ấp, tức là giải quyết được 75% cuộc chiến tranh”. [31;486]

Do đó, Mỹ đã dốc sức tập trung 40% quân Mỹ, chừa lại, 37% quân chủ lực ngụy, sử dụng 103 tiểu đoàn Mỹ – Ngụy, chừa lại để bảo vệ Sài Gòn. Lấy Sài Gòn làm trung tâm, Mỹ tổ chức lực lượng phòng thủ thành 3 tuyến (tuyến ven đô, tuyến giữa và tuyến biên giới (Bình Long, Phước Long, Tây Ninh)). Tuyến giữa và tuyến biên giới thuộc khu vực đồn điền cao su miền Đông Nam Bộ. [31;486]

Cuối năm 1968, đầu năm 1969, Mỹ-ngụy bắt đầu công cuộc “bình định cấp tốc”. Sau đó chuyển thành “bình định đặc biệt”, mở các cuộc hành quân quy mô lớn để đẩy lui chủ lực quân giải phóng đang uy hiếp Sài Gòn từ vùng ven ra vùng biên giới (Bình Long, Phước Long). Mỹ tăng cường đánh phá các đồn điền trên các trục lộ giao thông, đường số 1, 13, 14, 15, 20, liên tỉnh lộ 2... Tháng 2 năm 1969, Mỹ ngụy mở cuộc hành quân “Đại Bàng” đánh vào khu vực Bình Long, Phước Long, Tây Ninh. Cuộc hành quân “cái nôm Atlas” tháng 3 năm 1969 đánh vào Dầu Tiếng. Cuộc hành quân “toàn thắng” đánh vào các đồn điền lớn nhỏ ở ven đường 20 và ven tỉnh lộ 2. [79;256]

Hành động chủ yếu các cuộc hành quân này là gom dân, bắt dân quyết liệt để tập trung vào một số khu vực nhất định. Mức độ sử dụng pháo để bình định càn quét, cài ửi vùng nông thôn, vùng cao su rất lớn, nhất là ở các khu vực Dầu Tiếng, Lộc Ninh, Hớn Quản, Bình Long. [31;487]

Trong cuộc hành quân 03 ngày đêm của “Cái nôm At-las”, từ ngày 14 đến ngày 17 tháng 3 năm 1969, ở khu vực Dầu Tiếng, Mỹ dùng 5.000 quân, 1.000 xe tăng bọc thép, súng đạn đầy đủ có cả máy bay yểm trợ đã càn quét gom sạch 18 làng công nhân cao su. Đến tháng 4 năm 1969, Mỹ-ngụy gom thêm 04 làng nữa, với 6.280 công nhân cao su vào sống tập trung ở xã Định Thành để đưa vào trong các ấp chiến lược 1, 2, 3, 4, 5. Ở Lộc Ninh, Hớn Quản, công nhân bị gom vào trong 02 khu tập trung. Công nhân cao su Phước Hoà bị gom vào làng 1 và khu vực nhà máy. Mục đích của Mỹ-ngụy là tạo ra vùng “trắng dân”, để tiêu diệt lực lượng quân giải phóng [79;256]

Tại Dầu Tiếng, sau cuộc hành quân “Cái nôm Atlas”, 1.000 nhà, lán của công nhân và dân địa phương bị cào bằng, hơn 100 ha cao su bị phá huỷ, công nhân cao su bị sát hại và bị thương 50 người.[15;378]

Tại Bình Long, 15 công nhân bị bắn chết, 27 công nhân bị thương, 1.125 người bị bắt đi bỏ tù, 570 căn nhà bị đốt phá, 900 công nhân bị bắt buộc đưa vào nhân dân tự vệ (phòng vệ dân sự)[15;378]. Bên trong khu tập trung, áp chiến lược, Mỹ-ngụy cô lập loại công nhân đặc biệt. Gia đình công nhân có thân nhân đi kháng chiến hoặc gia đình là cơ sở cách mạng thì bị tập trung vào một “khu vực đặc biệt”, trước cửa nhà có treo bảng đen, có hình một ngôi sao đỏ, hàng ngày phải đến trụ sở ngụy trình diện. Và nếu có biến động gì thì khu vực này là đối tượng đánh phá đầu tiên của Mỹ-ngụy.

Đối với “khu vực đặc biệt”, Mỹ-ngụy có những đường lối chính trị, kinh tế và quân sự riêng biệt.

Về chính trị, Mỹ-ngụy thường xuyên lên án người cách mạng, thực hiện việc mị dân bằng việc tổ chức ra “nghiệp đoàn vàng”, tổ chức “hợp tác xã Tin Sáng”, thực hiện mưu đồ lừa mị dân chúng.

Về kinh tế, để chặn nguồn tiếp tế cho cách mạng, Mỹ-ngụy cấm công nhân dự trữ gạo ở nhà, không cho công nhân ra thị trấn mua gạo, thúc ép chủ đồn điền giảm chế độ gạo công nhân từ 700 gram/ngày xuống còn 500 gram/ngày, và không cho công nhân mang cơm trưa khi ra lô cạo mủ[186;2].

Sự kìm kẹp, đánh phá thường xuyên của Mỹ-ngụy đã gây cho công nhân nhiều thiệt hại. Công nhân và người dân địa phương sống trong tình trạng cực kỳ nguy hiểm. Phong trào đấu tranh cách mạng yếu đi. Các tổ chức Đảng, các đoàn thể quần chúng, lực lượng vũ trang trong vùng cao su bị tổn thất rất lớn. Các chi bộ Đảng cũng “lột xác”: đảng viên bị bắt, bị giết, phải xây dựng lại nhiều lần. Tỉnh Ủy, Đảng ủy phải thường xuyên dời chuyển. Cán bộ, chiến sĩ cao su hoạt động ở bên ngoài bị hy sinh rất nhiều.

Từ 1969 đến giữa 1971, phong trào cách mạng của công nhân cao su gặp khó khăn, tổn thất. Toàn miền Đông, Mỹ-ngụy đã dồn 29.000 công nhân vào sống tập trung, tạo ra 200 làng trắng dân, 10.000 công nhân thất nghiệp, 2.000 công nhân cao su bị thương tật, 300 cán bộ chủ chốt ở các đồn điền bị bắt và hy sinh. Nhiều cơ sở cách mạng bị phá vỡ, xáo trộn. Đời sống cán bộ du kích gặp muôn ngàn khó khăn. Có nơi công nhân phải ăn cháo, ăn củ, năm sáu tháng liền...[34;258]

Về hoạt động quân sự, chương trình bình định được tổ chức chỉ đạo và triển khai thực hiện sâu rộng. Ở các cơ sở xã, ấp, có sự kết hợp hoạt động giữa 03 hình thức tổ chức lợi hại là “khâu trung tâm điều hợp” - mạng lưới tề điệp, “cuộc cảnh sát” và “khối hành chính”. Trên toàn chi khu Trị Tâm, có 02 tiểu đoàn chủ lực, 8 đại đội bảo an, 43 trung đội dân vệ, 47 tua, đồn, bót. Hàng ngàn lực lượng dân vệ – “Nghĩa quân”, lực lượng bán vũ trang – phòng vệ dân sự ngày đêm ruồng bố ở khắp các ấp sở. 10 đồn trung đội nghĩa quân kìm chặt trong và ven thị trấn: đồn chi khu, dinh quận (b49), đồn hành chính xã Định Thành (b142) tua Cầu Tàu (b124), đồn Suối Dứa (b108), tua Cầu Đúc làng 2 (b47, đồn sát chi khu (b53), tua chợ chiều, tua bầu Sinh (b98), tua Cầu Cát[16;259]

Để chủ động kiểm soát tình hình quân sự, chính quyền ngụy phân chia và đặt tên 04 loại vùng:

Loại 1 – vùng “an ninh”, do cơ quan hành chính nắm quyền chỉ huy và điều hành, hoạt động quân sự là phụ, lực lượng dân vệ làm nòng cốt có cảnh sát và bảo an hỗ trợ, phát triển mạnh nhân dân tự vệ (phòng vệ dân sự).

Loại 2 – vùng “quốc gia”, lực lượng sử dụng cho loại này giống như loại 1. Chỉ khác trong công tác “vận động quần chúng”, chính quyền ngụy chú ý dùng cảnh sát dã chiến. Việc vận động quần chúng có lực lượng chiến tranh tâm lý và lực lượng quân sự chịu trách nhiệm. “Dân ý vụ”, “tâm lý chiến” cực kỳ nguy hiểm và độc ác. Lực lượng bán vũ trang phòng vệ dân sự là một bộ phận chính kìm kẹp tại chỗ. Ở xã, xã trưởng là tên chỉ huy, tên cầm đầu độc ác nhất.

Loại 3 - “vùng tranh chấp” dùng quân sự là chính, công tác hành chính là phụ, lực lượng bảo an làm nòng cốt, dân vệ trợ giúp, quân chủ lực hỗ trợ

Loại 4 – vùng “bất an” hay “vùng tảo thanh” (vùng này là vùng căn cứ cách mạng), Mỹ-ngụy dùng quân sự tàn phá, tiêu diệt lực lượng cách mạng dữ dội, sẵn sàng chiếm đất và do quân chủ lực đảm nhận.

“Việt Nam hoá chiến tranh” là một mưu đồ chiến lược hết sức thâm độc của đế quốc Mỹ, nhằm kéo dài chiến tranh xâm lược để rồi dần dần từng bước rút hết quân Mỹ ra khỏi Việt Nam mà ngụy quân, ngụy quyền vẫn mạnh.

Với những âm mưu và việc làm trên, Mỹ vội vã tuyên bố đã tiêu diệt hết cộng sản trong công nhân và trong đồn điền cao su, và bắt đầu rút bớt quân ở các chốt thuộc các vùng cao su. Ngày 15 tháng 11 năm 1970, Mỹ rút quân khỏi Dầu Tiếng. Tháng 3 năm

1971, quân Mỹ rút khỏi vùng cao su Lai Khê, Phước Vĩnh, Mang Cải, suối Râm, nước Trong, Bình Long, Phước Hoà. Mặc dù quân Mỹ rút đi, nhưng một tình thế mới đã xuất hiện: xe tăng, máy bay, pháo hạng nặng, B52, Chiến đoàn 52, sư đoàn 25 Ngụy vẫn còn trấn giữ không di dời[16;261]

Quân Mỹ rút đi, quân ngụy thay thế, nhưng chúng không thể nào giữ nổi dân, tinh thần ngụy sa sút, dao động. Các hình thức kìm kẹp của ngụy của chủ cao su không còn cứng rắn như trước. Công nhân ở các đồn điền cao su nhân cơ hội này, đấu tranh đòi bung ra khỏi khu tập trung. Phong trào đấu tranh của công nhân cao su bắt đầu khôi phục. Các cơ sở cách mạng bên trong đồn điền cao su được nối lại. Các chi bộ đảng từng bước được củng cố, lãnh đạo công nhân diệt ác phá kìm.

3.4.2. Tình hình sản xuất cao su và tình cảnh công nhân cao su

Sau chiến dịch Mậu Thân, tình hình sản xuất cao su ở Thủ Dầu Một sa sút, phần vì bom đạn, chất độc hoá học để phá rừng, phần do kế hoạch bình định gom dân, chia cắt vùng giải phóng. Đặc biệt, trong chiến dịch tấn công mùa khô những năm 1971, 1972 của quân dân miền Đông Nam Bộ, trong đó có Thủ Dầu Một đã làm cho các đồn điền cao su phần thì cháy rụi, phần nhiều thì bỏ hoang, không chăm sóc và khai thác nữa.

**Bảng thống kê tình hình cây cao su ở miền Đông Nam Bộ
từ năm 1969 đến năm 1972[104;25]:**

Đơn vị tính: ha/tấn

<i>Năm</i>	<i>Đất trồng</i>	<i>Khai thác</i>	<i>Sản lượng</i>
1969	104.950	36.970	27.910
1970	105.200	46.500	33.000
1971	103.200	33.630	36.299
1972	83.300	25.231	23.100

Một thực trạng nói lên điều này là tính đến năm 1971, toàn miền Nam có 9.090 ha cao su chưa đến tuổi cạo mủ thì ở Bình Long (Thủ Dầu Một) chiếm 1.320 ha. Chỉ có hai nơi được xem là có diện tích mở miệng cạo lớn nhất bấy giờ là Phước Long, 2.680 ha và Bình Dương, 1.680 ha [104;25].

Về kinh tế tài chính, việc khai thác kinh doanh cao su từ năm 1968 trở đi càng lúc càng khó khăn đối với giới chủ tư bản đồn điền. Để duy trì được ngành sản xuất nguyên liệu quan trọng này, chính quyền ngụy phải thực hiện một số giải pháp về chính sách hối suất, trợ giá. Ngày 01 tháng 01 năm 1970, ngụy quyền đã trợ cấp xuất khẩu mỗi kg mủ là 20 đồng (tiền VNĐ). Đến tháng 10 năm 1970, ngụy quyền quy định

hối suất xuất khẩu cao su là 275 đồng 1 đô la Mỹ. Các biện pháp này có kích thích được chủ tư bản đồn điền mở rộng diện tích trồng, khai thác cao su hơn vào năm 1971. Nhưng hối suất xuất khẩu cao su ở miền Nam vẫn thấp so với hối suất xuất khẩu trà, cà phê được tính từ 350 đồng đến 400 đồng 01 đô la Mỹ[82;332]

Trước thực trạng trên, chính quyền Sài Gòn đã vạch ra chương trình phát triển nhằm phục hồi vị thế cây cao su trong nền kinh tế nông nghiệp bằng 02 mục tiêu: “Tái khai thác 30.000 ha còn bỏ hoang trong toàn khu vực, đồng thời giúp các đồn điền cải tiến kỹ thuật để nâng tổng sản lượng cao su lên 70.000 tấn/năm” và “tiến hành trồng mới thêm 50.000 ha, với giống mới cho năng suất cao để nâng sản lượng lên 100.000 tấn...”[82;333].

Tuy nhiên, mọi cố gắng này đều thất bại, vì bom đạn còn nổ thì cây cao su cũng không thể trồng mới và khai thác ổn định được.

Do bị dồn vào trong các ấp chiến lược nên đội ngũ công nhân bị xáo trộn, đời sống gặp nhiều khó khăn, nhiều gia đình công nhân sống phải trong cảnh “màn trời, chiếu đất”, không nhà cửa, không gạo ăn: Trong một trụ sở của nghiệp đoàn Dầu Tiếng đã có đến 30 gia đình công nhân cùng chung sống. Các phúc lợi mà công nhân đấu tranh giành được trước đây như điện, nước, nhà thương... đã bị Mỹ-ngụy đốt phá sạch.

Trong các năm 1969, 1970, 1971 hàng trăm công nhân cao su bị bom đạn Mỹ – Ngụy giết hại. Hơn 2/3 công nhân và gia đình của họ từng làm việc, sinh sống ở đồn điền, buộc phải trở về đời sống của người nông dân thời vụ, tự nuôi trồng kiếm sống qua ngày.

Cuộc sống của công nhân thường xuyên bị đe dọa chết chóc vì bom đạn, bị kiểm chế cưỡng bức bởi tề, điệp, thám báo, lính lưu manh làm tiền... Công nhân ăn uống thiếu đói. Đồn điền Dầu Tiếng, Quản Lợi, Thuận Lợi, Phước Hoà, công nhân đi cạo mủ cao su không được mang cơm, gạo theo để ăn trưa. Mỗi ngày đi làm đều bị kiểm soát thẻ căn cước, mật thám rình rập công việc ở lô hàng giờ... Những nhóm “Phượng hoàng”, “Thiên nga” (do CIA Mỹ chỉ huy) vào sống hãm cùng công nhân để mua chuộc, lừa bịp, gây chia rẽ, phân hoá công nhân.

Thực hiện chính sách “bao vây sự sống” để đánh phá cách mạng, từ 1970 trở đi chính quyền Ngụy buộc các chủ đồn điền phải cắt giảm lương, gạo của công nhân. Các đồn điền còn khai thác đều chuyển phần gạo sang trả bằng tiền. Trả bằng tiền giới chủ lợi hơn, bởi đồng tiền Việt Nam mất giá. Giá gạo biến động, luôn luôn tăng. Tuy sống

trong tình cảnh cơ cực, thiếu thốn, công nhân cao su vẫn luôn hướng về cách mạng, tìm cách liên lạc giúp đỡ, cán bộ cách mạng, chiến sĩ bên ngoài, cung cấp tin tức về tình hình Mỹ-ngụy để quân cách mạng có giải pháp đối phó.

3.4.3. Phong trào công nhân cao su chống phá bình định, khôi phục lực lượng, phát triển chiến tranh du kích.

3.4.3.1. Đường lối công vận và sự chỉ đạo của đảng đối với phong trào công nhân cao su

Tuy quân Mỹ đã tỏ ra tự tin với thế làm chủ trên chiến trường miền Nam từ 1969 đến năm 1971, nhưng điều đó không nói lên những gì gọi là chắc chắn và lâu dài được, vì quân cách mạng trong thời kỳ chưa kịp phục hồi sau Mậu Thân năm 1968, và không chủ trương đánh lớn. Nói chung, tinh thần và quyết tâm của quân cách mạng vẫn cao, vẫn có thể chấp nhận hy sinh nhiều hơn nữa để theo đuổi chiến tranh đến ngày thắng lợi hoàn toàn. Những cơ sở bí mật nằm vùng của quân cách mạng ở thành thị, nông thôn, đồn điền đã theo đuổi ý tưởng mới để chống lại Mỹ, cố gắng khôi phục lại lực lượng, đưa phong trào đấu tranh cách mạng vững bước tiến lên.

Tháng 06 năm 1969, Ban công vận Miền đã chỉ đạo họp Đại hội đại biểu công đoàn cao su Nam Bộ để vạch ra đường hướng mới, như là gấp rút củng cố phong trào và cơ sở công đoàn trong các đồn điền cao su; phát triển phong trào đấu tranh 3 mũi, vận động công nhân tham gia ủng hộ kháng chiến; xây dựng địa bàn đứng chân, cơ sở liên lạc, hậu cần tại chỗ. Nhiệm vụ cụ thể từng khu vực được Ban công vận chỉ đạo xuống các huyện ủy, đảng ủy đồn điền thực hiện sau đó là:

- Phải làm cho công nhân thấy rõ những thắng lợi chung và riêng của phong trào đồn điền. Thấy được Mỹ-ngụy thất bại nên phải xuống thang. Động viên quyết tâm của công nhân cao hơn “đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”, không mơ hồ, ảo tưởng hoà bình, không ỷ lại, trông chờ, kiên quyết tiến công 3 mũi đạt yêu cầu là phá rã kìm kẹp, làm chủ làng sở, kể cả nơi còn đồn bót.

- Đối với chủ tư bản đồn điền, lấy khẩu hiệu “đòi phát 700 gr gạo/ngày, chống phi pháo vào làng, đòi giải quyết công ăn việc làm thường xuyên, chống vào tổ chức phòng vệ dân sự, tề điệp” làm trọng tâm, kết hợp khẩu hiệu đòi dân sinh dân chủ với khẩu hiệu đòi Mỹ rút quân...

- Vận động công nhân bung ra sản xuất, chống đói, quyết tâm dùng mọi cách để giữ dân, bồi dưỡng sức dân còn lại ở vùng giải phóng mà duy trì phong trào đi dân công phục vụ tiền tuyến.

- Nhanh chóng đào tạo đội ngũ cán bộ công đoàn trong đồn điền, các ấp để đáp ứng yêu cầu trước mắt.[31;501]

Mỹ hỗ trợ cho Lon-non cướp chính quyền của No-ro-dom Si-ha-nouk ở Campuchia (18-03-1970), chính thức mở rộng việc xâm chiếm Campuchia và Lào. Lực lượng quân chủ lực nguy tại miền Nam Việt Nam cũng đã bị đưa đi ra hai chiến trường này.

Trước tình huống đó, Ban công vận Miền đã chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ các vùng cao su:

- Phát triển cơ sở vùng đồn điền, đẩy mạnh tiến công 3 mũi diệt ác phá kìm, phá rã tề nguy, nâng cao quyền làm chủ đồn điền, làng sở, có thời cơ phát động công nhân nổi dậy giải phóng đồn điền.

- Đẩy mạnh tăng gia sản xuất lương thực, củng cố xây dựng các cửa khẩu hậu cần, huy động sức người sức của cho kháng chiến.

- Phát triển lực lượng vũ trang đồn điền (du kích, tập trung, tự vệ mật...) phối hợp cùng bộ đội địa phương, bộ đội chủ lực và quần chúng công nhân tại chỗ tham gia các đợt chiến dịch lớn, đánh Mỹ-ngụy bình định, tích cực chuẩn bị sức người, sức của tham gia kế hoạch chớp “thời cơ” giải phóng đồn điền khi có giải pháp chính trị. [31;502]

Với quyết chí đánh bại chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” của Mỹ, quân cách mạng đã nhanh chóng phục hồi, đã đủ sức lập phương án cho cuộc tổng tiến công chiến lược mới năm 1972. Nhằm chuẩn bị hành lang liên hoàn cho đợt tiến công, đồng thời tạo điều kiện giành lại thế chủ động cho từng khu, cho cả Nam Bộ, Trung ương cục đã tổ chức lại chiến trường, thành lập các phân khu. Địa bàn cao su miền Đông gồm có phân khu Thủ Biên, phân khu Bà Rịa, Phân khu Bình Phước và Tây Ninh. Từ sự thay đổi này, các Đảng uỷ cao su được phân công nhiệm vụ trực thuộc các phân khu uỷ.

Để tham gia thực hiện đợt tiến công chiến lược cuối năm 1972, Công đoàn miền Đông đã chỉ đạo nhiệm vụ ở vùng đồn điền là:

“Phóng tay phát động công nhân đoàn kết nổi dậy với khí thế đồng khởi bằng 3 mũi đấu tranh chính trị, vũ trang, binh vận, diệt ác phá kìm, kết hợp trong ngoài bao vây đồn bót, giải phóng làng sở, bám trụ vùng giải phóng, bung ra sản xuất chống đói, tham gia phong trào du kích chiến tranh, bảo vệ tính mạng, tài sản của công nhân, chống Mỹ-ngụy lấn chiếm tạt dân. Đồng thời nhanh chóng xây dựng thực lực, đào tạo hàng hoạt cán bộ để phục vụ cho phong trào. Với số trung tâm đồn điền quân lính vẫn còn ngoan cố trụ lại thì đẩy mạnh diệt ác phá kìm, làm cho các bộ máy kìm kẹp của

Mỹ-ngụy bị rã nặng, phát động phong trào đấu tranh chống Mỹ-ngụy vợ vệt người của. Bung dân sản xuất lương thực trên diện rộng, sâu và nhiều. Trên cơ sở đó nhanh chóng xây dựng thực lực, dùng 3 mũi giáp công vây ép Mỹ-ngụy, giành quyền làm chủ trên thế tranh chấp mạnh”. [31;504]

Thực hiện nhiệm vụ nối liên lạc mật với cơ sở trong và ngoài đồn điền thật sự là công việc đầy thách thức, gian khổ, hy sinh. Trong quá trình bám lô, bám làng, bám công nhân, hàng loạt cán bộ công vận, chiến sĩ cao su đã hy sinh thầm lặng.

Ban công vận Miền, Công đoàn Miền, cùng các Tỉnh uỷ và Đảng uỷ đồn điền đã thực hiện công tác chuyển hướng chỉ đạo kịp thời, đánh phá bình định, hoàn thành tốt nhiệm vụ khôi phục thực lực vùng đồn điền cao su, đưa phong trào đấu tranh của công nhân cao su cách mạng vượt qua được khó khăn, huy động được sức người, sức của vùng đồn điền cao su trong chiến dịch Nguyễn Huệ. Đánh giá cao tầm quan trọng của sự chỉ đạo trong đợt tiến công chiến lược cuối năm 1972 là đã tạo dựng được một hậu phương vững mạnh trong khu vực đồn điền, củng cố và mở rộng vùng giải phóng. Ý nghĩa nổi bật là phong trào đấu tranh của công nhân đã có tác dụng hỗ trợ cho những thắng lợi chung trên toàn Miền.

3.4.3.2. Phong trào công nhân đấu tranh chính trị, binh vận

Những năm 1969-1971, phong trào đấu tranh chính trị, đấu tranh binh vận của công nhân cao su Thủ Dầu Một trực diện với quân Mỹ-ngụy bằng nhiều hình thức, nổi bật là:

Chống càn tại chỗ, tại các vùng xung quanh đồn điền Lộc Ninh, từ tháng 3 đến tháng 5 năm 1969, công nhân làng 7, làng 8 (Xa Cát), Sóc Trăng (Xa Trạch), Sóc Siêm, Sa Cô 28... (Quản Lợi) đã “cụm dân chống càn”, nằm lẩn ra cản đường, không cho lính dùng xe ủi phá nhà, làng sở. [16;148]

Chống khủng bố, chống phi pháo gom dân diễn ra quyết liệt, một trái đạn, trái pháo bắn xả vào làng, công nhân cao su Dầu Tiếng lập tức lấy lý do nhà cửa hư hại không đi làm, hoặc đưa người bị thương, bị chết đến đồn bót đòi bồi thường, phản đối thẩm sát...

Công nhân cao su từ các đồn điền Dầu Tiếng, Lai Khê, Lộc Ninh, Phước Hoà ... bao đời gắn bó với cách mạng, tuy bị tập trung vẫn một lòng hướng về kháng chiến. Thái độ lao động của công nhân làm việc bây giờ có khác trước, đi cạo mũ ở lô, chính là dịp để công nhân có điều kiện tiếp xúc, liên lạc với lực lượng cách mạng bên ngoài.

Để thực hiện bảm lô, bảm công nhân, bảm làng sở, các đảng uỷ cao su đã cử những cán bộ trong cấp uỷ có uy tín ra bảm công nhân đi cạo ngoài lô. Bởi có một thực tế là trong tình hình quá căng thẳng đã có nhiều cán bộ, chiến sĩ không vững vàng đã ra chiêu hồi, chiêu hàng, có người còn làm chỉ điểm cho Mỹ-ngụy đánh phá lại cách mạng, phong trào, phá vỡ nhiều cơ sở trong công nhân đã từng nuôi dưỡng đùm bọc họ.

Ban chấp hành công đoàn Miền đã phát động phong trào công nhân ủng hộ, tiếp tế cho kháng chiến, và chính là lòng yêu nước, tin tưởng cách mạng, ý chí căm thù giặc đã thôi thúc công nhân hành động. Hàng ngày đi cạo, công nhân chỉ ăn một nửa số cơm, một nửa dành cho cách mạng. Có đồn điền 3 công nhân chỉ ăn 2 phần cơm, 1 để dành phần nuôi cán bộ nằm vùng. Nếu không gặp cán bộ, chiến sĩ thì để lại một địa điểm hẹn sẵn. Dần dần trong lon cơm trưa mang theo ăn ở lô chỉ là lớp cơm mỏng bên trên, còn bên dưới là gạo, muối, pin, thuốc chữa bệnh... Khi bị phát hiện, lính cấm không cho công nhân mang cơm ra lô, lập các trạm soát xét công nhân lượt đi, lượt về gắt gạo.

Công nhân lập tức chuyển hướng sang đấu tranh chống kìm kẹp, đòi nơi rộng kiểm soát, đòi được mang cơm, gạo ăn trưa ngoài lô. “Cơm lô” không chỉ là nguồn tiếp tế cho cán bộ, chiến sĩ đồn điền, mà còn góp phần ủng hộ cách mạng địa phương. Cuộc đấu tranh đầy khó khăn, nhưng nó thể hiện sự linh hoạt, sáng tạo, nhiệt tình cách mạng của đội ngũ công nhân cao su.

Tại làng 2 đồn điền Dầu Tiếng, hơn 100 công nhân đã kéo về thị trấn đấu tranh trực tiếp đòi được mang cơm ra lô cạo. Công nhân đồn điền Dầu Tiếng và các nơi khác đốt sạch thẻ căn cước mà Mỹ soát xét mỗi ngày đi làm việc ở lô cao su[79,297].

Dựa vào việc sản xuất cao su gặp khó khăn, thất thu, chủ đồn điền làm lơ việc đóng thuế cho cách mạng, không chịu khôi phục phần gạo ăn cho công nhân, không bù giá đất đỏ. Công nhân cách mạng chủ trương đấu tranh duy trì sản xuất, đòi khôi phục phần gạo, đòi được mang cơm ra lô, đòi tăng lương... Nông dân thì đòi đi sớm về muộn, đòi về đất cũ dựng chòi sản xuất, được mang lúa về nhà, được đi chợ, không canh gác.

Cuộc đấu tranh ăn cơm lô vẫn giằng co. Ngày 30 tháng 10 năm 1971, hàng trăm công nhân cao su các nơi đình công một ngày đòi huỷ bỏ lệnh bắt buộc khai báo, kết hợp đấu tranh chống cái gọi là “cuộc bầu cử” mà Nguyễn Văn Thiệu đang vận động để được làm “Tổng thống dân chủ” giả hiệu. 85% bức hình Thiệu dán ở chợ bị móc mất, bị xé toạc quăng xuống đường[78;197].

Về công tác binh vận, cuối năm 1971, thông qua gia đình, người thân, công nhân cách mạng tổ chức “Đại hội gia đình binh sĩ” tại đồn điền Dầu Tiếng, mời 28 đại diện đến dự nghe tuyên truyền, giải thích chính sách cách mạng cho gia đình binh lính nguy. Kết quả, có 50 gia đình phòng vệ dân sự và 30 gia đình binh sĩ trở thành gia đình tốt, một số là cơ sở nòng cốt cách mạng[34;259].

Ở Xa Cát, Xa Trạch, gia đình binh sĩ nguy tích cực vận động người thân không làm phòng vệ dân sự, làm cho lực lượng phòng vệ dân sự bị rã nhưng Mỹ-ngụy không thể nào lập lại được. Theo tài liệu còn giữ lại, chỉ tính riêng 6 tháng đầu năm 1969, công nhân cách mạng đã đấu tranh tuyên truyền được 43 cuộc với 14.314 binh sĩ, giáo dục gia đình binh sĩ 624 người, đào rã ngũ 213 binh sĩ, bắt tù hàng binh: 13 binh sĩ [55;371].

Ở Quán Lợi, Phong trào đấu tranh đòi dân sinh dân chủ rất mạnh. Tháng 7 năm 1970, công nhân cử đại diện về Sài Gòn đấu tranh đòi chủ đồn điền tăng lương, đòi phát đủ khẩu phần gạo, đòi phải có xe cứu thương cấp cứu công nhân khi ốm đau, tai nạn hay bị trúng đạn pháo của Mỹ-ngụy, đặc biệt là đấu tranh chống Mỹ-ngụy khủng bố gia đình có con em tham gia kháng chiến. Hưởng ứng cuộc đấu tranh này, công nhân cao su Bò Com, Xa Trạch đình công. Công nhân làng 7, làng 8, đồng bào dân tộc ở các khu Đông Phát, Chà Là đòi về đất cũ làm ăn sinh sống. [55;372].

Cuộc đấu tranh mang lại kết quả, chủ buộc phải phát đủ gạo, tăng lương 55% cho công nhân cùng các khoản phụ cấp khác; đồng bào ở các khu gom được bung giãn ra làm ăn sản xuất[85;109].

Tại đồn điền Thuận Lợi, năm 1969, ban binh vận hoạt động rất mạnh vì nơi đây là “căn cứ chính trị” của cách mạng. Với hình thức hoạt động công khai, Ban binh vận mở được cửa khẩu hậu cần, tạo nguồn tiếp tế cho cách mạng. Với sáng kiến và mưu trí: lấy danh nghĩa là “phục vụ tiếp phẩm cho công nhân”, ban binh vận dùng được xe ô tô của chủ đồn điền chở hàng tiếp tế cho cách mạng. Ghi nhận thành quả này là trong năm 1970: gạo, văn phòng phẩm, thuốc chữa bệnh... đựng trong hàng trăm can xăng dầu được chở từ Đồng Xoài về Thuận Lợi, chuyển ra các lô cao su ở làng 9 giao cho cách mạng. Năm 1973, đơn vị “chị Cả” (thành viên có Vũ Khiêm (bí danh “chị Cả”) cùng với Tư Thắng (chị Tám), Ba Lý (chị Hai)... do Vũ Khiêm phụ trách), lập được một phương án sử dụng máy bay Mỹ chở gạo từ Sài Gòn về chi khu Đôn Luân, rồi từ đây vận chuyển hàng cho cách mạng hàng chục tấn gạo, muối, thuốc men[85;110].

Theo sát hoạt động hợp pháp của đơn vị “chị Cả”, đội công tác cao su Thuận Lợi mật đã tích cực nắm tình hình Mỹ-ngụy, đột nhập vào đồn điền rải truyền đơn, kết hợp với lực lượng vũ trang bắn tỉa, uy hiếp tinh thần binh lính, khiến lính không dám ra lò kìm kẹp công nhân trong giờ làm việc[85;111].

Có thể nói, 1969-1971, phong trào đấu tranh chính trị rộng khắp kết hợp phong trào binh vận tạo nên thế mạnh để giành những thắng lợi. Hầu hết các cuộc đấu tranh chính trị đều làm công tác binh vận. Những binh sĩ trong quân đội ngụy cũng đa số đều là quần chúng bị áp bức, bị buộc đi lính. Do vậy, binh vận là một công tác lớn và thường xuyên của phong trào đấu tranh cách mạng. Biết tranh thủ binh sĩ và gia đình binh sĩ thì khả năng đấu tranh chính trị thắng lợi rất cao. Đấu tranh chính trị càng lên cao sẽ càng hạ uy thế giặc xuống và nâng uy thế cách mạng. Làm cho giặc sa sút ý chí, công tác binh vận sẽ phát huy tối đa sức mạnh của mình, đẩy nhanh tiến độ phản chiến trong binh sĩ địch, để khi có thời cơ sẽ phối hợp nổi dậy tiến công đồng loạt.

3.4.3.3. Đấu tranh vũ trang, phá “bình định” khôi phục thực lực.

Từ sau cuộc “bình định cấp tốc”, chuyển thành “bình định đặc biệt”, rồi thực hiện đồng bộ đánh phá quyết liệt các đồn điền trên trục lộ giao thông, cùng với cuộc hành quân “cái nôm At-las” (Atlas-Wedge), cuộc hành quân “toàn thắng” ... hành động chủ yếu của Mỹ-ngụy là gom dân, bắt dân lập ấp chiến lược.

Năm 1969, lực lượng vũ trang cách mạng đã thực hiện nhiều trận đánh lớn để thực hiện nhiệm vụ quan trọng là “giành được dân, giành đất, phát triển thế và lực của ta”. Ngày 22-02-1969, lực lượng vũ trang đứng chân trên vùng cao su đã phối hợp với sư đoàn 7 Miền đánh hậu cứ Lữ đoàn 3 Sư đoàn 25 bộ binh Mỹ ở Dầu Tiếng, tập kích vào các cụm quân Mỹ ở Bến Tranh, Núi Cậu, Lai Khê tiêu diệt nhiều sinh lực và phương tiện chiến tranh của Mỹ. Sau đó, lực lượng Sư đoàn 9 chủ lực Miền tấn công một số chốt, cụm dã chiến Mỹ ở các đồn điền Chơn Thành, Téch-ních, Hớn Quẩn, Bù Na, Bù Đăng..., đánh giao thông trên các đường 1, 13, 14, 15, 20, ...[31;486-487]

Trên mặt trận đánh phá bình định, hoạt động của bộ đội chủ lực trên địa bàn cao su là rất mạnh, kiên trì bám lô, bám sở, bám công nhân. Lực lượng du kích, tự vệ, cơ sở mật tại chỗ có điều kiện làm rối loạn hàng ngũ địch... Tuy nhiên, ta chưa ngăn chặn và hạn chế tối đa việc Mỹ-ngụy thực hiện chiến lược giành đất, giành dân. Nhiều chi bộ đảng bị vỡ, số lượng đảng viên, cán bộ phát triển đảng không bù đắp được so với số đã hy sinh. Vùng cao su, công nhân chịu nhiều thiệt hại lớn: cao su bị tàn phá, công nhân

không việc làm, không nhà ở, bị thương vong và bị bắt tù đầy nhiều đến mức không có số liệu thống kê chính xác được.

Trong lúc quân dân Thủ Dầu Một cùng toàn Miền nỗ lực vượt qua khó khăn, mất mát, thì ngày 02-09-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời.

Mặc dù sống trong cảnh kìm kẹp, công nhân trong các đồn điền cao su cũng đã để tang, lập bàn thờ, bày tỏ lòng biết ơn, tưởng nhớ Bác và nguyện ra sức đấu tranh chống giặc bình định, đóng góp sức người sức của phục vụ cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Trong những ngày tháng chiến đấu gian khổ, quyết liệt này, nhiều chiến sĩ công nhân cao su đã tỏa lên như những ngôi sao sáng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Đó là đồng chí Võ Tấn Trọng (tức Trọng) - một gương anh hùng của đồn điền Dầu Tiếng, tự sản xuất 360 đầu nổ, 50 mìn, mìn trái, mìn gạt, diệt 52 xe tăng, thiết giáp của giặc. Tháng 9 năm 1971, người chiến sĩ công nhân Võ Tấn Trọng được vinh dự tuyên dương “Anh hùng lực lượng vũ trang” với thành tích : đánh 49 trận, gài 256 trái đánh bộ binh, xe tăng, thiết giáp, phá huỷ 02 máy bay lên thẳng[16;113].

Chiến tranh quá khốc liệt nên không có điều kiện ghi danh được những tấm gương cách mạng, có lòng trung kiên anh dũng. Những người anh, người chị, những em nhỏ ngày đêm len lỏi qua đồn bót và các chốt nhỏ, chốt lớn của Mỹ-ngụy, lách mình vượt qua họng súng lính ngụy để nắm tin, làm trinh sát, dẫn bộ đội chủ lực tiến công. Nhiều bộ đội, chiến sĩ cách mạng ở căn cứ lưu mãi trong tâm trí họ những túi gạo, túi thuốc, lon muối thấm đầy máu đồng đội mà thôi.

Tại đồn điền Lộc Ninh, hoạt động phối hợp giữa sư đoàn 7, sư đoàn 9 lực lượng vũ trang Miền, và du kích tại đồn điền thu được nhiều thành tích. Trong hai năm 1970, 1971, các trận chặn đánh trên lộ giao thông, đột nhập phá ấp chiến lược... hỗ trợ rất lớn cho việc hồi phục phong trào và xây dựng lại nhiều cơ sở mật.[16;226]

Tháng 04 năm 1970, các cấp chỉ huy quân sự Mỹ đã đôn quân sang Campuchia, Nam Lào và sự kiện tháng 10 năm 1970, quân đội Mỹ và chư hầu buộc rút về nước là tình thế bất lợi đối với chính quyền và quân đội ngụy Sài Gòn. Mặc dù xây dựng quân đội theo hình mẫu quân đội Mỹ, với cơ sở hậu cần và vũ khí tối tân, nhưng quân đội ngụy phải đơn độc chiến đấu để bảo vệ chế độ “tự do” với một tinh thần suy sụp, không có giải pháp tối ưu đối với quân giải phóng. Ngược lại, đó tình thế có lợi cho phong trào cách mạng miền Nam nói chung và phong trào công nhân cao su nói riêng.

Năm thời cơ mới, Ban công vận miền chỉ đạo cán bộ công đoàn tiếp tục bám lô, bám sở, bám công nhân, nhanh chóng xây dựng và khôi phục các cơ sở bên trong, đẩy mạnh hoạt động 3 mũi kết hợp hai lực lượng trong ngoài tấn công quân nguy, diệt ác ôn, phá rã phòng vệ dân sự, đánh phá bình định, phát động công nhân nổi dậy giành quyền làm chủ, nâng mức tranh chấp và bung ra ngoài áp chiến lược sản xuất.

Tại Suối Dừa (Dầu Tiếng), quân chủ lực và du kích Thanh An phục kích diệt toàn bộ sở chỉ huy Mỹ-ngụy ở chi khu Dầu Tiếng (gồm cả chỉ huy trưởng, chỉ huy phó, trưởng an ninh, cố vấn Mỹ...) làm Mỹ-ngụy rất hoang mang. Nhóm tề điệp áp Suối Dừa và các tên thám báo đều bị diệt. Tại khu vực thị trấn, nhà máy, các ấp đã xây dựng được 7 chi bộ mật.[16;228]

Đến cuối năm 1971, toàn miền Đông đã xây dựng được 1.619 cơ sở, trong đó có 702 đoàn viên công đoàn bí mật[15;272], phong trào đấu tranh cách mạng từng bước khôi phục lại. Một trong những nguồn tài chính cung cấp cho các cơ quan kháng chiến của tỉnh, huyện, các đơn vị bộ đội là do công nhân cao su cung cấp. Các khu căn cứ ngày đêm vẫn được bố phòng hoạt động kỹ lưỡng. Quân giải phóng đã đủ sức để tung ra một đợt tiến công lớn nữa.

3.4.4. Công nhân cao su tham gia chiến dịch Nguyễn Huệ 1972

Căn cứ vào những chủ trương, những kế hoạch đã thiết kế, Bộ chính trị ra quyết định mở cuộc tấn công xuân hè 1972 cho tất cả hướng chiến lược trên toàn Miền. Trong đó hướng chủ yếu là ở chiến trường miền Đông Nam Bộ, Trị Thiên, Tây Nguyên, hình thành một cuộc tổng tấn công toàn miền Nam để tiêu diệt lớn quân chủ lực nguy, làm tan rã lực lượng tại địa phương, bộ máy kìm kẹp của Mỹ-ngụy, phá vỡ tuyến phòng thủ biên giới của Mỹ-ngụy ở Bắc Sài Gòn, giải phóng những khu vực quan trọng, tạo bàn đạp tấn công vững chắc để quân chủ lực ta uy hiếp Sài Gòn và mở rộng vùng giải phóng.

Từ đầu năm 1972, lực lượng cách mạng đã cố gắng đến mức cao nhất chuẩn bị mọi mặt cho chiến dịch, Mỹ-ngụy lại chủ quan phán đoán rằng quân cách mạng không đủ tầm hạn để giành chủ động do gặp khó khăn về vận chuyển tiếp tế, tinh thần chiến đấu sa sút, cơ sở hạ tầng suy yếu. Mỹ-ngụy cho là quân cách mạng chỉ có thể tập trung ở mức trung đoàn hoặc sư đoàn đánh dọc biên giới, sau đó sẽ phân tán lực lượng kết hợp với đặc công đánh quận lỵ, thị trấn, hậu cứ và chống phá bình định. Từ đó Mỹ-ngụy một mặt dùng quân nguy mở các cuộc hành quân trên các khu vực đông dân cư để đối

phó với hoạt động chống phá bình định của quân cách mạng, mặt khác tăng cường quân chủ lực bố trí một vành đai phòng thủ từ xa, lấy hướng đường 22 làm hướng phòng ngự chủ yếu.

Chiến dịch Nguyễn Huệ với hướng tấn công chủ yếu là đường 13, khu vực quyết chiến là Lộc Ninh- Bình Long (đợt 1), Hớn Quản, Chơn Thành (đợt 2), sau đó phát triển về hướng Lai Khê, Dầu Tiếng. Hướng thứ yếu là đường 22, khu vực quyết chiến là Xa Mát, Trảng Súp, sau đó phát triển về hướng lộ 1. Hướng phối hợp trực tiếp là Tây Ninh, phân khu 1, phân khu 5 và Phước Bình. Hướng phối hợp quan trọng là Bà Rịa, Long Khánh, Biên Hoà. Các hướng ra quân tấn công của quân cách mạng đã làm đảo lộn mọi phán đoán cùng với sự chuẩn bị phòng ngự đối phó của Mỹ-ngụy.

Đêm 31-3 rạng sáng 01-04-1972, chiến dịch Nguyễn Huệ đã mở màn bằng quân chủ lực cùng lực lượng vũ trang Tây Ninh nổ súng tấn công nghi binh trên hệ trục quốc lộ 22 Tây Ninh – Kompong Chàm. Trong lúc Mỹ-ngụy phải đối phó với cuộc tấn công này, các đơn vị quân chủ lực của cách mạng đã nhanh chóng triển khai lực lượng từ các vị trí tập kết dọc biên giới xuống hướng chủ yếu đường 13, chiếm lĩnh các vị trí xuất phát tấn công, hình thành thế bố trí liên hoàn, bao vây chia cắt đội hình phòng ngự của Mỹ-ngụy, tạo cho quân cách mạng lợi thế tấn công, hãm binh lính Mỹ-ngụy ngay từ đầu vào thế phòng ngự chống đỡ. Quân cách mạng đánh chiếm được căn cứ Thiện Ngôn - Xa Mát.

Lộc Ninh là cụm cứ điểm quan trọng của Mỹ trên trục lộ 13. Lực lượng phòng thủ của Mỹ và quân chư hầu ở đây rất mạnh, gồm 1 chiến đoàn bộ binh, 1 thiết đoàn kỵ binh, 1 tiểu đoàn biệt động quân, 1 tiểu đoàn pháo hỗn hợp, 6 đại đội bảo an, 1 đại đội cảnh sát, 13 trung đội dân vệ với hệ thống công sự, hầm ngầm kiên cố[15;329].

03 giờ 30 phút sáng ngày 05-04-1972, quân đội cách mạng nổ súng tấn công vào các mục tiêu ở Lộc Ninh. Các đồn điền cao su Lộc Ninh, Bù Đốp An Lộc, Chơn Thành, Hớn Quản, trục lộ 13 trở thành chiến trường ác liệt[15;330].

Cùng với cuộc tấn công ở Lộc Ninh, các lực lượng quân chủ lực và bộ đội địa phương (D368) bao vây tấn công vào các vị trí địch xung quanh chi khu Bù Đốp, cắt đứt giao thông không cho Mỹ và chư hầu ứng cứu, co cụm hay rút chạy.

Công nhân cao su Lộc Ninh, Xa Cam, Xa Cát, Minh Thạnh, Quản Lợi đã phối hợp cùng du kích làng, sở cao su và bộ đội địa phương huyện Lộc Ninh (C31) nhất loạt tấn công vào các trụ sở tề, bót, bảo an, dân vệ ở Lộc Tấn, làng 2, Lộc Thắng, Đôn Hoa Lư,

Lộc Bình, sau đó chuyển sang bao vây, gọi hàng và lùng bắt những người ác ôn, giải phóng làng, sở đồn điền[82;351]

Lúc 14 giờ ngày 7 tháng 4 năm 1972, trên hướng chính của chiến dịch, quân cách mạng tấn công chi khu Lộc Ninh. Sau hai giờ quyết chiến, toàn bộ sĩ quan, binh sĩ nguy đều bị diệt hoặc bị quân cách mạng bắt sống. Lộc Ninh được hoàn toàn giải phóng. [82;351]

Ở Bình Long, phối hợp với lực lượng chủ lực, tiểu đoàn 368, các đại đội 70, 75 và đại đội đặc công của Bình Long nổ súng tấn công bót Phú Miêng, Phú Lạc, phối hợp với trung đoàn 1 sư đoàn 5, trung đoàn 14 sư đoàn 7 đánh chiếm Núi Gió, điểm cao 169, đánh thiệt hại nặng tiểu đoàn dù, buộc Mỹ và chư hầu lui về thị xã An Lộc phòng thủ[85;198]

Mất Lộc Ninh, quân Mỹ cố giữ Bình Long, vì “Bình Long mất, Sài Gòn không còn”. Mỹ điều thêm một bộ phận lớn quân chủ lực nguy, tăng cường hoạt động máy bay B52 lên ứng cứu và giải tỏa áp lực của quân giải phóng quanh thị xã An Lộc. Một lần nữa, những tên đất vùng cao su như Tàu Ô, Xa Trạch, Tân Khai, Bàu Bàng... lại đi vào lịch sử, cùng với chiến thắng lộ 13 ghi thêm một nét son vào chiến tích ở miền Đông Nam Bộ.

Suốt 32 ngày đêm, từ ngày 13-04 đến 15-05-1972, chiến sự diễn ra vô cùng ác liệt giữa một bên là sư đoàn chủ lực B2 cùng nhân dân và công nhân cao su quyết tâm giải phóng thị xã Bình Long và Mỹ-ngụy quyết giữ Bình Long bằng mọi giá. Mỹ-ngụy đã tập trung vào đây một lực lượng hỏa lực to lớn. Pháo, đạn, bom kể cả bom B52 cày nát mặt đất. Hàng hàng ngàn người thường dân vô tội bị giết hại; tài sản, nhà cửa bị phá huỷ. Gây tội ác dã man nhất, là trận Mỹ đã ném bom vào bệnh viện Bình Long, giết chết gần 3.000 người trong đó có cả bệnh nhân, binh sĩ nguy bị thương đang được cứu chữa [19;386].

Du kích và công nhân cao su đã tổ chức thành những chốt chặn, cùng quân chủ lực bẻ gãy các cuộc phản công của Mỹ-ngụy vào thị xã An Lộc. Công nhân cao su Tân Khai, Tân Trạch, cùng du kích đã nổi dậy giành quyền làm chủ làng, đồn điền, tham gia đánh chặn Mỹ-ngụy đi giải tỏa hòng chiếm lại Quản Lợi, sân bay Técnica, Xa - Cô, Phú Miêng...

Tại thị trấn Chơn Thành, Mỹ-ngụy tập trung đông, bị thu hút vào mục tiêu giải tỏa đường 13, tiếp ứng cho An Lộc. Các chi bộ Đảng vận động nhân dân và công nhân cao

su cung cấp lương thực, thuốc men, bổ sung lực lượng cách mạng và tổ chức cuộc đấu tranh binh vận với Mỹ-ngụy. Khi Mỹ đưa sư đoàn 21, sư đoàn 18 từ đồng bằng sông cửu long lên, gia đình binh sĩ ngụy lên tận Chơn Thành đòi thăm chồng, con, em của mình. Công nhân cách mạng đã vận động các gia đình này đấu tranh với Mỹ-ngụy, kêu người thân trở về, không cho tham chiến với quân cách mạng. Công nhân du kích và bộ đội huyện cũng đóng góp đáng kể vào việc ngăn chặn, kéo dài thời gian không cho Mỹ đưa quân cứu viện. Tại chi khu Chơn Thành, quân kháng chiến liên tiếp pháo kích phá huỷ nhiều phương tiện chiến tranh, làm tăng thêm sự dao động hoang mang trong hàng ngũ Mỹ-ngụy[19; 340]

Trên hướng phối hợp, nổi bật lên phong trào công nhân cao su Dầu Tiếng và công nhân các đồn điền Bà Rịa, Long Khánh, kết hợp được 03 mũi đấu tranh, vũ trang, chính trị, bức rút đồn bót Mỹ-ngụy, giải phóng và mở rộng vùng làm chủ làng, sỏ, chống Mỹ-ngụy gom tát dân, chống bom pháo, bung về đất cũ sản xuất...[82;352]

Bộ đội huyện Dầu Tiếng tấn công áp chiến lược Trung Hoà – khu gom dân lớn nhất của Mỹ-ngụy trên đường 7 ngang. Cán bộ, du kích đồn điền cao su vận động 4.000 dân các ấp bung ra ngoài. Du kích cao su và nhân dân ấp Thanh An cũng tấn công và nổi dậy phá rã ấp chiến lược (gồm 243 gia đình. 1.115 nam phụ lão ấu). Giải phóng ấp chiến lược Thanh An, ta đồng thời làm tan rã 16 đội phòng vệ dân sự trên trục lộ 14. Gần 6.000 dân từ hai khu tập trung ở Trung Hoà – đường 7 ngang và lộ 14 đã trở về đất cũ[19;387].

Quân Mỹ và chư hầu phản ứng quyết liệt, dùng bom pháo huỷ diệt những nơi quân cách mạng làm chủ để dồn dân trở lại, hoặc để xoá trắng làm cho quân đội cách mạng giải phóng đất nhưng không có dân. Đồng thời, Mỹ-ngụy thực hiện phong toả kinh tế, như mỗi tuần chỉ cho dân đi chợ 02 lần vào ngày thứ ba và thứ sáu, mỗi lần chỉ mua tối đa 500 gr gạo.[19;229]

Lúc này, lính ngụy ở các đồn điền cao su Thủ Dầu Một và thị trấn vẫn còn khá đông. Mỗi đồn điền có ít nhất 3 tiểu đoàn chủ lực, 5 đến 7 đại đội bảo an, 5 trung đội dân vệ...[15;386]. Tuy nhiên, tư tưởng chiến bại đang bao trùm trong hàng ngũ sĩ quan binh lính. Ở Dầu Tiếng, binh lính ngụy không tham chiến. Tề, xã, ấp nghe loan tin bị tấn công là làm lơ, bỏ trốn. Hầu hết đồn bót ở thị trấn và đường 14 bị quân cách mạng bao vây. Thừa thế, công nhân các làng cao su cùng với du kích, bộ đội huyện mở đợt tấn công, làm binh vận liên tục 5 ngày kêu gọi người chồng, người con, người anh,

người em đi lính trở về làng cùng gia đình diệt ác, chấm dứt chiến tranh, thà chết không làm lợi cho Mỹ-ngụy. Gia đình công nhân cùng nông dân chuẩn bị sẵn lương thực, đào hầm trú ẩn... giúp dân Suối Dứa bung ra ngoài đất cũ vừa sản xuất để tự sinh sống vừa xây dựng làng xã sẵn sàng chiến đấu.

Ở Phước Long, từ ngày 01-04 đến giữa tháng 07 năm 1972, quân kháng chiến và bộ đội, công nhân địa phương đã loại khỏi vòng chiến đấu 1.500 lính. Khi được tin Lộc Ninh thất thủ, tỉnh trưởng Phước Long cho trực thăng đến đưa lính ngụy và những giáo dân thân ngụy về cao điểm 296 phía nam Phước Tín, lập căn cứ gọi là “Bù - Đóp lưu vong”. Bù Đóp giải phóng nối liền với Bù Gia Mập và Lộc Ninh, hình thành vùng căn cứ rộng, tiếp giáp vùng giải phóng Campuchia. [19;356]

Mặc dù, quân kháng chiến không thực hiện được mục tiêu giải phóng An Lộc. Nhưng cuộc tiến công và nổi dậy của quân và dân trên chiến trường miền Đông Nam Bộ đã góp phần cùng quân dân toàn Miền, buộc Mỹ phải ngồi trở lại bàn Hội Nghị, phải nghiêm chỉnh đàm phán ký kết Hiệp định chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam.

Trong đấu tranh, từ 1969-1972, ý thức giác ngộ giai cấp, năng lực đoàn kết, tổ chức lực lượng đấu tranh của công nhân cao su đã được nâng lên rõ rệt. Có những cuộc đình công đã vượt khỏi sự kiểm soát của ngụy quyền. Công nhân đã biết sử dụng nhiều hình thức đấu tranh thích hợp: từ lẻ tẻ đến quy mô sâu rộng; từ yêu sách đến đình công, tổng bãi công, xuống đường biểu tình, vũ trang tự vệ; đã kết hợp các khẩu hiệu đấu tranh: dân sinh, dân chủ và chính trị.

Rõ ràng, tinh thần và khả năng cách mạng của công nhân cao su Thủ Dầu Một là rất to lớn. Họ có quyết tâm và sức mạnh thể đánh thắng Pháp, đánh thắng Mỹ ngụy, rồi sau đó là xây dựng và bảo vệ đất nước.

3.5. CÔNG NHÂN CAO SU THỦ DẦU MỘT TRONG CÔNG CUỘC GIẢI PHÓNG CÁC ĐỒN ĐIỀN, GÓP PHẦN GIẢI PHÓNG TOÀN MIỀN NAM (1973-1975)

3.5.1. Mỹ-ngụy vi phạm Hiệp định Pa-ri, lấn chiếm, bình định vùng cao su

Ngày 27 tháng 1 năm 1973, Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam đã được ký kết tại Pa-ri (Pháp).

Theo quy định của Hiệp định Pa-ri, quân Mỹ và đồng minh sẽ rút khỏi Việt Nam. Ở miền Nam, vùng giải phóng không phân tuyến chia vùng với vùng ngụy quyền kiểm soát. 13 sư đoàn chủ lực cách mạng vẫn đang đứng vững ở các địa bàn chiến lược cùng

hàng vạn bộ đội địa phương và dân quân du kích đã tạo nên biến chuyển lớn về so sánh lực lượng giữa cách mạng và nguy quyền. Lợi thế đang nghiêng về phía cách mạng Việt Nam.

Tuy vậy, đến tháng 1 năm 1973, nguy quyền đang có một số ưu thế. Bộ máy nguy quyền vẫn hoạt động có hiệu lực từ Trung ương tới địa phương đang kiểm soát phần lớn đất đai và những vùng đông dân, nhiều cửa. Theo thống kê của Mỹ-ngụy: tuy 18 tỉnh mất an ninh nhưng giặc vẫn còn 26 tỉnh kiểm soát được. Quân nguy vẫn duy trì được một lực lượng đông đảo gồm 1.086.000 quân trang bị mạnh. Đặc biệt vũ trang địa phương (còn gọi là lực lượng lãnh thổ) của nguy quyền khá mạnh, kết quả của những năm bình định từ năm 1969 đến năm 1971. Tuy buộc cam kết phải rút khỏi Việt Nam, nhưng Mỹ vẫn nuôi tham vọng giữ được chế độ nguy quyền phụ thuộc Mỹ ở miền Nam, nên tìm mọi biện pháp để thực hiện được tham vọng này. Bằng chứng là 3 tháng trước khi ký hiệp định Pa-ri, Mỹ thực hiện chiến dịch Inhanxơ Plốt, bổ sung “gấp cho nguy 625 máy bay các loại, 500 khẩu pháo, 400 xe tăng, xe bọc thép và nhiều tàu chiến, tăng dự trữ vật tư chiến tranh lên gần 2 triệu tấn”[122;140]. Mỹ rút quân khỏi Việt Nam không tuân theo quy định của Hiệp định, mà đã để lại cho quân nguy toàn bộ vũ khí, phương tiện chiến tranh và các căn cứ quân sự. Với ưu thế tạm thời về lực lượng và vùng kiểm soát, lại được hỗ trợ bởi những cam kết và chính sách của Mỹ, nguy quyền vẫn hy vọng giành được thắng lợi.

Cuối năm 1972, Bộ Tổng tham mưu nguy lên *Kế hoạch Hùng Vương 2 và 18*, nhằm chủ động triển khai các hoạt động quân sự và chính trị để giành lợi thế chiến trường ngay từ đầu. Cụ thể là “tiếp tục hành quân truy lùng và tiêu diệt, nối rộng phạm vi kiểm soát, nhanh chóng chiếm được các vị trí chiến lược để từ đó ngăn chặn sự xâm nhập của cộng sản... sử dụng đồng thời hai lực lượng vũ trang và dân sự tấn công mọi mặt để tràn ngập lãnh thổ giữ đất, giữ dân, tận dụng không quân chiến thuật và pháo binh để oanh kích các vị trí tập trung quân cộng sản... đập tan các cuộc binh biến, phản chiến, ly khai hoặc hoà giải dưới mọi hình thức...” [24;234].

Mục tiêu của Mỹ-ngụy trong năm 1973 và những năm tiếp theo là: bình định an ninh lãnh thổ, ổn định tâm lý chính trị, củng cố chính quyền, ổn định và phát triển kinh tế. Để đạt được ba mục tiêu trên, Mỹ-ngụy áp dụng ba biện pháp chiến lược: tiếp tục tăng viện trợ tài chính và quân sự để xây dựng quân đội nguy giống như hình mẫu quân đội

Mỹ; lấn chiếm và bình định để mở rộng vùng kiểm soát và xoá thế da báo; nhanh chóng phục hồi kinh tế, thu hút đầu tư nước ngoài để phát triển. [30;150]

Là cửa ngõ phía Bắc Sài Gòn, là nơi có những căn cứ kháng chiến lớn, vùng cao su Thủ Dầu Một là một địa bàn trọng điểm lấn chiếm của Mỹ-ngụy.

Ở Thủ Dầu Một, Mỹ-ngụy tập trung lực lượng thiết lập tuyến phòng ngự vòng cung từ Trảng Bàng (Tây Ninh) qua Nam Bến Cát, Bắc Châu Thành, tới Bắc Tân Uyên. Từ tháng 3 năm 1973, Mỹ-ngụy bố trí trên địa bàn của tỉnh 2 Trung đoàn (E7, E8) Sư đoàn 5; 1 Trung đoàn, 4 chi đoàn thiết giáp, 4 tiểu đoàn thuộc sư đoàn 18 chủ lực ngụy, 6 tiểu đoàn, 2 liên đội bảo an, 103 trung đội dân vệ, 2.970 tên phòng vệ dân sự, 562 tên cảnh sát... Đóng 3 đồn, 94 bót, 106 tua, chưa kể các căn cứ Lai Khê, Phước Vĩnh, Phú Lợi, Sóng Thần. Chỉ riêng huyện Châu Thành, Mỹ-ngụy đã bố trí 32 trung đội dân vệ, đóng 23 bót, 11 tua, cùng lực lượng chủ lực, bảo an cơ động hoạt động càn quét đánh phá[16,221]. Nhìn chung, quân ngụy vẫn giữ được nhiều tuyến chia cắt căn cứ và hành lang của lực lượng cách mạng, chiếm giữ các vùng đông dân và trục giao thông, có khả năng uy hiếp lấn chiếm vùng giải phóng.

Từ ngày 3 tháng 2 năm 1973, khi quân cách mạng chấp hành Hiệp định ngưng bắn, không tấn công, Mỹ sử dụng bộ binh cơ giới bung ra ủi phá rừng, phá địa hình, phá thế “da báo” bằng nhãn hiệu là: “tái thiết kinh tế hậu chiến”. Đến ngày 15 tháng 3 năm 1973, tỉnh Thủ Dầu Một chịu sức ép của 100 cuộc hành quân càn quét lấn chiếm. Đất rừng cao su bị hư hại hàng 100 ha, gây khó khăn cho quân cách mạng ta trong việc ăn ở và bám trụ[19,358]

Ở những vùng tranh chấp, Mỹ-ngụy đưa quân chủ lực sư đoàn 5, sư đoàn 18, 2 chiến đoàn biệt động biên phòng cùng với ban biệt kích thủ đô, lính bảo an đóng chốt nhiều nơi trên trục lộ giao thông và các vùng tiếp giáp với các căn cứ cách mạng. Mỹ-ngụy tiến hành củng cố lại phòng vệ dân sự, tề, cảnh sát, chiến tranh tâm lý, tiến hành chiến dịch cờ (bán cờ, sơn cờ, cắm cờ), điều chỉnh thế bố trí lại quân: bảo an, dân vệ, cảnh sát ruộng kích trong ấp; quân chủ lực phân tán từng tiểu đoàn, đại đội xây dựng công sự đóng vòng ngoài ấp để thực hiện mưu đồ tràn ngập lãnh thổ.

Ở vùng cao su giải phóng, vùng căn cứ cách mạng, Mỹ-ngụy tăng cường máy bay, kể cả máy bay B52, đạn pháo đánh thẳng vào công nhân và dân thường sống trong làng; đưa nhóm biệt kích, “thiên nga”, “phượng hoàng” trà trộn với công nhân để ra vùng giải phóng dò la tin tức. Mỹ-ngụy đẩy mạnh lấn chiếm ở các lùm căn cứ là lùm

du kích xen kẽ ở vùng nông thôn phía trước để xoá thế da báo; gắn chặt bình định với lấn chiếm, lấn chiếm đến đâu bình định đến đó, tạo thế đứng chân để tiếp tục lấn chiếm rộng ra; kết hợp với lấn chiếm phía trước với ổn định và củng cố phía sau. Ra sức tăng cường nguy quyền xã, ấp, đưa nhân viên hành chính, sĩ quan xuống củng cố xã, ấp; ra sức tổ chức phân chia khu quân sự để thống nhất điều khiển các lực lượng bình định ở làng, sỏ; tăng cường tổ chức cảnh sát, đẩy mạnh công tác “quân sự hoá”, “bình định hoá” quần chúng, cưỡng ép công nhân tham gia Đảng dân chủ của Thiệu (2.500 người ở cao su Dầu Tiếng, 80 người ở SIPH); buộc chủ sỏ, công nhân phải tham gia các nghiệp đoàn vàng, hội ái hữu để gây nghi ngờ chia rẽ trong nội bộ công nhân, đồng thời ráo riết đánh phá cơ sở ta. Ra sức vơ vét tài sản, của cải, đôn quân bắt lính để tăng cường tiềm lực chiến tranh, giải quyết khó khăn về quân sự, kinh tế.

Như vậy, khi ký vào Hiệp định Pa-ri, giữa lực lượng cách mạng và Mỹ-Ngụy đã có những chủ trương hoàn toàn trái ngược nhau. Lực lượng cách mạng chủ trương giữ vững hoà bình, nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Pa-ri. Ngược lại, phía Mỹ-gụy chỉ thực thi những điều khoản có lợi cho Mỹ, chủ trương tiếp tục chiến tranh, phá hoại quyết liệt việc thi hành Hiệp định. Chính vì vậy, thực tế đã chẳng có cơ sở nào để đi đến ngừng bắn, thực hiện hoà hợp, thống nhất dân tộc theo tinh thần Hiệp định Pa-ri.

3.5.2. Tình hình sản xuất cao su và đời sống công nhân cao su

3.5.2.1. Tình hình sản xuất cao su và tình cảnh người công nhân cao su ở các đồn điền cao su do giặc tạm chiếm

Những năm 1971, 1972, 1973 miền Đông Nam Bộ vẫn còn đổ lửa chiến tranh. Phần lớn các đồn điền cao su đều nằm trong vùng chiến sự ác liệt. Do vậy, sản xuất cao su ở miền Nam nói chung và ở Đông Nam Bộ nói riêng vẫn tiếp tục giảm mạnh về diện tích, khai thác sản xuất và xuất khẩu.

Cuối năm 1971, diện tích cao su khai thác trong toàn miền Nam chỉ còn lại 33.630 ha trong đó các đồn điền của các công ty tư bản Pháp chiếm 30.330 ha.[104;19] Việc kinh doanh cao su của tư bản Pháp ở miền Nam vẫn không ổn định trong những năm cuối của cuộc chiến tranh.

Những năm 1973, 1974, 1975, thực dân tư bản Pháp mất chỗ dựa về chính trị và quân sự. Thiết chế xã hội “cao su trị” của Pháp đã bị mờ đi. Uy quyền tuyệt đối của giới chủ đồn điền Pháp, những tên “vua đất đỏ” căn bản bị thủ tiêu. Đời sống của

người công nhân ở các đồn điền có phần được “nới lỏng”, sự khắc nghiệt, sự đánh đập, cúp tiền, phạt tội của các chủ, xu, ký, cai ác ôn đối với công nhân đã hạn chế.

Chiến tranh mở rộng, thiếu lao động, chất lượng tay nghề kém của công nhân tự do và công nhân thời vụ ở các đồn điền cao su là những vấn nạn đối với giới chủ tư bản đồn điền, là nguyên nhân chính của sự giảm sút về năng suất sản xuất, chất lượng và xuất khẩu mủ cao su (theo bảng sau:)

**Bảng thống kê diện tích khai thác và sản lượng xuất khẩu cao su
từ năm 1969 đến năm 1970[104;26]:**

<i>Năm</i>	<i>Diện tích trồng (ha)</i>	<i>Diện tích khai thác (ha)</i>	<i>Sản lượng (tấn)</i>	<i>Xuất khẩu (tấn)</i>
1969	104.950	36.970	27.910	25.148
1970	105.200	46.500	33.000	23.601
1971	103.200	33.630	36.299	30.858
1972	83.300		30.000	20.000
1973	68.342	39.000	19.500	18.500
1974	83.800			21.979

Mặc dù công nhân không đủ như yêu cầu, nhưng số công nhân lao động thường xuyên ở các đồn điền vẫn không được quan tâm. Đời sống thường ngày vẫn khó khăn về kinh tế, căng thẳng về tinh thần. Bom đạn của Mỹ-ngụy giết hại công nhân ở khắp mọi nơi, từ trong lán trại đến ngoài lô cao mủ, đâu đâu cũng có sự mất mát thương tâm vì không nơi trú ẩn. Hai năm 1973, 1974 đồng tiền Việt Nam (tiền Ngụy) mất giá, cộng thêm mức sinh hoạt đắt đỏ đã làm cho hơn 60% gia đình công nhân thiếu đói, cơ thể suy nhược, nhiều mầm bệnh ác tính xuất hiện, 80% công nhân nữ mắc bệnh khó chữa trị. Bệnh viện, trường học bị hư hại vì bom đạn. Người bệnh chỉ tìm cách chữa bệnh tại nhà. Trẻ em từ 10 tuổi đã phải theo ba mẹ, anh chị ra lô phụ cạo, bóc mủ chén, mủ miệng, làm cỏ, lượm cành khô, dọn gốc... nên thất học.

Cuộc sống công nhân đồn điền cao su vùng tạm chiếm khó nhọc, túng quẫn cùng cực, nhưng họ có ý thức rất cao và mãnh liệt về quyền lợi dân tộc, quyền lợi giai cấp. Họ luôn luôn hướng về cách mạng, tìm mọi cách để liên lạc giúp đỡ cán bộ, chiến sĩ, sẵn sàng tham gia cách mạng, ủng hộ kháng chiến. Sự đóng góp của họ là những nắm “cơm lô”, những bình toong nước pha muối, những viên thuốc ... mà họ phải đấu tranh sống chết với Mỹ-ngụy để được mang theo ra lô, giành phần cho cán bộ, chiến sĩ cách

mạng. Cái ơn, cái nghĩa, cái tình của họ đã từng được những cán bộ nằm vùng cầm trên tay nắm “cơm lô” và ghi nhận rằng:

“Ơn cao trọng, lòng thương vô hạn
Tình nhân dân, tình cách mạng là đây”[79;89]

3.5.2.2. Tình hình các đồn điền cao su trong vùng giải phóng

Tháng 10-1971, chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” của Mỹ ở miền Nam Việt Nam đã đến “thời điểm nóng”. Thời điểm quyết định thắng hay bại của một sự chuyển hướng chiến lược chiến tranh của Mỹ ở miền Đông Nam Bộ. Những trận đánh chính quy liên tiếp, chiếm ưu thế của quân giải phóng đã dồn Mỹ-ngụy vào thế bị động. Quân giải phóng miền Nam Việt Nam lúc này đã là lực lượng chủ lực, công nhân cao su cũng đã luôn có mặt trong các trận đánh quyết định vào mùa khô năm 1972, chiến dịch Nguyễn Huệ.

Ở các đồn điền cao su Thủ Dầu Một, dưới sự lãnh đạo của các ban cán sự Đảng, các chi bộ đồn điền, kết hợp chặt chẽ giữa lực lượng bên trong và bên ngoài, lực lượng tại chỗ và lực lượng bên trên, bằng 3 mũi giáp công: Chính trị, quân sự, binh vận, công nhân cao su đã vùng dậy phá thế kìm kẹp của Mỹ-ngụy làm chủ đồn điền.

Vùng cao su rộng lớn Lộc Ninh, Bù Đốp, Đa Kia... sớm được giải phóng cùng lúc với Bình Long, Phước Long (tháng 4 năm 1972). Sau khi được giải phóng, Trung Ương cục đã chỉ đạo ngay công tác xây dựng và củng cố vùng giải phóng từ huyện Lộc Ninh, Bù Đốp xuống đến Hớn Quản, Chơn Thành, Bến Cát, nhằm tạo thành vùng hậu phương chiến lược quan trọng.

Chính sách 10 điểm đối với vùng giải phóng, trong đó có vùng giải phóng ở các đồn điền cao su miền Nam được Trung Ương cục miền Nam công bố. Điểm quan trọng nhất là chính sách hoà hợp dân tộc nhằm các mục tiêu hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và trung lập. Tỉnh Ủy Bình Phước (gồm huyện Lộc Ninh, Bù Đốp, Phước Bình, thị xã Phước Long) được thành lập để lãnh đạo việc xây dựng hệ thống chính quyền, nhanh chóng ổn định đời sống các tầng lớp nhân dân.

Công nhân cao su vùng giải phóng hối hả khôi phục lại vườn cây, nhà máy. Họ làm việc với tinh thần cách mạng rất cao, tay súng tay dao, vừa cạo mủ cao su vừa cầm súng sẵn sàng chiến đấu bảo vệ vùng trời, vùng đất, đánh giặc lẩn chiếm. Cuộc sống mới vùng giải phóng rộn ràng, vui tươi. Mọi người đều phấn khởi, sống hoà đồng. Tin

vui, chuyện buồn đều chia sẻ, giúp đỡ nhau. Sản xuất dần ổn định. Công nhân quay về sống cùng với cây cao su ngày một đông hơn. Theo báo cáo của Thường vụ khu uỷ miền Đông năm 1974, số lượng công nhân cao su hai năm 1973, 1974 ở vùng giải phóng: Bình Phước, Dầu Tiếng, Lộ 2 (Bà Rịa -Long Khánh), Ông Quế tăng từ 944 người (năm 1973) lên 1.192 người (năm 1974) sống cùng với số dân (10.665 người trong năm 1973 và 13.793 người ở năm 1974)[189;3]. Cao su vẫn là ngành kinh tế mũi nhọn ở miền Đông Nam Bộ.

3.5.3. Chống giặc lấn chiếm, bình định, đòi dân sinh dân chủ

Vốn là những người chịu đựng nhiều thống khổ và áp bức bóc lột nhất, giai cấp công nhân miền Nam nói chung cũng như đội ngũ công nhân cao su Thủ Dầu Một nói riêng hiểu rõ hơn ai hết rằng: con đường duy nhất để cứu nước, cứu bản thân mình và gia đình mình là phải đấu tranh liên tục, đấu tranh không khoan nhượng để đánh đuổi quân xâm lược Mỹ, đánh đổ nguy quyền tay sai. Cũng như những năm trước đó, suốt từ 1954 -1972, bất chấp mọi sự khống chế, kìm kẹp, đàn áp, càn quét của Mỹ – nguy, phong trào đấu tranh của công nhân cao su Thủ Dầu Một đã liên tục diễn ra dưới nhiều hình thức phong phú để bảo vệ quyền sống.

Ngày 27 tháng 01 năm 1973, bản “Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam” đã được chính thức ký kết tại Pa-ri. Mỹ đồng ý chấp nhận ngừng bắn tại chỗ, thừa nhận Chính phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam bên cạnh chính quyền Sài Gòn.

Hiệp định Pa-ri không chỉ là một bất lợi lớn đối với chính quyền Sài Gòn mà còn đặt sự tồn tại của chính quyền Sài Gòn trước một nguy hiểm trong một tương lai gần. Ngược lại, đối với chính quyền cách mạng thì hiệp định này là bước thứ nhất trong hai bước để đi đến thắng lợi cuối cùng.

Bị bắt buộc thực hiện hiệp định “hòa bình, không đánh nhau”, quân Mỹ và chư hầu đã rút khỏi các chốt chiếm đóng trong đồn điền Thủ Dầu Một. Máy bay không oanh tạc, phi pháo ngưng hoạt động. Mỹ thực hiện việc trao trả tù chính trị, rút quân về nước.

Tình thế cách mạng thuận lợi hơn nhiều sau khi hiệp định Pa-ri có hiệu lực. Các Tỉnh uỷ, Huyện uỷ tổ chức nhiều đội vũ trang công tác đi xuống cơ sở, cả những làng sâu trong vùng Mỹ-ngụy kiểm soát, tuyên truyền giải thích ý nghĩa thắng lợi, phát

động, tổ chức nhân dân và công nhân dựa vào pháp lý của hiệp định đấu tranh chống giặc vi phạm, bảo vệ những thắng lợi đã giành được. Công nhân cao su Thủ Dầu Một nô nức tham gia sản xuất lương thực, tham gia phong trào du kích, tích cực xây dựng chính quyền, xây dựng vùng giải phóng, bảo vệ chính quyền cách mạng.

Sau sự kiện ký kết Hiệp định Pa-ri về Việt Nam, Mỹ tiếp sức cho chính quyền ngụy mở ngay chiến dịch “tràn ngập lãnh thổ”, chiếm lại vùng giải phóng. Trong vùng cao su, quân ngụy càn quét các đồn điền giải phóng như Lộc Ninh, Bù Đốp, Quản Lợi, Xa Cam, Xa Cát, Minh Thạnh, Minh Hòa, Tân Khai, và một số làng Dầu Tiếng. Đây là bước cố gắng cao nhất mà chính quyền ngụy muốn hoàn toàn làm chủ tình thế chiến tranh tại vùng này. Nên lần chiếm được đến đâu, ngụy lập ngay bộ máy kìm kẹp đến đó, quân sự hóa bộ máy hành chính, cưỡng ép công nhân cao su tham gia Đảng Dân chủ của Thiệu, buộc chủ sở và công nhân gia nhập các công đoàn do chúng lập ra.

Chiến dịch “tràn ngập lãnh thổ” đã gây cho cách mạng nhiều khó khăn. Các lực lượng đấu tranh chính trị và du kích đồn điền bị bật ra ngoài. Đấu tranh vũ tranh giảm hẳn do không bám được đồn điền, không bám được công nhân.

Trước việc Mỹ-ngụy vi phạm Hiệp định, tháng 10 năm 1973, Trung ương Đảng ra Nghị quyết 21. Nghị quyết phân tích âm mưu thủ đoạn của Mỹ-ngụy và tiếp tục xác định: “Con đường bạo lực cách mạng, chiến lược của miền Nam vẫn là chiến lược tiến công. Luôn luôn giữ vững cao ngọn cờ hòa bình, chính nghĩa, đấu tranh chính trị, quân sự, ngoại giao, buộc địch phải thi hành Hiệp định để thắng địch”[71;615]. “Bất kể tình hình nào, ta cũng phải nắm thời cơ, giữ vững đường lối tấn công để đưa cách mạng miền Nam tiến lên. Vấn đề giành đất, giành quyền làm chủ, phát triển lực lượng cách mạng là một yêu cầu vừa bức thiết vừa cơ bản trong giai đoạn mới...” [15;85].

Thực hiện sự chuyển hướng chỉ đạo đối với phong trào cách mạng ở miền Nam, Công đoàn cao su miền Đông Nam Bộ phân công ngay nhiệm vụ cho các cán bộ công nhân chuyên trách trực tiếp từng khu vực đồn điền tuyên truyền chỉ thị đấu tranh cách mạng mới.

Về công tác binh vận, đa số quân lính, sĩ quan cấp dưới (kể cả chủ lực lẫn địa phương ngụy) đều hài lòng khi nhận thông tin hoà bình được lập lại. Họ là đa số những người cũng từng chán ghét chiến tranh, không muốn đánh nhau, muốn hoà hợp dân tộc. Ở nhiều nơi, công nhân cách mạng vận động, tiếp xúc, thuyết phục thì họ có những biểu hiện hưởng ứng hoặc tham gia hành động cách mạng.

Khi hay tin ngừng bắn, vài đơn vị đại đội, tiểu đoàn bảo an, chủ lực nguy bị thúc ép hành quân giải toả, lấn chiếm thì tỏ ra kháng cự, không thi hành mệnh lệnh. Quân nguy cố thủ trong đồn bót ngừng phản ứng, chấp nhận cho quân cách mạng cắm cờ mặt trận quanh đồn bót. Sĩ quan cấp úy chỉ huy đơn vị đại đội, tiểu đoàn bỏ lệnh và chống lại lệnh hành quân. Những tề xã, tề ấp và lực lượng kìm kẹp ở cơ sở lờ việc, hoặc nghỉ việc, một số ít chạy về thú tội với nhân dân và cách mạng.

Ở Bình Long, Phước Long có gần 400 binh sĩ bỏ súng trở về với gia đình. Ở Bù Đăng, cách mạng đã xây dựng được 12 tổ tuyên truyền về Hiệp định Pa-ri. Ở đường 10 có 5 tổ, ở Hoà Đồng có 3 tổ và Bù Na có 4 tổ. Qua tuyên truyền nội dung Hiệp định Pa-ri, chính sách 10 điểm hoà hợp dân tộc đã có 20 lính và sĩ quan nguy dự nghe. Cán bộ cách mạng đã đưa vào bên trong vùng nguy được 130 quyển sách chính sách 10 điểm hoà hợp dân tộc, 655 bản Hiệp định và Nghị định thư, rải 5.720 truyền đơn các loại kêu gọi binh lính, sĩ quan nguy quay về với gia đình, vợ con và cách mạng; gửi 10 lá thư tay cho nguy quyền cấp quận trở xuống. Những truyền đơn và những lá thư đó đã có tác dụng làm giảm đi sự hung hăng của nguy đối với công nhân quanh vùng. Một số tề, xã, ấp cảm phục, đồng tình với dân, đoàn kết đấu tranh buộc chính quyền quận thực hiện theo ý dân. Cờ mặt trận tung bay bao quanh quận, khích lệ công nhân nổi dậy chống giặc với khí thế mới.[15;302]

Ở Đồng Xoài, công nhân rời bỏ ấp chiến lược, ra ngoài sinh sống, không chịu sự kìm kẹp của lính nguy. Đồn điền cao su Thuận Lợi, công nhân đòi tăng lương, đòi tự do đi lại làm ăn, giải quyết thất nghiệp, chống tổ chức hội hợp phòng vệ dân sự, chống bầu cử tề xã, chống bắt lính...

Về hoạt động vũ trang, trong 6 tháng đầu năm 1973, lực lượng vũ trang chủ lực và địa phương cùng công nhân khu vực đã đánh 144 trận, làm thương vong hơn 700 tên giặc, thu và phá huỷ khá nhiều phương tiện chiến tranh[19;399], ngăn chặn các cuộc hành quân, lấn chiếm vùng giải phóng của quân nguy.

Hai năm 1973-1974, dân công là công nhân cao su, cùng nông dân ở các buôn, làng và các vùng giải phóng ngày đêm tham gia mở, sửa đường, làm cầu qua suối, vận chuyển lương thực, vũ khí, ... đến khu vực quy định. Nhiều đơn vị được phân công đến các vùng tạm chiếm thông tin về cách mạng, vận động xây dựng cơ sở chính trị, sẵn sàng nổi dậy phối hợp với các mũi tiến công quân sự.

Từ sau Hiệp định Pa-ri về Việt Nam, các cuộc đấu tranh của công nhân cao su Thủ Dầu Một đòi các quyền dân sinh, dân chủ gắn chặt với các cuộc đấu tranh vì hòa bình, chủ quyền dân tộc, hòa giải và hòa hợp dân tộc.

3.5.4. Công nhân cao su Thủ Dầu Một trong chiến cuộc mùa khô 1974-1975, tham gia tổng tiến công và nổi dậy giải phóng đồn điền, góp phần giải phóng hoàn toàn miền Nam

3.5.4.1. Tham gia chiến dịch Phước Long, giải phóng đồn điền Thuận Lợi, Phú Riềng, Đa Kia, Bù Na, Bù Nho... (lộ 14).

Năm 1974, càng hoạt động mạnh nguy càng bị thất bại nặng nề trên mặt trận bình định và hành quân lấn chiếm. Binh lính nguy buộc phải giảm dần các hoạt động và chuyển về lo giữ các vị trí xung yếu. Nhiều đồn bót nhỏ phải rút bỏ, co cụm lại quanh các cứ điểm lớn. Tuy vậy, lính nguy vẫn không thoát được các mũi tấn công của lực lượng cách mạng. Nhiều sân bay, kho tàng thuộc vùng kiểm soát của nguy vẫn bị quân cách mạng tấn công dồn dập. Trên chiến trường thế bị động của nguy thể hiện ngày một rõ.

Trong khi đó, lực lượng của cách mạng không ngừng lớn mạnh. Trước thời cơ giành thắng lợi quyết định, Đảng ta chủ trương “không được dừng lại, phải tiếp tục giành thắng lợi lớn hơn, đẩy địch suy sụp nhanh hơn” [117;118].

Hơn nữa vùng giải phóng Lộc Ninh, Bù – Đốp và một số vùng đồn điền do công nhân cách mạng làm chủ, xen kẽ với vùng nguy kiểm soát được giữ vững, tạo nên một hậu phương tại chỗ vững chắc, nối liền với tuyến đường chiến lược Đông – Tây Trường Sơn. Giao thông liên lạc giữa hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa với chiến trường miền Nam đã thông suốt.

“Giải phóng miền Nam trong hai năm 1975-1976” là chủ trương mới của Bộ chính trị Trung ương Đảng họp bàn từ ngày 30 tháng 09 đến ngày 08 tháng 10 năm 1974. Bộ chính trị nhận định quân dân miền Nam đang đứng trước thời cơ lớn tiến hành đồng loạt tổng tiến công và nổi dậy giải phóng Sài Gòn, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Với tình hình thuận lợi, Bộ chính trị đồng ý cho mở chiến dịch đường 14 Phước Long ở miền Đông Nam Bộ để tạo hành lang hậu phương chiến lược, nối thông từ biên giới Campuchia, Nam Trường Sơn vào chiến khu Đ[14;119].

Công tác chuẩn bị phối hợp với chiến dịch được tiến hành khẩn trương từ tháng 08 năm 1974 với một thuận lợi là có vùng giải phóng rộng, địa bàn đứng chân của các

đoàn hậu cần chiến lược (như Đoàn 210 đứng chân ở khu vực Đồng Xoài), Đoàn 770 ở khu vực Bù Đăng...) Huyện uỷ Lộc Ninh, huyện uỷ Bù Đốp đã huy động hàng ngàn nhân dân, đồng bào dân tộc, công nhân cao su vào nhiệm vụ trung tâm là chuyển đạn, tải lương thực cho chiến dịch[14;121]..

Với tinh thần khẩn trương “Tất cả vì sự nghiệp giải phóng miền Nam”, đến tháng 10 năm 1974, các đoàn hậu cần, nhân dân và công nhân cao su Lộc Ninh, Bù Đốp đã tập kết được 5.000 tấn đạn, lương thực phục vụ cho chiến dịch[86;98].

Đêm 12 rạng 13-12-1974, chiến dịch đường 14 mở màn. 8 giờ sáng ngày 14-12, bộ đội đã làm chủ chi khu Bù Đăng (Đức Phong). Đường 14 thì tiểu đoàn 212 và các đơn vị U11, U13 của Phước Long đồng loạt nổ súng tiêu diệt chi khu “Bù - Đốp lưu vong”, quân cách mạng vừa chiếm giữ trận địa vừa truy quét lính nguy xung quanh, vừa nghi binh phân tán nguy để tạo điều kiện cho bộ đội chủ lực tập trung vào các hướng tiến công chủ yếu. 03 ngày sau, bộ đội đã làm chủ đoạn đường 14 từ km 11 đến Nam Kiến Đức đúng như kế hoạch đã đề ra[14;125].

Ngày 15-12, một lực lượng khác chiếm yếu khu Bù Na. Đội công tác đồn điền Thuận Lợi cùng du kích, công nhân tại chỗ đã tham gia làm liên lạc, trinh sát dẫn đường cho lực lượng tấn công; đưa dân ra khỏi vùng chiến sự để tránh tổn thất. Giải phóng được 100 km đường 14[86;98].

Ngày 17-12, du kích, công nhân cao su các làng thuộc hai đồn điền Bù Nho, Đa Kia đã nổi dậy bứt rút đồn bót nguy, giải phóng đồn điền.[86;112]

Mất những địa điểm trên, chi khu Đồng Xoài bị cô lập, chi khu Phước Bình và thị xã Phước Long bị uy hiếp. Quân nguy đang bị căng kéo khắp nơi không chi viện cho nhau được.

Từ ngày 18-12 đến 26-12, quân giải phóng đánh diệt chi khu Đồng Xoài, giải phóng các đồn thuộc quận Đôn Luân. Lính nguy chiếm đóng ở đồn điền Thuận Lợi bỏ chạy. Các đồng chí đảng viên Năm Đồng, Út Chờ phát động công nhân cao su nổi dậy giải phóng đồn điền, truy quét tàn binh và vận động tàn binh ra trình diện với cách mạng[16;233].

Ngày 27-12, bộ đội, du kích, công nhân đồn điền cao su bao vây quận lỵ Phước Bình, sân bay Phước Bình, trung tâm viễn thông Bà Rá. Đến chiều 31 tháng 12 các vị trí xung yếu của Phước Bình đều bị công nhân cao su cách mạng tiêu diệt. Đồn điền cao su Phước Bình giải phóng[16;234].

Sau khi chiếm giữ được hàng loạt các chi khu trọng yếu, quân giải phóng có được bàn đạp đưa đội hình bộ binh, xe tăng, pháo binh áp sát được mục tiêu hình thành thế bao vây Phước Long. Đến 19 giờ ngày 06-01-1975, thị xã Phước Long giải phóng. Chiến dịch đường 14, Phước Long hoàn toàn thắng lợi. Toàn bộ đồn điền Bù Nho, Đa Kia, Bù Na, Thuận Lợi, Phước Bình... đều được giải phóng[86;115].

Việc giải phóng Phước Long (06-01-1975) có tầm quan trọng đối với cả hai phía. Nó là thực tế chứng minh rằng Mỹ không còn khả năng can thiệp, báo thêm một tín hiệu xấu cho nguy cơ sụp đổ của chính quyền Ngụy Sài Gòn. Quân cách mạng đã sẵn sàng cho kế hoạch tác chiến trong thời gian sắp tới.

3.5.4.2. Tham gia tiến công và giải phóng Dầu Tiếng, Phước Hoà

Sau khi Phước Long thất thủ, lính ngụy liên tục tổ chức các cuộc hành quân giành đất cắm cờ, lấn chiếm vùng giải phóng, cố thực hiện những ngày tháng cuối cùng của kế hoạch “tràn ngập lãnh thổ”. Những vùng đang chiếm giữ và kiểm soát, ngụy tăng cường cải tổ theo hướng quân sự hoá bộ máy hành chính, cảnh sát hoá nông thôn. Ở đồn điền cao su, giới chủ người Pháp đã dần thuê mướn người Việt trực tiếp theo dõi công tác cạo mủ, những đại diện người Pháp ở đồn điền đã rút về Sài Gòn, mỗi tháng đáp máy bay lên đồn điền chỉ 01 lần để kiểm tra[15;328]. Lợi dụng vào dịp chiến sự rối ren, giới chủ người Pháp ngưng hẳn những phúc lợi của công nhân, sa thải công nhân nhiều hơn, làm cho đời sống công nhân bị dồn vào tình thế xáo trộn, khó khăn hơn nữa.

Để giữ thế ổn định khu vực, tạo điều kiện phát triển thế lực tại chỗ, Quân uỷ và Bộ Tư lệnh Miền quyết định sử dụng chủ lực cùng bộ đội địa phương và công nhân cao su giải phóng Dầu Tiếng, lộ 26, Chơn Thành để xây dựng cứ địa liên hoàn, tạo thế bao vây Sài Gòn[34;316].

Đầu tháng 03 năm 1975, Tỉnh uỷ, Huyện uỷ Dầu Tiếng gấp rút lập ra Ban chỉ huy giải phóng và Ban quân quản để sẵn sàng phối hợp tác chiến và tiếp quản đồn điền Dầu Tiếng[79;316].

Từ 5 giờ sáng ngày 11-03-1975, quân giải phóng kết hợp với lực lượng vũ trang của công nhân cao su gồm nhiều hướng, đã nổ súng tấn công thị trấn Dầu Tiếng. Vườn cây cao su Dầu Tiếng trở thành chiến sự ác liệt. Các mũi tiến công có sự yểm trợ của xe tăng thực hiện việc chia cắt, bao vây, tấn công diệt lính ngụy[34;317].

Lực lượng nguy trước giờ nổ súng tấn công tại Dầu Tiếng gồm có 5 đại đội bảo an, 2 tiểu đoàn quân chủ lực, một chốt chiến đoàn, một chi khu quân sự, ba phân chi khu quân sự, một khu tam giác pháo binh, sáu ban tề ấp, một hệ thống dân ý vụ, phương hoàng, thiên nga, chi công an, chi thông tin chiêu hồi và phòng vệ dân sự[79;317]. Biết được ta chuẩn bị tấn công, nguy đề phòng rất nghiêm ngặt nhưng tinh thần thì ở thế thua.

Lực lượng cách mạng, ngoài sư đoàn 9 là chủ công, được tăng cường thêm trung đoàn 16, hai tiểu đoàn pháo cao xạ, một tiểu đoàn xe tăng, trung đoàn 3 sư đoàn 341 làm nhiệm vụ giữ đường 13 khu vực Bàu Bàng[82;386].

Trung đoàn 2, Sư đoàn 9 được giao nhiệm vụ chủ công đánh vào chi khu Dầu Tiếng, tăng cường tiểu đoàn 1, trung đoàn 1, 6 xe tăng, 3 khẩu pháo 85 ly và có pháo cầu vồng cấp trên chi viện [206;11].

Tại ấp Suối Dứa, các lực lượng địa phương làm nhiệm vụ vây lấn đồn Suối Dứa. Đại đội 64 phối hợp với biệt động và du kích, công nhân thực hiện “vây – lấn – tấn – triệt – diệt”. Đơn vị bảo an ở đây tháo chạy bỏ đồn, vượt suối thoát về phía chi khu. Ấp Suối Dứa giải phóng[34;320].

Bằng quyết tâm cao nhất, du kích, công nhân cao su Dầu Tiếng sẵn sàng xung phong dưới bom pháo kích, làm trinh sát, dẫn đường cho các đơn vị vũ trang đánh vào các mục tiêu trong thị trấn, tham gia tải thương, tiếp đạn, tiếp lương thực cho các mũi chiến đấu.

Ở khu vực trung tâm, trưa ngày 11-03-1975, lính nguy tại các chốt vùng ven chạy vào cố thủ phía trong chi khu. Ở đồn tam giác, lính nguy dùng pháo để áp đảo. Quân giải phóng và binh lính nguy giằng co ác liệt từng tấc đất. Ngày 13-03-1975, quân giải phóng dùng pháo 85 và chi viện tiểu đoàn 5 phá thế trận, đánh vào khu thông tin, phá rã các ụ chống cự.[34;320-321]

Phòng tránh thiệt hại về người khi giặc phản kích ác liệt bằng pháo binh và máy bay, ban tiếp đón của huyện (số đông là các cán sự và công nhân cao su) huy động mọi lực lượng, phương tiện để di chuyển hết dân từ vùng tạm chiếm ra ngoài theo các điểm quy định.[191;76]

Ngày 13-03-1975, lúc 10 giờ sáng, quận Trị Tâm giải phóng[34;326]. Dầu Tiếng giải phóng. Công nhân quay về làng cao su cũ. Vùng cao su được công nhân tiếp quản, ra sức chăm sóc và khai thác.

Cùng thời gian này, quân giải phóng mở hai cuộc tiến công chiến lược ở chiến trường Tây Nguyên, chiến trường Huế – Đà Nẵng. Nguy không chịu nổi sức tấn công của quân giải phóng ở nơi đây, đã rút lui, bỏ chạy hết nơi này đến nơi khác. Ở miền Đông Nam Bộ, quân nguy đã phải rút chạy khỏi các cứ điểm quanh vùng cao su, những nơi mà trước kia nguy đã từng tử thủ như Thị xã An Lộc, Thị trấn Chơn Thành, Chi khu Đồng Xoài... Hầu hết các đồn điền ở Bình Long, Bình Phước đã được giải phóng[85;98].

Và với tốc độ “một ngày bằng hai mươi năm”, cuộc tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân cách mạng đã bước vào giai đoạn cuối sau khi chọc thủng các tuyến phòng thủ từ xa của chính quyền Sài Gòn.

Bộ chỉ huy chiến dịch duyệt lại lần cuối cùng kế hoạch chính thức của chiến dịch. Đúng 17 giờ ngày 26 tháng 04 năm 1975, năm cánh quân giải phóng gồm 4 quân đoàn chủ lực và đoàn 232 (tương đương một quân đoàn) từ các hướng có phối hợp của lực lượng vũ trang địa phương và sự nổi dậy của quần chúng, được lệnh vượt qua tuyến phòng thủ vòng ngoài của Sài Gòn tiến thẳng vào trung tâm Thành Phố[55;322]. Sài Gòn không chỉ có tuyến phòng thủ từ xa mà còn có lớp “vỏ cứng” bao bọc nhưng cái “vỏ bọc” này cũng tan vỡ trước khí thế tiến công của quân giải phóng.

Mặc cho chiến sự đang diễn ra nguy cấp cho chính quyền Sài Gòn, 17 giờ ngày 28 tháng 04 năm 1975, Trần Văn Hương làm lễ chuyển giao quyền hành cho Dương Văn Minh tại Dinh Độc Lập. Dương Văn Minh không có kịp thời gian tìm đủ người để lập cho mình một nội các mới thì quân giải phóng bắt đầu tiến vào nội đô Sài Gòn lúc 0 giờ ngày 29 tháng 04 năm 1975. Mỹ-ngụy “tháo chạy”. Cả Sài Gòn hỗn loạn, chính quyền Sài Gòn không thể làm gì được nữa. Mỹ-ngụy đã bất lực hoàn toàn trước sức công kích của cách mạng.

Trên chiến trường miền Đông Bắc Sài Gòn (Thủ Dầu Một), quân cách mạng đã giải phóng được toàn bộ các đồn điền cao su ở khu vực Bình Long, Phước Long, Dầu Tiếng, Bến Củi... Ngày 29 tháng 04 năm 1975, công nhân và du kích cao su Phước Hoà tiếp nhận đồn điền cao su sau đợt bức phá cuối cùng phối hợp với quân giải phóng giải phóng thị xã Thủ Dầu Một.[46;101]

Ngày 30 tháng 4 năm 1975 là ngày kết thúc cuộc đấu tranh cách mạng của dân tộc Việt Nam vì độc lập - tự do - hạnh phúc, kết thúc cả quá trình lịch sử lâu dài, 117 năm,

đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân cũ và mới, giành độc lập hoàn toàn, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước. Đất nước độc lập, thống nhất.

Lịch sử đã sang trang. Đội ngũ công nhân cao su bước vào chặn đường đấu tranh mới: lao động với tinh thần làm chủ, có chất lượng và hiệu quả, từng bước nâng cao đời sống, sản xuất nhiều “vàng trắng” góp phần xây dựng đất nước, làm giàu cho mình và cho xã hội.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là các chi bộ, đảng bộ cơ sở, công nhân cao su ngày càng trưởng thành, là lực lượng lao động tiên phong dưới chế độ mới. Những quyền lợi về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội mà cách mạng từng bước mang lại cho họ đã củng cố và tạo cho họ niềm tin. Công nhân cao su luôn tự hào và vui sống với phương châm “nhận gì từ xã hội thì hết lòng phục vụ lại xã hội”.

❖ TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Từ năm 1954 đến năm 1975, các đồn điền cao su, đa phần là những vùng tranh chấp chủ yếu giữa quân cách mạng và Mỹ-ngụy. Nơi đây có căn cứ của Mỹ-ngụy, đồng thời còn là địa bàn tiếp giáp với các căn cứ kháng chiến của quân cách mạng. Chính vì vậy mà vùng cao su là điểm “nóng” và phải hứng chịu một áp lực lớn từ các cuộc càn quét, khủng bố dữ dội của Mỹ-ngụy. Tuy vậy, công nhân cao su vẫn tiếp tục thực hiện chức năng của mình: vừa lao động vừa đấu tranh đòi quyền lợi vừa đánh giặc cứu nước. Họ lao động và đấu tranh trong hoàn cảnh đất nước đã giải phóng một nửa ở miền Bắc, miền Nam, chính quyền thuộc về tay đế quốc Mỹ và bọn tay sai. Lực lượng công nhân nồng cốt yêu nước, yêu cách mạng, yêu chủ nghĩa cộng sản từ các lô cao su đã hợp nhất thành một trong những đội tiên phong của phong trào đấu tranh cách mạng xuyên suốt 30 năm kháng chiến. Trước sự khống chế, kìm kẹp, đàn áp gắt gao của Mỹ - Ngụy, công nhân cao su kiên cường tập trung vào việc chiến đấu chống giặc vây lấn tại các đồn điền; tham gia cùng lực lượng của trên làm nhiệm vụ trinh sát, trực tiếp tham gia chiến dịch Đồng Xoài giải phóng Phước Long, góp phần to lớn để Trung Ương hạ quyết tâm nhanh chóng giải phóng Miền Nam ngay trong năm 1975 thống nhất đất nước.

KẾT LUẬN

Phong trào đấu tranh của công nhân cao su Thủ Dầu Một suốt 30 năm chiến tranh giải phóng từ năm 1945 đến năm 1975 luôn gắn liền với nhiệm vụ và phong trào cách mạng của nhân dân cả nước dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam.

Từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, thực dân Pháp triển khai công cuộc khai thác thuộc địa ở Đông Dương. Pháp phát hiện ra vùng đất tốt nhất ở miền Đông Nam Bộ, đặc biệt là Thủ Dầu Một là đất chuyên trồng cây cao su. Pháp khai khẩn các vùng đất hoang, chiếm không đất đai của người dân địa phương để lập ra các đồn điền cao su. Với sự khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, giai cấp công nhân Việt Nam ra đời. Trong đó đội ngũ công nhân cao su Thủ Dầu Một cũng hình thành, phát triển.

Thế lực của các chủ đồn điền cao su là thế lực của thực dân đế quốc thống trị, có quyền hành như một “lãnh chúa”, cai quản đồn điền như một “lãnh địa” riêng. Công nhân cao su làm thuê bị đánh đập, bị bóc lột, bị giết chết... đã phản kháng quyết liệt với giới chủ nhưng vẫn phải buộc đời mình vào gốc cao su, sống cảnh “địa ngục trần gian” trong những năm trước 1930.

Để được sống và làm việc, công nhân nổi dậy đấu tranh. Cuộc đấu tranh của công nhân cao su Thủ Dầu Một đã diễn ra suốt nhiều chặn đường gian khổ với hoàn cảnh lịch sử khác nhau.

Chặn đường đầu tiên là khi có Đảng, công nhân cao su Thủ Dầu Một từ phản kháng tự phát tiến lên tự giác. Công nhân cao su được Đảng lãnh đạo, kiên cường chiến đấu, quyết chiến, quyết thắng với kẻ thù của dân tộc và kẻ thù của giai cấp. Với các hình thức bãi công, biểu tình đòi các quyền dân sinh dân chủ đã buộc giới chủ đồn điền phải chấp nhận các yêu sách của công nhân đề ra như tăng lương, không phát gạo mục cá thối, đưa các xu, cai ác ôn đi nơi khác, cho thành lập nghiệp đoàn, hội ái hữu... Các đảng viên cộng sản đi vào đồn điền để rèn luyện lập trường giai cấp đồng thời vận động phong trào đấu tranh cách mạng trong công nhân cao su, ngược lại, đồn điền cao su là nơi che chở, bảo vệ cho các đảng viên, cũng là nơi “ươm trồng” những “hạt giống” cách mạng mới, phát triển thêm đảng viên.

Các cuộc đấu tranh cho các quyền dân sinh dân chủ trong thời kỳ trước 1945 tuy không giành được những kết quả lớn lao về mặt cải thiện đời sống cho công nhân cao su, nhưng vẫn có ý nghĩa và tác dụng quan trọng ở chỗ giúp công nhân nâng cao sự giác ngộ giai cấp, tăng cường ý thức đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc, bồi dưỡng tình cảm giai cấp, đoàn kết, thương yêu và đùm bọc lẫn nhau trong nội bộ công nhân cao su, cũng như giữa công nhân cao su với nông dân và người dân tộc thiểu số xung quanh khu vực các đồn điền.

Sau ngày Nhật đảo chính Pháp ngày 09 tháng 03 năm 1945, phong trào đấu tranh của công nhân cao su chuyển lên một trình độ cao hơn: cùng với toàn dân chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. Với con dao cạo mủ, với chiếc gậy tầm vông, công nhân cao su Thủ Dầu Một giữ vững đội ngũ, tiến về thị xã, thị trấn, về Sài

Gòn phối hợp cùng nhân dân cả nước giành lấy chính quyền, góp phần đáng kể vào thắng lợi của cuộc cách mạng tháng Tám năm 1945.

Giành được chính quyền chưa được bao lâu thì thực dân Pháp đã quay lại xâm lược nước ta lần nữa. Sau khi chiếm được Sài Gòn, Pháp đánh rộng ra các tỉnh và chiếm lại đồn điền cao su Thủ Dầu Một. Thế là công nhân cao su Thủ Dầu Một lại tiếp tục cùng với toàn dân đứng lên kháng chiến. Phong trào đấu tranh của công nhân cao su thời kỳ này nhằm vào hai nội dung cơ bản: tiếp tục đấu tranh đòi dân sinh dân chủ và kháng chiến chống xâm lược. Đặc biệt, sau khi đánh chiếm lại các đồn điền cao su, thực dân Pháp đã tạo điều kiện thuận lợi cho tư bản đồn điền duy trì và phát triển sản xuất cao su, để có nguồn lợi cung cấp chi phí cho chiến tranh xâm lược của Pháp theo chủ trương “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”, “giải quyết hậu cần tại chỗ”. Do vậy nên ở bên trong đồn điền, công nhân cao su, ngoài việc thường xuyên đấu tranh đòi các quyền dân sinh dân chủ còn có một nhiệm vụ hết sức quan trọng là phá hoại sản xuất cao su của giặc – gọi là “cao su chiến” – nhằm chống chính sách lấy chiến tranh nuôi chiến tranh của Pháp. Hình thức phá hoại phong phú. Nội dung phá hoại lúc đầu là chặt phá vườn cây, sau chuyển sang làm hư hại sản phẩm (mủ) gây cho Pháp nhiều tổn thất.

Về nhiệm vụ kháng chiến, hoạt động của công nhân cao su Thủ Dầu Một rất phong phú, nhiều mặt: tòng quân đánh Pháp, đánh Mỹ, vận động binh lính Pháp, binh lính Mỹ bỏ ngũ, tiếp tế lương thực (chủ yếu là gạo, cơm lô, muối) và thuốc men cho lực lượng kháng chiến, góp phần xây dựng căn cứ kháng chiến, phối hợp hoặc hỗ trợ lực lượng vũ trang cách mạng đánh đồn bót, tiêu hao sinh lực đối phương... Công nhân cao su Thủ Dầu Một đấu tranh với lý tưởng “Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”; xây dựng căn cứ kháng chiến liên hoàn... để kháng chiến lâu dài toàn dân, toàn diện, góp phần kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

*

* *

Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, đội ngũ công nhân cao su Thủ Dầu Một có nhiều biến động. Thời gian đầu, từ tháng 7 năm 1954 đến năm 1964, số lượng công nhân cao su tăng nhanh do diện tích cao su mở rộng dưới sự khuyến khích trồng và khai thác cao su của chế độ Sài Gòn. Từ 1965 đến 1975, hơn 50% diện tích cây cao su bị

bom pháo, chất khai quang của Mỹ-ngụy tàn phá, cùng với việc các chủ đồn điền chủ động thu hẹp và hạn chế việc khai thác cao su vì mức độ chiến tranh ngày càng ác liệt và vì cao su nhân tạo chiếm lĩnh thị trường thế giới, nên số lượng công nhân cao su giảm sút.

Bên cạnh sự biến động về số lượng, thành phần công nhân cao su Thủ Dầu Một cũng có sự thay đổi. Nếu như trong các thời kỳ trước, thành phần chủ yếu trong công nhân cao su là công nhân công - tra từ các tỉnh miền Bắc, miền Trung đến, thì ở thời kỳ này, thành phần chủ yếu là dân lao động tự do, lao động tùy dịp, dân di cư miền Bắc, nông dân từ các vùng có chiến sự ác liệt chạy đến. Do đó, tình hình tư tưởng trong nội bộ công nhân cao su trở nên phức tạp, ảnh hưởng không nhỏ đến công tác vận động, tập hợp công nhân đấu tranh. Tuy nhiên, điểm chung ở họ là không chỉ bị chủ tư bản áp bức, bóc lột nặng nề, mà còn bị nguy quyền kìm kẹp, giết hại. Nên sau khi có sự giáo dục của cách mạng, người công nhân cao su bất kể xuất thân từ nguồn gốc nào, đều nhanh chóng nhận rõ bản chất xâm lược và phản động của Mỹ ngụy, hiểu được mục đích cao cả của kháng chiến. Và rồi trong suốt những năm kháng chiến, công nhân cao su luôn là lực lượng nòng cốt của cách mạng, cung cấp sức người, sức của cho kháng chiến.

Kế thừa và phát huy truyền thống trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, từ năm 1954, công nhân cao su vừa đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ, đòi thay đổi chính sách lao động đồn điền, vừa tham gia kháng chiến chống chính sách phi nhân, tàn bạo của Mỹ ngụy. Dưới sự lãnh đạo của Trung ương cục, Khu ủy cao su miền Đông, các Đảng ủy đồn điền, các tổ chức công vận và công đoàn cao su, phong trào đấu tranh của công nhân cao su diễn ra liên tục với nhiều hình thức đấu tranh linh hoạt, sáng tạo, biết phân hoá chủ tư bản đồn điền với nguy quyền, khi thì tranh thủ chủ tư bản đồn điền để đấu tranh chống nguy quyền làm hư hại cao su, khi thì lôi kéo nguy quyền đứng về phía công nhân chống lại chủ tư bản ức hiếp công nhân, và biết kết hợp chặt chẽ với phong trào nông thôn, phong trào đô thị.

Trong kháng chiến chống Mỹ, vùng cao su là địa bàn tiếp giáp với các căn cứ kháng chiến, nơi đứng chân của các lực lượng vũ trang cách mạng, là nơi cung cấp một phần hậu cần cho kháng chiến. Không ít đồn điền còn là căn cứ kháng chiến hoặc cửa khẩu hậu cần của kháng chiến. Nhiều chiến dịch lớn có sự phối hợp, hỗ trợ của công

nhân cao su. Chính vì vậy mà vùng cao su là nơi Mỹ -ngụy tập trung đánh phá ác liệt nhất. Nhưng dù khó khăn, ác liệt đến mấy, công nhân vẫn bám làng, sở, cán bộ công vận vẫn bám lô, bám công nhân, xây dựng làng, sở chiến đấu, tiến hành chiến tranh du kích, phục vụ chiến đấu và trực tiếp chiến đấu, gây cho giặc nhiều tổn thất. Trong khi đó công nhân cao su vùng đồn điền giải phóng (Lộc Ninh), phát huy tinh thần làm chủ, ra sức khắc phục khó khăn để phục hồi sản xuất cung cấp nguyên liệu cao su cho hậu phương miền Bắc, kết hợp với chiến đấu bảo vệ vùng giải phóng.

Có thể nói, cùng với toàn dân, công nhân cao su Thủ Dầu Một đã góp một phần công sức xứng đáng vào thắng lợi chung của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

*

* *

Phong trào đấu tranh của đội ngũ công nhân cao su Thủ Dầu Một trong 30 năm chiến tranh giải phóng, ngoài những đặc điểm chung của phong trào công nhân cao su toàn miền và cả nước, còn có những nét riêng như sau:

1. Thành phần hợp thành đội ngũ công nhân cao su Thủ Dầu Một chủ yếu là phu công - tra Bắc, Trung kỳ và nông dân, người dân tộc thiểu số ở địa bàn phía Bắc hai tỉnh Thủ Dầu Một, Biên Hoà.

Cùng với sự phát triển của các đồn điền cao su Thủ Dầu Một, đội ngũ công nhân cao su ngày càng được bổ sung và trở thành một lực lượng khá hùng hậu trong hàng ngũ công nhân cao su Việt Nam. Với chu trình sản xuất khép kín (trồng, khai thác mủ, sơ chế và sản xuất thành hàng hoá) của các đồn điền cao su Thủ Dầu Một đã tạo ra ở đây một lực lượng công nhân phong phú về thành phần, sống bên cạnh lực lượng nông dân bản địa.

Lực lượng lao động ban đầu để khai phá rừng lập đồn điền, chủ tư bản Pháp sử dụng chủ yếu là lao động tại chỗ và thuê mướn nhân công ở các địa phương lân cận. Thế nhưng, số lao động ở địa phương và các khu vực xung quanh đã không thể đáp ứng cho nhu cầu mở rộng và lập thêm đồn điền, cho nên các chủ đồn điền phải tiến hành chiêu mộ lao động từ các tỉnh miền Trung, miền Bắc đến làm việc. Họ là những người nông dân khánh kiệt ruộng đất, vô sản, buộc phải ký giao kèo, làm phu, bán sức lao động cho chủ đồn điền. Lớp phu giao kèo này sống và làm việc với nông dân địa phương, hợp thành đội ngũ công nhân có mối liên hệ gần gũi với nhau về phương diện

tâm lý và mối quan hệ gia tộc, xã hội. Mối quan hệ mật thiết này đã trở thành một thế mạnh đấu tranh cách mạng rất cao.

Nhìn chung, đội ngũ công nhân cao su Thủ Dầu Một xuất thân từ nông dân bao gồm các dân tộc: Việt, Hoa, Stiêng, Chơro, Mạ ... Họ là những người lao động nghèo khổ ở khắp nơi trong nước đến lao động sinh sống ở các đồn điền và trở thành người công nhân cao su. Mặc dầu giữa họ có những phong tục, tập quán, tôn giáo... khác nhau, nhưng khi đã bước chân vào đồn điền cao su họ đều chịu chung số phận là bị tư bản thực dân áp bức bóc lột nặng nề, hành hạ hết sức dã man, trở thành lớp người cùng khổ nhất trong xã hội. Mặt khác, công nhân cao su tuy là những người lao động chưa được đào tạo tay nghề, đa phần là lao động thủ công trong lao động nhưng lại sống tập trung trong từng làng sở nhất định. Vì vậy, họ đã nhanh chóng cố kết lại với nhau thành một khối đoàn kết thống nhất. Từ đó ý thức giai cấp trong công nhân cao su sớm được hình thành, ý thức tổ chức kỷ luật cao. Từ khi có ánh sáng cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng cách mạng của Đảng cộng sản thâm nhập vào, người công nhân cao su trưởng thành rất nhanh về ý thức chính trị và nhận thức xã hội. Phong trào đấu tranh của công nhân cũng chuyển nhanh từ “tự phát” sang “tự giác”. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, đội ngũ công nhân cao su Thủ Dầu Một là một trong những lực lượng cách mạng tiên phong. Cùng với toàn dân, họ đã đóng góp một phần lớn xương máu, công sức của mình vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất tổ quốc.

2. Địa bàn hoạt động đấu tranh của công nhân cao su Thủ Dầu Một chủ yếu diễn ra ở vùng cao su và dọc các lộ giao thông. Vùng cao su là chiến trường, là hậu phương và là căn cứ tin cậy của kháng chiến.

Ở Thủ Dầu Một, các đồn điền cao su được hình thành khắp tỉnh, thường nằm sát cạnh các trục lộ giao thông chiến lược (như quốc lộ 13, 14, đường xe lửa Sài Gòn – Lộc Ninh...) và gần các căn cứ địa kháng chiến quan trọng như: Đồn điền Dầu Tiếng nối với chiến khu Long Nguyên, Đồn điền Phước Hòa nối với chiến khu Đ... Mối quan hệ giữa chiến khu và đồn điền được thiết lập vững vàng. Đồn điền thường xuyên ủng hộ sức người sức của cho căn cứ. Từ trong căn cứ ra chỉ thị, hướng dẫn, hỗ trợ cho đồn điền cũng nhanh chóng và hiệu quả cao. Khác với Biên Hòa, vùng cao su Biên Hòa chỉ nằm

tập trung chứ không trải rộng, dày khắp tỉnh như ở Thủ Dầu Một và xa chiến khu Đ hơn so với các vùng cao su ở Thủ Dầu Một.

Thủ Dầu Một có nhiều đường bộ và đường thủy chiến lược, trong lúc máy bay còn hạn chế, thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đã cơ động vận chuyển tiếp tế, ứng cứu cho nhau chủ yếu bằng cơ giới, tàu chiến. Do vậy, ngoài mặt trận kinh tế chiến như phá hoại kinh tế địch: cây cao su, thành phẩm cao su, tháo máy móc, lấy dụng cụ lao động đem vào chiến khu, thì giao thông chiến trở thành một lối đánh phổ biến của công nhân cao su Thủ Dầu Một.

Đặc biệt, công nhân cao su Thủ Dầu Một từng tham gia trận đánh quân sự thật sự lớn trong chiến dịch Bến Cát năm 1950, chiến dịch diễn ra ở vùng cao su và rất đông công nhân cao su tham gia đánh giặc. 21 năm chống Mỹ, vùng cao su Thủ Dầu Một là chiến trường quyết liệt của những trận đánh đã ghi nhận trong bộ lịch sử quân sự Quốc gia: Dầu Tiếng, Bàu Bàng, Long Nguyên, Núi Cậu, Nhà Mát, Đường Long, Cắm Xe, Tam Giác Sắt.. Tiến công Dầu Tiếng năm 1958, Đồng Khởi Dầu Tiếng năm 1960, chiến thắng Dầu Tiếng năm 1965, công nhân cao su Thuận Lợi trong chiến dịch Đồng Xoài năm 1965, công nhân cao su tham gia trong chiến dịch Nguyễn Huệ năm 1972, chiến dịch Phước Long, lộ 14, Bình Long ... đã làm cho giặc hoàn toàn thất thủ, phải chấp nhận rằng “Bình Long mất, Sài Gòn không còn”, công nhân cao su tham gia giải phóng Bình Long, giải phóng Dầu Tiếng ngày 13 tháng 3 năm 1975. Đó là điểm khác với Biên Hòa, công nhân cao su Biên Hòa chưa từng tham gia đông đảo vào các trận đánh quân sự lớn như vậy.

3. Phong trào đấu tranh của công nhân cao su Thủ Dầu Một diễn ra với nhiều nội dung và hình thức hết sức phong phú.

Ở buổi đầu, khi chưa chuẩn bị đầy đủ về chính trị, tư tưởng và tổ chức, chưa có sự lãnh đạo của Đảng, công nhân cao su Thủ Dầu Một cũng như các nơi khác đều đấu tranh bằng hình thức như bỏ trốn, lãn công, tập hợp đưa kiến nghị, vận động kiện cáo các chủ, cai hoặc mạnh hơn nữa là bạo động, nổi dậy chém chủ sở, chủ đồn điền... Mặc dù hình thức này là tự phát, chưa mang lại hiệu quả thiết thực, nhưng là báo hiệu cho sự phản kháng quyết liệt không thể dung hoà.

Từ sau năm 1930, với sự lãnh đạo của các chi bộ cộng sản trong đồn điền, phong trào công nhân được tổ chức chặt chẽ, tự giác hơn. Bắt đầu xuất hiện những cuộc tập

hợp lực lượng đưa yêu sách với tính thống nhất cao, những cuộc đình công, bãi công làm áp lực và cả những khởi nghĩa vũ trang với kế hoạch chuẩn bị chu đáo (tiêu biểu là sự kiện “Phú Riềng đỏ”). Công nhân không chỉ đấu tranh đơn thuần bằng lực lượng chính trị mà còn xây dựng cho mình lực lượng vũ trang (các đội xích vệ, tự vệ) để hành động khi cần thiết. Và điều độc đáo là từ năm 1930, công nhân còn biết sử dụng báo chí “tờ giải thoát” như là một vũ khí, một hình thức đấu tranh tuyên truyền, tập hợp lực lượng. Hình thức tổ chức các hội ái hữu, nghiệp đoàn biểu hiện rất có hiệu quả. Nhờ có hình thức đấu tranh phong phú, linh hoạt đó, công nhân cao su Thủ Dầu Một đã góp phần quan trọng vào thắng lợi cách mạng tháng Tám ở địa phương mình.

Trong suốt 30 năm kháng chiến (1945 – 1975), công nhân cao su Thủ Dầu Một luôn có những sáng tạo về phương thức đấu tranh. Bên cạnh những hoạt động đấu tranh với khẩu hiệu chống đánh đập, cúp phạt, chống phát gạo mục, cá thối, đòi tăng lương giảm giờ làm, đòi được cấp thuốc, đòi được đi bệnh viện điều trị khi ốm đau, đòi thực hiện đúng giao kèo trả về quê, đòi tự do nghiệp đoàn..., công nhân cao su còn đấu tranh phá hoại kinh tế của giặc, xây dựng kinh tế cho kháng chiến, cho cách mạng, và những hoạt động vũ trang diệt ác, phá đồn bót tiêu hao sinh lực địch, đi bộ đội, hỗ trợ và tham gia các chiến dịch của bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương mình... Ngoài ra, công nhân cao su còn có những hoạt động bền bỉ, âm thầm trong hàng ngũ giặc để nắm tin tức, tình hình giặc cung cấp cho cách mạng, đùm bọc chở che cho cán bộ, bộ đội, đảng viên, ủng hộ sức người, sức của cho kháng chiến. Nhờ có phương pháp đấu tranh thích hợp – biết kết hợp các hình thức công khai, bí mật, nên mặc dù trải qua những khó khăn khốc liệt, đội ngũ công nhân cao su Thủ Dầu Một vẫn duy trì được phong trào đấu tranh, không ngừng trưởng thành và liên tiếp giành được thắng lợi rực rỡ trong quá trình đấu tranh cách mạng đầy hy sinh gian khổ, góp phần xứng đáng vào thắng lợi chung của nhân dân cả nước.

4. Mục tiêu, tính chất, phương thức và mức độ đấu tranh của công nhân cao su Thủ Dầu Một gắn liền với phong trào kháng chiến của địa phương.

Trong 30 năm chiến tranh giải phóng, công nhân ở Thủ Dầu Một nói riêng hay Nam Bộ nói chung là đội ngũ tương đối mạnh và đa bộ phận gồm có: công nhân làm việc trong các đồn điền cao su, công nhân xe lửa Dĩ An, công nhân lục lộ (làm cầu đường), công nhân đốt than ở các sở củi, công nhân làm việc trong các nhà máy, xí nghiệp ...

Phong trào đấu tranh của công nhân Thủ Dầu Một cũng có những điểm chung về: thành phần là những người công nhân bản địa, công nhân công - tra; điều kiện làm việc cùng chung hoàn cảnh “địa ngục trần gian”; đối tượng đấu tranh: chống tư bản Pháp và đế quốc Mỹ; Mức độ đấu tranh: quyết liệt, được Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo, công nhân vừa đấu tranh vừa sản xuất.

Xét về hoàn cảnh lịch sử và địa lý cụ thể từng khu vực thì công nhân cao su Thủ Dầu Một là đội ngũ đông nhất về số lượng. Họ sống, làm việc và đấu tranh trong môi trường đặc biệt nên có những nét đặc thù riêng:

- ✓ **Tính chất:** Có ác liệt hơn vì tính chất cưỡng bức của quá trình vô sản hoá đặt người công nhân cao su vào hoàn cảnh những người đau khổ nhất trong số những người bị mất nước. Hơn ở đâu hết và hơn ai hết, hằng ngày, hằng giờ họ chịu đựng hậu quả của việc mất chủ quyền độc lập; kẻ thù dân tộc luôn luôn đứng trước mắt họ. Cũng hơn ai hết, thông qua sự đau khổ và nhục nhã bản thân họ sớm hiểu thế nào là chủ nghĩa tư bản và sớm đấu tranh chống lại chế độ này vì lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc.
- ✓ **Phương thức:** công nhân cao su là đội ngũ đông người nhất trong giai tầng gọi là vô sản “áo nâu”. Họ tuyệt đại bộ phận xuất thân từ nông dân bản cùng hoá. Họ làm những công việc nặng nhọc nhất, bị bóc lột mấy lần và cùng khổ nhất. Đứng về mặt phân công lao động xã hội, họ chỉ thực hiện những công việc lao động giản đơn, dùng nhiều tới chân tay, ít kỹ thuật. Họ bị bóc lột theo phương thức tư bản chủ nghĩa, nhưng công cụ lao động của họ không phải cái gì khác hơn là con dao phát quang, cái cuốc và con dao cạo mủ cây. Họ không hề biết tới một quá trình sản xuất cơ khí hoá.

Dù vậy, đội ngũ công nhân cao su đã tạo cho mình một ưu điểm lớn về phương thức đấu tranh. Vai trò và thành quả của “cao su chiến”, của những cuộc bỏ trốn tập thể hoặc cá nhân và những vụ đánh giết cai Tây gian ác là phương thức đấu tranh đặc trưng. Hiện tượng bỏ trốn, lãn công, đình công, biểu tình, đưa kiến nghị... bản thân nó tố cáo một sự cưỡng bức, một mối quan hệ áp bức, bóc lột cực kỳ khốc liệt giữa chủ với công nhân. Sự kiện rõ rệt hơn nữa là việc đánh, giết cai Tây. Đây là hành động vũ lực chống lại kẻ áp bức giai cấp, kẻ thù chung của dân tộc. Ngay từ ban đầu mọi hành vi của công nhân “áo nâu” đều đã mang tính chất chính trị và đều đánh đúng vào kẻ thù chủ yếu rồi. Cao hơn nữa là công nhân cao su trực tiếp tham

gia vào các trận đánh quân sự lớn. Những hành động đó dễ dàng thu hút được cả dân tộc ủng hộ và bản thân những hành động này cũng là sự đóng góp to lớn của giai cấp công nhân vào phong trào dân tộc.

- ✓ **Mức độ đấu tranh:** liên tục, cường độ đấu tranh cao và quyết liệt hàng ngày, hàng giờ.

Ngày thường khi không có tiếng súng thì mỗi công nhân đều sẵn sàng ở mỗi vị trí khác nhau: Ngoài việc thực hiện phần việc thường nhật ở lô, người công nhân còn hưởng về cách mạng. Những gói cơm lô, những viên thuốc, những ống nước muối bằng nhiều hình thức đều đặn tiếp sức cho cán bộ đoàn, đảng, chiến sĩ bí mật làm nhiệm vụ bên trong và khu vực ngoài đồn điền.

Do vùng cao su rộng lớn, tiếp nối với các chiến khu nên là trọng điểm bình định, càn quét, tìm diệt của hàng loạt các chiến dịch nối tiếp nhau trong những năm chống Mỹ. Công nhân cao su lúc nào cũng sẵn sàng tay dao, tay súng sử dụng khi cần thiết.

- ✓ **Mục tiêu:** đấu tranh đòi cải thiện dân sinh, đòi tự do dân chủ, đòi hoà bình thống nhất đất nước, độc lập dân tộc. Cái đạt được đáng ghi nhận ở đây là công nhân cao su Thủ Dầu Một đã đặt vấn đề sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân gắn với sự nghiệp giải phóng dân tộc, lợi ích giai cấp công nhân đặt trong lợi ích tối cao của dân tộc. Và mục tiêu đấu tranh này đã vươn tới được sự phối hợp đấu tranh giữa công nhân trong ngành, giữa công nhân đô thị, nông dân ... tạo thành một mặt trận liên hoàn, kiên cố, dồn đối phương vào thế bị động và thất thủ hoàn toàn.

*

* *

Phong trào đấu tranh của công nhân cao su Thủ Dầu Một trong suốt 30 năm chiến tranh giải phóng đã để lại những bài học kinh nghiệm quý báu.

Một là, nắm vững đường lối cách mạng của Đảng, căn cứ vào đặc điểm tình hình, xác định rõ mục tiêu đấu tranh cụ thể từng thời điểm để từ đó đề ra chủ trương và biện pháp đúng đắn.

Vùng đất Thủ Dầu Một trong 30 năm chiến tranh (1945-1975) là nơi tập trung dân từ khắp mọi miền đất nước, với đại đa số là công nhân cao su, lực lượng giác ngộ cách mạng cao, nơi tổ chức Đảng ra đời sớm nhất ở Nam Bộ (Phú Riềng đỏ 1930). Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, tinh thần dân tộc và ý thức giai cấp của công nhân

cao su được kết hợp hài hoà và biểu hiện đồng bộ trong các phong trào đấu tranh. 15 năm từ 1930 đến 1945, vừa hướng đến mục tiêu tối thượng là đứng lên đánh đuổi kẻ thù, giành lại tự do độc lập, phong trào công nhân cao su Thủ Dầu Một còn đồng thời giải quyết mục tiêu đòi dân sinh dân chủ, quyền lợi lao động cho đội ngũ mình, mặt khác tích cực xây dựng củng cố lực lượng của giai cấp mà tiêu biểu nhất là các tổ chức công sản.

Trong 9 năm kháng chiến chống Pháp từ 1945 đến năm 1954), công nhân cao su luôn tin tưởng vào đường lối lãnh đạo của Đảng, của cách mạng. Hàng ngàn công nhân cao su ở các đồn điền lên đường giết giặc cứu nước. Toàn thể công nhân không những đấu tranh đòi dân sinh mà còn tham gia mọi hoạt động kháng chiến. Trung ương cục, Xứ ủy, Tỉnh ủy Thủ Dầu Một và Thủ Biên dựa vào thế mạnh của địa bàn đã đề ra những chủ trương, những hình thức đấu tranh rất phù hợp với điều kiện cụ thể của từng giai đoạn lịch sử ở từng khu vực, địa phương.

Trong 21 năm đánh Mỹ, trong từng giai đoạn, công nhân cao su cùng nhân dân địa phương hợp thành hai lực lượng vũ trang và chính trị vững mạnh, lấy cơ sở chính trị làm nòng cốt để xây dựng lực lượng vũ trang. Tùy từng vùng chiến lược và tùy vào giai đoạn kháng chiến, công nhân được Đảng lãnh đạo xác định hình thức đấu tranh nào là chính. Quá trình kết hợp hai hình thức và hai lực lượng đấu tranh đã sáng tạo nên cách đánh độc đáo “kết hợp 3 mũi giáp công”, tức kết hợp 3 lực lượng vũ trang-chính trị-bình vận tạo thành sức mạnh tổng hợp đánh giặc. Hình thức 3 mũi giáp công cũng vận dụng rất linh hoạt, có khi chỉ biểu hiện trong một người. Người công dân (Đặc biệt là phụ nữ) có khi vừa tham gia đấu tranh chính trị trực diện với giặc, cũng có thể trở thành du kích tấn công địch, khi cần thiết là người tấn công bình vận có hiệu quả.

Tiến công và nổi dậy, nổi dậy và tiến công là quá trình thực hành chiến đấu thường xuyên. Tiến công vũ trang làm cơ sở hỗ trợ cho đấu tranh chính trị, ngược lại phong trào đấu tranh chính trị của công nhân với hình thức bao vây vận động, cô lập địch lại tạo điều kiện cho vũ trang bức hàng, bức rút đồn bót địch.

Nắm vững đường lối, phương châm phương pháp cách mạng của Đảng; nhận định đánh giá đúng vị trí đặc điểm của địa bàn để từ đó có chủ trương và biện pháp đúng là nhân tố đầu tiên dẫn đến thắng lợi.

Hai là, Làm tốt công tác công vận, thiếu số vận, thực hiện tốt chính sách đại đoàn kết dân tộc trong xây dựng và đấu tranh của phong trào công nhân cao su.

Là một bộ phận của giai cấp công nhân Việt Nam, đội ngũ công nhân cao su Thủ Dầu Một đa số xuất thân từ nông dân, bao gồm các dân tộc Kinh, Hoa, Châu ro, Stiêng.... Họ là những người lao động nghèo khổ ở khắp nơi trong nước đến lao động sinh sống ở các đồn điền và trở thành công nhân cao su. Mặc dầu giữa họ có những phong tục tập quán không giống nhau nhưng khi đã sống và làm việc chung đồn điền cao su thì họ đều chịu chung hoàn cảnh là bị tư bản thực dân Pháp áp bức bóc lột nặng nề, trở thành lớp người cùng khổ. Mặt khác công nhân cao su Thủ Dầu Một vốn là những lưu dân chán ghét chiến tranh do tập đoàn phong kiến Trịnh - Nguyễn gây nên, mang trong người truyền thống yêu nước bất khuất của dân tộc. Tình yêu thôn xóm, bản làng, quê hương, truyền thống đoàn kết... đã làm cho công nhân cao su Thủ Dầu Một sớm nhận thức được cảnh “nước mất - nhà tan”. Trước khi có Đảng lãnh đạo, công nhân cao su Thủ Dầu Một không kể Kinh hay “Thượng”, đã kiên quyết đấu tranh chống lại giới chủ đòi quyền dân sinh dân chủ. Sự kiện “Phú Riềng đỏ” đã nói lên rằng phong trào công nhân cao su Thủ Dầu Một vừa mang tính chất đấu tranh vì lợi ích giai cấp vừa mang tính chất lật đổ chính quyền của chủ nghĩa đế quốc. Từ khi có Đảng cộng sản lãnh đạo, công nhân cao su Thủ Dầu Một cùng quân và dân địa phương đã liên tục đấu tranh, lúc công khai, lúc bí mật, vượt qua mọi thử thách ác liệt do địch khủng bố, đàn áp, kiên trì xây dựng phong trào cách mạng và đấu tranh cách mạng đến cùng.

Thực tiễn kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược của quân và dân Thủ Dầu Một cho chúng ta thấy rằng một trong những lực lượng lớn mạnh, và làm cách mạng triệt để nhất là lực lượng công nhân các đồn điền cao su Thủ Dầu Một. Những thành tích của họ trong lao động và trong chiến đấu chứng tỏ rằng công nhân cao su đóng một vai trò hết sức quan trọng.

Ở Thủ Dầu Một, các huyện xa tỉnh lỵ như Dầu Tiếng, Hớn Quản, Bà Rá, Bù Đốp hoặc các vùng sâu trong rừng cách xa các đồn điền cao su là địa bàn cư trú chủ yếu của những người dân tộc thiểu số. Khi thực dân Pháp chiếm lại Thủ Dầu Một, chúng đã dùng mọi âm mưu thủ đoạn bằng kinh tế, chính trị, tôn giáo để dụ dỗ lôi kéo, gây chia rẽ người dân tộc với người Kinh, hòng nắm lấy người dân tộc làm chỗ dựa để thực hiện mưu đồ chính trị, quân sự, đàn áp phong trào kháng chiến. Nhưng nhờ thực hiện tốt chính sách dân tộc, các cán bộ công đoàn cùng các cấp Đảng bộ trong lĩnh đã vận động và xây dựng được phong trào cách mạng trong vùng dân tộc thiểu số. Với

nhiều phương thức vận động linh hoạt, người dân tộc thiểu số có nhiều đóng góp to lớn cho kháng chiến từ chiến đấu chống càn tiêu diệt địch, xây dựng làng xã chiến đấu, sản xuất cho đến việc nuôi giấu, che chở cán bộ, bộ đội trong những lúc khó khăn, cung cấp lương thực, thực phẩm thuốc men cho cách mạng.

Mặt khác, nhờ công tác công vận, số đông tầng lớp xu, ký, cai vốn từng là công cụ đắc lực cho tư bản Pháp đã quay lại với cách mạng, tích cực hỗ trợ cho công nhân cao su đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ.

Làm tốt công tác công vận và chính sách dân tộc là bài học rất có ý nghĩa đối với vùng đất có nhiều người dân tộc thiểu số sinh sống như ở Bình Dương và Bình Phước ngày nay.

Ba là, Kết hợp chặt chẽ phong trào đấu tranh của công nhân cao su với phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân địa phương.

Trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, công nhân cao su nói riêng, giai cấp công nhân Việt Nam nói chung đấu tranh với hai nhiệm vụ chính: đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc; đấu tranh để giành quyền làm chủ trong đồn điền cao su và đấu tranh đánh đuổi giặc xâm lược. Con đường đấu tranh của công nhân cao su Thủ Dầu Một rất gian truân, có lúc tưởng chừng như không vượt qua nổi: hoàn cảnh sống lầm than, lao động khổ nhọc vất vả để đổi lấy miếng cơm, manh áo có khi còn phải trả bằng cả sinh mạng của mình. Người công nhân không những bị những giới chủ người Pháp bóc lột và hành hạ mà còn phải hứng chịu những cuộc càn quét, khủng bố liên miên của lính nhà binh. Chín năm kháng chiến chống Pháp và 21 năm chống Mỹ là 30 năm mất mát hy sinh thâm lặng của những công nhân cao su cách mạng.

Nhưng với tinh thần xả thân vì tổ quốc, vì giai cấp, với ý chí sắt đá quyết sống chết với kẻ thù cướp nước, bóc lột, họ đã anh dũng, kiên cường từng bước đánh bại mọi âm mưu thâm độc, hành động đàn áp man rợ của kẻ thù, gây dựng lại phong đấu tranh chống lại kẻ thù đến ngày thắng lợi hoàn toàn.

Quá trình đấu tranh cách mạng của đội ngũ công nhân cao su ở Thủ Dầu Một thời kỳ từ năm 1945 đến năm 1975 không tách rời với quá trình đấu tranh cách mạng của nhân dân địa phương. Các cuộc đấu tranh của công nhân cao su ở trong đồn điền và ngoài địa phương đều tác động hỗ trợ nhau. Vì thành phần cư dân chủ yếu ở Thủ Dầu

Một là công nhân cao su nên thanh niên tòng quân vào bộ đội tập trung, bộ đội địa phương hoặc dân quân du kích, tự vệ làng, xã đa số là công nhân ở các đồn điền cao su. Công nhân cao su chiếm số đông trong các chi đội 1, chi đội 11, chi đội 10, tiểu đoàn 302, 303, 304... Trong những lúc kháng chiến khó khăn ác liệt, hầu hết các đơn vị đứng chân hoạt động ở Thủ Dầu Một đều dựa vào sự ủng hộ tiếp tế của công nhân cao su. Các hoạt động đấu tranh của công nhân cao su trong đồn điền cũng được các lực lượng cách mạng địa phương hỗ trợ đắc lực. Mối quan hệ gắn bó, hỗ trợ đấu tranh giữa công nhân cao su và lực lượng vũ trang địa phương đúc kết thành tình “dân và quân như cá với nước”, dù khó khăn gian khổ đến đâu họ cũng đều tin vào nhau, dựa vào nhau mà bám làng, bám đất, vượt lên trên mọi mất mát đau thương để chiến thắng kẻ thù.

Ngày nay trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, đội ngũ công nhân cao su ở Bình Dương và Bình Phước vẫn là một trong những lực lượng luôn đi đầu trong việc xây dựng kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội ở địa phương. Đó là đội quân tiên phong, là chỗ dựa, là cơ sở vững chắc của cách mạng trong quá khứ cũng như trong hiện tại ở tỉnh Bình Dương, Bình Phước nói riêng và ở cả nước nói chung. Ngược lại, sự phát triển về chính trị, kinh tế, văn hoá xã hội, quốc phòng - an ninh ở địa phương đều có tác động sâu sắc đến sự phát triển của ngành kinh tế cao su và phong trào công nhân cao su. Vì vậy, việc kết hợp chặt chẽ phong trào đấu tranh của công nhân cao su với phong trào cách mạng ở địa phương là một trong những bài học quan trọng rút ra từ phong trào đấu tranh của công nhân cao su Thủ Dầu Một nói riêng và cuộc kháng chiến của cả nước nói chung trong thời kỳ 30 năm kháng chiến từ năm 1945 đến năm 1975.

*

* *

30 năm lịch sử dân tộc (1945-1975) là một thời kỳ không dài so với lịch sử nhưng là một thời kỳ đặc biệt: thời kỳ đã đánh đổ chế độ thực dân kiểu cũ của Pháp và chế độ thực dân kiểu mới của Mỹ. Đội ngũ công nhân cao su cùng giai cấp công nhân Việt Nam đã hoàn thành tốt vai trò, sứ mệnh của giai cấp mình trong thời kỳ lịch sử đặc biệt đó. Công nhân cao su cùng toàn thể giai cấp công nhân Việt Nam đã từng là cơ sở xã hội, là cơ sở giai cấp của Đảng Cộng sản Việt Nam. Lịch sử 30 năm (1945-1975),

đã chứng tỏ rằng công nhân chỉ có thể trở thành một giai cấp giác ngộ cách mạng cao khi có Đảng tiên phong lãnh đạo. Điều kiện này, trong giai đoạn hiện nay, cũng cần phải có đường lối, chính sách của Đảng phù hợp thì họ mới có thể phát huy tính năng động và vai trò tiên phong của mình.

Nhìn tổng quát từ thực tế lịch sử đã qua và những biến đổi dữ dội của tình hình kinh tế-xã hội hiện nay. Những biến đổi lớn về cơ cấu theo các thành phần kinh tế, về ngành nghề và số lượng đội ngũ công nhân cao su đang đặt ra những vấn đề mới phải giải quyết. Ở đây, trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, Công Đoàn, toàn xã hội và bản thân công nhân cao su đối với sự phát triển bền vững của ngành nghề cao su là quan trọng.

Từ tìm hiểu thực tiễn lịch sử trong phong trào công nhân cao su 30 năm qua (1945-1975). Chúng tôi xin đề xuất những quan tâm đến việc bồi dưỡng, phát triển đội ngũ, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa cho công nhân cao su ngày nay:

- Thực hiện chiến lược xây dựng đội ngũ công nhân cao su, với những biện pháp cụ thể là giáo dục và đào tạo. Đào tạo mới công nhân cao su về học vấn, tay nghề, ý thức chính trị... Chú trọng đào tạo người công nhân kỹ thuật, dần cải tiến công việc từ lao động thủ công bằng chân tay sang thực hiện lao động bằng phương pháp kỹ thuật.

- Quan tâm hơn nữa chính sách xã hội đối với công nhân cao su. Trước hết là đền ơn đáp nghĩa. Đảng bộ và chính quyền địa phương cần ghi nhận một cách trân trọng sự đóng góp và hy sinh lớn lao của đồng bào, chiến sĩ và công nhân cao su không những trong đấu tranh chống thực dân Pháp mà còn trong chống Mỹ và trong lao động. Có chế độ đãi ngộ đối với người có công trong các thời kỳ chiến tranh để gìn giữ và xây dựng nền kinh tế cao su của tỉnh nhà. Đẩy mạnh các chương trình công tác xã hội, giáo dục giới trẻ ngày nay học những bài học cách mạng, trực tiếp ngay trong gương sáng của ông cha, những người đã chiến đấu và hy sinh cho hạnh phúc và tương lai của dân tộc.

- Xây dựng tỉnh nhà một cách toàn diện trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hoá-xã hội, xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh; không ngừng tổ chức tập luyện, sẵn sàng chiến đấu trong mọi tình huống; kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng-an ninh, quốc phòng với kinh tế; kết hợp sức mạnh của toàn dân ở địa phương với cả nước.

- Ngoài việc quan tâm khai thác các thế mạnh tiềm năng về đất đai, tài nguyên...

để phát triển nền kinh tế cao su trọng điểm, Đảng bộ và chính quyền địa phương cần chú trọng đến việc đảm bảo sự hài hoà thích hợp giữa lợi ích của nhà nước, của tập thể và của cá nhân; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người công nhân, xây dựng đội ngũ công nhân cao su thực sự là lực lượng nòng cốt trong công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước nói chung và công nghiệp hoá nông nghiệp và nông thôn nói riêng.

- Cuộc sống đầy đủ, an toàn và công bằng là một chỉ tiêu tổng hợp của mọi hoạt động kinh tế – xã hội. Vì vậy điều cần thiết là phải quan tâm phát triển mọi mặt ở những vùng căn cứ cũ, vùng sâu vùng xa, nhằm biến nơi đây thành một vùng kinh tế văn hoá phát triển, chính trị, quốc phòng an ninh ổn định và vững mạnh. Đó là thước đo mức độ thực hiện quyền làm chủ của người lao động, thước đo bản chất cách mạng của những người làm nhiệm vụ dưới chế độ mới hiện nay.

- Sưu tâm, biên soạn lịch sử kháng chiến của công nhân ngành cao su, góp phần giáo dục lòng yêu nước cho thế hệ trẻ, đặc biệt là thế hệ trẻ trên cả hai quê hương Bình Dương và Bình Phước ngày nay. Điều này sẽ giúp ích rất nhiều cho việc xây dựng nền kinh tế cao su không những chỉ cho địa phương mình mà còn cho cả nước.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN CỦA TÁC GIẢ

1. Nguyễn Thị Mộng Tuyền: 2003, *Phong trào đấu tranh của công nhân cao su Thủ Dầu Một trong kháng chiến chống thực dân Pháp*, Nxb Lao Động, Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Mộng Tuyền: 2005, *Bước đầu tìm hiểu về lịch sử hình thành và phát triển các đồn điền cao su ở Việt Nam*, Tập san Hội khoa học lịch sử Bình Dương.

3. Nguyễn Thị Mộng Tuyền: 2006, *Quá trình tiếp quản các đồn điền cao su ở miền Đông Nam Bộ (năm 1975)*, Tập san Hội khoa học lịch sử Bình Dương.
4. Nguyễn Thị Mộng Tuyền: 2006, “*Mặt trận cao su chiến*” ở miền Đông Nam bộ trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), Tập san Hội khoa học lịch sử Bình Dương.
5. Nguyễn Thị Mộng Tuyền: 2007, *Đặc điểm phong trào đấu tranh của công nhân cao su Thủ Dầu Một trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954)*, Tập san Hội khoa học lịch sử Bình Dương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Liên Anh (1963), *Máu trắng máu đào*, Nxb. Lao động mới, Sài Gòn.
2. Hoài Anh (1977), “Thủ Dầu Một dưới mắt người Pháp”, *Tạp chí Xưa và Nay*, (Số 45^B).
3. Nguyễn Quang Ân (1997), *Việt Nam những thay đổi địa danh và địa giới các đơn vị hành chính 1945-1987*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
4. Toàn Ánh (1974), *Cao nguyên miền Thượng*, Sài Gòn.
5. Ban chỉ đạo lễ kỷ niệm 300 năm vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai (1998), *Biên Hòa - Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển*, Nxb. Đồng Nai, Đồng Nai.

6. Ban chỉ đạo tổng kết chiến tranh - Trực thuộc Bộ Chính trị (1996), *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước thắng lợi và bài học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
7. Ban chỉ đạo tổng kết chiến tranh - Trực thuộc Bộ Chính trị (1996), *Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi và bài học*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
8. Ban nghiên cứu lịch sử công đoàn Việt Nam (1975), *Lịch sử phong trào công nhân và công đoàn Việt Nam (1860-1945)*, Nxb. Lao động, Hà Nội.
9. Ban nghiên cứu lịch sử công đoàn Việt Nam (1985), *Lịch sử phong trào công nhân và công đoàn Việt Nam trong kháng chiến chống thực dân Pháp (9 -1945 – 7-1954)*, Nxb. Lao động, Hà Nội.
10. Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương (1976), *Những sự kiện lịch sử Đảng, tập 1 (1920-1945)*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
11. Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương (1979), *50 năm hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Sự thật Hà Nội.
12. Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương (1979), *Những sự kiện lịch sử Đảng, tập 2 (1945-1954)*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
13. Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương (1985), *Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
14. Ban Thường vụ huyện Ủy Phước Long (1994), *Lịch sử truyền thống cách mạng của Đảng bộ quân và dân Phước Long (thời kỳ 1930-1975)*, Nxb. Tổng hợp Sông Bé.
15. Ban Thường vụ tỉnh Ủy Sông Bé (1995), *Lịch sử Đảng bộ Sông Bé, tập 1 (1930-1954)*, Nxb. Tổng hợp Sông Bé.
16. Ban Thường vụ tỉnh Ủy và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Sông Bé (1990), *Sông Bé – Lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm (1945-1975)*, Nxb. Tổng Hợp Sông Bé.
17. Ban Tổng kết lịch sử Bộ Tổng tham mưu (1977), *Tổng kết Bộ Tổng tham mưu trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
18. Bộ Quốc phòng, Viện lịch sử quân sự Việt Nam (1988), *Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975-Những sự kiện quân sự, Viện lịch sử quân sự Việt Nam xuất bản.*
19. Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bình Phước (2002), *Lịch sử Bình Phước kháng chiến (1945-1975)*, Nxb. chính trị Quốc Gia, Hà Nội.
20. Bộ Quốc Phòng Quân Khu 7: (2004), *Lịch sử Bộ chỉ huy Miền (1961-1976)*, Nxb. Chính trị Quốc Gia, Hà Nội.
21. Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Dương (2003), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Dương(1930-1975)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
22. Cao Văn Biền (1979), *Giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ 1936-1939*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

23. Cao Văn Biên (1974), “Những chuyển biến của giai cấp công nhân Việt Nam dưới ánh sáng Chủ nghĩa Mác-Lênin”, trong sách *Một số vấn đề về lịch sử giai cấp công nhân Việt Nam*, Nxb. Lao động, Hà Nội.
24. Lê Bưởi (chủ biên) (1984), *Quá trình cuộc chiến tranh xâm lược của Đế Quốc Mỹ và quy luật hoạt động của Mỹ – nguy trên chiến trường B2*, Ban tổng kết chiến tranh B2.
25. Nguyễn Công Bình (1974), *Giai cấp công nhân Việt Nam với sự nghiệp giải phóng dân tộc*, trong sách “Một số vấn đề về lịch sử giai cấp công nhân Việt Nam”, Nxb. Lao động, Hà Nội.
26. Trần Tử Bình (1965), *Phú Riêng đở*, Nxb. Lao động, Hà Nội.
27. Trần Văn Cang (1999), “*Hớn Quản, rừng kháng chiến gian lao mà anh dũng*”, trong sách *Những năm đầu kháng chiến: Hồi ký về chi đội 1 trung đoàn 301 và dân quân Thủ Dầu Một*, Hội văn học – nghệ thuật Bình Dương xuất bản.
28. Trần Văn Cang (1999), “*Hồi ức về hoạt động của bộ đội Hớn Quản - Lộc Ninh - Bù Đốp*”, trong sách *Những năm đầu kháng chiến: Hồi ký về chi đội 1 trung đoàn 301 và dân quân Thủ Dầu Một*”, Hội văn học – nghệ thuật Bình Dương xuất bản.
29. Hoàng Cẩm (1995), *Chặng đường mười nghìn ngày (hồi ký)*, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
30. Gabrien Côncô (1991), *Giải phẫu một cuộc chiến tranh*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
31. Công đoàn cao su Việt Nam (2003), *Lịch sử phong trào công nhân cao su Việt Nam (1906-2001)*, Nxb. Lao động, Hà Nội.
32. Nguyễn Khoa Chi – Hà Xuân Tư (1985), *Cây cao su kỹ thuật trồng khai thác và chế biến*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
33. Trần Kháng Chiến (1997), “*Người lãnh đạo Phú Riêng đở*”, *Tạp san cao su Việt Nam*, (Số 58-59).
34. Công ty cao su Dầu Tiếng (2000), *Lịch sử phong trào công nhân cao su Dầu Tiếng*, Nxb. Lao Động, Hà Nội.
35. Lê Duẩn (1968), *Vai trò của giai cấp công nhân, nhiệm vụ của công đoàn trong giai đoạn trước mắt*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
36. Lê Duẩn (1976), *Giai cấp công nhân Việt Nam và Liên minh công nông*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
37. Lê Duẩn (1980), *Tiến lên dưới ngọn cờ vĩ vang của Đảng*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
38. Lê Duẩn (1993), *Về chiến tranh nhân dân Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

39. Văn Tiến Dũng (1991), *Cuộc kháng chiến chống Mỹ toàn thắng*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
40. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc Gia, Hà Nội.
41. Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc Gia, Hà Nội.
42. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc Gia, Hà Nội.
43. Đảng Cộng sản Việt Nam (1997), *Văn kiện Đại hội Đảng cộng sản Việt Nam lần thứ IV (12/1976)*. Nxb. Sự thật, Hà Nội.
44. Đảng Lao động Việt Nam (1974), *Văn kiện Đảng về công tác vận động công nhân*, tập I, Nxb. Lao Động, Hà Nội.
45. Đảng Lao động Việt Nam (1976), *Văn kiện Đảng về công tác vận động công nhân*, tập II, Nxb. Lao Động, Hà Nội.
46. Đảng Ủy công ty cao su Phước Hòa và Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Sông Bé (1984), *30 năm đấu tranh của công nhân cao su Phước Hòa 1945-1975*, VHTT tỉnh Bình Dương.
47. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng toàn Tập*, Nxb. Chính Trị Quốc Gia, Hà Nội.
48. Đảng uỷ – Bộ tư lệnh Quân khu 7 (1993), *Miền Đông Nam Bộ kháng chiến (1945-1975)*, tập II, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
49. Đảng ủy công ty cao su Đồng Phú, Ban cứu lịch sử Đảng Sông Bé (1985), *Từ Phú Riêng Đổ đến công ty cao su Đồng Phú*, , Nxb. Tổng hợp Sông Bé.
50. Ngọc Đản (1999), “Chủ tịch Hồ Chí Minh với công nhân và tổ chức công đoàn”, *Báo cao su Việt Nam*, (số 79).
51. Phạm Văn Đồng (1968), *Tăng cường công tác vận động công nhân*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
52. Trần Bạch Đằng (1997), “100 năm cao su Việt Nam”, *Tạp san cao su Việt Nam*, (Số 58-59).
53. Trần Bạch Đằng (2005), *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến*, Nxb. Chính trị Quốc Gia, Hà Nội.
54. Hồ Sơn Đài (1999), “Đặc điểm phong trào công nhân cao su Thủ Dầu Một trong kháng chiến chống thực dân Pháp”, *Tạp chí Lịch sử quân sự*, (số 4).
55. Hồ Sơn Đài (2002), *Lịch sử Bình Phước kháng chiến (1945-1975)*, Nxb. Chính trị Quốc Gia, Hà Nội.

56. Hồ Sơn Đài (1996), *Chiến khu ở miền Đông Nam Bộ (1945-1954)*, Nxb. Thành Phố Hồ Chí Minh.
57. Hồ Sơn Đài (1995), *Căn cứ địa kháng chiến chống thực dân Pháp ở miền Đông Nam Bộ (1945-1954)*, Luận án Phó tiến sĩ khoa học lịch sử, Viện Khoa học xã hội tại TP. HCM.
58. Nguyễn Đình Đầu (1999), *Chế độ công điền công thổ trong lịch sử khẩn hoang lập ấp ở Nam kỳ lục tỉnh*, Nxb. Trẻ Thành Phố Hồ Chí Minh.
59. Nguyễn Đình Đầu (1997), “Địa danh Bình Dương”, *Tạp chí Xưa và Nay*, (số 45^B).
60. Nguyễn Đình Đầu (1991), “Địa lý lịch sử Sông Bé”, trong sách *Địa chí tỉnh Sông Bé*, Nxb. Tổng hợp Sông Bé.
61. Nguyễn Đình Đầu (1994), *Tổng kết nghiên cứu địa bàn Nam Kỳ lục tỉnh*, Nxb. Thành Phố Hồ Chí Minh.
62. Nguyễn Đình Đầu (1997), “Bình Dương một thế kỷ xưa”, *Tạp chí Xưa và Nay*, (số 45^B).
63. Nguyễn Minh Đức (1998), “Địa danh Thủ Dầu Một sự tích và truyền thuyết”, *Báo văn nghệ Bình Dương*, (số 9).
64. Nguyễn Viết Đức (1972), *Thực tế khai thác cao su của người Pháp tại Bình Long*, Luận văn cao học Quốc gia hành chính Sài Gòn năm 1972, lưu tại phòng đọc hạn chế - Thư viện Khoa học tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, ký hiệu 0595.
65. Mạc Đường (1985), “Vấn đề dân cư và dân tộc ở Sông Bé qua các thời kỳ lịch sử”, trong sách *Vấn đề dân tộc ở Sông Bé*, Nxb. Tổng hợp Sông Bé.
66. Philip B. Davitson (1995), *Những bí mật của cuộc chiến tranh Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc Gia, Hà Nội.
67. F. Enghen (1964), *Nguyên tắc cơ bản về vấn đề chiến tranh*, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
68. F. Enghen (1962), *Tình cảnh giai cấp công nhân Anh*, Nxb. Sử học, Hà Nội.
69. Võ Nguyên Giáp (1970), *Mấy vấn đề về đường lối quân sự của Đảng ta*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
70. Trần Văn Giàu (1958), *Giai cấp công nhân Việt Nam - Sự hình thành và phát triển của nó từ giai cấp “tự mình” đến giai cấp “cho mình”*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
71. Trần Văn Giàu (1979), *Giai cấp công nhân Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
72. Võ Nguyên Giáp (1964), *Từ nhân dân mà ra*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
73. Lê Mậu Hãn (1999), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập III (1945-1995), Nxb. Giáo dục.

74. Lê Huỳnh Hoa (1997), “Cây cao su đặc sản của vùng Đông Nam Bộ”, *Tạp chí Xưa và Nay*, (số 45^B).
75. Ngô Văn Hòa, Dương Kinh Quốc (1978), *Giai cấp công nhân Việt Nam trước khi thành lập Đảng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
76. Hà Minh Hồng (1999), “Phú Riềng Đỏ trong phong trào công nhân Miền Đông Nam Kỳ”, *Tạp chí nghiên cứu lịch sử*, (số 306).
77. Cao Hùng (1991), *Phụ nữ Sông Bé 45 năm đấu tranh giải phóng (1930-1975)*, Nxb. Tổng hợp Sông Bé.
78. Huyện ủy Huyện Đồng Phú (1994), *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân Đồng Phú (1930-1975)*, Nxb. Tổng hợp Sông Bé.
79. Lê Văn Khoa (1990), *70 năm lịch sử công nhân cao su Dầu Tiếng*, Nxb. Tổng hợp Sông Bé.
80. Hồ Sỹ Khoách (1999), “Phú Riềng những cơ sở cách mạng đầu tiên của công nhân cao su”, *Tạp chí Xưa và Nay*, (số 69^B).
81. Trương Vĩnh Ký, Nguyễn Đình Đầu (1997), *Tiểu giáo trình địa lý Nam Kỳ*, Nxb. Trẻ, Thành Phố Hồ Chí Minh.
82. Huỳnh Lứa (chủ biên) (1993), *Lịch sử phong trào công nhân cao su Việt Nam (1906-1990)*, Nxb. Trẻ.
83. Huỳnh Lứa (1987), *Lịch sử khai phá vùng đất Nam Bộ*, Nxb. Thành Phố Hồ Chí Minh.
84. Huỳnh Lứa (1999), “Phác thảo vài nét về đất Bình Dương thời khai phá”, trong sách *Thủ Dầu Một-Bình Dương đất lành chim đậu*, Nxb. Văn nghệ Thành Phố Hồ Chí Minh.
85. Huỳnh Lứa (chủ biên) (1988), *Truyền thống đấu tranh cách mạng của quân và dân huyện Bình Long*, Nxb. Tổng hợp Sông Bé.
86. Huỳnh Lứa (chủ biên) (1996), *Công ty cao su Đồng Phú truyền thống xây dựng và phát triển (1927-1995)*, Sở Văn hóa thông tin Sông Bé xuất bản.
87. Liên đoàn lao động tỉnh Bình Dương (2003), *Lịch sử phong trào công nhân lao động và công đoàn tỉnh Bình Dương (từ đầu thế kỷ XX đến 30-04-1975)*, Nxb. Chính trị Quốc Gia, Hà Nội.
88. Cao Văn Lượng (1977), *Công nhân miền Nam Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
89. C. Mác (1959), *Bàn về tổ chức lao động*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
90. C. Mác (1959), *Lao động làm công và tư bản*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.

91. C. Mác (1962), *Tư bản*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
92. C. Mác – Ph Ăngghen – Lênin (1984), *Về sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp vô sản*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
93. C. Mác – Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
94. Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
95. Thái Nhân Hoà, Hồ Sơn Đài (1997), *Mùa xuân giải phóng*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
96. Đỗ Ngọc Nam (1991), *Tìm hiểu phong trào đấu tranh của công nhân cao su Sông Bé (1930-1975)*, tiểu luận cao học lịch sử, Viện Khoa học xã hội tại TP. HCM.
97. Sơn Nam (1997), *Lịch sử khẩn hoang Miền Nam*, Nxb. Trẻ Thành Phố Hồ Chí Minh.
98. Thành Nam (1982), *Phong trào đấu tranh cách mạng của công nhân cao su miền Đông Nam Bộ*, Nxb. Lao động, Hà Nội.
99. Sĩ Ngộ (1997), “Một người phu contrat xưa”, *Tập san cao su Việt Nam*, (Số 58-59).
100. Trịnh Nhu (1995), *Lịch sử cách mạng tháng Tám 1945*, Nxb. Chính trị Quốc Gia, Hà Nội.
101. Nguyễn Phong (1963), *Tư bản Pháp và vấn đề cao su ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
102. *Phong trào cộng sản, công nhân và giải phóng dân tộc quốc tế*, Dịch từ nguyên bản tiếng nga, 1981, Nxb. sách giáo khoa Mác- Lê-nin.
103. Vũ Huy Phúc (1974), “Sự hình thành người công nhân và đặc điểm lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam”, trong sách *Một số vấn đề về lịch sử giai cấp công nhân Việt Nam*, Nxb. Lao động, Hà Nội.
104. *Quá trình hình thành và phát triển ngành cao su Việt Nam*, Tập san cao su Việt Nam, tháng 9-10/1997, Số 58-59.
105. Dương Kinh Quốc (1974), “Tình hình công nhân Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX đến chiến tranh thế giới lần thứ nhất”, trong sách *Một số vấn đề về lịch sử giai cấp công nhân Việt Nam*, Nxb. Lao động, Hà Nội.
106. Phạm Hồng Sơn (1997), *Nghệ thuật đánh giặc giữ nước của dân tộc Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
107. Minh Tấn (1959), “Ngành trồng tủa cao su Việt Nam”, *Tập san phòng thương mại Sài Gòn*, lưu tại Viện Khoa học Xã Hội vùng Nam Bộ, ngày 03-05-1959, số 68.

108. Nguyễn Viết Tá (1990), *Miền Đông Nam Bộ kháng chiến 1945-1975*, tập 1, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
109. Nguyễn Viết Tá (1997), *Miền Đông Nam Bộ trong cuộc tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975*, trong sách *Mùa xuân giải phóng*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
110. Nguyễn Viết Tá (1991), *Sông Bé 30 năm chiến tranh giải phóng*, trong sách “Địa chí Sông Bé”, Nxb. Tổng hợp Sông Bé.
111. Văn Tạo (1997), *Một số vấn đề về giai cấp công nhân và công đoàn Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
112. Nguyễn Hữu Thọ (1994), “Chính phủ Mỹ với cuộc đảo chính Diệm (1963)”, *Đặc san Sự kiện và Nhân chứng*, (số 5).
113. Lưu Huỳnh Thống (1991), “Lịch sử đấu tranh cách mạng Sông Bé (1920-1945)”, trong sách *Địa chí tỉnh Sông Bé*, Nxb. Tổng Hợp Sông Bé.
114. Vũ Thùy (1985), *Công nhân cao su chiến đấu*, Nxb. Lao động.
115. Nguyễn Khắc Thuận (1997), *Trận đại thắng mùa xuân 1975 khúc hùng tráng nhất của thiên sử giữ nước oai hùng*, trong sách *Mùa xuân giải phóng*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
116. Trần Toàn (1991), “Sự hình thành và phát triển của đội ngũ công nhân cao su Đồng Nai qua các thời kỳ lịch sử (1906-1991)”, *Luận án Phó Tiến Sĩ Khoa học lịch sử*, Viện Khoa học xã hội tại TP. HCM.
117. Trần Văn Trà (1982), “Những chặng đường lịch sử của B2 thành đồng. Kết thúc cuộc chiến tranh 30 năm”, *Văn Nghệ Tp. HCM*, tập 5.
118. Trần Quang Toại (1996), “Lịch sử Đặc Công miền Đông Nam Bộ trong kháng chiến chống thực dân Pháp 1945-1954”, *Luận án Thạc sỹ Khoa học Lịch sử*, Viện Khoa học Xã hội tại TP. HCM.
119. Nguyễn Tùng (1997), “Chuyện về Phú Riềng đỏ năm 1930”, *Tập san cao su*, (số 58-59).
120. Nguyễn Thu Vân (1999), *Lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp của quân và dân Bình Phước 1945-1954*, Luận án Thạc sỹ Khoa học Lịch sử, Viện Khoa học Xã hội tại TP. HCM.
121. Viện lịch sử Đảng (2002), *Lịch sử biên niên Xứ uỷ Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954-1975)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
122. Viện sử học (1991), *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)*, Nxb. Sự Thật, Hà Nội.

123. Viện lịch sử quân sự Việt Nam (1994), *Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945-1954*, tập 1, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
124. Viện lịch sử quân sự Việt Nam (1994), *Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945-1954*, tập 2, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
125. Viện lịch sử quân sự Việt Nam (1994), *Lịch sử quân đội nhân dân Việt Nam*, tập 1, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
126. Viện lịch sử quân sự Việt Nam (2003), *Hệ thống tổ chức quân sự của Mỹ và Việt Nam Cộng hoà trong chiến tranh Việt Nam*, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
127. Viện Hàn Lâm Khoa Học Liên Xô (1985), *Phong trào công nhân quốc tế*, tập 1, Bản dịch tiếng Việt của Nxb. Tiến bộ và Nxb. Sự thật.
128. Viện Hàn Lâm Khoa Học Liên Xô (1986), *Phong trào công nhân quốc tế*, tập 2, Bản dịch tiếng Việt của Nxb. Tiến bộ và Nxb. Sự thật.
129. Việt Nam Thông Tấn Xã (1971), *Tài liệu mật Bộ Quốc phòng Mỹ về cuộc chiến tranh Việt Nam*, Tập 1, VNTTX, Hà Nội.
130. Đặng Văn Vinh (1997), “Cao su thiên nhiên hôm qua hôm nay và ngày mai”, *Tập san cao su Việt Nam*, (Số 58;59).
131. Đặng Văn Vinh (1997), *Cao su thiên nhiên thế giới*, Nxb. Nông nghiệp, Tp.HCM.
132. Đặng Văn Vinh (2000), *100 năm cao su ở Việt Nam*, Nxb. Nông Nghiệp.
133. Robert S. Mc Namara (1995), *Nhìn lại quá khứ, tấn thảm kịch và những bài học về Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc Gia, Hà Nội.
134. Yves Gras (1982), *Lịch sử cuộc chiến tranh Đông Dương*, Nxb. Plon, Paris, 1979, bản dịch của Viện Lịch sử quân sự Việt Nam.
135. Ủy Ban Trung Ương MTDTGPMNVN (1965), *Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam (Tuyên ngôn và chương trình 10 điểm)*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
136. Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Sử học (1985), *Sức mạnh chiến thắng của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước*, Nxb. KHXH, Hà Nội.

TÀI LIỆU LƯU TRỮ

137. Ban công vận Miền (1969), *Báo cáo của Ban công vận Miền năm 1969*, lưu tại Phòng nghiên cứu lịch sử Đảng-Ban Tuyên giáo tỉnh Ủy Bình Dương, TL.03/69.
138. Ban chấp hành Trung ương (1950), *Báo cáo tình hình Nam Bộ năm 1950*, lưu tại Phòng Khoa học-Công nghệ và Môi trường Quân khu 7, LS.69.
139. Ban công vận miền Nam (1960), *Báo cáo tình hình công nhân lao động miền Nam Việt Nam trong 10 năm qua (1956-1960)*, Tổng công ty cao su Việt Nam, ML. 1286/66.
140. Bộ tư lệnh Khu 7 (1950), *Báo cáo công tác phá hoại kinh tế địch năm 1948-1949*, lưu tại Phòng nghiên cứu lịch sử Đảng- Ban Tuyên giáo tỉnh Ủy Bình Dương, Hồ sơ 2033.
141. Bộ tư lệnh khu 7 (1948), *Báo cáo tình hình chung miền Đông Nam Bộ năm 1948*, lưu tại Phòng Khoa học-Công nghệ và Môi trường Quân khu 7. LS.48.
142. Bộ tư lệnh khu 7 (1943), *Chi đội 1_ giải phóng quân Nam Bộ*, lưu tại Phòng nghiên cứu lịch sử Đảng-Ban Tuyên giáo tỉnh Ủy Bình Dương, TL. 23/43.
143. Huỳnh Văn Nghệ- chỉ huy trưởng Vệ quốc đoàn Biên Hòa, *Báo cáo chiến dịch Bến Cát và kinh nghiệm tháng 10/1950*, lưu tại Phòng nghiên cứu lịch sử Đảng-Ban Tuyên giáo tỉnh Ủy Bình Dương, TL. 03/50.
144. Huỳnh Văn Nghệ- chỉ huy trưởng Vệ quốc đoàn Biên Hòa (1948), *Tình hình dân quân Nam Bộ tháng 12 - 1948*, lưu tại phòng nghiên cứu lịch sử Đảng – Ban Tuyên giáo tỉnh Ủy Bình Dương, TL. 03/48.
145. *Hồ sơ số 11661*, Mục lục S006, Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia II.

146. *Nhận định của địch trong tài liệu “Kế hoạch AN16” năm 1963*, lưu tại Phòng Khoa học-Công nghệ và Môi trường Quân khu 7, TL.09/63.
147. Nguyễn Văn Nghi (1989), *Hồi ký về công nhân cao su Thủ Dầu Một giai đoạn kháng chiến chống Pháp (1945-1954)*, lưu tại phòng nghiên cứu lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo tỉnh Ủy Bình Dương, TL. 25/20.
148. Liên hiệp công đoàn Nam Bộ (1954), *Khuyến trương việc trồng cao su*, lưu tại phòng nghiên cứu lịch sử Đảng – Ban Tuyên giáo tỉnh Ủy Bình Dương, hồ sơ số 14186.
149. Liên hiệp công đoàn Nam Bộ (1956), *Công nhân các đồn điền Thủ Dầu Một bị bắt bớ (kiến nghị của các liên hiệp nghiệp đoàn thuộc tổng liên đoàn lao động Việt Nam năm 1956)*, lưu tại phòng nghiên cứu lịch sử Đảng – Ban Tuyên giáo tỉnh Ủy Bình Dương, Mục lục số S001, Hồ sơ số 1726.
150. Liên hiệp công đoàn Nam Bộ (1951), *Bản tổng kết tình hình tranh đấu công nhân cao su Thủ Biên-Tây Ninh năm 1951*, lưu tại Phòng Khoa học - Công nghệ và Môi trường Quân khu 7, LS.51.
151. Liên hiệp công đoàn Nam Bộ (1954), *Báo cáo 6 tháng đầu năm 1954 của Liên Hiệp Công Đoàn Nam Bộ gửi Phân liên khu ủy Miền Đông*, lưu tại Phòng Khoa học - Công nghệ và Môi trường Quân khu 7, LS.201.
152. Liên hiệp công đoàn Nam Bộ (1960), *Báo cáo 6 tháng đầu năm 1960 của Liên hiệp công đoàn năm 1960*, lưu tại Phòng nghiên cứu lịch sử Đảng-Ban Tuyên giáo tỉnh Ủy Bình Dương, TL. 09/60.
153. Liên hiệp công đoàn Nam Bộ (1947), *Báo cáo chính trị khu 7 năm 1947*, lưu tại Phòng nghiên cứu lịch sử Đảng-Ban Tuyên giáo tỉnh Ủy Bình Dương, TL. 4/47.
154. Liên hiệp công đoàn Nam Bộ (1948), *Báo cáo chung niên năm 1948 về tình hình cao su ở Nam Bộ*, lưu tại Phòng Khoa học-Công nghệ và Môi trường Quân khu 7. LS.48.
155. Liên Hiệp công đoàn Nam Bộ (1949), *Báo cáo phá hoại kinh tế địch từ tháng 7 đến tháng 12/1949*, lưu tại Phòng nghiên cứu lịch sử Đảng-Ban Tuyên giáo tỉnh Ủy Bình Dương, hồ sơ 2033, tờ 5-10.
156. Liên hiệp công đoàn cao su tỉnh Thủ Dầu Một (1948), *Báo cáo số 8/TB ngày 5 tháng 11 năm 1948 về cao su Thủ Dầu Một của LHCĐCS tỉnh Thủ Dầu Một gửi Ban tổ chức LHND Nam Bộ*, lưu tại hòng Khoa học - Công nghệ và Môi trường Quân khu 7. LS.48.

157. Liên Hiệp Công Đoàn Nam Bộ (1954), *Báo cáo thành tích tham gia kháng chiến của công nhân cao su miền Đông Nam Bộ trong kháng chiến chống Pháp*, lưu tại Phòng Khoa học - công nghệ và Môi trường Quân khu 7, tài liệu đánh máy số 119. LS.46.
158. Liên Hiệp Công Đoàn Nam Bộ (1948), *Báo cáo tình hình công nhân Nam Bộ (từ đầu năm 1945 đến cuối năm 1948)*, lưu tại Phòng Khoa học-Công nghệ và Môi trường Quân khu 7. LS.48.
159. Liên Hiệp Công Đoàn Nam Bộ (1949), *Báo cáo tình hình Nam Bộ năm 1949*, Liên Hiệp công đoàn Nam Bộ, lưu tại Phòng Khoa học-Công nghệ và Môi trường Quân khu 7, LS.49.
160. Liên Hiệp công đoàn Nam Bộ (1951), *Báo cáo tình hình Nam Bộ năm 1951*, Lưu tại Phòng Khoa học-Công nghệ và Môi trường Quân khu 7, LS.70.
161. Liên Hiệp công đoàn Nam Bộ (1954), *Báo cáo tình hình Nam Bộ năm 1952-1953*, lưu tại Phòng Khoa học-Công nghệ và Môi trường Quân khu 7, LS.40.
162. Liên hiệp công đoàn cao su Nam Bộ (1950), *Báo cáo về sinh hoạt, chủ trương và công tác của Thường vụ Liên hiệp công đoàn cao su Nam Bộ gửi Tổng liên đoàn lao động Việt Nam ngày 1 tháng 7 năm 1950*, lưu tại Phòng Khoa học-Công nghệ và Môi trường Quân khu 7. LS.50.
163. Liên hiệp công đoàn cao su Nam Bộ (1950), *Báo cáo về tình hình phong trào từ tháng 1 đến tháng 6/50 Liên hiệp công đoàn cao su Nam Bộ gửi Tổng liên đoàn lao động Việt Nam*, lưu tại Phòng Khoa học-Công nghệ và Môi trường Quân khu 7. LS. 50.
164. Liên Hiệp công đoàn Thủ Dầu Một (1951), *Bảo vệ an ninh cho các đồn điền*, lưu tại phòng nghiên cứu lịch sử Đảng – Ban Tuyên giáo tỉnh Ủy Bình Dương, Hồ sơ số 7375.
165. Liên Hiệp công đoàn Thủ Dầu Một (1948), *Biên bản cuộc hội nghị công nhân toàn tỉnh tháng 3/48 ngày 12 của Liên hiệp công đoàn Thủ Dầu Một*, lưu tại Phòng Khoa học-Công nghệ và Môi trường Quân khu 7, LS 79/48.
166. Liên Hiệp công đoàn Thủ Dầu Một (1962), *Các vụ đình công ở đồn điền 1961-1962*, lưu tại phòng nghiên cứu lịch sử Đảng – Ban Tuyên giáo tỉnh Ủy Bình Dương, Hồ sơ số 11662.
167. Liên Hiệp công đoàn Nam Bộ (1958), *Các vụ tấn công đồn điền Michelin (Dầu Tiếng) 1958*, lưu tại phòng nghiên cứu lịch sử Đảng – Ban Tuyên giáo tỉnh Ủy Bình Dương, Hồ sơ số 11657.

168. Liên hiệp công đoàn phân liên khu Miền Đông (1954), *Chỉ thị số 03/CT-54 của Liên hiệp công đoàn phân liên khu Miền Đông kiêm Công đoàn cao su Miền Đông gửi Liên hiệp công đoàn 5 tỉnh Miền Đông về việc binh tuyển chiến sĩ thi đua ngành công nghiệp 1953-1954*, lưu tại phòng Khoa học-Công nghệ và Môi trường Quân khu 7, LS 176/54.
169. Liên hiệp công đoàn phân liên khu Miền Đông (1954), *Chỉ thị số 1/CĐPLK-54 của Liên hiệp công đoàn phân liên khu Miền Đông kiêm Công đoàn cao su Miền Đông về việc chấn chỉnh củng cố công đoàn cơ sở*, tài liệu đánh máy 5 trang lưu tại phòng Khoa học-Công nghệ và Môi trường Quân khu 7, LS 177/54.
170. Liên Hiệp công đoàn cao su Nam Bộ (1948), *Chỉ thị về phát triển Đảng 17-12-1948*, lưu tại Phòng nghiên cứu lịch sử Đảng-Ban Tuyên giáo tỉnh Ủy Bình Dương, TL.03/48.
171. Liên hiệp công đoàn cao su Nam Bộ (1948), *Công tác và kế hoạch phá hoại cao su trong năm 1948*, lưu tại Phòng Khoa học-Công nghệ và Môi trường Quân khu 7, LS 13/48.
172. Liên hiệp công đoàn Nam Bộ (1945), *Hiện tình lao động nam Bộ, Phòng Liên đoàn lao động Việt Nam*, lưu tại Phòng Khoa học-Công nghệ và Môi trường Quân khu 7, LS.45/50.
173. Liên đoàn cao su Nam Bộ (1948), *Thành tích kháng chiến của Liên đoàn cao su Nam Bộ (từ 1945 đến 1948)*, tài liệu đánh máy 9 trang lưu tại Phòng Khoa học-Công nghệ và Môi trường Quân khu 7. LS.48.
174. Liên đoàn cao su Nam Bộ (1948), *Thành tích đấu tranh của công nhân cao su Nam Bộ từ 1945 đến 1948*, lưu tại Phòng Khoa học-Công nghệ và Môi trường Quân khu 7. LS.48.
175. Liên đoàn cao su Nam Bộ (1946), *Thành tích đấu tranh của công nhân cao su và tình hình công nhân Nam Bộ 1946*, lưu tại Phòng Khoa học-Công nghệ và Môi trường Quân khu 7. LS.46
176. Liên đoàn cao su Nam Bộ (1949), *Thành tích đấu tranh của công nhân cao su và tình hình công nhân Nam Bộ từ 1945 đến 1949*, lưu tại Ban sử Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Tài liệu BS-03, tr.25.
177. Liên đoàn cao su Nam Bộ (1947), *Thành tích tham gia kháng chiến của công nhân cao su miền Đông Nam Bộ*, lưu tại Phòng Khoa học-Công nghệ và Môi trường Quân khu 7, Tài liệu LS 119.

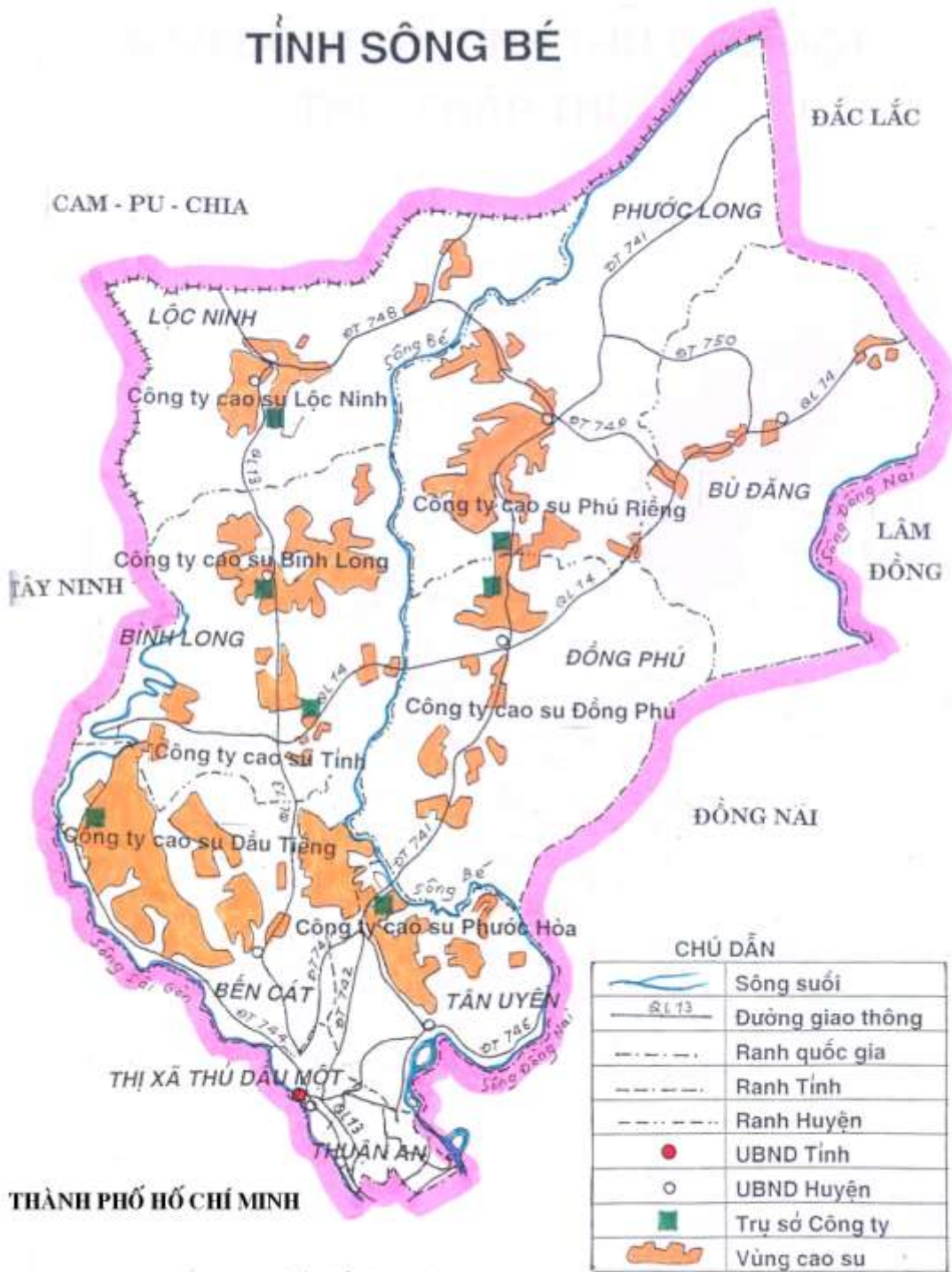
178. Liên hiệp công đoàn Nam Bộ (1954), *Hiện tình lao động nam Bộ, Phòng Liên đoàn lao động Việt Nam*, lưu tại Phòng Khoa học-Công nghệ và Môi trường Quân khu 7, LS.55/54.
179. Liên hiệp công đoàn Nam Bộ (1950), *Thống kê thành tích tranh đấu trong vùng địch của Liên hiệp công đoàn Nam Bộ từ 23/9/45 đến tháng 6/1950*, lưu tại Phòng Khoa học-Công nghệ và Môi trường Quân khu 7. LS.50.
180. Liên hiệp công đoàn Nam Bộ (1959), *Thông tư số 45 của Liên hiệp công đoàn Nam Bộ gửi Liên hiệp công đoàn thành, tỉnh và các Liên đoàn cao su*, Phòng Khoa học-Công nghệ và Môi trường Quân khu 7, LS. 49.
181. Liên Hiệp Công Đoàn Nam Bộ (1952), *Báo cáo chung niên năm 1952 của gửi Phân liên khu ủy Miền Đông*, lưu tại Phòng Khoa học-Công nghệ và Môi trường Quân khu 7. LS.52.
182. Liên Hiệp Công Đoàn Nam Bộ (1948), *Báo cáo công tác phá hoại cao su địch và tình hình cao su ở Nam Bộ năm 1948 của Liên Hiệp Công Đoàn Nam Bộ*, lưu tại Phòng Khoa học-Công nghệ & Môi trường Quân khu 7. LS.48
183. Phòng Tổng kết-Nghiên cứu của Bộ Tham mưu Miền (1972), *Nghị quyết đánh bại chính sách bình định lấn chiếm mới của Mỹ – Nguy tiến lên hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Thủ Dầu Một*, lưu tại Phòng Khoa học-Công nghệ và Môi trường Quân khu 7, TL. 7357/1.
184. Sở Tư Pháp Nam Bộ (1949), *Báo cáo chung niên năm 1949*, lưu tại Phòng nghiên cứu lịch sử Đảng-Ban Tuyên giáo tỉnh Ủy Bình Dương, Hồ sơ 1141, tờ 24-43.
185. *Số liệu thống kê Viện kinh tế Sài Gòn 1966*, Trung tâm lưu trữ Quốc Gia II tại TP .HCM, Mục lục 1342. HS.30/66.
186. *Tỉnh Thủ Dầu Một, tài liệu lưu trữ của Trung Ương Đảng*, đánh máy 17 trang, lưu tại Phòng Khoa học-Công nghệ và Môi trường Quân khu 7, TL. 20527.197
187. *Tạp chí Chấn hưng kinh tế và Thống kê của Viện kinh tế Sài Gòn*, Sài Gòn 1968.
188. *Trận tiêu diệt đồn Hoà Mỹ thuộc quận Châu Thành tỉnh Thủ Dầu Một của C73 đêm 21-06-1973*, lưu tại Phòng Khoa học-Công nghệ và Môi trường Quân khu 7, TL.885.
189. Thường vụ Khu uỷ miền Đông (1974), *Báo cáo của Thường vụ Khu uỷ miền Đông năm 1974*, lưu tại phòng lịch sử Đảng, Ban Tuyên Giáo tỉnh Đồng Nai, HS 08/74.
190. Tiêu Như Thủy (1990), *Hồi ký về công tác xây dựng Đảng ở Thủ Dầu Một giai đoạn kháng chiến chống Pháp (1945-1954)*, lưu tại phòng nghiên cứu lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo tỉnh Ủy Bình Dương, TL. 30/45.

191. Trần Văn Lắc (1999), *Hồi ký về phong trào đấu tranh của công nhân cao su Dầu Tiếng, nguyên Ủy viên ban thường vụ Công Đoàn tỉnh Sông Bé*, lưu tại phòng nghiên cứu lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo tỉnh Ủy Bình Dương, TL. 37/ĐP.
192. Trần Văn Lắc (1997), *Đồn điền cao su Dầu Tiếng*, Tài liệu phòng lịch sử Quân khu 7, TL. 15744.
193. *Theo phúc trình của Thiếu tướng ngụy Trần Tử Oai, ngày 07-01-1962*, Tài liệu quốc sách ấp chiến lược của Nha chiến tranh tâm lý ngụy (tài liệu thu được của địch) lưu tại phòng Khoa học Công nghệ và Môi Trường Quân Khu 7, LS 62.
194. Ủy Ban kháng chiến hành chính Nam Bộ (1951), *Báo cáo cuối năm 1951*, lưu tại Phòng nghiên cứu lịch sử Đảng-Ban Tuyên giáo tỉnh Ủy Bình Dương, tờ 19-54.
195. Ủy Ban kháng chiến hành chính Nam Bộ (1953), *Báo cáo của Phân liên khu miền Đông về tình hình chung của địch và ta năm 1953 ở liên khu. Âm mưu của địch, nhiệm vụ của ta 1954*, lưu tại Phòng Khoa học-Công nghệ và Môi trường Quân khu 7. LS.54.
196. Ủy Ban kháng chiến hành chính Nam Bộ (1952), *Báo cáo của ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ nhận định về ta mọi mặt năm 1952 và nhiệm vụ của năm 1953*, lưu tại Phòng nghiên cứu lịch sử Đảng-Ban Tuyên giáo tỉnh Ủy Bình Dương, TL. 7/52.
197. Ủy ban kháng chiến hành chính Nam bộ (1949), *Báo cáo thành tích thi đua 1948-1949*, lưu tại Phòng nghiên cứu lịch sử Đảng-Ban Tuyên giáo tỉnh Ủy Bình Dương, Hồ sơ 2397, tờ 12-14.
198. Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ (1954), *Báo cáo thi đua phần quân sự từ 3.3_19.5.1954*, lưu tại Phòng nghiên cứu lịch sử Đảng-Ban Tuyên giáo tỉnh Ủy Bình Dương, TL. 7/54.
199. Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ (1948), *Báo cáo tình hình chung năm 1948 của UBND tỉnh Thủ Dầu Một*, lưu tại Phòng nghiên cứu lịch sử Đảng-Ban Tuyên giáo tỉnh Ủy Bình Dương, hồ sơ 1462.
200. Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ (1952), *Báo cáo tình hình Nam Bộ từ 10-01-1951 đến 20-02-1952*, lưu tại Phòng nghiên cứu lịch sử Đảng-Ban Tuyên giáo tỉnh Ủy Bình Dương, HS 72/52.
201. Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ (1952), *Báo cáo tình hình Nam Bộ từ 26-05-1952 đến 30-07-1952*, lưu tại Phòng nghiên cứu lịch sử Đảng-Ban Tuyên giáo tỉnh Ủy Bình Dương, HS 72/33.

202. Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ (1949), *Báo cáo tình hình quân sự khu 7 (25-08-1945 – 06-1949)*, lưu tại Phòng Khoa học - Công nghệ và Môi trường Quân khu 7, LS.68.
203. Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Thủ Dầu Một (1949), *Báo cáo tình hình tỉnh Thủ Dầu Một trong năm 1949* gửi Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ, lưu tại Phòng nghiên cứu lịch sử Đảng-Ban Tuyên giáo tỉnh Ủy Bình Dương, Hồ sơ 1463.
204. Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Thủ Dầu Một (1948), *Báo cáo về quốc dân thiếu số trong tỉnh Thủ Dầu Một của UBKCHC tỉnh Thủ Dầu Một năm 1948*, lưu tại Phòng nghiên cứu lịch sử Đảng-Ban Tuyên giáo tỉnh Ủy Bình Dương, Hồ sơ 597.
205. Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ (1954), *Phúc trình tình hình quốc dân thiếu số khu 7 tỉnh Thủ Dầu Một*, lưu tại phòng nghiên cứu lịch sử Đảng – Ban Tuyên giáo tỉnh Ủy Bình Dương, hồ sơ 597.
206. Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ (1975), *Quân giới Nam Bộ và Thủ Dầu Một*, lưu tại Phòng Khoa học-Công nghệ và Môi trường Quân khu 7, LS. 35.
207. Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ (1976), *Sự kiện giải phóng tỉnh Thủ Dầu Một trong tổng tiến công và nội dậy xuân 1975 (13/03-30/04/1975)*, lưu tại Ban Tuyên Giáo tỉnh Bình Dương, TL 5689/2.
208. Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Thủ biên (1954), *Tập quyết định, chỉ thị, thông tư, chương trình, kế hoạch năm 1954 của tỉnh Thủ Biên*, , Hồ sơ 1474, 72 tờ lưu tại phòng nghiên cứu lịch sử Đảng – Ban Tuyên giáo tỉnh Ủy Bình Dương.
209. Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ (1954), *Tăng lương cho công nhân đồn điền cao su*, lưu tại phòng nghiên cứu lịch sử Đảng – Ban Tuyên giáo tỉnh Ủy Bình Dương, hồ sơ số 3828.
210. Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ (1948), *Thành tích “cao su chiến” 1947 đến 4/1948*, tài liệu đáng máy 6 trang lưu tại Phòng Khoa học-Công nghệ và Môi trường Quân khu 7. LS.48.
211. Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ (1973), *Tiếp tế cho các đồn điền cao su Bình Long*, lưu tại phòng nghiên cứu lịch sử Đảng – Ban Tuyên giáo tỉnh Ủy Bình Dương, hồ sơ số 4996.
212. Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ (1950), *Đại đội cao su Thủ Dầu Một – Trực thuộc liên đoàn 301 – 310*, lưu tại Phòng Khoa học-Công nghệ và Môi trường Quân khu 7, LS. 48.

PHỤ LỤC

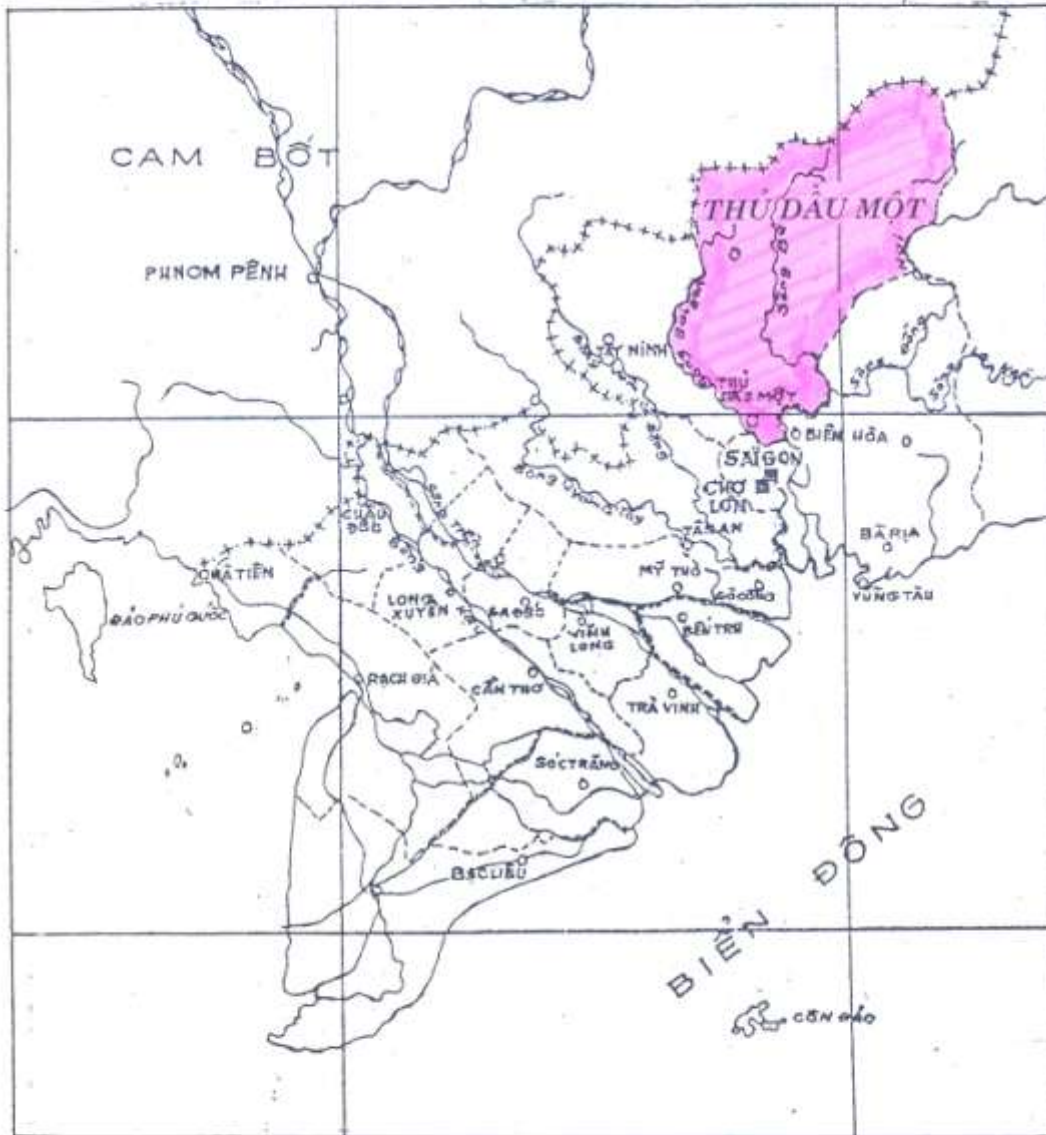
BẢN ĐỒ PHÂN BỐ VÙNG CAO SU TỈNH SÔNG BÈ



THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản đồ được vẽ dựa theo
TẬP BẢN ĐỒ TỰ NHIÊN KINH TẾ XÃ HỘI TỈNH SÔNG BÈ
 TỶ LỆ 1/500.000
 do Ban Khoa học kỹ thuật Tỉnh Sông Bè thực hiện năm 1993

BẢN ĐỒ VỊ TRÍ TỈNH THU DẦU MỘT THỜI PHÁP THUỘC



Bản đồ được vẽ theo sách
CHẾ ĐỘ CÔNG DIỆN CÔNG THỐ
TRONG LỊCH SỬ KHẢN HOANG LẬP ẮP Ở NAM KỲ LỤC TỈNH
Của Tác gia Nguyễn Đình Đầu

ĐOÀN KINH ĐÔNG
VIỆT NAM
LIÊN HIỆP CÔNG ĐOÀN
NAM-BỘ

VIỆT-NAM-DÂN-CHỦ-CỘNG-HÒA
ĐỘC-LẬP-TỰ-DO-HẠNH-PHÚC

C H I - T H I SO: 2/NB

Goi LIEN-DOAN CAO-SU cac TINH va CAO-MIEN

SO

CAI-TRINH SINH-HOAT CONG-NHAN CAO-SU.-

Vấn đề nâng cao đời sống của công nhân trong các xưởng, các đơn vị cao su cũng là một việc thuộc thể và cần thiết.

Ngoài nhiệm vụ chống phá hoại cao su địch, chúng ta cần nêu chủ ý về những điều kiện kinh tế mà công nhân đang bị giặc Pháp bóc lột thâm tệ và thiếu thốn về đủ mọi phương diện tại chiến trường cao su Đông.

Tiếp theo những cuộc đình công sôi nổi tại SAIGON-CHOLON, 217 công nhân cao su cao su AN-LON và XUAN-LON tại BIEN-HOA đã nổi dậy tranh đấu liên tiếp 2 ngày 14 và 30-4-49 được thăng-lời, từ 3\$50 và 1 lít gạo tăng 6\$50 và 1 lít gạo mỗi ngày.

Để nước ta phòng trào công nhân và chuẩn bị những điều kiện tranh đấu mạnh mẽ cho giai đoạn quyết liệt, chúng tôi chỉ thị cho các đồng chí phải lợi dụng ngay những cơ hội trên đây để khuyến khích và huy động cho được công nhân cao su Cao su Tỉnh BIEN-HOA, THUDAUMOT, BARIA, TAY-NINH tranh đấu đòi tăng lương với những kế hoạch nghiên cứu tỉ mỉ, khéo léo và sát với mỗi hoàn cảnh. Cho được kết quả một cách thực tế các cuộc đình công tranh đấu đình công phải bám vào vào gia sinh hoạt, tinh thần và tiền lương hiện tại của công nhân tại cao su.

Phải hiểu rằng vấn đề tranh đấu và kỹ thuật phá hoại là những loại khi nhân dân công nhân mặc dầu không cầm súng cũng có thể làm tê liệt bộ máy kinh tế và dưới giặc ra khỏi nước.

Chỉ chủ ý phá hoại kỹ nghệ, cao su v.v., của giặc mà không tranh đấu đòi thiên đời sống cho công nhân là một khuyết điểm lớn.

Chúng tôi tin rằng sau đây các đồng chí thảo luận và thi hành chỉ thị này để lãnh đạo công nhân tranh đấu bằng tất cả những hình thức công khai và hợp pháp.

G O I :

- L.H.C.D. 21 Tỉnh, Thành đề bứt.-

NAM-BỘ, ngày 22 tháng 6 năm 1949.
LIÊN-HIỆP CÔNG-ĐOÀN NAM-BỘ
T/M. Ban thương-vụ
Thư-ky :

LE-VAN-LUONG

Tài liệu lưu trữ tại Phòng khoa học công nghệ và môi trường Quân Khu 7

H I E U - T R I E U

CONG-NHAN CAO-SU CAO-MIEN BI GIAC-PHAP DAN AP DO MAU

- Hoi anh chi em lao-dong toan Nam-Bo !

- Hay cuc-luc tranh-dau chong hanh dong tan sat cua giac Phap !

Truoc gio sap chet, bon chu don-dien caosu va thuc-dan phan-dong Phap vo cung da-man, tan ac.

De chong moi su dan-ap, hoc-let vo nhan-dao cua giac Phap, tren 5.000 cong-nhan caosu Caomien da noi day tranh-dau quyet-liet. Nhieu cuoc bai-cong, bieu-tinh da no ra tu 10/4/50 den nay va dang tien dien khap noi khong kem phan anh-dung nhu cuoc bieu-tinh lich-su ngay 19/3/50 cua anh em cong-nhan, hoc anh va dong-bao Saigon-Cholon chong de-quoc My-Phap.

Nhung cuoc tranh-dau lien-tiep cua anh em cong-nhan caosu Dat-De Cao-Mien khong nhung chi co muc-dich doi cai-thien doi song lao-dong, no con lien ket chat-che voi phong-trào chien-dau cua toan the nhan dan Mien-Viet de gianh doc-lap tu-do cho ca 2 dan to c.

Dung truoc tinh-than tranh-dau cuong-quyet va dung-cam ay, bon chu no nhu t la ten trum thuc dan Lang-lois o Phap vua qua, da den gan 1.000 linh Phap Mien dan ap, ban giét va bat ba anh chi em cong-nhan.

Cuoc tan sat bang sung dan ngay 16-6-50 da giét chet 28 cong-nhan va 2 con-bo, 54 anh chi em khac bi trong thuong.

Mau anh chi em cong-nhan Mien-Viet da chay tren chien-truong cuo-su Cao-Mien cho quyen-loi chanh dang cua giai-cap lao-dong.

Cuoc tan sat de hau nay cung chung to them toi-ac cua thuc-dan Phap va lan tang long phan-uat cam thu cua giai-cap cong-nhan va doug-bio toan quoc.

- Hoi anh chi em lao-dong toan Nam-Bo !

Hay nhiet-lie t luong-ung ung-ho anh chi em cong-nhan caosu Cao-Mien bang da moi cach va hinh-thuc :

- Cong-nhan tien-tuyen phai giét nhieu giac hon,
- Cong-nhan B.C.X. phai san-xuat nhieu vo-khi hon,
- Cong-nhan vung dich chiem phai hoat-dong manh me hon, tranh-dau phan-hoi triet-de kinh-te dich.

Chung ta hay dung truyen-don, bieu-ngu, khau-hieu vach ro toi ac cua thuc-dan Phap, bieu dang tinh-than doan-ket, suc manh chien-dau cua giai-cap cong-nhan.

Chung ta hay lon tieng to-cae truoc du luan the-gioi dan-chu hinh-vi vo nhan-dao lu thuc-dan khac mau.

Cong-nhan va nhan dan toan quoc dang ron-rip thi-dua tien sap toi TTC

Gio chien thang sap den, giac Phap va bo-lu tay sai cua chung nhac danh phai tiec diét.

NAM-BO, ngày 11 tháng 7 năm 1950
LIEN-HIEP CONG-DOAN NAM-BO



L. H. 1953...
... quyết cử đại hội...
... Hội đồng...
... của Đ. C. T. Đảng và Chính phủ...
... kết thúc thành công...
... ngày 10/53...
... ngày 19-12-53...
... ngày 25-10-53...
... ngày 19-12-53...
... ngày 25-10-53...
... ngày 19-12-53...
... ngày 25-10-53...

T.Y. Cuộc tranh đấu của các anh em Cai Cao su số 7 thắng lợi.

Ngày 6-4-54 trong lúc đi làm anh em Cai được Xu cho biết chủ sẽ bắt các Cai vua coi dân vua cao 1 fan cây. Được tin đó anh em Cai trong tổ chức liên hợp các Cai lại đã cho biết tin này và thảo luận một đukien đề doife với Chu.

Sau khi bàn bạc kỹ càng anh em đồng ý là nhất định không cao nếu Chu bắt cao thì không làm Cai nữa. Anh em liên lạc một người Cai tốt nhất được Xep nên đề làm đaidien khi Chu hỏi.

Ngày 8-4-54 Chu cho gọi tất cả các Cai trong số lên bureau. Anh em biết thế nào Chu cũng nói về việc cao su, nên hỏi ý với nhau lần nữa là tại cương quyết 1 lòng 1 dạ với nhau, nếu anh nào nhận lời Chu thì bỏ về bỏ con mẹ đi. Nếu Chu có nói gì thì cứ việc trả lời như ý kiến đã thảo luận trong cuộc họp.

Lên đến bureau Chu kêu anh em lại giải thích đại ý là: hiện nay có người cao thiếu, số cây đủ nhiều, mà rớt cần dùng, nên Chu đang với các anh em vua làm Cai vua cao thêm 1 fan cây nữa, Chu sẽ trả thêm lương. Chu giải thích xong thì có 1 anh cai dùng lên nói: Ông chủ cho chúng tôi làm Cai, chúng tôi đang chưa làm xong bonfan, còn đề cho anh em cao làm, bỏ cây... này mà ông bị ông Xep là ray, cup ítt, nếu bây giờ chúng tôi vào thì cây nữa thì công việc của chúng tôi làm không tròn. Xin Ông Chủ coi lại, tất cả là cho chúng tôi đi cao khỏi làm Cai nữa. Anh này nói dứt lời thì một người đon nói thêm vào 1 câu đon theo ý kiến của Cai đaidien. Chu lại giải thích, anh em nhất định là không làm 2 việc vua Cai vua cao.

Chu giận dữ, đuổi anh em ra khỏi ban giay, rồi kêu tung người một giải thích, dù đó là nếu bang long cao, Chu sẽ lên lương gấp đôi, đôi song được khá hơn. Như vậy anh em sẽ có công với Hàng, tốt với Chu. Nhưng tất cả anh em đều trả lời như ý kiến nói này.

Kết quả: Chu sợ chịu, không thể bắt được các anh em Cai đi cao.

Nhận xét: Cuộc tranh đấu định liên quyền lợi của Xu nên Xu có giúp ý kiến trong việc doife với Chu, và cho biết trước.

- Anh em có sáng kiến là đưa vào sự ray là hàng ngày của Xu, Xep để viên có tư chí việc cao su.

- Cuộc tranh đấu được thông suốt tutuong tu đầu đến cuối nên được thắng lợi.

Ngày 23 tháng 5 năm 1954

T.M. BAN THÔNG VỤ

Ủy viên

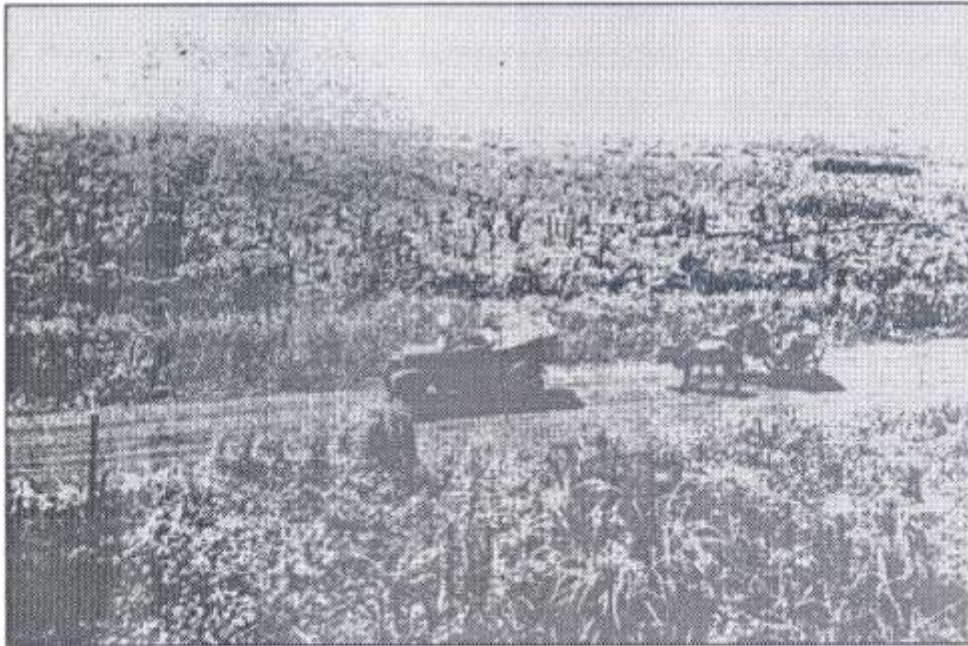


Nguyễn Văn Minh



1

- Phá rừng để lập đồn điền cao su tại Thủ Dầu Một đầu thế kỷ XX

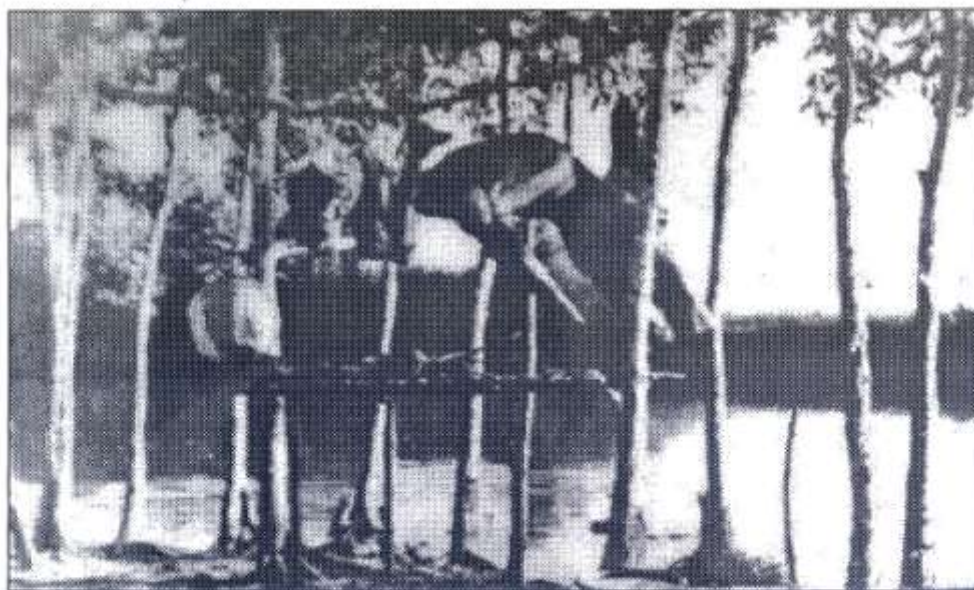


2

- Tư bản thực dân Pháp khai phá rừng để lập đồn điền cao su dọc hai bên quốc lộ 13 (năm 1924)

1,2 : Ảnh tư liệu - chụp tại Phòng truyền thống Công ty Cao su Dầu Tiếng

3



- Số phận những người công nhân cao su chống lại chủ Tây ở đồn điền trước năm 1930

4



- Công nhân cao su tham gia đấu tranh bị chủ đồn điền xiềng gông giam cầm.

3, 4 : Ảnh tư liệu Phòng truyền thống Công ty Cao su Dầu Tiếng.

5



6



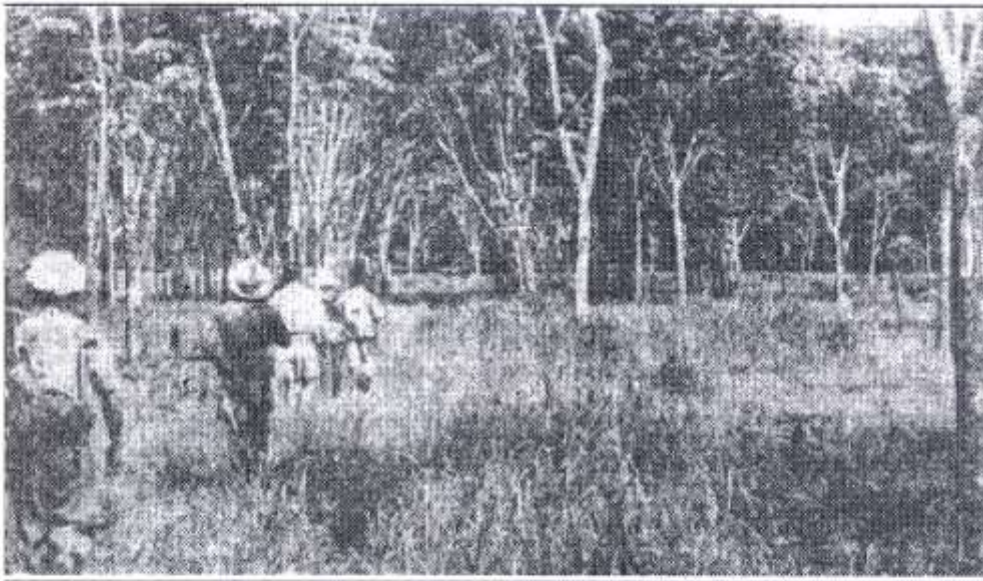
- *Thực dân Pháp trở lại tái chiếm đồn điền, chúng đã bắt bớ và chém giết hàng trăm công nhân cao su tham gia kháng chiến*

5, 6 : Ảnh tư liệu Phòng truyền thống Công ty Cao su Dầu Tiếng.



7

- Tư bản đồn điền phối hợp với thực dân Pháp tăng cường lực lượng quân sự để bảo vệ hoạt động sản xuất cao su



8

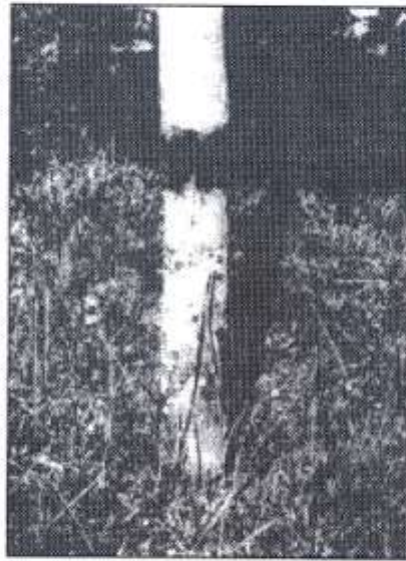
- Thực dân Pháp thường xuyên tổ chức các cuộc lùng sục, ruộng bố, đàn áp công nhân

7, 8 : Ảnh tư liệu trong sách “Lịch sử phong trào công nhân cao su Việt Nam (1906 - 1990)”, Nxb Trẻ, 1993, tr. 154.



9

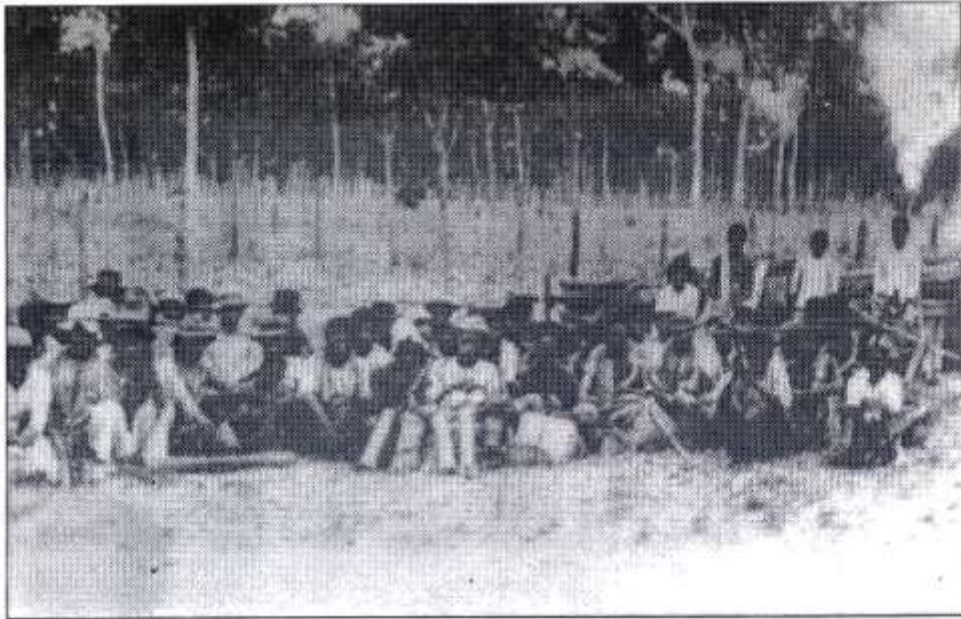
- Công nhân cao su Phú Riềng đấu tranh, năm 1930



10

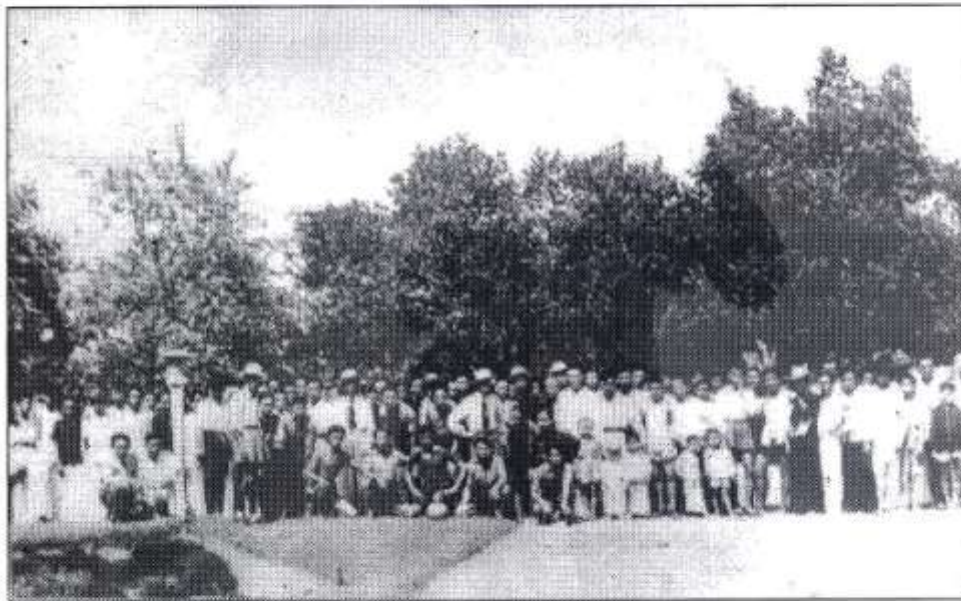
Cây cao su bị công nhân "phá hoại" vạc cổ, chặt tiện xung quanh thân cây

9, 10 : Ảnh tư liệu Phòng truyền thống Công ty Cao su Dầu Tiếng.



11

- Hàng loạt nông dân Bắc, Trung kỳ trở thành công nhân contract cho các đồn điền cao su Pháp



12

- Công nhân cao su làng 14 – Dầu Tiếng năm 1952

11, 12 : Ảnh tư liệu Phòng truyền thống Công ty Cao su Dầu Tiếng.



13

- Du kích đồn điền Michelin Dầu Tiếng đi kháng chiến



14

Trong căn cứ kháng chiến

13, 14 : Ảnh tư liệu Phòng truyền thống Công ty Cao su Dầu Tiếng.

PLANTATION MICHELIN DE DAUTIENG (Thudômôt)

CARTE DE CIRCULATION N° 31
(valable seulement à l'intérieur de la Plantation)

Nom et prénom *Dương Thị Lương* 010/0655
 Emploi *Cocher diverse*
 Née en *1937* à *Binh Long*
 Canton de *Sinh Thuan*
 Province de *Chuômôn*
 Filles de *Chuyên* et de *...*
 Pièce d'identité N° _____
 Délivrée le _____ à _____
 Famille _____

PLANTATION MICHELIN DE DAUTIENG

Signes particuliers _____

EMPREINTES

DAUTIENG, le *12/10/1952*
 Le Chef du Service Personnel,
[Signature]

Pouce droit | Index droit

15 Au verso : case pour visas étrangers.

PLANTATION MICHELIN DE DAUTIENG (Thudômôt)

CARTE DE CIRCULATION N° 1710
(valable seulement à l'intérieur de la Plantation)

Nom et prénom *Le Văn Phương* 12
 Emploi *ouvrier*
 Né en *1910* à *Hố Nai*
 Canton de *...*
 Province de *Chuômôn*
 Filles de *...*
 Pièce d'identité N° *...*
 Délivrée le *1/5/52* à *Thudômôt*

PLANTATION MICHELIN DE DAUTIENG

Signes particuliers _____

EMPREINTES

DAUTIENG, le *12/10/1952*
 Le Chef du Service Personnel,
[Signature]

Pouce droit | Index droit

16

- Thẻ contrat

15, 16 : Ảnh tư liệu tại Phòng truyền thống Công ty cao su Dầu Tiếng.



17

Đồng bào dân tộc ở Bù Gia Mập đi dân công hỏa tuyến Năm 1968.



18

Đội xe thô nữ của tỉnh đội Bình Long, đơn vị được tuyên dương tại Đại hội thi đua Khu 10 (1967-1968)

17, 18 : Ảnh tư liệu Ban tuyên giáo tỉnh Bình Phước.

19



“Công binh xưởng” của một xã sản xuất mìn từ thuốc pháo lép và vỏ lon đồ hộp của Mỹ năm 1969.

20



Các nữ pháo thủ dân tộc Xiêng ở đội cối C.568 huyện Phước Long trên đường hành quân (1969)

19, 20 : Ảnh tư liệu lưu tại VP công đoàn Công ty cao su Bình Long.

21



Chiến dịch Nguyễn Huệ mở màn thời kỳ tiến công chiến lược (1972).
Lần đầu tiên xe tăng của quân giải phóng xuất hiện trong trận
chiếm lĩnh sân bay Tân Nhích (Bình Long)

22



Nữ công nhân cao su Hớn Quả “thề quyết tử
cho Tổ quốc quyết sinh”

21, 22 : Ảnh tư liệu lưu tại VP công đoàn Công ty cao su Bình Long.

23



Nữ công nhân cao su Dầu Tiếng mít tinh mừng thắng lợi về Hiệp định Pari-năm 1973

24



Nhân dân Lộc Ninh và vùng lân cận hân hoan đón tiếp những người chiến thắng từ nhà tù Mỹ ngục trở về năm 1973

23, 24 : Ảnh tư liệu lưu tại Ban tuyên giáo tỉnh Bình Phước.



25

Hội nghị Khu ủy miền Đông thông qua kế hoạch mùa khô 1974-1975



26

Quân ta nổ súng tiêu diệt chi khu quân sự Đồng Xoài (26-12-1974) yết hầu của Mỹ, nguy ở miền Đông Nam Bộ.

25, 26 : Ảnh tư liệu lưu tại Ban tuyên giáo tỉnh Bình Phước.



27

Đồng bào ấp Gò Đông (Bù Đăng) phá ấp chiến lược
Tháng 1-1975



28

Bộ chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh họp tại rừng Tà Thiết (Lộc Ninh)
Năm 1975

27, 28 : Ảnh tư liệu lưu tại Ban tuyên giáo tỉnh Bình Phước.

29



Đội nữ pháo binh quận Châu Thành tỉnh Thủ Dầu Một

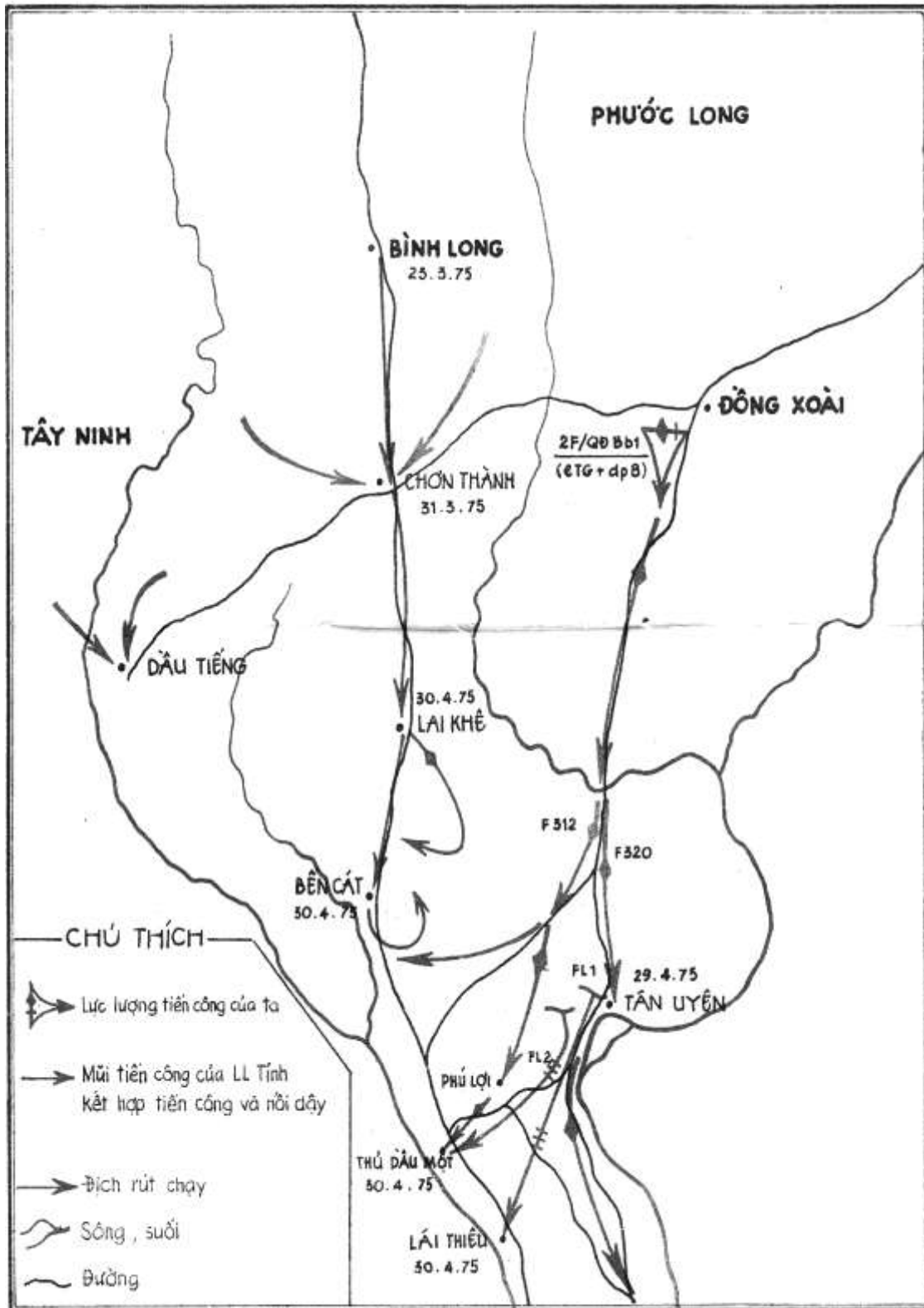
30



Nam nữ du kích xã Đắc Ố đang tuần tra bảo vệ căn cứ

29, 30 : Ảnh tư liệu Ban tuyên giáo tỉnh Bình Phước.

TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY MÙA XUÂN 1975
CỦA QUÂN VÀ DÂN TỈNH SÔNG BÉ

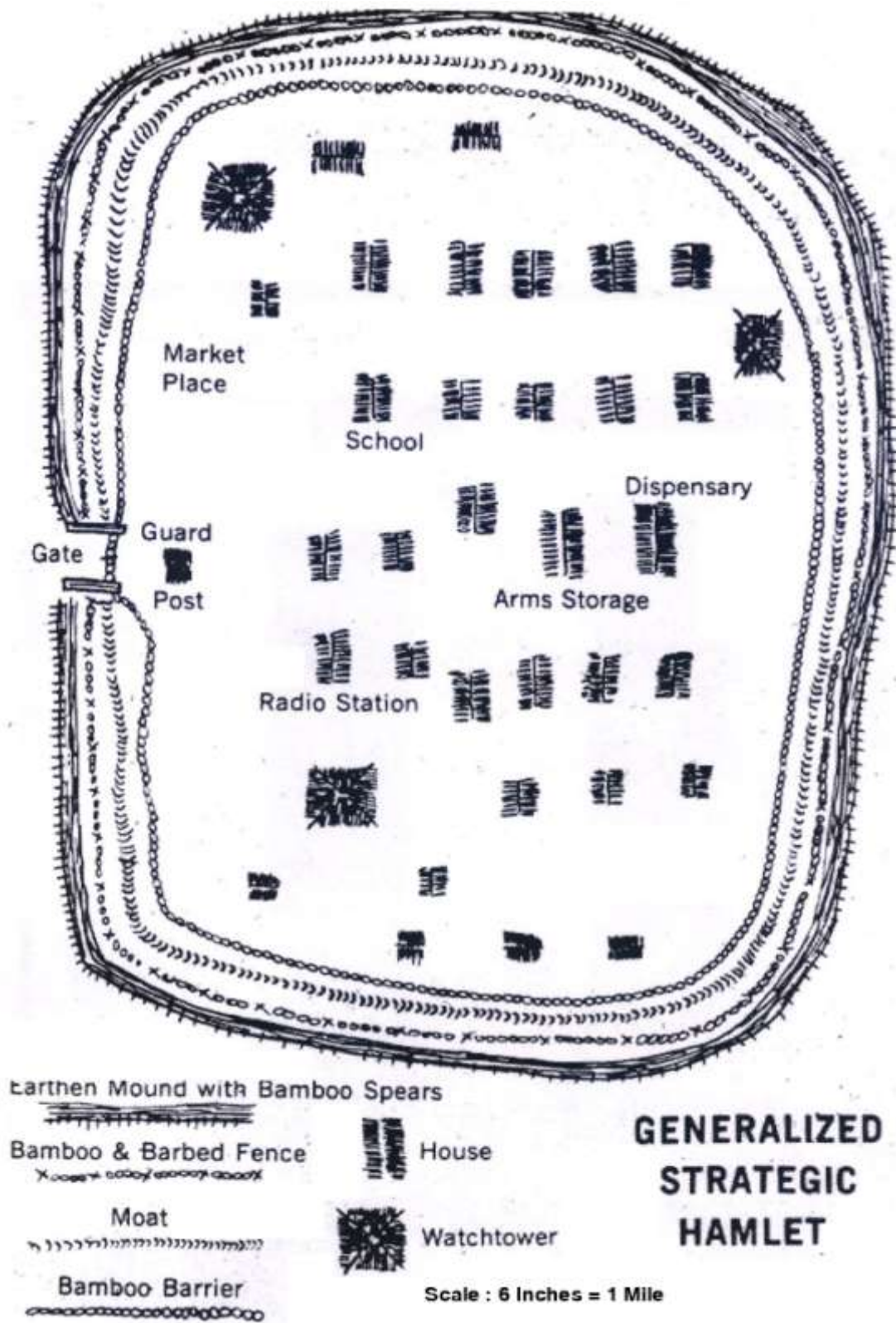


Nguồn : Ban tuyên giáo tỉnh Bình Dương.



Quân viễn chinh lùng sục các đồn điền cao su Thủ Dầu Một

Nguồn : <http://www.diggerhistory.info/images/rar/rubber-1rar.jpg>



Sơ đồ ấp chiến lược năm 1963 ở miền Nam Việt Nam

Nguồn : <http://history.sandiego.edu/gen/USPics2/73817.jpg>



Nguồn : <http://www.diggerhistory.info/images/rar/longtan-weapons.jpg>



Quân viễn chinh ruồng bỏ các đồn điền cao su

Nguồn : <http://www.larryray.com/images/namtitle.jpg>

Nhân dân thế giới mừng Việt Nam chiến thắng năm 1975



Tưởng nhớ đồng đội của cựu chiến binh Mỹ về cuộc ở chiến Việt Nam

Nguồn : <http://www.vietnamwar.com/memorywall.jpg>